

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

CHI PHÁI
CAO ĐÀI

Ấn Bản Ngày: 15-06-2009
Nữ Soạn-giả
NGUYỄN-THỦY

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị thay đổi, sửa chữa những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi email vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **NỮ SOẠN-GIẢ NGUYÊN-THỦY, BAN PHỤ TRÁCH KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 27/11/2011

Tâm Nguyên

CHI PHÁI CAO ĐÀI

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	11
CHƯƠNG I.....	21
A. CHI PHÁI	21
1- Lý do nào có Chi phái?.....	22
2- Tiên tri sự phân chia Chi phái	24
3- Thấy đau lòng mà nhìn sự rạn nứt ra Chi phái:.....	25
4- Một số các Chi phái hồi đó dùng cường quyền mà đoạt-vị.....	35
5- Hậu quả việc phân chia Chi phái	38
a. Những hậu quả tai hại.....	38
b. Trong cái dở cũng có ẩn tàng cái hay gương ép.....	39
6- Đạo Trời tồn tại đến thất ức niên.....	39
B. CÁC CHI PHÁI ĐẦU TIÊN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI.....	41
1- Histoire et Philosophie du Caodaïsme của Gabriel Gobron	43
2- Các Chi phái trong Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ theo tài liệu ông Huệ Lương.....	45
3- Các Chi phái còn lại là:	46
C. SÁU CHI PHÁI SAU NÀY.....	49
1. Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt	49
2. Hội Thánh Tam Quan (Phái Chơn lý Cầu Kho).....	50
3. Thiên Khai Huỳnh Đạo.....	51
4. Cao Thượng Bửu Tòa.....	52
5. Nữ Chung Hòa	52
6. Trung Hòa Học Phái	53
D. CÁC NHÓM NHỎ KHÔNG ĐÁNG KỂ LÀ CHI PHÁI	53
1. Tịch Cốc (hay Tuyệt Cốc).....	53
2. Ông Cao Triều Phát, phái Minh Chơn Đạo.....	59
3. Ông Huệ Lương Trần Văn Quế	63

4. Thông Thiên Đài.....	65
5. Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản.....	66
6. Tây Tông Vô Cực Cung	66
7. Tòa Thánh Nhị Giang	67
8. Tòa Thánh Tiền Giang	67
E. NHÓM ĐẶC BIỆT: CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ CAO ĐÀI GIÁO VIỆT NAM	68
F. VẤN ĐỀ QUI HIỆP CÁC CHI PHÁI CAO ĐÀI:	72
I. Các phong trào thống nhất Chi phái:	73
II. Mục sư Tin lành Olliver nhận định	75
G. TẠI SAO CÁC CHI PHÁI KHÔNG THỐNG NHẤT ĐƯỢC?.....	76
CHƯƠNG II.....	79
TIỂU SỬ CÁC VỊ LÃNH ĐẠO CHI PHÁI CAO-ĐÀI	79
01- Thái Chương Pháp: Hòa Thượng Như Nhãn (1864-1939) bỏ Đạo.	79
a- Như Nhãn đòi Chùa nên toàn Đạo phải tìm mua đất làm Đền-Thánh:.....	83
b- Đức Hộ-Pháp nói về việc mượn chùa Từ Lâm của Hoà Thượng Giác Hải	86
02- Ông Ngô Văn Chiêu (1878-1932).....	88
1. Bên lề cuộc sống của Ngài Ngô văn Chiêu:.....	88
2- Tiểu sử Ngài Ngô Văn Chiêu:.....	90
3- Quá trình Ngài Chiêu ngộ Đạo Cao Đài:.....	92
4. Thời kỳ làm việc ở Sài Gòn:	99
5. Đức Chí Tôn lập thêm một nhóm Phò cơ khác:.....	100
6. Sự hợp tác giữa hai nhóm:	101
7. Đức Chí Tôn dự bị phong Ngài Ngô Văn Chiêu vào chức Giáo-Tông:.....	103
8. Ngài Ngô Văn Chiêu tách riêng lập Chi phái:	110

9. Ông Ngô văn Chiêu Lập Cơ Tuyển Độ Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi:.....	110
10. Những cuộc du lịch sau cùng của cuộc đời:.....	111
11. Liều đạo trên sông Cửu Long Tiền Giang:	112
12. Đám tang Ngài Ngô Minh Chiêu:	114
03- Ông Vương Quan Kỳ (1880-1940).....	119
04- Đầu-Sư phái Thái: Hòa Thượng Thiện Minh, Thánh danh là Thái Minh Tinh.....	124
05- Ông Phối Sư Thái Ca Thanh (lập Minh Chơn Lý)	125
06- Phái Tiên Thiên: Giáo Hữu Ngọc Chính Thanh.....	138
07- Phái Minh Chơn Đạo	145
08- Hai vị Quyền Đầu-Sư tách ra lập Chi Phái Bên Tre... ..	146
CHƯƠNG III.....	185
A- KẾT QUẢ VỀ HÀNH ĐỘNG CỦA CHI PHÁI: NĂM BỨC THƯ	185
Bức thư số 1: Ông Thượng Tương Thanh gởi cho Thái Ca Thanh	189
Bức thư số 2: Ông Ngọc-Trang-Thanh gởi các Hộ Đạo để cáo cảnh giác Thái-Ca-Thanh.	194
Bài thơ số 3: Ông Lê-Thế Vĩnh gởi Chúc-sắc và bốn Đạo nói về Lê-Bá-Trang	196
Bức thư số 4: Thượng-Tương-Thanh gởi thơ cho Đức Hộ-Pháp	198
Bức thư số 5: Của Đức Hộ-Pháp phúc đáp Thượng Tương Thanh	200
B- TỜ VI BẰNG BUỔI HỌP ĐẠI HỘI VẠN LINH	205
CHƯƠNG IV	251
LỬA THỦ VÀNG GIÀN NAN THỦ ĐẠO.....	251
Đại công của Đức Hộ-Pháp đối với Đạo Cao Đài	253
Tinh thần tích cực của Đức cao Thượng-Phẩm.....	254

<i>Một đức hy sinh vô bờ bến của Đức Quyền Giáo-Tông Lê Văn Trung</i>	262
LỜI THÁNH GIÁO NÓI VỀ CHI PHÁI	269
KẾT LUẬN	281

ĐỨC QUYỀN GIÁO-TÔNG LÊ VĂN TRUNG
TOÀ THÁNH TÂY NINH



LỜI NÓI ĐẦU

Đức Chí-Tôn đến trong thời kỳ cùng cuối này là có duyên cớ; Đức Hộ-Pháp đã nói rằng:

“Chí Tôn biết rõ loài người tiến hóa tột bậc mà tự đắc tự tôn, chỉ biết lo cho xác thịt mà thôi, không chuyên lo cho đệ nhị xác thân và tinh thần, nên Chí Tôn đến khai Đạo là cố ý giáo hóa cho loài người biết rõ câu tội phước, giới luyện cho con người tận thiện đến hiệp cùng Ngài. Nếu chúng ta biết được vậy thì toàn thể thế giới này những điều tinh ma quỷ quái sẽ tiêu diệt, thần tử không hề đến ta được.

Nếu ta thấy được cõi Hư Linh kia, cái tình của vạn loại bị giết chóc một cách tàn nhẫn, bởi loài người kết oán thù thâm với nó, chực chờ thù ghét, vì vậy mà có vay trả luân hồi mãi mãi đọa đày, bất năng thoát tục.

Mong sao chúng ta từ đây phải biết trọng lấy lẽ ấy mà luyện đệ nhị xác thân cho đủ đầy sự tinh khiết, là phải thương loài vật, phải thương tất cả để chấm dứt cái oan nghiệt ấy mà truyền bá cái hườn thuốc linh đơn này là đạo đức của Chí Tôn, để cứu vớt quần sanh thoát vòng đọa lạc hoàn toàn.

Cả thế gian này biết được vậy thì chắc chắn không còn cảnh thảm khổ này tái diễn lại nữa. Loài người do một nguyên căn mà thôi, bởi do tâm lý và tập quán của các nước, của các sắc dân, vì cái khác ấy mà chia phối nhau, nghịch lẫn nhau, thù địch nhau, mà tranh tranh đấu đấu không ngừng.

Vậy Thánh Ý của Chí Tôn khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tam Giáo Qui Nguyên Ngũ Chi Phục Nhứt là muốn dung hòa tâm lý toàn cả con cái của Người để cứu vãn trọn 92 ức nguyên nhân, vì thế mà phải bị sa đọa nơi

đây. Chí Tôn đã đại từ đại bi chỉ rõ căn nguyên và ban ơn cho ta, dạy dỗ cho ta để đạt ngôi vị là phải trau luyện cho Tinh hiệp với Khí, Tinh Khí hườn Thần là cơ huyền bí để mà đắc Đạo vậy”.

(Lời ĐHP:15-2 Đnh Hội (dl 07-3-1947)

Như vậy thì không vì một lý do gì mà nói rằng sự chia phe phân phái là do Thánh ý của Chí-Tôn, rồi bày ra cho đủ con số 12 nói đây là ý Thấy, mà nguyên ý chính là:

“Thấy phải buộc các con hiệp chung trí mà lo vào đó, nghe à!

“Từ đây các con sẽ cực nhọc hơn, vì Thấy phân phát phận sự cho mỗi đứa, vì chẳng vậy các con sanh nạnh nhau, tựa hồ chia phe, phân phái là điều đại tội trước mắt Thấy vậy, nghe à!”.

Ta hãy nghe Đức Hộ-Pháp thuyết tại Đền Thánh về Chi phái, đêm 1 tháng 7 năm Kỷ Sửu (1949) rằng:

... **“Bản Đạo thuyết về Tòa Thánh đối với Chi Phái Đạo và các Đẳng Phái Đồi.**

“Chúng ta đã đến giai đoạn phải ra gánh vác đảm nhiệm trọng trách dựng nâng đời, dựng dựng hòa các Tôn giáo, đảm nhiệm ấy không dễ gì làm, nếu tinh thần chúng ta không quyết đoán định phận mình cho quả quyết.

Vả chẳng, Tòa Thánh là nơi Thánh Thể Đức Chí Tôn cầm quyền Đạo Giáo. Về mặt Đạo giá trị của nó thiên hạ định định là do nơi hành tàng của toàn thể con cái Đức Chí Tôn, tức toàn Thánh Thể của Ngài vậy.

Bản Đạo còn nhớ lại buổi mới mở Đạo tại Tây Ninh này, về một lời quả quyết của Đức Chí Tôn, đã hứa với chúng sanh, Ngài quyết hẳn rằng: **Chi chi cũng tại Tây**

Ninh này mà thôi, bất kỳ dấu Thế pháp hay là Bí pháp, dấu cả hình trạng Đạo Giáo hay tướng diện của nền

Tôn Giáo của Ngài xuất hiện đều do nơi này mà thôi.

Buổi ấy ai cũng phân vân, Bản Đạo cũng vậy, mà chắc con cái Đức Chí Tôn cũng như Bản Đạo. Buổi nọ nền chơn truyền của Chí-Tôn chưa ra thiết tướng, bởi xuất hiện nhằm thời buổi đó khó mà định hình thể được, là vì quyền đời đương cường liệt ép bức, về quyền Đạo các nền Tôn Giáo đương thời đủ năng lực, đủ oai quyền có thể diệt tiêu nó dạng mà chớ. Lại nữa cả con cái Ngài buổi nọ không bao nhiêu, Đạo mới mở ra nên còn thiếu số, phần nhiều là những kẻ thường như nghèo khó. Mấy tay cầm giềng mối Đạo buổi ban sơ cũng bơ vơ không biết lập phận mình, chính Bản Đạo buổi nọ khi nghe Đức Chí Tôn nói “chi chi cũng tại Tòa Thánh Tây Ninh này mà thôi”. Ngó lại thấy hiện tượng của Đạo nghèo đến nước không phương thể làm chùa để mượn Từ Lâm Tự của nhà Thiên tức của Hòa-Thượng Giác-Hải làm mới nửa chừng, họ muốn cho mượn đăng lợi dụng mình làm cho xong. Xuất của ra làm, chừng mở Đạo vừa xong quyền Đời quyền Đạo xúm lại đè nén muốn hạ nhục làm cho rẻ giá trị, đòi chùa lại, đuổi đi.

Thật vậy, họ đuổi đi, phải đi cấp thời, mua được đất Long Thành ngó lại toàn rừng già thú dữ đầy cạp beo đủ thú. Như thế ấy mà nói chi chi cũng tại Tòa Thánh Tây Ninh này mà thôi. Nếu buổi ấy ai đức tin không vững chắc còn có nước trốn mà đi. Một phần đã từ bỏ Đạo vì lẽ ấy, còn những người có đức tin một chút nói rằng ở coi, coi họ làm sao tương lai sẽ như thế nào? Nếu nên thì mình theo, bằng không nên thì đã đảo rồi bỏ đi. Như vậy mà vẫn còn một đám người nữa vì thương chúng sanh kính trọng con cái

Đức Chí Tôn đem đức tin để trọn vẹn nơi Ngài lo lắng cho tương lai của nhơn sanh, tự hỏi: nếu lời hứa của Đức Chí Tôn không thành tựu thì Đạo Cao Đài thành sao đáng, vì có, những kẻ ấy đem tất cả nhiệt huyết của mình dâng cứu dân, lời hứa của Đức Chí Tôn đem cả đức tin thực hiện cho thành tựu mong mỗi cứu tinh thế, thấy khổ nhơn loại mà hy sinh tạo nghiệp. Bản Đạo ngó lại hai mươi mấy năm rồi biết bao nhiêu sanh mạng về gởi rừng nầy, nơi nước độc bệnh chướng, nhìn lại Thánh Địa biết bao nhiêu mồ mã, biết bao xương máu.

Lớp nào còn sống thì làm nô lệ cho Đời dặng tạo nghiệp cho Đạo, hình trạng thành tướng ngày nay là do giọt máu, mồ hôi nước mắt của con cái Chí Tôn, tạo ra đó vậy. Vì có, buổi ban sơ Đạo hèn hạ bị ép bức hiếp đáp, đời kiếm thế ra trước luật hình nên mới có tấn tuồng Chi phái nổi lên đủ thứ hết, mấy người biết chi phái ấy là gì không?

– **Là những kẻ chạy non!** Bản Đạo muốn nói những kẻ đó, đã chạy, mình cầm lại sao dặng, chạy đi đâu thì chạy. Họ tạo ra Chi phái, họ nói quả quyết Ông Trời ở đây không phải ông Trời của họ. Họ nhứt định tạo ra một ông Trời riêng rồi sau đến mình phải chịu đóng cửa dặng cho thiên hạ quên thị nhục chuỗi mắng, đóng cửa dặng đào tạo những em út có tâm hồn nhần nại, ngày nay nghiệp Đạo ra thế nầy. Ngó lại 24 năm mấy em làm xong chuyện đó, nghiệp Đạo giờ phút nầy đã cao trọng rồi đó! Đã quá lần mực thiên hạ khi rẻ, dường như đã đến đài vinh quang. Đài vinh quang ấy tưởng lập ra vững chắc rồi không còn sợ ai nữa, chẳng những không sợ mà thôi mà có thể làm chủ của Đời và Đạo nữa.

Mấy em! Bản Đạo đứng trước giảng đài nầy thừa

lệnh Đức Chí Tôn, làm Anh cả mấy em để lời tâm huyết dặn rằng: Buổi mấy em bị áp bức, mấy em sợ, phải bảo vệ tức là phải tranh đấu, giờ phút nầy mấy em mạnh rồi, có đủ oai quyền, đủ năng lực nên bỏ phương pháp tranh đấu ấy đi, trải lớp từ bi ra dặng độ thế. Qua cho mấy em biết đại nghiệp của Đạo ngày nay đáng làm anh, làm chủ được thiên hạ, không cần tranh đấu nữa, lấy từ bi mà đối với Đảng Phái một lối hai lăm, ngày nay ăn năn trở lại.

Mấy em nhớ rằng Đền Thờ nầy là Đền Thờ chung của toàn con cái Đức Chí Tôn, không phải của riêng mấy em tuy hữu công đào tạo, nhưng không phải mấy em làm chủ, toàn con cái Đức Chí Tôn làm chủ. Người ta về đừng có bạc đãi khi rẻ méch lòng Đức Chí Tôn, trái ngược lại Nam cũng vậy, Nữ cũng vậy, lấy tình ái vô cực của Đức Chí Tôn, lấy hình ảnh Đại Từ Bi an ủi họ, nhường nơi ăn chỗ ở cho họ, dặng họ cứu vãn chúng sanh về phần hồn ấy là lời tâm huyết.

Qua cầu xin nơi mấy em đối với các Đảng Phái Quốc Sự Đạo của mấy em như cây cao mát mẻ, như nước suối trong veo tinh khiết, họ cũng muốn trú ngụ cho mát mẻ tâm hồn, họ đến nương bóng nơi mấy em dặng lập thanh danh của họ. Mấy em nên từ bi, bác ái, nâng đỡ họ, cả em út can đảm hy sinh mạng sống để bảo vệ tài lợi của họ không kể công. Họ đến nương Đạo với sự che chở của mấy em, mấy em cho họ nương, dặng cho họ lập thân danh, họ sẽ giúp lại mấy em tạo thời cải thế. Đừng có bạc bẽo với họ, nương dựa một ngày một bữa hay bao lâu, uống nước phải biết nhơn biết nghĩa cho họ hiểu.

Dầu Đế Vương chi nghiệp không giữ nhơn đạo thì không giá trị gì hết, biểu họ coi gương mấy em đối với họ thế nào thì Tòa Thánh đối với chúng sanh giờ nầy cũng thế,

giờ phút này họ hân hạnh, tinh thần nhân đạo ngày kia họ sẽ mưu ích lợi cho thân danh họ.”

Nhưng một khi đảng phái đã lập rồi, Chi phái đã chia ra hàng mấy trăm rồi, tức là loạn từ trong loạn ra rồi không lẽ không có phương pháp trị? Thật ra Đạo Nghị định thứ tám là chính yếu và khó-khăn nhất cho những ai đã bỏ Đạo Thầy ra lập Chi Phái rồi bây giờ muốn quay lại không dễ. Tuy nhiên chi phái về với tinh thần áo trắng!

Đạo Nghị Định thứ tám của Đức Lý Giáo-Tông là:

*“Những Chi phái nào do bởi Đại Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ làm gốc lập thành mà không do nơi mạng lệnh Hội-Thánh thì cả chúng sanh chẳng đặng nhìn nhận là của Chí-Tôn và phải định quyết là **Bàn Môn Tả Đạo**”.*

Quyển lực này đã thể hiện rõ khi Ông Hồ-Bảo Đạo năm Quyển Chương-Quản Hiệp Thiên-Đài có dâng sớ mật xin Đức Lý hủy bỏ Đạo Nghị-định thứ tám.

Đức Lý giải-thích là:

“Không thể hủy được, vì cái gì của Ngài và Hộ-Pháp ký là Thiên-diệu, nó phải tồn-tại đến Thất ức niên. Hơn nữa nó là lá bùa để trừ diệt chi-phái lỏng vào nội-bộ của Đạo.

Ngài nói Đạo Thiên-Chúa có một trăm mấy chục Chi-phái, Đức Giáo-Hoàng không biết làm sao mà thống nhất được.

Đạo Phật có hơn 300 Chi-phái cũng không một quyển-lực nào đem lại sự thống-nhất được làm một mối. Nếu hủy bỏ Đạo Nghị-định thứ tám, Đạo Cao-Đài bị Chi phái lỏng vào Hội-Thánh rồi làm sao đuổi nó ra? Nên nó là lá bùa trừ sự chia rẽ. Để họ tự-do lập phái rồi họ tự tiêu-tàn với thời-gian dài hay ngắn”.

Quả như lời Ngài đã tiên tri, rồi mọi việc cũng đã đến và cứ lần lượt đến như phần trình bày trong các chương kế tiếp. Trong các tài liệu nghiên cứu này hân hạnh được trích từ Tự điển của Hiền Tài Hồng, của Thanh Minh và mới đây được tài liệu viết tay của Lê Ngọc Minh và rất nhiều trong Tủ sách Cao Đài ở Hải ngoại.

Xin góp nhặt tài liệu gửi đến độc giả tập CHI PHÁI CAO-ĐÀI để làm quà tặng của tròn năm Mậu-Tý (2008)

Nữ Soạn giả

NGUYỄN THUY

CHI PHÁI

Lý do nào có Chi phái?

Tiên tri sự phân chia Chi phái

Thấy đau lòng về sự chia Chi phái

Một số Chi phái hồi đó dùng cường quyền mà đoạt vị

Hậu quả về Chi phái

Đạo Trời tồn tại đến thất ức niên

Các Chi phái đầu tiên của Cao-Đài

Histoire et Philosophie du Caodaiisme của G. Gobron

Huệ Lương Trần văn Quế

Các Chi phái còn lại

Sáu Chi phái sau này:

Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt

Hội Thánh Tam Quan: Phái Cầu Kkho

Thiên Khai Huỳnh Đạo

Cao Thượng Bửu Toà

Nữ Chung Hoà

Trung Hoà Học Phái

Các nhóm nhỏ không kể là Chi phái

Phái Tuyệt Cốc

Cao-Triều Phát: Phái Minh Chơn Đạo

Ông Huệ Lương Trần văn Quế

Thông Thiên Đài

Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản

Tây Tông Vô Cực Cung

Toà Thánh Nhị Giang

Toà Thánh Tiền Giang

Nhóm đặc biệt: Cao Đài Phổ thông Giáo lý

Vấn đề qui hiệp các Chi phái Cao-Đài

Các phong trào thống nhất Chi phái

Mục sư Tin lành Olliver nhận định

Tại sao không thống nhất Chi phái?

CHƯƠNG I

A. CHI PHÁI 支 派

A: The sects of Caodaism.

P: Les sectes du Caodaïsme.

Chi phái là những chi nhánh nhỏ do những Chức sắc gốc của Đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh tách riêng tự lập ra, không còn chịu hệ thống của Hội Thánh Tòa Thánh Tây-Ninh nữa. Đó mới gọi: Chi phái Cao-Đài.

Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn Thượng Đế lập nên, được chánh thức làm Lễ Khai Đạo vào ngày 15-10 Bính Dần (Đl 19-11-1926).

Nhớ lại trước đây còn là những ngày đi khai đàn thượng Tượng cho nhơn sanh thì tình anh em của các bậc tiền bối hết sức là khắn khít nhau trong nền Đại-Đạo. Nhưng kể từ khi Pháp Luật Đạo ra đời, nghĩa là sau khi Đức Chí Tôn ban cho Pháp Chánh Truyền và dạy lập Tân Luật để phân định quyền-hành cho các Chức-sắc để dễ bề làm việc, thì có sự rạn nứt dần. Tất nhiên khi chưa có phẩm cấp cao hạ thì tình huynh đệ có phần thân thiết nhau, nhưng khi đã có phẩm tước rồi thì vì quyền hành, lợi lộc, lớn nhỏ nên có chỗ bất đồng ý-kiến, dù là phẩm tước này do Đức Chí-Tôn ban tặng tùy theo quả vị Thiêng Liêng, nhưng vì tình ý riêng tư ấy mà bớt sự trọng nể nhau rồi tự ý tách rời nhau, mỗi người lập riêng phe phái và tự ban cho phẩm tước cao tốt theo như ước vọng của mình. Từ đó mới có Chia phe phân phái, rạn nứt tình cảm để sau cùng thì CHI PHÁI xuất hiện.

Sau đó, một số Chức sắc cao cấp của Đạo Cao Đài

không từng phục Hội-Thánh Tòa-Thánh Tây-Ninh, nên tách riêng ra, lập Cơ bút riêng, phong thưởng Chức sắc riêng, tạo thành những Chi phái của Đạo Cao Đài. Xem như mỗi mỗi có một ông Trời riêng để làm Chủ.

Từ năm 1928 đến năm 1934, có 5 Chi phái được lập ra có hoạt động đáng kể, nhưng vì muốn được con số 12 Chi phái, nên người ta kể thêm những nhóm nhỏ lẻ tẻ mà đúng ra không thể gọi là Chi phái (vì không có Hội Thánh)

Năm Chi phái có hoạt động đáng kể lúc đầu là:

- **Chiếu Minh (1927)**
- **Cầu Kho (1930)**
- **Minh Chơn Lý (1931)**
- **Tiên Thiên (1932)**
- **Ban Chính Đạo Bến Tre (1934).**

Rồi từ 5 Chi phái nảy lại nảy sanh nhiều Chi phái khác nữa, như: từ Minh Chơn Lý nảy ra Minh Chơn Đạo, từ Chi phái Chiếu Minh vô-vi nảy ra Chiếu Minh Đàn, Chiếu Minh Long Châu. Lần lượt chúng ta sẽ khảo sát kỹ về hình thức và sinh hoạt của các Chi phái Cao Đài này cùng tiểu sử của các vị cầm đầu các chi phái ấy.

1- Lý do nào có Chi phái?

Thật ra từ trước tới nay, người tín hữu Cao Đài muốn biết chính xác vì sao Đức Chí-Tôn đến lập nên mối Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ mục đích là Qui nguyên Tam giáo phục nhứt Ngũ chi rồi, tức nhiên Qui hiệp cả ba Tôn giáo lớn là Phật, Tiên, Thánh và thống hiệp các chi nhánh nhỏ lại, để tất cả nhìn về một Đấng Chúa tể càn khôn thế giới rồi. Trong khi đó thì chính những người gốc Cao-Đài,

đồng là huynh đệ tương thân tương ái, cùng hầu chung một đàn Cơ, nghe lời Chí-Tôn giáo hoá, bây giờ khi tạm đủ lông đủ cánh lại chủ trương lập Chi phái, rồi cứ đứng núp sau lưng các Đàn cơ riêng và biện minh trách móc; người không chủ trương thì hoang mang hoặc không dám bàn, sợ phạm thượng mang tội. Trước đây tôi cũng rất sợ tội khi nói ra. Nhưng khi thấy Hiền Tài Hồng và nhiều vị cũng bộc lộ ra rồi, vậy thì tôi xin bổ khuyết để cống hiến chữ độc giả quý mến gần xa những sự thật từ lâu dấu kín.

Người tín đồ thì chẳng hiểu bề trong, nên chỉ biết đi theo Chức sắc lãnh đạo ở địa phương mình. Hầu hết là họ có ý-nghĩ đơn giản: gần Thánh Thất nơi nào tu theo nơi ấy, đâu cũng vậy! Thành phần tín đồ trí thức hiểu biết thì khó chịu, tủi thẹn, rồi xa Đạo, hoặc rút về tu tại gia, không muốn tham gia vào việc Đạo hoặc đi qua Phật, Chúa...

Hội Thánh thì không muốn phơi bày việc không tốt của Hội-Thánh cho tín đồ biết vì sợ người ngoài biết được mà khinh rẻ cười chê và làm suy giảm tín ngưỡng, nên mong mỗi những Chức sắc lập Chi phái sớm hồi tâm: thương Thầy mến Đạo mà trở về cùng Hội Thánh, hoặc cầu nguyện có được sự hộ trì của các Đấng thiêng liêng để vấn đề được dàn xếp ổn thỏa êm đẹp trong tình huynh đệ..

Sự chia rẽ trầm trọng trong nội bộ của Đạo Cao Đài sau ngày Khai Đạo dẫn đến sự phân chia Đạo Cao Đài thành nhiều Chi phái, đã làm cho biết bao thế hệ Tín đồ Cao Đài có nhiệt tâm thương Thầy mến Đạo phải ngậm ngùi đau khổ, hổ thẹn; nhưng chúng ta không nên vì đó mà ém nhẹm đi, cần phải phơi bày ra để phân tích tìm hiểu, rút kinh nghiệm, để từ đây đến mãi về sau, không còn đi vào vết xe đã đổ trước nữa.

Phải hiểu rõ rằng: “Đạo Thầy chỉ có MỘT!”

Thật ra sau khi Đức Chí-Tôn lập ra Pháp Chánh Truyền và hoàn thành Tân Luật, chính là lúc xảy ra những việc tranh tụng, tất cả đều do từ gốc danh, lợi, quyền sinh ra mà thôi, nhỏ từ một nhà, rộng ra một nước, một thế giới tranh chấp nhau như thế, đến hậu quả là chia phe phân phái. Một bằng chứng là trận Thế chiến thứ nhất 1914-1918 nguyên nhân cũng không ngoài sự tranh chấp nhau về: Danh, lợi, quyền mà ra!

2- Tiên tri sự phân chia Chi phái

Lúc chưa chánh thức Khai Đạo, Đức Chí Tôn đã có cho bài thi tiên tri, có tính cách cảnh tỉnh, nhưng không ai để ý: TNHT: Ngày 20-2-1926.

“Bầu tòa thơ thời trở thêm hoa,

“Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.

“Chung hiệp ráng vun nền đạo đức,

“Bên lòng son sắt đến cùng Ta”.

Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ, sau các con sẽ hiểu.”

Lại nữa:

...“Nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phân nhiều Đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau; nên Thầy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt. Lại nữa, trước Thầy lại giao Chánh Giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh Giáo mà làm ra Phàm Giáo. Thầy lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhơn loại phải sa vào nơi tội lỗi, mạt kiếp chốn A Tỳ.

Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rỗi các con,

chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phàm nữa. Nhưng mà buộc phải lập Chánh Thế, có lớn nhỏ đặt dễ thế cho các con dúi dặt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo.

Vì vậy Thầy mới lập ra có một phẩm Giáo-Tông, nghĩa là anh cả, ba phẩm Đầu Sư, nghĩa là Giáo Hữu. Chẳng một ai dưới thế này còn đặt phép nói rằng thế quyền cho Thầy mà trị phần hồn của nhơn loại. Ai có đức hạnh lớn thì mới ngồi đặt địa vị của Thầy ban thưởng. Còn cả môn đệ, ai cũng như ai, không đặt gây phe, lập đảng; nhược kẻ nào phạm tội, thì Thầy trục xuất ra ngoài, cho khỏi điều rối loạn.”

Có người cho rằng sự phân phe chia phái là tiền định, nhưng chúng ta phải thấy rằng Thầy đã thấy trước tất cả muôn việc trong đời này: Có Dương tất có Âm, có Chánh tất có Tà, để nhơn sanh phải sáng suốt mà nhận định hai lẽ luôn mâu thuẫn nhau, đừng có lầm lạc mà phải chịu ngàn muôn năm chịu sa đoạ. Vì rằng:

Sự phân chia Chi phái cũng do nhơn dục nên mới đưa đến những hậu quả vô cùng tai hại cho nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn như ngày nay cứ từng bước diễn biến. Tuy nhiên khi viết về Chi phái, Soạn giả chỉ với một mục đích là nói lên những diễn tiến đã xảy ra như một màn kịch trên sân khấu hí trường, chứ chúng tôi không hề dám trách những bậc tiền bối, mà chỉ dám nói lên những tâm tình thổ thê với những bạn đồng hành trên bước đường học Đạo hẳn còn nhiều lỗi quanh co khúc khuỷu mà thôi.

3- Thầy đau lòng mà nhìn sự rạn nứt ra Chi phái:

Đức Chí Tôn rất đau đớn khi phải giảng cơ nói trong Thánh Ngôn ngày 23-3-Canh Ngọ (dl 21- 4-1930)

“Thầy phải sửa cải Thiên thơ để cho mỗi đứa được có ngày giờ và thế lực mà diu dắt nhau cho tròn phận sự, nhưng rốt lại, Tà quyền cũng lấn lướt chất Thánh, bước tục dần chơn phàm. Thấy rất đau lòng mà dòm thấy con cái lú xú bị lằm vào đường Tà quái.

Đứa thì mê tài, đứa thì ham cận sắc, đứa bị biếm vào lối lợi quyền, đứa bị xô vào nơi thất đức. Mỗi đứa mỗi nẻo, đều quăng sạch chất thiêng liêng, lằm lúi đứa tay theo mấy mươi động.

Hại nữa, các con bị nó tàng ẩn xô cho dang nhau, bứt nghiêng tình đoàn thể, chặt lìa dây liên lạc, giành xé cắn rứt nhau như kẻ khác nhà, gà riêng ổ, cho đừng có thế lực chi mà kinh chống với chúng nó, rồi rốt cuộc lại thì các con phải lằm lúi bị manh mún phân chia, sa vào hang sâu vực thẳm.

Thầy tưởng để cho các con lo liệu giành giật đương cự với chúng nó, nhưng **dòm Thiên thơ thì tám phần mười đã sa ngay vào chơn của Quỷ vương vầy đập, mà lại phần đông các con là bậc phẩm cao, chức trách trọng hậu.**

Tà đã thắng Chánh thì con (Thượng Trung Nhựt) làm thế nào đương cự cho kham. Con là đứa Thầy tin cậy hồi ban sơ, tuy bước đường cũng lằm lúc sai lằm nhưng nhờ các Đấng thiêng liêng thương mà chỉ dẫn, nên bước vừa trở tới kịp lúc trở ra.

Thương hại thay cho nhiều đứa khác, quyền chưa từng nắm, của chưa từng cầm, sắc chưa từng gần, lợi chưa từng thấy, bị lú quái tùy Thiên thơ, đem treo trước mắt mà phải lằm lúi bước đường, chơn linh quý hóa kia mắc lằm với xác phàm mà phải chịu muôn đời chìm đắm.

Đạo tuy cao, song nên biết sức Quỷ cũng chẳng hèn.

Nếu không ngăn ngừa dần lửa nóng trong tâm thì lửa Tam Muội của Quỷ vương đốt cháy”.

13 Mars 1926

“Thầy cho các con biết trước, đừng sau đừng trách rằng quyền hành Thầy không đủ mà kèm thúc trọn cả môn đệ... Các con đủ hiểu rằng: Phàm muôn việc chi cũng có thiệt và cũng có đối; nếu không có thiệt thì làm sao biết đặng đối; còn không có đối, làm sao phân biệt cho có thiệt... Cười...

Thầy nói cho các con hiểu rằng: Muốn xứng đáng làm Môn đệ Thầy là khổ hạnh lắm. Hễ càng thương bao nhiêu thì Thầy lại càng hành bấy nhiêu. Như đáng làm Môn đệ Thầy thì là Bạch Ngọc Kinh mới chịu rước; còn ngã thì cửa Địa Ngục lại mời. Thương thương, ghét ghét, ai thấu đáo vậy ôi!

Bởi vậy cho nên Thầy chẳng vì ghét mà không lời khuyên dụ; cũng chẳng vì thương mà không sai quỉ đồ dành. Thầy nói trước cho các con biết mà giữ mình, chung quanh các con, dầu xa, dầu gần, Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn với các con. Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cắn xé các con, song trước Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp; chúng nó chẳng hề thấy đặng, là đạo đức của các con.

Ấy vậy rần gìn giữ bộ thiết giáp ấy hoài cho tới ngày các con hội hiệp cùng Thầy”.

(Thánh Ngôn Sư Tập: 14-7-1932 (âl 11-6-Nhâm Thân)

Hôm nay:

“Thầy đến cùng các con chỉ trông cậy có một điều là làm phương nào cho các con đặng thiệt lòng thương yêu hòa thuận cùng nhau. Thầy đã hết lời khuyên dạy buổi đầu, lại để lời tiên tri dặn bảo, mà các con chẳng biết vâng lời, cứ

gây đoan những điều hờn giận, dối trá, gạt nhau, đòi phen lại dám mượn danh Thầy mà làm lợi khí.”

Điều quan trọng là Thầy đến lập Đạo nơi nước Việt Nam

Thầy dạy nơi Minh Lý Đàn tháng 6-Đinh Mão (Tháng 7 năm 1927)

“Cười... Ta mừng cho con đó, Trung.

Thầy có hội chư Tiên, Phật lại mà thương nghị về sự lập Đạo tại Đại Nam Việt quốc.

Các con khá nghe lời Thầy dạy, chớ khá nghịch lẫn nhau, phải đồng một lòng một dạ mà lo chấn hưng đạo đức. Tuy bây giờ phân chia nhiều nhánh, nhiều chi, chớ ngày sau cũng có một mà thôi.

Các con, dầu bên nào cũng thương nhau như con một nhà, chớ khá ganh gổ chê bai nhau.

Thầy xin lập Tiểu đàn này là Thầy biết con đến đó,

Trung. Con khá nhớ những lời Thầy đã dạy: Con phải nên trợ giúp Minh Lý cho nên việc, nghe há!

Có nhiều Đạo, cũng như cái nhà, phải có nhờ nào là cột cái, nào là cột con, đòn tay, kèo, rui. Rui là nhỏ, mỏng mảnh hơn hết, mà cũng phải nhờ nó. Tuy kể cho nhiều tên, chớ cất rồi thì có một chủ mà thôi.

Con Trung, nên về rán tập các đạo hữu của con cho có lễ phép. Đạo thành là nhờ Lễ.

Bên Minh Lý đây là Séminaire, là chỗ các thầy tu, ngày sau độ về phần linh hồn đó con.

Thôi Thầy về, chút nữa có Thái Ất giảng”. Thăng.

Chú Thích:

Trung: Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật.

Thương nghị: Cùng nhau bàn bạc để sắp đặt công việc.

Đại Nam: Tên cũ của nước Việt Nam.

Nhiều nhánh nhiều chi: Nhiều nhánh là chỉ Tam giáo: Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo. Nhiều chi là chỉ Ngũ chi Minh đạo hay Ngũ chi Đại Đạo. Ngũ chi Minh đạo gồm: Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý, Minh Thiện, Minh Tân. Ngũ chi Đại Đạo: Phật đạo, Tiên đạo, Thánh đạo, Thần đạo, Nhơn đạo.

Tuy bây giờ phân chia nhiều nhánh nhiều chi, chớ ngày sau cũng có một mà thôi: Đây là tôn chỉ của Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn lập ra là: Tam giáo qui nguyên Ngũ chi phục nhứt. Bây giờ thì các Đạo còn phân chia khác nhau, nhưng qua Hội Long Hoa rồi, các đạo đều gom về một mối là Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ.

Séminaire: Tu viện đào tạo các tu sĩ.

Minh Lý: Một chi trong Ngũ Chi Minh đạo, trụ sở chánh hiện nay đặt tại Tam Tông Miếu ở đường Cao Thắng, Sài Gòn. Thuở mới khai đạo, Đức Chí Tôn dạy Hội Thánh đến Tam Tông Miếu thỉnh các bài kinh: Niệm Hương, Khai Kinh, Kinh Sám Hối, Kinh Cầu Siêu, Kinh Tán Tụng Công Đức Thần, Thánh, Tiên, Phật về làm kinh tụng đọc trong Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ. Mười năm sau các Đấng mới giảng cho Kinh Tận độ, Chi phái tách ra sớm nên họ không có Kinh Tận độ. Thái Ất: Trong Kinh Cầu Siêu có câu: “Cứu khổ nạn Thái Ất Thiên Tôn”. Thái Ất là vị Đại Tiên, học trò của Đức Ngươn Thi.

Ngày 7-8-Đinh Mão (dl 12-9-1927)

LÝ BẠCH

Thượng Trung Nhựt, hiền hữu có mang trách nhiệm lớn lao của Đại Từ Bi đăng phổ thông điều đình mỗi Đạo, hiệp với Hội Thánh mà trừ nghi suy tính cách thức hành động về bước đường của chư Thiên phong và Đạo hữu trong buổi này.

Phải lấy nét thẳng đường ngay do nơi tâm thành mà hành sự tạc thù, sợ chinh lòng mà để nét bất bình cho cả chư Đạo hữu. Mỗi việc hành động đều do nơi Đức Từ Bi sắp đặt sẵn rồi, duy có để cho chư Hiền hữu bước lần mà đi tới.

Những Đạo hữu nào không vì hạnh đức mà chung hiệp nhau lo hành Chánh giáo thì đã có Thần, Thánh lãnh lĩnh biên ghi vào Sổ Công Quả, đợi ngày chung qui đăng đem vào cân Thiên điều mà phán đoán.

Hiền hữu cũng nên giữ lời Thánh giáo của Đức Từ Bi, hễ ai biết phục theo luật định của Hội Thánh Công Đồng thì đăng phép dâng sớ cho Lão định đoạt. Nhiều kẻ lại tư lịnh, **muốn mở riêng đường khác, đăng diu nhưn sanh vào lối quanh co.** Hại thay! mà cũng tiếc thay! Căn xưa quả trước chẳng chịu lo đến bồi, lại tự dẫn mình vào nơi hang thẳm, sau kết cuộc ra thế nào sẽ thấy.

Hiền hữu tua lo về phần Thuyết đạo cho chóng.

Bàn Trị Sự đã có sắp đặt đủ tư cách và mỗi đạo hữu đều có tư cách riêng, mỗi tháng nhóm một lần, là đêm rằm mà bàn tính việc đạo, xem xét coi sự nào trong đạo nên hủy vì sai nhưn tâm, sự nào nên thi hành thì hiệp lòng sanh chúng, gắng lo chung nhau mà làm cho Đạo đăng có phẩm giá tối cao tối trọng, thì thế nào chư hiền hữu chẳng vui lòng bước tới.

Mỗi lần nhóm Bàn Trị Sự, ba vị Đầu Sư phải có mặt, ba vị Chức sắc Hiệp Thiên Đài chứng sự, mỗi việc nghị định đều biên chép để lại dành rành, sau khỏi điều dị nghị.

Trong cả chư đạo hữu, Lão cho hiền hữu biết rằng Nữ phái phần nhiều chưa thông hiểu về Đạo cho lắm.

Hiền hữu, mỗi đàn lễ, cần phải buộc Nữ phái tới mà nghe thuyết đạo chung với Nam phái. Sau này, chừng Lão liệu có đạo muội nào đáng công tìm học đạo lý, thì sẽ cho thuyết đạo riêng về Nữ phái.

Tr... bạch: Xin nhóm đàn tại Chợ Lớn mỗi tháng.

Hiền hữu đăng tự liệu.

Từ đây để H... vào Hiệp Thiên Đài nghe.

Lão để lời khuyên chung và gắng vì Đạo mà tỏ nét kính thành Đấng Chi Tôn. Thẳng”.

Chú thích:

Trong đàn hôm nay có Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt viết tắt là Tr.và Bác sĩ Lê văn Hoạch viết tắt là H. sau đặc phong Bảo Sanh Quân trong Thập nhị Bảo Quân.

Phổ thông điều đình mỗi Đạo: Phổ thông là truyền bá giáo lý của Đạo ra khắp nơi. Điều đình là dàn xếp cho đạt được sự hòa hợp mà làm việc cho kết quả.

Sổ Công Quả: Sổ ghi chép công quả của mỗi người, để Ngọc Hư Cung định vị cho người ấy sau khi qui liễu.

Luật định của Hội Thánh Công Đồng: Các luật lệ lập ra bởi toàn cả Hội Thánh cùng chung quyết định.

Nhiều kẻ lại tư lịnh muốn mở riêng đường khác: Ý nói nhiều vị Chức sắc có ý riêng, muốn tách ra, dẫn tín đồ đăng lập Chi Phái, không tùng phục Hội Thánh Toà

Thánh Tây ninh.

Lối quanh co: Ý nói con đường tà vạy, Tà đạo mà chính những người này bày vẽ ra làm cho mất dấu chơn truyền.

Căn xưa quả trước: Nguồn gốc của mỗi người và kết quả những việc làm thiện ác trong kiếp trước đã gây ra, may duyên buổi này gặp Đạo Trời khai mở là phương thoát tục không lo sám hối lại còn gây lăm điều phiến toái, hại Đạo.

Bàn Trị Sự: Cơ quan tạm thời do Hội Thánh bầu cử lập ra để điều hành việc phổ thông nền Đạo đến khắp mọi nơi. Đây không phải là Bàn Trị Sự nơi Hương đạo như hiện nay.

Chứng sự: Nhìn nhận sự việc diễn tiến một cách hợp pháp theo Luật Đạo.

Nghị định: Hội lại với nhau bàn bạc mà đồng ý qui định một việc gì.

Đàn lệ: Đàn cúng thường lệ, tức là Đàn cúng vào ngày mùng 1 và ngày 15 hằng tháng.

Đức Hộ-Pháp cho biết nỗi khó trong buổi đầu:

“Thánh-thể của Đức Chí-Tôn hồi buổi đó không có giá trị, không trật tự, họ CHIA PHE PHÂN PHÁI, họ còn phe đảng dữ lắm! Mạnh dạn yếu thua, khôn còn đại mất, thế lực dữ lắm, không có cái gì thiếu! Làm cho Thánh-Thể Đức Chí-Tôn buổi đó dơ bẩn làm sao đâu không thể tưởng tượng được.

Đức Lý Giáo-Tông hội chư Thánh, nhưng đương đầu với Đức Chí-Tôn họ chẳng dám. Vì lẽ đó họ CHIA PHE PHÂN PHÁI, lập đảng. Ngài thấy tình thế như vậy, Ngài

*mời biểu Bản-Đạo xuống tại Thủ-Đức trong bảy tháng. Bản-Đạo chung sống cùng Ngài, đặng Ngài truyền Thể pháp. Giờ phút này Bản Đạo đứng tại tòa giảng đây tưởng tượng nhớ đến tâm tình ấy thấm thiết biết bao nhiêu! Nồng-nàn mà nói không có một điều gì sơ-sốt, chỉ đủ mọi hành tàng, rành-rẽ chi tiết hết. Bản Đạo vừa biết rồi **Đức Lý liền từ chức không làm Giáo-Tông** của Đạo trọn ba năm vậy!*

Khi Bản Đạo ở Thủ Đức về:

– Đức Lý một đảng Ngài biểu theo Ngài chính đốn Hội-Thánh lại.

– Một đảng Đức Chí-Tôn nói: Đừng nghe Lý Thái Bạch đa nghe Phạm-Công-Tắc!

Một đảng kéo, một đảng trì làm cho Bản Đạo

không biết đường đi chút nào! Thất thोर, thất thường mất linh hồn, muốn nửa tỉnh nửa say. Ngài đến 11 giờ, Ngài viết đến bốn giờ sáng, chỉ rành-rẽ thế nào, nhất là Ngài biểu Bản-Đạo hiệp cùng Ngài cho có quyền Chí-Tôn hữu hình tại thế này. Hiền Hữu muốn cho Đạo Cao-Đài còn tồn tại hay nghe lời Đức Chí-Tôn để cho nền Đạo phải mất?

Bản Đạo cứ nghi-nghị, đó rồi Đức Chí-Tôn đến, thật sự Ông Già hơi buồn thật! Ngài nói:

“Tắc! Con sửa-soạn đặng làm lễ Đăng Điện cho Đức Lý Giáo-Tông nghe!”

Rồi đó Ông ở, Ông nghe Đức Lý Giáo-Tông cảm quyền.

Đức Lý, Ngài biểu Thiên-phong Chúc-sắc cả Cửu Trùng-Đài, Hiệp-Thiên-Đài lập Cửu Trùng Thiên để Ngài đăng Điện, khi Ngài đăng Điện rồi. Ngài cầm cây viết, Ngài viết bài Diễn văn đăng Điện cho tới tận thế sẽ không có vị Giáo-Tông nào làm một bài Diễn-văn hay như vậy”

(Đức Hộ-Pháp thuyết 17-8 Nhâm-Thìn)

Như thế:

Các nguyên nhân gây chia rẽ để lập thành các Chi phái, có những nguyên nhân do bên trong và cũng có nguyên nhân do từ bên ngoài tác động vào..

Tựu trung có 4 nguyên nhân chánh sau đây:

1- Anh hùng tánh cá nhân, muốn làm một ông vua xứ nhỏ hơn là làm đại thần của một nước lớn.

2- Sự bất đồng ý kiến, sự mâu thuẫn trong nội bộ khiến không thể cộng tác với nhau được.

3- Mỗi người hay mỗi nhóm có lập Cơ bút riêng và chính Cơ bút này phong cho họ những chức tước cao cấp theo lòng mong muốn của họ và xúi giục họ lập Chi phái không tuân mạng lệnh Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh.

4- Bên ngoài thì nhà cầm quyền Pháp xúi giục phân chia làm cho nền Đạo rã tan thành manh mún, không còn đủ sức để đe dọa nền thống trị của nước Pháp.

Người Pháp lúc đó rất sợ Đức Quyền Giáo-Tông Lê Văn Trung, vì trước khi theo Đạo Cao Đài, Ngài là Thượng Nghị viên của Thượng Nghị Viện Nam Kỳ, đứng đối lập với chánh quyền để tranh đấu cho quyền lợi của dân chúng Việt-Nam, như vụ chống tăng thuế điền làm Pháp phải nhượng bộ.

Trong văn thư số 23 của Đức Phạm Hộ-Pháp gửi cho Bắc Tông Đạo (Hà Nội), lúc Ngài ở Kiêm-Biên (Nam Vang) để ngày 12-3-Mậu Tuất (dl 29-4-1958).

Đức Hộ-Pháp, Ngài có viết:

“Khi mới mở Đạo thì mấy Anh lớn đều do nơi trường

quan lại của Pháp, trong hàng Phủ và Đốc phủ mà họ đương cầm quyền Chủ Quận hay Phó Chủ Tỉnh. Vì cơ mà Pháp đã ra lệnh cho mấy Anh ấy phải từ khước, không đăng hiệp tác cùng Anh Lê Văn Trung, là tay nghịch hãn cùng Pháp đã rõ ràng bằng cơ. Pháp lại hứa cùng mấy Anh lớn ấy rằng: Họ muốn tu theo Đạo Cao Đài thì họ tự lập Chi phái, rồi họ sẽ được sự bảo vệ đặc biệt của Pháp, còn theo Anh Lê Văn Trung thì họ sẽ bị khủng bố, không cho làm quan lại của Pháp nữa.

Điều ấy mấy Anh lớn cũng không đủ sợ, vì công danh quyền lợi mình mà nhảy ra thành lập Chi phái, nhưng tới khi Pháp hăm rằng: sẽ khủng bố đến con cái của họ đương du học tại Pháp, tiền cấp học bổng bị thu lại và không cho cha mẹ có phương thế gởi tiền sang cho nữa đăng tiếp tục việc học hành. Điều này làm cho họ kinh khủng hơn hết. Thật ra thì cả con cái mấy Anh đương du học tại Pháp và tương lai của chúng rất nên sáng lạng, sẽ bị bỏ dở vì cuộc trả thù của Pháp.

Bởi cơ cho nên họ lên trở về hội đàm cùng Anh Quyền Giáo-Tông liệu phương gỡ rối. Buổi ấy có mặt Qua và chính mình Qua khuyên họ nên nghe lời Pháp, lập Chi phái dưới quyền bảo hộ của họ, miễn là Đạo đăng truyền bá là đủ.

Nguyên do lập Chi phái của Đạo là như thế.”

4- Một số các Chi phái hồi đó dùng cường quyền mà đoạt-vị

Nếu Chi phái ra đời trong cái lễ “Tương kế tựu kế” như trên, nghĩa là uyển chuyển chiều theo thời thế thì đó chính là một điều quá khôn ngoan nằm trong đầu óc của người Việt-Nam vốn sẵn có. Nhưng tiếc thay! Cái duyên

có “Gà cùng một mẹ cứ hoài đá nhau” mà rốt lại bị mắc bẫy của người không tránh khỏi vì thiếu sự Thương yêu.

Đức Hộ-Pháp nói:

“Nó nên hình bởi sự Thương-yêu, trưởng thành trong sự Thương-yêu, bởi hình chất của Thương-yêu. Hễ càng ngày càng lớn lên, càng tráng kiện, nó sẽ làm Chúa cả thù hận và quyền năng thù hận không hề xâm lấn nó được.

Nói quả quyết Bản-Đạo đã đánh tan thù hận ra, khi các phe đảng dùng quyền lực chiếm ngôi vị của Chí-Tôn để tại mặt thế này, Bản-Đạo đã can đảm dùng quyền của Bản-Đạo đánh ngã ra hết, đặt bảo trọng hình tượng thiêng liêng của Đạo. Bản-Đạo lỗ vốn cũng nhiều. Bản Đạo gánh lấy cả thù hận ấy đặt bảo tồn hình thể của Chí-Tôn cho trọn Thương-yêu. Bản-Đạo dùng can đảm gánh lấy cả thù hận của thiên hạ mà bảo tồn khối Thương yêu của Chí-Tôn vô đối, không cho hoen ố, như bạn.

Tại sao mà Bản-Đạo dám thí mình gánh vác thù hận đặt bảo trọng nó?

Bởi biết nó là Chúa cả hình ảnh của quyền trị thế tương lai, nó là Thầy thiên hạ đặt trị thế, nếu không trọn vẹn, nó lưu lại kiểu vô thô bỉ như nhớp, thì không thể gì làm Thầy thiên hạ đặt.

Các Chi phái buổi nọ dùng cường quyền mà đoạt vị, không lẽ Bản-Đạo là Hộ-Pháp nắm giữ chơn truyền trong tay đây, mà để cho nó đoạt ngôi soán vị như các đời vua chúa từ trước, để lưu lại cho nên Chơn-giáo của Chí-Tôn sao? May thay, quyền ấy chưa xung đột được Chánh giáo của Chí-Tôn. Nó đã bại trận, bởi Thánh-Thể của Ngài có người cầm luật pháp oai nghiêm, tức là cầm cây HUỆ-

KIẾM trong tay đặt gìn giữ nền Tôn-giáo nên hình được, nó nên được tức tạo cho thiên hạ được, nó đã tạo oai quyền của nó thành tướng đặt, thì tạo quyền cho nhơn sanh nơi mặt địa cầu này về tương lai đặt.

(Tại Đền Thánh, thời Tý đêm rằm tháng chạp năm Mậu Tý (1949))

Kết luận:

Theo tinh thần lời khuyên của Đức Hộ-Pháp và hiện trạng của sự việc xảy ra, cho ra ba kết luận, bởi vì sợ:

- Thứ nhất là sợ mất quyền lợi của mỗi cá nhân.
- Thứ hai là sợ mất cái lợi thế là con cái của các Ngài không hưởng được.

– Thứ ba là cương vị của Đức Hộ-Pháp bây giờ chỉ còn phải nói câu này thôi, tức nhiên nói rằng: **“chính mình Qua khuyên họ nên nghe lời Pháp”** nhưng mỗi người phải tự ý thức hai lẽ trọng khinh giữa việc công và việc tư, giữa Đạo và Đời chứ! Vậy ba vị: Hộ-Pháp, Thượng-Phẩm và Đức Quyền Giáo-Tông là ai mà cũng dám bỏ cả danh, lợi, quyền mà nghe theo tiếng gọi thiêng liêng, hết mình lo cho Đạo nghiệp. Nếu các Ngài cũng sợ và sợ thì nền Đại Đạo này sẽ đi về đâu?

Tóm tắt lại phần này, xin lấy bài Thánh giáo sau đây của Đức Phạm Hộ-Pháp giảng cơ ngày 1-4-Kỷ Dậu (dl 16-5-1969) in trong Thánh Giáo Sưu Tập của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt-Nam trang 161:

“Công quả khai Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ có thể nói là Bản đạo đã đóng góp được hai phần ba công quả ấy, nhưng buồn vì nước nhà chủ quyền không được bảo đảm kể từ thuở khai Đạo, các đàn Anh cũng vì lẽ ấy bị chi phối rất nhiều.

Từ chỗ vị kỷ, vị danh, vị lợi, cũng như tự ái, tự đại, tự tôn, nên đã gây ra cảnh chia ly phân tán, đã để lại một gánh nặng cho đoàn hương đạo ở hậu sanh. Đó là điều đáng buồn và cũng là kinh nghiệm quý giá cho đàn em trong mai hậu.

Nếu mình mỗi người biết đặt đạo lý Chí Tôn, quyền pháp và nhân sinh lên trên hết và tự trọng tự ái vì danh dự của quốc gia dân tộc và đạo pháp thì không có kẻ hở nào để bạo quyền chuyên chế, ngoại nhập khuynh đảo dễ rẽ chia.

Vết xe trước đã sụp đổ, đoàn xe sau nên tránh. Kể ra đàn Anh chịu phần trách nhiệm rất lớn trong sứ mạng.

Chính vì thế mà trong hàng tiền bối, người nào không làm đúng Thiên ý thì sẽ bị triệu hồi để đảm nhận phần vụ khác. Tuy về non Tiên, Phật cảnh, nhưng chưa được hưởng ngôi vị của mình, phải còn có nhiệm vụ đến khi nào mục đích của Chí Tôn khai Đạo được hoàn thành, các hàng tiền bối ấy sẽ tùy công đức mà định vị”.

5- Hậu quả việc phân chia Chi phái

a. Những hậu quả tai hại

– Sự chia rẽ trầm trọng về tâm lý trong giới tín đồ:

Nguyên tắc giáo lý của Đại-Đạo là Thương yêu và Công chánh hay là Bác ái và Công bình, đã bị thương tổn dữ dội, khiến người tín đồ nhiệt tâm với Đạo rất đau lòng, không thể nào biện bạch được trước dư luận quần chúng. Người ngoại đạo nhìn vào Đạo Cao Đài với cặp mắt khinh thường, “gà cùng một mẹ cứ hoài đá nhau”. Tại sao đây là Tôn giáo mà đá nhau dữ dội vậy? Ai đá ai?

– Sự phân chia Chi phái làm ly tán nhen lực và tài lực của Đạo Cao Đài vốn đã ít ỏi lúc ban sơ, làm nền Đạo rã tan manh mún, trở nên yếu ớt về công việc hoằng hoá

nền chơn Đạo, việc phổ độ chúng sanh bị ngưng trệ một thời gian dài, khiến một số người đã nhập môn vào Đạo nản lòng lui chơn thối bước.

– Buồn nhất là những bậc đàn Anh còn nhiều hám vọng đã để lại một vết thương lòng đau đớn trong tâm trí của người hậu bối một nỗi bàng hoàng khó tả.

– Đau đớn nhất là làm Đạo chỉ biết có cái bã lợi quyền, một chút danh vị hảo làm choán mất lương tri lương năng của con người, dùng hết móng vuốt của đời đá lại bậc đàn Anh trong cửa Đạo, muôn cay ngàn đắng rớt lại ngồi ngậm đắng dưới Phong đô! Nơi Lạc hồn Trì!

b. Trong cái dở cũng có ẩn tàng cái hay gượng ép

– Bên cạnh những hậu quả tai hại như đã kể trên, sự phân chia Chi phái của Đạo Cao Đài cũng có một vài điều để đánh lừa với nhà cầm quyền Pháp cho nhẹ lo đôi chút.

– Nhà cầm quyền Pháp cho Đạo Cao Đài là một nhóm hỗn tạp, luôn luôn tranh quyền đoạt vị với nhau, không thể tạo thành một lực lượng đoàn kết đủ mạnh làm ảnh hưởng đến nền cai trị của Pháp, nhờ vậy mà họ bớt quan tâm và không cần thiết phải đàn áp Đạo Cao Đài.

– Sự phân chia Chi phái giúp bảo tồn nền Đạo trước ý đồ của Pháp là muốn tiêu diệt Đạo Cao Đài. Nếu diệt được Chi phái này thì cũng còn Chi phái khác hoạt động. Họ không thể tiêu diệt hết được. Thế nên Pháp họ lờ đi.

6- Đạo Trời tồn tại đến thất ức niên

Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn Thượng Đế lập ra tại nước Việt-Nam do Thiên thư tiên định thì nhất định

không có một thế lực nào có thể tiêu diệt đặng. Tuy nhiên, Đạo khai thì Tà khởi. Đức Chí Tôn đã ban cho Quỷ Vương cái quyền thử thách người tu, làm giám khảo tuyển lựa người xứng đáng.

Kỳ Ba này, Đức Chí Tôn đến cùng nhơn loại với Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước mà nội dung là bốn chữ: Bác-Ái Công-Bình. Ai đủ Bác-Ái Công-Bình và thực thi Nhơn-Nghĩa thì Đức Chí-Tôn rước về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, nên Quỷ Vương lấy đề tài này mà thử thách và tuyển lựa, để lọc phàm phân Thánh:

“Bác ái là để thi tiến hoá,

“Nghĩa nhân ấy định phép duy tân.”

Tuy nhiên, sự thử thách này xảy ra quá khắc nghiệt, khiến cho nhiều thí sinh bị đánh rớt một cách thê thảm, làm tổn hại danh thể của Đạo. Đức Chí-Tôn có báo trước là rớt 80 %, chỉ đậu có 20 % thôi.

Nhiều vị chưa bị thử thách thì chê bai kẻ đi trước, nhưng khi chính mình vào cuộc thì cũng bị lực dục thất tình xui khiến đi vào vết chân của người trước mà sa vào nơi Nghiệt cảnh.

Tuy nhiên ta hãy đặt trọn đức tin nơi Hộ-Pháp rằng:

“Từ Tín Đồ đến Hội Thánh chẳng hề khi nào tiêu diệt nó được, kẻ nào muốn tiêu diệt Đạo Cao Đài tốt hơn đừng sanh ra bởi chẳng hề khi nào muốn tiêu diệt Đạo đặng, khuôn luật vẫn vậy.

Hôm nay Qua giảng một điều thiết yếu cho mấy Em nghe quyền siêu thoát. Mấy em xét coi nơi mình mấy Em từ chân, tay trong xác thân cho tới cả tinh thần đầu óc mấy Em nó đều có linh cảm cả.

Khốn nạn thay! Con người không biết thương nhau mà lại ghét lẫn nhau, mà hễ ghét lẫn nhau tức nhiên ghét Thánh-Thế Đức Chí-Tôn, nếu ghét Thánh Thế Đức Chí Tôn rồi, thì ngày Qua về cảnh Thiêng Liêng đứng trước Cực Lạc Thế Giới, mấy em chẳng hề khi nào chối tội đặng. Nếu mấy em thương nhau không được thì không được phép ghét nhau.”

(Đền Thánh, đêm 29 tháng 10 năm Quý Tỵ)

B. CÁC CHI PHÁI ĐẦU TIÊN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Nguyên trong buổi sơ khai của nền Đại-Đạo, vào giữa năm Ất Sửu (1925), Đức Chí Tôn thân phục được hai nhóm riêng nhau: Nhóm của Ngài Ngô Văn Chiêu và nhóm của các Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.

Ngày 10-12-Ất Sửu (dl 26-1-1926), Đức Chí Tôn giáng cơ bảo hai nhóm phải hiệp lại nhau đặng lo mở Đạo. Các vị trong hai nhóm đều vâng lời hiệp lại, lúc đó được 12 người, là 12 Môn-đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn mà Đức Ngài có cho bài thi đủ tên 12 vị ấy để làm kỷ niệm trong ngày vía Đức Chí-Tôn mừng 9 tháng Giêng năm Bính Dần (1926).

Ngày 6-3-Bính Dần (dl 17-4-1926) Đức Chí Tôn định phong Ngài Ngô-Văn-Chiêu vào chức Giáo-Tông nên bảo bà Nguyễn Thị Hiếu (hiên nội của Ngài Cao Quỳnh Cư) may một bộ Đạo phục Giáo-Tông cho Ngài Chiêu, nhưng 5 ngày sau, đến ngày 22-4-1926 thì Đức Chí Tôn cho biết là Ngài Chiêu bị truất.

Đến ngày 14-3-Bính Dần (dl 24-4-1926) Ngài Ngô Văn Chiêu và nhóm của Ngài lại tách ra không hợp tác

với nhóm Ngài Lê Văn Trung nữa, Ngài trở về lo tu đơn như trước. Như thế cuộc hợp tác của hai nhóm chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn, vốn vẹn chừng 3 tháng.

Đầu năm Đinh Mão (1927), Ngài Ngô Văn Chiêu lập cơ tuyến độ Chiêu Minh Tam Thanh vô-vi và đây chính là một Chi phái đầu tiên của Đạo Cao-Đài do Ngài Ngô Văn Chiêu thành lập.

Sau đó, có một vài vị Chức sắc khác tự lập đàn cơ riêng, bị Cơ bút dẫn dắt lần lần, để sau cùng tách ra khỏi Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh, lập Chi phái như:

– *Giáo Sư Thượng Kỳ Thanh* (Vương Quan Kỳ) lập phái Cầu Kho tại Thánh Thất Cầu Kho Sài Gòn vào năm 1930 (Nay là Nam Thành Thánh Thất, đường Nguyễn Cư Trinh. Sài-gòn)

– *Phối Sư Thái Ca Thanh* (Nguyễn Văn Ca) lập Chi phái Minh Chơn Lý năm 1931 ở Mỹ Tho.

– *Giáo Hữu Ngọc Chính Thanh* (Nguyễn Văn Chính) lập phái Tiên Thiên vào năm 1932 tại Cai Lậy.

– Sau cùng là hai vị Quyền Đầu-Sư Thượng Tương Thanh (Đốc phủ Nguyễn Ngọc Tương) và Ngọc Trang Thanh (Đốc phủ Lê Bá Trang) tách khỏi Tòa Thánh Tây Ninh lập *Ban Chính Đạo ở Bến Tre* vào đầu năm 1934.

Đến giữa năm 1934, ngày 15-7-Giáp Tuất (dl 24-8-1934), Đức Lý Giáo-Tông hiệp cùng Đức Phạm Hộ-Pháp lập Đạo Nghị Định thứ 8 để ngăn chặn các Chức sắc Tòa Thánh Tây Ninh tách ra lập Chi phái, thì kể từ đó về sau, không có Chức sắc nào của Tòa Thánh Tây Ninh dám tách ra lập Chi phái nữa. Tuy nhiên, số Chi phái sau này nảy sinh càng lúc càng nhiều là do trong mỗi Chi phái

có sự bất đồng nên lại tách riêng lập Chi phái mới, đó là Chi phái sanh ra Chi phái và số lượng này thì rất nhiều.

Trên đây là những nét đại cương về sự thành lập các Chi phái của Đạo Cao Đài ngay từ buổi đầu.

Nhưng về sau này, nhiều nhà viết lịch sử của Đạo Cao Đài khi nghiên cứu về các Chi phái, đều không thống nhất nhau về số lượng Chi phái và các sanh hoạt của họ, nên kể những Chi phái không giống nhau.

▪ Đầu tiên, Ông Gabriel Gobron người Pháp, đặc phong Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Hiệp-Thiên-Đài viết quyển *Histoire et Philosophie du Caodaïsme* xuất bản năm 1949, đã kể ra 11 Chi phái.

▪ Trong Nguyệt san Đại Đạo của Tòa Thánh Tây Ninh, năm Ất Tỵ (1965), trong 3 số báo liên tiếp 7, 8, 9, Ngài Huệ Lương Trần Văn Quế viết bài: “Để tìm hiểu các Chi phái trong Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ” Ngài Huệ Lương đã kể ra: Năm 1940 có 12 Chi phái chánh với 3 nhóm không được kể là Chi phái; năm 1963 thì có 15 Chi phái với 2 nhóm không kể là Chi phái.

▪ Năm 1966, Ông Hoài Nhân trong: “40 năm lịch sử Đạo Cao Đài 1926-1966” trang 109, ông kể ra được 35 Chi phái.

Sau đây chúng ta sẽ nêu ra các chi tiết về 12 Chi phái của hai soạn giả: Gabriel Gobron và Trần Văn Quế.

1- *Histoire et Philosophie du Caodaïsme* của Gabriel Gobron

Ngài Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron kể ra 11 Chi phái vào năm 1948 sau đây: (trang 174)

- 1- Minh Chơn Lý, đứng đầu là ông Nguyễn Văn Ca (Phối Sư Thái Ca Thanh) ở Mỹ Tho.
- 2- Ban Chính Đạo, đứng đầu là Ông Nguyễn Ngọc Tương (Chánh Phối Sư Thượng Tướng Thanh, đặc phong Quyền Thượng Đẩu Sư) lập Chi phái Bến Tre.
- 3- Tiên Thiên, đứng đầu là Ông Lê Kim Tỵ ở Phú Nhuận (Gia định), Ông Lê Kim Tỵ tự phong cho mình là Hội Trưởng Cao Đài Hiệp Nhất, ông mất tại Hải Phòng năm 1948.
- 4- Thông Thiên Đài, đứng đầu là hai Ông Quách Văn Nghĩa và Lê Quang Hộ, ở Gò Công và Sài Gòn.
- 5- Liên Hòa Tông Phái, đứng đầu là hai Ông Nguyễn Phan Long và Trần Văn Quế, ở Thánh Thất Cầu Kho Sài Gòn.
- 6- Minh Chơn Đạo hay Công Đồng Hội Giáo, đứng đầu là Ông Cao Triều Phát ở Bạc Liêu.
- 7- Trung Hòa Học Phái, đứng đầu là Bác sĩ Trương Kế An, ở Thủ Dầu Một. Ông có mở phòng mạch tại Thủ Dầu Một.
- 8- Tây Tông Vô Cực Cung, đứng đầu là Ông Nguyễn Bửu Tài, ở Bến Tre. Ông Tài hiệp nhất với Tòa Thánh Tây Ninh năm 1948, nhưng sau rồi cũng tách riêng.
- 9- Tuyệt Cốc, đứng đầu là hai Ông Nhuận và Ruộng, ở Tây Ninh, họ sống ẩn dật, rất ít người biết họ.
- 10 - Chiếu Minh Đàn, đứng đầu là Ông Tư Huỳnh, ở Cái Khế Cần Thơ, sáng lập là Cố Đốc phủ Ngô Văn Chiêu.
- 11- Nữ Trung Hòa Phái, đứng đầu là Bà Ngọc Nhiên

Hương và Lê Ngọc Trinh, ở tại Sài Gòn.

Theo tài liệu này thì Ông Gabriel Gobron không cho Tòa Thánh Tây Ninh là một Chi phái, vì đây là cái gốc của Đạo, cái gốc thì sanh ra các nhánh, sanh Chi phái.

2- Các Chi phái trong Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ theo tài liệu ông Huệ Lương

Ngài Huệ Lương Trần Văn Quế viết, kể ra như sau:

- 1- Tòa Thánh Tây Ninh, với chư quý Ngài: Trung, Tắc.
- 2- Chiếu Minh, với chư quý Ngài: Thiên, Quý.
- 3- Cầu Kho, với chư quý Ngài: Bản, Tường.
- 4- Tiên Thiên, với chư quý Ngài: Tông, Tỵ.
- 5- Minh Chơn Lý, với chư quý Ngài: Ca, Phùng.
- 6- Bến Tre (Ban Chính Đạo), quý Ngài: Tương, Trang.
- 7- Minh Chơn Đạo, với chư quý Ngài: Quang, Thiệu.
- 8- Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản, quý Ngài: Kiên, Phán.
- 9- Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý, quý Ngài: Tông, Tài.
- 10- Tây Tông Vô Cực Cung, quý Ngài: Đái, Tài.
- 11- Cơ quan Truyền Giáo Trung Việt, quý Ngài: Hiến, Châu.
- 12- Liên Hòa Tổng Hội, với chư quý Ngài: Long, Quế.

Điều nên chú ý:

– Trong số 12 Chi phái của Đạo Trời, chúng tôi không kể phái Tịch Cốc do 2 ông Nhuận, Ruộng (Nguyễn Ngọc Điền) là vì phái này thực ra chỉ là một nhóm Đạo hữu độ 10 vị làm công quả tại Tòa Thánh Tây Ninh, vì bất mãn điều chi đó, rồi xuống tóc, mặc áo dà, tịch cốc,...

– Chúng tôi cũng không kể *Trung Hòa Học Phái*, mà các vị hướng đạo là chư quý Ngài Cao Triều Phát, Phan Trường Mạnh và Huỳnh Văn Thảo, vì tổ chức này có tính cách một tổ chức thanh niên, chuyên sự học tập và hành đạo hơn là một phái của Đạo Trời có nhiệm vụ hành chánh và phổ độ. Trung Hoà Học phái đặt trụ sở tại Thánh Thất Minh Đức tỉnh Rạch Giá do Bà Nữ Đâu Sư Ngọc Nhiên Hương chủ quản.

– Trong số 12 Chi phái của Đạo Trời, chúng tôi cũng không kể Thông Thiên Đài, trụ sở đặt tại Thánh Thất Đồng Sơn (tổng Hòa Đồng Thượng tỉnh Gò Công). Thực ra phái này với Tòa Thánh Tây Ninh là một, vì phái này được lập lên để thay thế Hội Thánh Hiệp Thiên Đài Tây Ninh. Nhưng sau rồi công việc bất thành và sự hoạt động dần dần thu hẹp vào phạm vi một Thánh Thất thường thôi.

12 Chi phái kể trên của Đạo Trời, từ năm 1940 đến 1963, trải qua hơn 20 năm đã bị thử thách dữ dội. Nhiều Chi phái vẫn tồn tại và bành trướng thêm lên hoặc thu hẹp phạm vi hoạt động. Trái lại cũng có Chi phái đã cùng với thời gian mà mai một.

3- Các Chi phái còn lại là:

1. *Tòa Thánh Tây Ninh* làm gốc đạo

2. *Chiếu Minh*: Hiện giờ, ngoài phái Chiếu Minh vô vi lại còn có các phần khác nữa là: Chiếu Minh Long Châu và Cao Đài Thượng Đế Hội Giáo hay là Chiếu Minh Đàn.

3. *Phái Cầu Kho* hiện giờ được thay thế bằng Nam Thành Thánh Thất và phạm vi hoạt động đã thu hẹp lại nhiều với tính cách một Thánh Thất thường.

4. *Minh Chơn Lý Mỹ Tho* ngày nay đã thu hẹp nhiều

và gồm hai phân chi: Chi Chân lý Cầu Vỹ (Minh Chơn Lý cũ) và Tòa Thánh Cao Đài Việt Nam tại Bến Tranh.

5. *Tiên Thiên*, trụ sở đặt tại Tòa Thánh Châu Minh Sóc Sãi, Bến Tre, hiện đang áp dụng Tân Luật và Pháp Chánh Truyền trong sự tổ chức Hội Thánh. Phái này cố gắng lấy lại sự quan trọng ngày xưa như là đối với Thất thập nhị Tịnh.

6. *Cơ quan Qui Thống*, trụ sở đặt tại Thánh Thất Thiên Thai, làng Mỹ Phước quận Cai Lậy, Mỹ Tho.

7. *Bạch Y Liên Đoàn* Chơn Lý hoạt động với tầm quan trọng như hồi xưa.

8. *Cao Thượng Bửu Tòa* được xây dựng tại Bạc Liêu và được coi là Tòa Thánh Hậu Giang.

9. *Minh Chơn Đạo* hiện nay cũng hoạt động như trước và hình như đang trù tính xây Tòa Thánh ở Tắc Vân.

10. *Phái Bến Tre* vẫn hoạt động như xưa và cố gắng củng cố nội bộ.

11. *Hội Thánh Tam Quan*, được thành lập mấy năm gần đây và cố gắng củng cố nội bộ.

12. *Hội Thánh Truyền Giáo* được thành lập trước năm 1956 và được ra mắt với các Chi phái ngày Lễ Khánh thành Trung Hưng Bửu Tòa năm 1956.

13. *Tòa Thánh Nhị Giang*, trụ sở đặt tại Châu Đốc, hành đạo theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, có Hội Thánh lương đài cũng như các Hội Thánh khác.

14. *Tòa Thánh Tiền Giang*, cũng có lương đài, được đặt tại Thánh Tịnh Minh Kiến Đài, làng Hạnh Thông Tây, Gò Vấp.

15. *Thiên Khai Huỳnh Đạo* đặt tại số 78 đường Phan Thanh Giản, Gò Vấp, Gia Định, phái này mới ra đời gần đây.

Điều cần đặc biệt để ý những điểm sau đây về hai tổ chức:

- *Ban Liên Giao Chi Phái* giữa 23 Thánh Thất và Tịnh Thất ngoại ô Đô Thành Sài-Gòn và các tỉnh lân cận. Trụ sở của tổ chức này đặt tại Thánh Thất Bình Hòa, Gia Định. Tổ chức này có mục đích siết chặt dây liên ái giữa các Thánh Thất, Tịnh Thất nói trên về phương diện hữu hình về: Hôn, Tang, Tế, sự.

- *Cơ quan Phổ Thông Giáo Lý*, trụ sở tạm thời đặt tại Tam Giáo Điện (Chùa Minh Tân) với mục đích siết chặt dây liên ái về phương diện tinh thần giữa các Hội Thánh, Chi phái và giữa các Thánh Thất biệt lập thuộc phạm vi Đạo Thầy.”

Trong phần trình bày về 12 Chi phái của Ngài Huệ Lương Trần Văn Quế, Ngài cho rằng Tòa Thánh Tây Ninh là một Chi phái. Điều này hoàn toàn không đúng, bởi vì Tòa Thánh Tây Ninh là gốc của Đạo. Các Chức sắc thuở ban đầu tách ra lập Chi phái đều là Chức sắc của Tòa Thánh Tây Ninh mà ra.

Gốc (Tòa Thánh Tây Ninh) không thể là nhánh (Chi phái) được, mà là phần quan trọng để nảy sinh các nhánh.

Tổng kết số lượng Chi phái:

Như đã trình bày ở trên, các nhà viết sử không thống nhất nhau về tên các Chi phái trong số 12 Chi phái. Quý vị ấy dường như bị ám ảnh bởi con số 12, nên họ cố gắng kể ra cho đủ 12 Chi phái, dầu có sự gượng ép hay không

đúng thực tế.

Thí dụ như: Hai nhóm *Tịch Cốc* và *Thông Thiên Đài*, không thể kể là hai Chi phái được vì thực lực mỗi nhóm chỉ có chừng hơn 10 người, không phát triển thêm được, không ai theo, những người trong nhóm già cả chết dần, rồi mất hẳn.

Hai nhóm: *Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản* và *Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý* cũng không đáng kể là Chi phái vì thực lực không có mấy người, hoạt động không được gì và khi người đứng đầu chết thì nhóm tan rã luôn.

Nhóm *Tây Tông Vô Cực Cung* chỉ là một nhóm tu đơn, không liên quan đến Đạo Cao Đài, nên không phải là một Chi phái, có điều người đứng đầu nhóm này là ông Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài sau này nhập qua phái Tiên Thiên, rồi qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh, sau lại trở về phái Tiên Thiên.

Để cho dễ dàng trong công việc khảo sát các Chi phái của Đạo Cao Đài, chúng ta phân ra các mục sau đây:

- Những Chi phái buổi đầu.
- Những Chi phái lúc sau.
- Các nhóm nhỏ không đáng kể là Chi phái.
- Nhóm đặc biệt: Cơ quan Phổ Thông Giáo Lý CĐ.

C. SÁU CHI PHÁI SAU NÀY

1. Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt

Sự truyền bá Đạo Cao Đài tại Trung Việt đầu tiên do phái Tiên Thiên, theo lệnh dạy của Cơ bút, đã tổ chức bí mật sự truyền đạo ra Quảng Nam và Đà Nẵng từ năm

1936 với quý ông ở tại đó là: Lê Trí Hiến, Nguyễn Quang Châu, Trần Công Bang, Huỳnh Ngọc Trác và 4 đồng tử: Long, Lân, Qui, Phụng.

Sự kiện nổi bật nhất là công cuộc cổ động và vận động xây cất Thánh Thất Trung Thành tại Thị xã Đà Nẵng, chỉ trong thời hạn 22 ngày là xong, để làm Đại lễ Khánh Thành ngày 8-4 Mậu Dần (dl 7-5-1938). Những vị đóng vai tích cực trợ giúp quan trọng đi đến thành công là quý Ngài: Trần Đạo Quang, Cao Triều Phát, Nguyễn Bửu Tài và nhất là ông Lê Kim Tỵ của phái Tiên Thiên.

Cơ quan này hoạt động mạnh ở các tỉnh miền Trung, nhưng sau đó bị Việt Minh khủng bố, hàng lãnh đạo tan rã.

Sau Hiệp Định Genève 1954, tín hữu các nơi qui tụ trở lại, quyết định đưa Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt lên thành Hội Thánh, nên mua thêm một khu đất rộng tại đường Nguyễn Hoàng, Đà Nẵng, để xây dựng Trung Hưng Bửu Tòa, một kiến trúc lớn và đẹp, làm Đại lễ Khánh Thành vào ngày 1-6-Bính Thân (dl 8-7-1956), ra mắt Hội Thánh Truyền Giáo Trung Việt.

Năm 1973, Hội Thánh truyền giáo Trung Việt có hai vị đứng đầu là: Chánh Phối Sư Ngọc Quế Thanh (Trần Văn Quế) Chủ trưởng Hội Thánh và Thanh Long Lương Vĩnh Thuật, Thanh tra quyền pháp, đại diện Hiệp Thiên Đài.

2. Hội Thánh Tam Quan (Phái Chơn lý Cầu Kho)

Gọi đầy đủ là Hội Thánh Trung Ương Trung Việt, trụ sở đặt tại Tam Quan, quận Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Nguyên đầu năm 1927, hai vị Nguyễn Hữu Phương

và Nguyễn Hữu Hào, ở Bình Định, vào Sài Gòn nhập môn theo Đạo Cao Đài tại Thánh Thất Cầu Kho, rồi trở về Bình Định âm thầm truyền bá Đạo Cao Đài tại đây. Số người theo Đạo càng lúc càng đông nhưng bị nhà nước khủng bố vì vua Bảo Đại cấm Đạo Cao Đài.

Trải qua nhiều cuộc khủng bố, hết lớp này tới lớp khác, Đạo Cao Đài nơi đây cũng phát triển, đến năm 1956 mua được một mẫu đất tại Tam Quan, khởi xây dựng Thánh Thất, giấy phép ký ngày 21-9-1956 và làm lễ Khánh thành gọi là Đại Hội An Thiên, Khánh Thành Hội Thánh ngày 15-3 Canh Tý (1960). Hội Thánh Tam Quan tổ chức y theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, có hai Đài: Hiệp Thiên và Cửu Trùng.

3. Thiên Khai Huỳnh Đạo

Phái này thành lập từ năm Nhâm Dần (1962), Tòa Thánh đặt tại đường Phan Thanh Giản, quận Gò Vấp Saigon.

Trước khai Chương Tòa Huỳnh Đạo tại Gò Công, rồi thiên về Nhị giang, sau mở Bửu Tòa Di-Lạc tại Gia Định, sau một thời gian ngắn ngủi 3 năm, Đạo Vàng đã chiếu rạng nhiều nơi với một hệ thống: trên có Chương Tòa (Châu Đốc), dưới có Bửu Tòa Di-Lạc: Tiền giang (Gia Định), Trung giang (Vĩnh Long), Hậu giang (Bạc Liêu), Liên giang (Cần Thơ) và những Tòa Đại diện tại Kiên Giang, Hà Tiên, đúng với Thiên cơ, đúng với lời tiên tri Kỳ Ba Cửu Thế.

Huỳnh Đạo là Vô Vi Đại Đạo, lấy Âm Dương làm gốc, Ngũ Hành làm thể, hòa hợp ở Trung Huỳnh gọi là Mổ Thổ, sắc Huỳnh để luyện Kim thai Thánh thể, xuất

khieu hiển thần, đoạn dứt luân hồi trong lục đạo.

Xuất phát từ Cao Đài, Huỳnh Đạo là thể hiện hoàn mỹ của Đạo Cao Đài, Hữu, Vô, trọn vẹn. (Trích trong quyển Chơn truyền Huỳnh Đạo Trung ương).

4. Cao Thượng Bửu Tòa

Cao Thượng Bửu Tòa được xây dựng tại Thị xã Bạc Liêu, còn gọi là Tòa Thánh Hậu Giang, do Ông Trần Văn Tì, đạo hiệu Chơn Sắc, chủ trương xây dựng.

Ông Trần Văn Tì qui liễu, có giảng đàn ngày 2-10-1966 tại Cao Thượng Bửu Tòa, để lời than:

“Trước kia, nếu Tệ huynh biết sẽ xảy ra cơ sự như vậy thì không xây dựng lên trụ tướng của Cao Thượng Bửu Tòa này, mà chỉ để tiền và nhơn lực, vật lực đó dùng vào những công tác từ thiện xã hội. Nếu biết trước và làm việc đó thì đâu còn để hậu hoạn lại cho anh em như trước hiện tình. Đó cũng là cái trách nhiệm của Tệ huynh vẫn còn dang dở.”

5. Nữ Chung Hòa

Nhóm này được thành lập do lệnh Cơ bút của Chi Minh Tân ở Bến Vân Đồn, Sài Gòn, mục đích để tập hợp Nữ phái mà dạy dỗ về đường đạo đức và lập công quả dưới sự dìu dắt vô hình của Đấng Lê Sơn Thánh Mẫu, trụ sở đặt tại Chùa Minh Tân ở Bến Vân Đồn.

Hai Bà Ngọc Nhiên Hương và Lê Thị Trinh điều khiển nhóm này. Nữ Chung Hòa trước đây hợp tác với Bà Diệu Minh ở Vạn Quốc Tự đường Phan Thanh Giản cũ Sài Gòn (ngang Bệnh Viện Bình Dân), khi Bà Diệu Minh qui liễu, nhóm Nữ Chung Hoà hợp tác với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam có trụ sở ở

đường Cống Quỳnh (ngang Chợ Thái Bình) và nhóm Nữ Chung Hòa dời trụ sở về Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

Nhóm Nữ Chung Hoà không được nhiều người gia nhập, nên hoạt động rất yếu ớt, chỉ còn làm một vài công tác từ thiện mà thôi. Do đó, chỉ nên xem Nữ Chung Hoà là một nhóm học tu Nữ phái, làm việc từ thiện.

6. Trung Hoà Học Phái

Sau khi ông Cao Triều Phát tách ra khỏi Minh Chơn Đạo thì ông hợp tác với quý ông Phan Trường Mạnh, Phan Lương Hiền, Huỳnh Văn Thảo lập thành Trung Hoà Học Phái, có mục đích qui tụ các thanh niên trong các phái Đạo Cao Đài để dìu dắt chúng trên đường đạo đức, thực hành thuyết Trung Thứ của Nho giáo, vừa lo học tập vừa lo hành đạo. Để thực hành mục đích đó, Ngài Cao Triều Phát lập nên một tổ chức thanh niên gọi là “Thanh Niên Đạo Đức Đoàn” đặt trụ sở tại Thánh Tịnh Minh Đức của Bà Ngọc Nhiên Hương ở Rạch Giá, sau này Thanh niên Đạo đức Đoàn mở rộng hoạt động lên Sài Gòn, trụ sở đặt tại Tam Giáo Điện, chùa Minh Tân ở Bến Vân Đồn Sài Gòn. Sau Hiệp Định Genève năm 1954, Ngài Cao Triều Phát tập kết ra Bắc, nên nhóm Thanh Niên Đạo Đức Đoàn phải ngưng hoạt động vì không người hướng dẫn.

Trung Hoà Học Phái đã nổi tiếng một thời ở Hậu Giang.

D. CÁC NHÓM NHỎ KHÔNG ĐÁNG KỂ LÀ CHI PHÁI

1. Tịch Cốc (hay Tuyệt Cốc)

Gọi là Tịch Cốc hay Tuyệt Cốc là vì nhóm này chủ trương không ăn cơm, chỉ ăn trái cây, tu theo lối ép xác

đặng luyện pháp thuật.

Vào năm 1934, có một nhóm chừng 10 người đang làm công quả trong Tòa Thánh Tây Ninh, vì bất mãn Hội Thánh không cho họ luyện pháp thuật, nên họ rủ nhau đi vào núi để khổ tu luyện đạo cho mau kết quả. Trong nhóm này có hai ông: Ngô Đức Nhuận và Nguyễn Ngọc Điền tức Ruộng, tự xưng là Nguyên soái cầm đầu.

Hội Tòa Thánh còn làm bằng cây ván, nhóm này lên vô Bửu Điện Tòa Thánh, leo lên ngồi trên 7 cái ngai mà Bảo Thế không hay biết, đến chừng Bảo Thế phát hiện thì bắt từ ông lôi xuống và trục xuất họ ra khỏi Nội Ô.

1/. Nhóm Tịch Cốc tập bay:

Nhóm này đứng đầu là các ông Ngô-Đức Nhuận và Nguyễn Ngọc Điền tổ chức cầu Cơ, các vong linh giáng Cơ xưng là Tiên, Thánh dạy số người trong nhóm này luyện Đạo, luyện phép trường sanh “Không ăn ngũ cốc” chỉ ăn hoa quả mà thôi, cho nên phái này được gọi là Phái Tuyệt cốc, thường ở trong hang động của Núi Bà Đen (Tây ninh). Họ luyện phép có thể bay từ gộp đá này qua gộp đá khác, từ nhánh cây này qua nhánh cây khác. Họ truyền rằng dùng râu chuối Bồ đề niệm chú có thể đánh ngã cây cổ thụ hoặc bể cả tảng đá, hoặc cỡi hòn đá niệm chú đá có thể bay. Những đêm trăng rằm dân chúng thường lên núi Bà xem nhóm người này biểu diễn pháp thuật vì đây là sở trường của nhóm Tuyệt cốc.

2/. Nhóm Tuyệt cốc về chiếm Tòa Thánh:

Một chuyện kể là nhóm Tuyệt cốc này đột nhập vào Tòa-Thánh đêm rằm tháng 7 năm Bính Tý (Thứ Hai: 31-8-1936) Phái Tuyệt cốc bắt thần kéo về Tòa-Thánh Tây ninh

định chiếm các ngai vàng, họ không đi bằng các cửa Nội Ô Thánh địa mà bay qua hàng rào tre gai vào bên trong Tòa Thánh một cách dễ dàng. Mỗi người chiếm một chiếc ngai. Bảo-Thế và Thánh vệ lôi họ xuống và trục ra khỏi Đền thánh. Có số người leo lên ngựa Kiến Trắc của Phật Tổ cỡi và dùng chuối bồ đề đánh vào mông ngựa, vẫn trơ trơ vì đánh mạnh quá nên chuối đứt và văng tung toé trên đất. Sau này không còn thấy bóng dáng của họ nữa.

Trong quyển Tây Ninh xưa và nay của Huỳnh Minh, soạn giả có thuật lại việc Nhóm Tuyệt Cốc lên lên ngồi 7 cái ngai trong Tòa Thánh, rồi sau đó lại tập bay theo lời kể của ông Huỳnh Hữu Lộc, cựu Tổng Thư Ký Hội Đồng tỉnh Tây Ninh:

Năm 1936, lúc bấy giờ, tôi (Huỳnh Hữu Lộc) còn trong hạng tuổi thiếu thời. Tôi về Tòa-Thánh Tây-ninh làm công quả, nơi đó tôi được biết câu chuyện chiếm 7 ngai xảy ra như sau:

Một buổi trưa sau giờ cúng Ngọ tại Bửu điện Tòa Thánh, các Chức sắc, Chức việc và đồng nhi đã về phòng nghỉ. Lúc bấy giờ chỉ có một vị Tuần quân ở lại canh gác Bửu điện mà thôi. Vị Tuần quân đó là anh Nghiêm. Thành linh anh Nghiêm nghe tiếng động rất to trong Bửu điện, anh Nghiêm chạy vào coi thì thấy một số người, lối 7 người mặc áo màu dả, đầu trọc, tay cầm chuối bồ đề, đang xô các cốt Phật, Tiên, Thánh, Thần ngã rớt rầm rầm xuống đất. Lúc đó, anh Nghiêm hoảng hốt tri hô lên, bốn đạo quanh đó chạy đến, thấy 7 cái ngai đều bị các vị Tả đạo ấy chiếm ngồi hết cả. Nên biết, Đền thờ Đức Chí Tôn có 7 cái ngai dành riêng cho 7 vị: 1 cho Đức Giáo-Tông, 3 cho 3 vị Chưởng Pháp, 3 cho 3 vị Đầu Sư, nhưng đó chỉ là

tượng trưng thôi chớ chưa có ai dám lên đó ngồi. Các tu sĩ Tả đạo ấy lên vào Bửu điện làm việc đại náo. Ngoài số 7 vị chiếm 7 cái ngai trong Bửu điện, còn một vị khác ra trước Tòa Thánh chiếm con ngựa của Đức Phật Tổ đang cỡi, vị này lên lưng ngựa và ra roi thúc ngựa.

Nên nói thêm, ngôi Bửu điện lúc đó bằng cây lợp ngói, các cửa đơn sơ không được chắc chắn như hiện nay, do đó các vị Tả đạo mới lên vào được dễ dàng. Các đạo sĩ ấy không có ăn cơm, chỉ ăn trái cây, rau hoặc bánh mà thôi, nên có người gọi là đạo Tuyệt Cốc.

Thật ra thì các vị ở non động cả, có nhiều vị chơn tu cũng tuyệt cốc. Vậy chúng tôi đề nghị gọi nhóm người này là gian đạo sĩ hoặc là nhóm Tả đạo. Các vị này có nhiều lần cho biết xâu chuỗi bồ đề của họ đã luyện thành bảo vật, đánh người và cả cây hay đá cũng đều tan ra tro bụi, còn nếu chỉ vào ngựa ván (ngày xưa gọi divan là bộ ngựa) thì ngựa ván bay lên cao.

Vì lẽ bốn đạo kiêng sợ bảo vật chuỗi bồ đề nên chưa ai dám xông vào kéo các vị Tả đạo xuống khỏi ghế.

Sau đó có một vị bốn đạo thử xông vào kéo vị chiếm ngai Giáo-Tông xuống và cuộc náu kéo ẩu đã bắt đầu, các xâu chuỗi được tung ra. Nhiều bốn đạo đứng bên ngoài thấy chuỗi phép không làm tan đối thủ ra tro bụi thì vững lòng nhào vô trợ chiến, xua đuổi nhóm người Tả đạo ra khỏi Chánh điện.

Cũng trong thời gian này, một vị Đạo hữu hương khói tại Quan-Âm-Các (Quan Âm Các lúc bấy giờ ở tại chợ Ngã Năm gần nhà Ngài Chưởng Ấn Hối bấy giờ), chạy vô báo cho Hội-Thánh hay có hai Nữ gian đạo sĩ lên lầu, nơi thờ Phật Bà Quan Âm, xô cột Bà xuống và leo lên

bàn thờ ngồi tự xưng mình là Phật Quan Âm giáng thế.

Bốn đạo nghe vậy chạy ra leo lên lầu xua đuổi hai Nữ Tả đạo. Lại một phen chuỗi phép được tung ra, chuỗi chẳng hạn được ai cả, chỉ trì kéo làm đứt dây, hột chuỗi rơi đổ tứ tung. Bị xô té xuống đất, hai Nữ Tả đạo cứ nằm vạ tại đó rất lâu, bốn đạo thấy vậy ra về, nhưng vẫn để ý xem động tịnh ra sao. Một lúc lâu thấy vắng người, hai Nữ Tả đạo đứng dậy theo đường Phước Đức Cù về xóm Sân Cu.

Thu dọn chiến trường: Bốn đạo dựng các cột Phật dậy và quét dọn, lượm được một số lớn chuỗi hạt bồ đề của các nam nữ gian đạo sĩ bỏ rơi lại.

Vào năm Mậu-Dần (1938), nhóm gian đạo sĩ Tả đạo Bàng môn hành động công phá rối nhiều nơi. Lúc đó nhóm Tả đạo ở vùng Sân Cu (xã Long Thành) và vùng Sơn Đình (chơn núi Bà Đen) là đông hơn hết.

Nếu không lầm thì vào lúc 15 giờ ngày 14 tháng Giêng năm Mậu Dần (1938), có một gian đạo sĩ đầu trọc, trang phục áo màu da, tay cầm tấm bảng có viết chữ sắn, đem cầm tại Cửa số 1 Tòa Thánh. Lúc bấy giờ Cửa này tuy làm bằng gạch thô sơ, không phải kiến trúc như ngày nay, trên bảng có 4 câu kệ, đại ý nói 24 giờ khuya đêm 14 rạng rằm tháng Giêng sẽ có Đế vương xuất thế.

Ông đạo đọc bài kệ 3 lần, đánh 3 hồi công, rồi đi về hướng sân bay, nơi này hiện là đồng ruộng lúa sau Tòa Thánh. Sân bay này của người Pháp lập ra, nhưng rất ít khi máy bay đáp xuống, vì vậy cỏ mọc rất nhiều, nhứt là loại cỏ cần câu.

Ngày 14 tháng Giêng nói trên, tại sân bay qui tụ hằng trăm vị nam nữ Tả đạo để làm lễ mừng Đế vương xuất

thế. Tại đây, họ cất một lễ đài 9 tầng cao độ 40 thước. Đài cất bằng cây, hai bên đài là hai dãy nhà lá, mỗi dãy độ 5 hay 6 căn, phân ra Nam tả Nữ hữu, dưới chơn đài, họ cho đổ hằng trăm xe rơm để họ tập bay. Mỗi người sắm một cặp cánh bằng cây và giấy bạch, cánh giống như cánh chim, to cỡ bằng cái sàng gạo. Khi muốn bay, họ dứt hai cán cánh vào hai ống tre cột sẵn hai bên hông người và từ trên đài cao, họ phóng mình ra, hai tay nắm hai cánh mà quạt nhanh.

Về sau, ông Diên mặc toàn đồ trắng, xuống Sài Gòn đến Dinh Thống Soái Nam Kỳ treo cờ và đòi hỏi người Pháp trả nước Việt Nam, bị nhà cầm quyền Pháp bắt giam vào nhà thương điên. Nhóm Tịch Cốc tan rã và mất hẳn.

Kết quả 1: Họ không bay được đến đâu cả. Bay làm sao được khi khối thịt nặng 50, 60 ký mà hai cánh thì mỏng manh và dầu cho có quạt nhanh đến đâu cũng không đủ tốc độ để cất mình lên nổi. Rốt cuộc họ bị rơi xuống đồng rơm dưới chơn đài, nhờ có rơm xốp nên không bị hại chi về nhưn mạng.

Kết quả 2: Để vương xuất hiện đâu chẳng thấy, chỉ thấy lúc 22 giờ, có 3 xe cam nhông lính mã tà (cảnh sát) chỉ huy bởi một viên đội Pháp đến bao vây sân bay, bắt hết tất cả nam nữ đạo sĩ Tả đạo Bàng môn.

Kết quả 3: Nhà binh Pháp phóng hỏa đốt cả hai dãy nhà, đài bay, luôn 100 xe rơm, ánh lửa sáng rực một góc Trời. Không biết, chánh quyền Pháp đối xử với nhóm Tả đạo ấy ra sao, mà từ đó ở Tây Ninh không còn thấy họ xuất hiện nữa.

Lời bàn: Đáng thương thay! Đạo Trời khai dạy rõ phương tu tắt như vậy mà vẫn chê, tìm cách tu bướng,

thật là bức tranh “Thả mối bắt bóng” mà thôi.

2. Ông Cao Triều Phát, phái Minh Chơn Đạo

Ông Cao Triều Phát, tự là Thuận Đạt, sanh ngày 18-3-Kỷ Sửu (dl 17-4-1889) tại Vĩnh Hình, làng Vĩnh Lợi, tổng Thạnh Hưng, tỉnh Bạc Liêu. Thân phụ là Cao Minh Thạnh và Thân mẫu là Tào Thị Xúc. Gia đình có 8 anh em: 6 trai và 2 gái, ông Phát thứ 5 và thứ út là Cô Cao Thị Khiết, Cửu Nương Diêu-Trì-Cung..

1910, ông Cao Triều Phát tốt nghiệp Trung học.

1912, học xong hai lớp luật do Tòa Án Sài Gòn tổ chức, làm thơ ký phiên dịch tại Tòa Án Bạc Liêu.

1914, đi Pháp làm thông ngôn cho toán lính thợ Việt-Nam.

1922, trở về Việt-Nam, hoạt động chánh trị, viết cho tờ báo La Tribune Indigène (Diễn đàn bản xứ).

12-11-1926, ông Phát được bầu làm Đảng trưởng đảng Đông Dương Lao động, cơ quan ngôn luận của đảng là Nhứt Tân báo.

1930, đắc cử Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ.

1932 ông Cao Triều Phát nhập phái Minh Chơn Lý.

1939, thành lập Đoàn Thanh niên Đạo đức.

15-5-Ất Dậu (dl 24-6-1945) đại hội tại Tam Giáo điện của chi Minh Tân (221 Bến Vân Đồn Sài Gòn) thành lập Cao Đài Hiệp Nhứt 11 Phái (không có Toà-Thánh Tây ninh), ông Phát được bầu làm Chủ tịch.

1941, Tỉnh Ủy Viên Bạc Liêu là Tào Văn Ty vận động ông Cao Triều Phát nhập Mặt Trận Việt Minh, làm Phó Chủ tịch Ủy Ban Giải phóng dân tộc tỉnh Bạc Liêu.

1945, Chủ tịch Ủy Ban giải phóng dân tộc Bạc Liêu.

23-9-1945, quân viễn chinh Pháp trở lại đánh chiếm Sài Gòn. Đầu năm 1946, quân Pháp chiếm Bạc Liêu, ông Cao Triều Phát rút về Giồng Bướm huyện Giá Rai, lập chiến khu kháng chiến cứu quốc. Tại đây có Tòa Thánh Ngọc Minh của Minh Chơn Đạo được dùng làm trụ sở Trung ương của Kháng chiến.

15-4-1946, Pháp đem đại quân cùng phi cơ ném bom đánh Giồng Bướm, Tòa Thánh Ngọc Minh bị trúng bom sụp đổ, Cao Triều Phát rút binh về Cái Nước. Khu Bộ trưởng Chiến khu 9 là Vũ Đức (tức Hoàng Đình Giông) mời ông Phát về Bộ Chỉ Huy Chiến khu 9.

1948, Hồ Chủ tịch ở Bắc gởi thư khen ngợi ông Cao Triều Phát, đồng thời tặng ảnh và áo để kỷ niệm.

Tháng 12-1946, thành lập Kỳ Bộ Việt Minh Nam Bộ tại chiến khu Đồng Tháp Mười, do Hà Huy Giáp làm Chủ nhiệm, Cao Triều Phát được bầu làm Chủ nhiệm danh dự Kỳ Bộ.

15-2-1948, tại căn cứ Việt Bắc, Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh số 132/SL cử ông Cao Triều Phát và Nguyễn Bá Sang làm Cố Vấn Ủy Ban Kháng chiến Hành Chánh Nam Bộ.

14-10-1947, ông Cao Triều Phát trên cương vị Chủ tịch Cao Đài 11 Phái Hiệp Nhứt triệu tập hội nghị đại biểu các Chi phái tại Đồng Tháp Mười để thành lập Hội Cao Đài Cứu Quốc 12 phái Hợp Nhứt, với Ban Chấp hành gồm:

Chủ tịch: Cao Triều Phát (phái Minh Chơn Đạo).

Hai Phó Chủ tịch:

– Nguyễn Ngọc Nhựt (Ban Chính đạo)

– Nguyễn Văn Khảm (phái Tiên Thiên).

Tổng Thư Ký: Phạm Thị Tư (Vạn Quốc Tự)

Ủy Viên Tài Chánh kiêm Thủ Quỹ: Trần Đại Khái (phái Tây Ninh trung thành).

Ủy Viên Truyền Tin và Giao Thông: Hoàng Minh Viễn (phái Tây Ninh trung thành).

Chủ nhiệm Kỳ Bộ Việt Minh Nam Bộ Hà Huy Giáp tuyên bố thừa nhận Hội Cao Đài Cứu Quốc là một tổ chức của Kỳ Bộ.

Hội Cao Đài Cứu Quốc 12 phái Hợp Nhứt thành lập Hội-Thánh Duy Nhứt, gồm Hiệp-Thiên Đài, Cửu Trùng Đài và Cửu Viện.

Hiệp-Thiên Đài gồm 3 vị do quyền Thượng-Phẩm Cao Huệ Chương (phái Tây Ninh trung thành) làm chủ trương quản.

Cửu Trùng Đài gồm 3 vị do Phối Sư Nguyễn Văn Năm (Minh Chơn Lý) làm chủ trương quản.

Cửu Viện gồm 9 vị, mỗi vị coi một viện.

Hội Cao Đài Cứu Quốc thành lập thêm 2 đoàn thể:

– Thanh niên Cao Đài Cứu quốc,

– Phụ nữ Cao Đài Cứu quốc.

19-10-1948, Đại Hội Nhơn Sanh Hội Thánh Duy Nhứt bầu hai vị chủ trương quản hai Đài:

Thái Chủ trương Pháp Cao Triều Phát (Minh Chơn Đạo) làm quyền Chủ trương quản Cửu Trùng Đài.

Tiếp Đạo Phạm Hồng Tiên (Ban Chính Đạo) làm quyền Chủ trương quản Hiệp Thiên Đài.

Hiệp định Genève ký kết ngày 21-7-1954, Việt Nam

tạm phân hai miền Nam Bắc, Cà Mau là một trong những khu vực tập trung cán bộ và bộ đội trong 200 ngày trước khi xuống tàu tập kết ra Bắc.

Ông Cao Triều Phát triệu tập Hội Thánh Duy nhất và Hội Cao Đài Cứu Quốc tại Cà Mau để sắp đặt lại tổ chức:

– Giải thể Hội Thánh Duy Nhất để các Chi phái tái lập Hội Thánh riêng của phái mình.

– Một số Chức sắc sẽ tập kết ra Bắc, gồm:

- ♦ Chưởng quản Cao Triều Phát.
- ♦ Đầu Sư Nguyễn Hiền Ngô.
- ♦ Phối Sư Nguyễn Văn Khoan
- ♦ Giáo Sư Nguyễn Văn Khảm.
- ♦ Ông Hoàng Minh Viễn, v.v...

Tết Ất Mùi (dl 24-1-1955), tại Thánh Thất Hà Nội (48 phố Hòa Mã, khu phố Hai Bà Trưng) làm lễ ra mắt Hội Thánh Cao Đài tại Hà Nội mà đứng đầu là Giáo-Tông Cao Triều Phát, có đại diện chánh quyền và Mặt trận Liên Việt đến dự.

8-9-1956, ông Cao Triều Phát mất tại Bệnh Viện B303 Hà-Nội lúc 2 giờ chiều. Chánh phủ tổ chức lễ tang rất long trọng, thi hài được an táng tại nghĩa trang Nam Kỳ (số 32 đường Nguyễn Công Trứ, Hà Nội).

1983, gia đình bốc mộ, hỏa táng, đem tro hài cốt về Sài Gòn, thờ tại tư gia số 4 đường Đặng Tất, phường Tân định, Quận 1.

21-5-2000, tiểu sành đựng hài cốt của ông Cao Triều Phát được đưa lên đặt tại Phòng số 2 của Nhà Lưu hài

cốt tại nghĩa trang Thành phố. (Viết theo quyển: Cao Triều Phát, Nghĩa khí Nam bộ, của Phan Văn Hoàng, nhà xuất bản Trẻ)

3. Ông Huệ Lương Trần Văn Quế

Ông Trần Văn Quế, đạo hiệu Huệ Lương, sanh ngày 7-4-Nhâm Dần (dl 1-11-1902) tại làng Phước long, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa, Thân phụ là Trần Văn Được và thân mẫu là Nguyễn Thị Là. Thuở nhỏ, học chữ Hán với đông y sĩ Trương Văn Thuần. Khi ông Thuần mất thì chuyển qua học quốc ngữ và tiếng Pháp tại trường Tổng Phước long.

1919, đậu bằng Tiểu học Pháp-Việt, rồi thi đậu vào trường Sư Phạm Sài Gòn.

1923, tốt nghiệp trường Sư Phạm, đậu luôn bằng Thành Chung và bằng Trung học Pháp quốc.

1925, đậu bằng Tú Tài bốn quốc, trúng tuyển vào trường Cao đẳng Sư phạm Đông dương tại Hà Nội ban Toán Lý Hóa.

1928, tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, được bổ về trường Pétrus Ký và dạy học tại đây trong 16 năm liền.

15-7-Kỷ Tỵ (dl 19-8-1929), nhập môn vào Đạo Cao Đài tại Thánh Thất Phú Hội ở quê nhà, thường đến sanh hoạt đạo sự ở Thánh Thất Cầu Kho Sài Gòn.

1930, lên hành đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh, được Ôn Trên phong phẩm Giáo Hữu, được cử vào Hội đồng Nghị sự do Ngài Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh chủ tọa.

1933, hợp với ông Nguyễn Văn Kiên lập Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn tại Thánh Thất Cầu Kho, ông Kiên làm

chủ tịch, ông Quế làm Tổng Thư Ký. Sau 1 năm làm việc không đem lại kết quả.

1934, tại Trước Lý Minh Đài thành lập Liên Hòa Tổng Hội với nhiệm vụ tổ chức 12 kỳ Long Vân Hội để vận động thống nhất các chi phái, ông Nguyễn Phan Long làm Hội trưởng, ông Quế làm Tổng Thư Ký.

1943, tham gia Liên Đoàn Ái Quốc hội tranh thủ độc lập cho Việt-Nam, bị Pháp bắt, kết án 20 năm lưu đày nơi Côn đảo.

1945, Chánh phủ Trần Trọng Kim ân xá, ông Quế trở về Sài Gòn, sau đó hoạt động trở lại, làm Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành Chánh tỉnh Biên Hòa, chủ tịch là ông Hoàng Minh Châu.

1949, ông Quế lên Tòa Thánh Tây Ninh, chiêu dụ đạo tâm tại Chiêu Hiền Viện, được Đức Phạm Hộ-Pháp phong chức Khâm Sai Bắc Tông Đạo, đại diện Tòa Thánh Tây Ninh đi mở đạo tại Bắc Hà.

1952, trở về Sài Gòn, hợp tác với quý ông Phan Khắc Sửu và Nguyễn Bửu Tài, lập cơ quan Cao Đài Qui Nhứt tại Tam Giáo điện Minh Tân, nối tiếp công cuộc vận động liên hòa Chi phái.

1953, ông Quế được mời giữ chức: Hội Trưởng Cơ quan Truyền giáo Cao Đài.

1955, tháng 8, ông Quế hướng dẫn Phái đoàn Cơ quan Truyền giáo Cao Đài đi dự Hội nghị Quốc tế Tôn giáo tại Kyoto Nhật bốn.

1-6-Bính Thân (1956), cơ đạo Trung Việt khánh thành Trung Hưng Bửu Tòa tại Đà Nẵng, nâng Cơ quan Truyền giáo lên thành Hội Thánh Truyền giáo Trung Việt, ông

Quế được Ông Trên ân ban phẩm Ngọc Phối Sư, làm Chủ trưởng Hội Thánh.

1962, tại Minh Tân, ông Quế và ông Chơn Tâm được Đức Lý chỉ định làm Đệ nhứt và Đệ nhị Phó ban Phổ Thông Giáo Lý liên quan hành đạo, mà chính Đức Lý làm Trưởng ban.

1965, Ông Trên giao cho ông Quế lèo lái Cơ quan Phổ thông Giáo lý Cao Đài giáo Việt-Nam trong nhiệm vụ: Tổng Lý Minh Đạo.

1973, tại Hội Thánh Truyền giáo Trung Việt, Phối Sư Ngọc Quế Thanh được Đức Lý thăng Chánh Phối Sư.

14-10-Canh Thân (dl 21-11-1980), ông Huệ Lương Trần Văn Quế qui vị, được an táng tại nghĩa trang của Thánh Thất Trung Minh thuộc Hội Thánh Truyền giáo Trung Việt.

4. Thông Thiên Đài

Nhóm Thông Thiên Đài được lập nên bởi quý ông: Bác sĩ Nguyễn Văn Nhã, Đốc phủ Lê Quang Hộ, đại diện chủ Quách Văn Nghĩa, Đốc học Chiếu, Nguyễn Trung Thăng, Lê Quang Nghi, Lê Quang Tỉnh... và đồng tử phò loan là hai người con của Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu: Đức (Ngươn Ngọc) và Thân (Huệ Chương).

Đấng bề trên của nhóm này là Liễu Nhứt Chơn Nhơn Tôn Tản trong truyện Phong Kiếm Xuân Thu. Các Đấng bề trên cho biết, nhóm này về sau sẽ thay thế Hiệp Thiên Đài của Tòa Thánh Tây Ninh, nhưng thực tế thì không có việc này.

Trụ sở của nhóm Thông Thiên Đài đặt tại Thánh Thất Đồng Sơn ở Gò Công. Nhóm này không thu tín

đồ, các người sáng lập già cả rồi chết, nhóm nầy tan rã và mất luôn. Thánh Thất Đồng Sơn trở nên vắng vẻ, chỉ còn ông từ lo cúng kiếng mà thôi.

5. Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản

Nguyên trước đây ông Thái Phối Sư Nguyễn Văn Ca thành lập phái Minh Chơn Lý ở Mỹ Tho, được nhiều người ủng hộ, nhưng từ khi Thiên Sư Nguyễn Văn Phùng nắm Cơ bút của Minh Chơn Lý, ông cầu cơ sửa đổi hết các cách thờ phượng, làm cho nhiều người bất mãn nên bỏ đi, kể ra:

Quý Ngài Chưởng Pháp Trần Đạo Quang, Nguyễn Quang Thiệu, Cao Triều Phát về Bạc Liêu lập Minh Chơn Đạo.

Quý Ngài Vương Quan Kỳ và Đoàn Văn Bản trở về Thánh Thất Cầu Kho.

Ngài Trần Văn Quế bỏ đi, nhập phái Tiên Thiên. Quý Ngài Nguyễn Văn Kiên và Nguyễn Văn Phấn lập “Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản” trụ sở đặt tại Long An, mục đích là phục hồi nguyên bản Đạo Cao Đài như buổi đầu Đức Chí Tôn lập ra, nhưng không được nhiều người hưởng ứng.

Khi ông Nguyễn Văn Kiên được bầu làm Hội Trưởng Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn thì phái nầy bắt đầu suy tàn và khi ông Kiên qui liễu thì phái nầy tan rã.

6. Tây Tông Vô Cực Cung

Đây chỉ là một nhóm tu đơn, do Ngài Nguyễn Bửu Tài, pháp danh Thiện Pháp, lập ra tại quê nhà của Ngài là làng Phú Hưng, tục gọi làng Chệt Sậy, quận Châu Thành,

tỉnh Bến Tre.

Phái nầy cho rằng phái tu đơn của Ngài Ngô Văn Chiêu từ Phú quốc chuyển về Sài Gòn là phái Đông Tông, còn Ngài Nguyễn Bửu Tài ở Bến Tre là Tây Tông, nên Ngài gọi Thánh Tịnh của Ngài lập ra ở Chệt Sậy là Tây Tông Vô Cực Cung.

Như vậy, Tây Tông Vô Cực Cung không phải là một Chi phái của Đạo Cao Đài và cũng không dính dáng gì đến Đạo Cao Đài, chỉ có điều là sau đó Ngài Nguyễn Bửu Tài gia nhập phái Tiên Thiên, trở thành Chức sắc cao cấp (Thượng Đẩu Sư) của Tiên Thiên, rồi lãnh đạo phái Tiên Thiên qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh.

Sau khi Ngài Nguyễn Ngọc Tương Giáo-Tông phái Bến Tre qui liễu, Ngài Nguyễn Bửu Tài rút lui khỏi Tòa Thánh Tây Ninh, trở về tái lập phái Tiên Thiên, sau đó Cơ bút của Ngài phong Ngài chức Giáo-Tông của phái Tiên Thiên.

7. Tòa Thánh Nhị Giang

Phái nầy lập trụ sở tại Châu Đốc, gọi là Tòa Thánh Nhị Giang, chỉ hoạt động trong vùng Châu Đốc, có tổ chức lưỡng đài Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài như các Hội Thánh khác, hành đạo theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, nhưng không được nhiều người ủng hộ, hình như họ chán nản trước các sự kiện lập Chi phái.

8. Tòa Thánh Tiền Giang

Phái nầy lập trụ sở tại Thánh Tịnh Minh Kiến Đài ở làng Hạnh Thông Tây, quận Gò Vấp, Gia Định.

Về sau phái nầy lập lên Tòa Thánh gọi là Tòa Thánh

Tiền Giang, để đổi lại Tòa Thánh Hậu Giang. Tuy đã nâng cấp lên Tòa Thánh nhưng không có hoạt động gì đáng kể.

E. NHÓM ĐẶC BIỆT: CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ CAO ĐÀI GIÁO VIỆT NAM

Cơ Quan này do lệnh Ôn Trên lập ra với mục đích để siết chặt dây liên ái về phương diện tinh thần giữa các Hội Thánh, Chi phái và các Thánh Thất, Thánh Tịnh biệt lập. Lúc ban sơ, trụ sở đặt tại Tam Giáo Điện chùa Minh Tân, 221 Bến Vân Đồn, Vĩnh Hội, Sài Gòn và lấy danh xưng là “Cơ Quan Liên Giao Hành Đạo”.

Cho đến năm 1965, Cơ Quan này chưa tổ chức được nên chưa có hoạt động chi thật sự. Năm này thừa lệnh Ôn Trên dời trụ sở về 165E đường Cống Quỳnh Sài Gòn, gần Chợ Thái Bình, lấy danh xưng là “Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam” do Đức Chí Tôn ân ban ngày 1-Giêng-Ất Tỵ (dl 1-2-1965). Mục đích được đề ra cơ quan là của toàn đạo do Ôn Trên chỉ định lập ra để tổ chức các phương cách phương pháp và phương châm với mục đích phổ thông và phổ biến trong nhơn sanh một giáo lý Cao Đài thuần nhất....

Một Ban Thường Vụ gồm có:

- 1 Tổng Lý Minh Đạo.
- 1 Tham Lý Minh Đạo.
- 1 Tổng Thư Ký được lập ra để điều hành, điều khiển Cơ Quan. Dưới đó có một số Văn Phòng Vụ Trưởng, các Ban Giáo Sĩ, Tu Sĩ...

Tổng Lý Minh Đạo, Hiệp Lý Minh Đạo, Tham Lý Minh Đạo và Tổng Thư Ký là tứ trụ của Cơ Quan, mà 3

vị đứng đầu là những vị làm chánh sách và vạch đường lối, còn Tổng Thư Ký là chấp hành.

(Ôn Trên phong Ngài Trần Văn Quế đạo hiệu Huệ Lương là Tổng Lý Minh Đạo, Ngài Đỗ Vạn Lý đạo hiệu Minh Lý là Tham Lý Minh Đạo, kiêm nhiệm Quyền Tổng Thư Ký. Đức Lý Giáo-Tông giao cho Ngài Đỗ Vạn Lý soạn Bản Quy Điều Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý và được Ôn Trên phê chuẩn gọi là Thánh Dụ Quy Điều.)

Cơ quan Phổ thông giáo lý theo lệnh Ôn Trên là cơ quan cuối cùng của cơ Đại Đạo ở tại Việt Nam, với một nhiệm kỳ 20 năm kể từ năm 1965 như Ôn Trên đã định.

Thật thế, đến năm 1985, sai lệch vài năm, tất cả những vị có trọng trách trong Cơ Quan đều được Đức Chí Tôn gọi về hoặc ra đi hết. Có thể nói đến đây là hết một nguơn 60 năm của cơ Đại Đạo hành đạo trong nước Việt Nam, chấm dứt một giai đoạn đầu tiên của đời sống của cơ Cao Đài giáo. 20 năm đã được Đức Chí Tôn ấn định cho Cơ Quan là 20 năm vớt vát cho cơ Đạo sau sự thất bại của những cố gắng thống nhất trước đó.

Vì lẽ đó mà Cơ quan Phổ thông giáo lý được thành lập hơi khác các Chi, các Phái, các Nhóm khác trong Đạo từ trước tới giờ....

Nơi đây cũng nên ghi nhận ngay một việc là Cơ Quan này cũng nhằm vào mục đích thống nhất Đạo chứ không phải không, những phương pháp để đi đến mục đích đó không trực tiếp như những Hội Long Vân hoặc những Nhóm khác. Cơ Quan hướng về cơ thống nhất một cách gián tiếp, coi đó như là kết quả đương nhiên của chương trình phổ thông một Giáo lý thuần nhất mà tất cả toàn đạo đồng phải chấp nhận.

Cái khác biệt của Cơ quan Phổ thông giáo lý là Cơ Quan thì chỉ là một Cơ Quan thôi. Như một Cơ Quan thì nó không có quyền hạn của một Hội Thánh, Thánh Thất, Thánh Tịnh, không nằm trong Luật Đạo, dù rằng Cơ Quan rất kính trọng và tuân theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền. Cơ Quan không có Phận đạo riêng của mình, không có tín đồ riêng của mình, không nhập môn, không Tắm Thánh, không có Chức sắc, không tùy ai mà cũng không lãnh đạo ai, chỉ có một Văn Phòng với một số Phận sự và Đạo tâm tình nguyện. Là một Cơ Quan nên cũng không có phép và không có quyền hành Hôn Tang Tế sự. Cơ Quan chỉ có một nơi nho nhỏ thờ phượng Đức Chí Tôn và cúng Tứ thời. Vì thế, Cơ Quan không có cái chi để có thể cho lớn hơn hay nhỏ hơn ai cả.

Cơ Quan cũng không có sổ Công nghiệp để đem dâng trình cho ai để lên phẩm lên vị, lên chức.

Phận sự niên cao thì được gọi là Đạo Trưởng, hoặc Đạo huynh, Đạo tỷ, còn nhỏ tuổi hơn thì gọi Đạo đệ, Đạo muội.

Cơ Quan chỉ chú trọng vào tinh thần, vào giáo lý, vào phụng sự Thượng Đế, để giúp đỡ tất cả các Chi phái, các Nhóm và nhơn sanh. Tất cả cái chi trong Đạo: của cải, Thánh đường, Thánh Thất, Thánh Tịnh, Văn phòng, tín đồ, nhơn sanh, là của Thượng Đế tất cả.

Cơ quan Phổ thông giáo lý chỉ là một Cơ Quan thôi, không có lợi, cũng không có quyền, nên không cạnh tranh, không giành giật, không dẫm chân lên ai cả, chỉ cho, chỉ hiến dâng chứ không lấy, không thâu nhập của ai trừ ra của thiêng liêng mà thôi, cũng không ăn bánh vẽ mà cũng không cho ai ăn bánh vẽ. Cơ Quan chỉ có tinh

thần và tinh thần mà thôi.

Nếu Giáo lý là cây cầu nối liền các Chi phái ở Việt Nam thì Giáo lý, theo lẽ phải, cũng là cây cầu nối liền Cao Đài giáo với các tôn giáo bạn ở Việt Nam và ở cả thế giới năm châu bốn biển vậy.

Cũng vì lẽ tinh thần và phương châm hoằng dương Chánh đạo như thế nầy nên Cơ Quan không nề chấp lắm về phương diện hình thức bề ngoài đã được thể hiện và áp dụng các nơi, dù rằng mong mỗi các nơi đều thể hiện một hình thức thuần nhất trong Đạo đúng theo tinh thần Pháp Chánh Truyền, Tân Luật và những điều đã được Đức Chí Tôn dạy dỗ, tức là Chơn truyền Chánh pháp.

Cũng vì lẽ nầy, Cơ Quan cũng lấy phương pháp song tu cho những Phận sự và cho luôn những ai muốn cùng theo phương pháp đó. Song tu là vừa tu phước và tu huệ, nghĩa là phổ độ cùng với vô vi. (Trích trong quyển Tìm Hiểu Đạo Cao Đài của Đạo Trưởng Đỗ Vạn Lý)

Trong danh xưng Cơ quan Phổ thông giáo lý Cao Đài giáo Việt Nam, nhiều vị cho rằng chữ Việt Nam đã đóng khung, làm hạn hẹp tầm quan trọng của sứ mạng truyền bá giáo lý Cao Đài. Nên năm 1996, danh xưng trên đổi lại là: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Nhiệm vụ của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo được Đức Phật Mẫu giảng dạy như sau: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý có ba việc tối yếu phải làm:

- Phổ thông Giáo lý.
- Tổ chức Nữ Chung Hòa.
- Đào tạo thế hệ tiếp nối.

“Các vị các ban, về mặt hành chánh vẫn tiến hành

trong khuôn viên mẫu mực, nhưng đừng quên phần Phổ thông Giáo lý là then chốt của Cơ Quan.

Ngày nay thế giới bất hòa, xã hội loài người bất hòa, quốc gia bất hòa, tôn giáo bất hòa, các đoàn thể trong nước bất hòa, rất đối những người cùng một tổ chức, một cơ quan, một hiệp hội cũng bất hòa. Đó là triệu chứng của sự tan rã đi đến chỗ diệt vong. Nữ Chung Hòa được tái lập đúng lúc, đúng thời kỳ và đúng sứ mạng của nó.

Nữ Chung Hoà đảm trách những công việc thích hợp với Nữ giới:

- Hướng vào nhiệm vụ của người làm mẹ, làm chị gương mẫu, tạo nên nề nếp đạo đức trong mỗi gia đình, làm gương mẫu cho đoàn con cái noi theo.

- Dẫn dắt đào luyện mầm non cho đạo.

- Làm công tác xã hội phước thiện.

Đào tạo thế hệ tiếp nối bằng cách thành lập đội: Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý để làm lò đúc, làm học đường rèn luyện Thanh Thiếu niên làm ruộng cật truyền Đạo ở tương lai.” (Trích: Nói Chuyện Cao Đài của Ngài Thiên Vương Tinh)

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý không có hệ thống Chức sắc lưỡng Đài như các Chi phái, nhưng có Cơ bút riêng, đồng tử riêng, có Ban Nghiên Cứu Giáo lý và Đạo sử, tổ chức các lớp huấn luyện Giáo sĩ, mở các khóa dạy tu Thiền định, xuất bản báo chí. Trước 1975, Cơ quan Phổ thông Giáo lý có xuất bản Nguyệt san Cao Đài Giáo Lý, rất được nhiều giới ủng hộ.

F. VẤN ĐỀ QUI HIỆP CÁC CHI PHÁI CAO ĐÀI:

I. Các phong trào thống nhất Chi phái:

Kể từ năm 1936 đến trước ngày giải phóng 30-4-1975, nhiều tín đồ Cao Đài có nhiệt tâm lo âu sự phân chia Chi phái của nền Đại Đạo nên đã đứng ra lập nhiều cơ quan vận động qui hiệp các Chi phái, mặc dầu không thành công nhưng cũng gây được tiếng vang tốt trong dư luận, xin lần lượt kể ra:

- **Năm 1936**, một đàn cơ mà Liên Hoa làm đồng tử, Ôn Trên dạy lập một tổ chức gọi là Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn đặt trụ sở tại Thánh Thất Cầu Kho. Một số vị được bầu vào Ban Chương quản: Đốc phủ Nguyễn Văn Kiên làm Hội Trưởng, ông Cao Triều Phát làm Phó Hội Trưởng... nhưng tổ chức này không làm được việc gì vì nội bộ bất đồng ý kiến.

- Cũng năm **1936**, Ôn Trên lại dạy quý vị: Nguyễn Phan Long, Đoàn Văn Bản, Trần Quang Nghiêm, Trần Văn Quế, hợp nhau lập ra Liên Hòa Tổng Hội để tổ chức các cuộc Hội Long Vân vận động hòa hiệp các Chi phái. Liên Hòa Tổng Hội tổ chức được 12 Hội Long Vân, nhưng các Chi phái rất thờ-ơ trong việc hòa hiệp. Ôn Trên dạy Liên Hoà Tổng Hội phải giải nhiệm sau kỳ Hội Long Vân 12, vì Ôn Trên tiên tri rằng:

Liên Hòa vị hiệp đạo lương vong,

Lãnh tụ khâm sai họ nạn hồng.

Hội Long Vân 12 tại Thánh Tịnh Minh Kiến Đài ở Hạnh Thông Tây Gò Vấp, ngày 15-12-Canh Thìn (1940) thì đệ nhị thế chiến sắp bùng nổ, ở Việt Nam quân đội Pháp bắt các lãnh đạo tôn giáo cầm tù và lưu đày.

- **Năm 1945**, ông Cao Triều Phát lập Cơ Quan Cao

Đài Hiệp Nhất, sau có ông Lê Kim Tỵ và Bùi Văn Nhân tiếp nối, nhưng công việc không được nhiều người hưởng ứng.

▪ **Năm 1952**, ông Nguyễn Bửu Tài cùng với quý ông Phan Khắc Sửu, Trần Văn Quế lập ra Cơ Quan Cao Đài Qui Nhất, nhưng cũng không qui tụ được bao nhiêu người.

▪ **Năm 1964**, ông Trần Văn Quế lập ra Phái Đoàn Thiện Tâm hướng về Tòa Thánh Tây Ninh, tiếp xúc với Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh thảo luận việc thống nhất các Chi phái, được Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh ủng hộ. Công việc thấy có kết quả bước đầu, nhưng sau đó không tiến thêm được.

▪ **Năm 1969**, ông Phan Khắc Sửu (đạo hiệu Huỳnh Đức) lại cầm đầu một Phái đoàn đông đảo gồm 72 đại diện một số Hội Thánh Chi phái lên Tòa Thánh Tây Ninh họp để thảo luận vấn đề thống nhất Chi phái. Ông Phan Khắc Sửu dùng uy tín bên Đời và bên Đạo của ông gây được một phong trào lớn, có tánh cách qui mô. Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh họp tác thảo luận, đạt được một số nguyên tắc chung.

▪ **Năm 1972**, Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh cử Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa làm đại diện mời lãnh đạo các Chi phái họp tại Tòa Thánh Tây Ninh để tiếp tục bàn về sự qui hiệp các Chi phái. Được biết, trong Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh, Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa có đại nguyện thống nhất các Chi phái, nên Hội Thánh cử Ngài lo công việc thống nhất này thì rất hợp với ý nguyện của Ngài.

Các Chi phái hưởng ứng lời mời nên lên họp tại Tòa

Thánh Tây Ninh rất đông. Hội nghị bước đầu đạt thỏa thuận gồm 5 điểm:

Làm sáng tỏ danh Đại Đạo của Đức Chí Tôn trong và ngoài nước, y theo Chơn truyền Luật pháp của Đạo (Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển).

– Tương thân tương trợ, tương ái tương liên trong phạm vi đạo đức.

– Không làm Chánh trị, không lập Quân đội.

– Bành trướng sâu rộng cơ phổ độ trong và ngoài nước, hiệp sức mở mang công việc văn hóa và từ thiện phục vụ nhơn sanh.

– Tạm thời tôn trọng hệ thống tổ chức nội bộ của mỗi Chi phái cho tới ngày Đức Chí Tôn phán đoán.

Hội Nghị thành lập được một Hội Đồng Vận Động Thống Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà Ngài Hồ Tấn Khoa được bầu làm Trưởng Ban Thường Vụ Lâm thời.

Hội Đồng tổ chức được vài cuộc viếng thăm thân hữu trụ sở của vài Chi phái, rồi đến ngày giải phóng, Hội Thánh và các Cơ quan của Đạo Cao Đài ở khắp nơi đều bị giải thể.

Qua các điểm vừa trình bày trên, chúng ta nhận thấy việc qui hiệp các Chi phái của Đạo Cao Đài, tuy có nhiều cố gắng của Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh và của một vài Chi phái, nhưng cuối không đạt được tiến bộ quan trọng nào.

II. Mục sư Tin lành Olliver nhận định

Mục Sư Olliver đạo Tin Lành, người Mỹ, khi nghiên cứu về Đạo Cao Đài có bày tỏ ý kiến sau đây:

(dịch ra Việt văn)

“Tôi rất buồn mà thấy rằng các Chi phái trong Đạo Cao Đài chỉ nói tốt cho mình mà hạ phẩm giá người khác. Điều đáng buồn hơn hết là mỗi Chi phái đều quá ư tự túc tự mãn và không hề nói đến sự thống nhất, dù rằng đó là sự thống nhất tinh thần.

Một vài Chi phái khi nghe nói đến việc thống nhất thì nghiêm nhiên tuyên bố: Đấng Chí Tôn sẽ làm cho chúng tôi.

Các Chi phái trong Đạo Cao Đài mà hiệp nhau lại được thì trước nhất sẽ có lợi trong các Chi phái ấy và sau đó là lợi cho quốc gia Việt Nam của họ.

Trước khi chờ Đấng Chí Tôn làm giùm cho chư vị, thì chính chư vị phải cố gắng đứng lên làm một việc gì trước đã.”

Lời phê bình và nhận xét của Mục Sư Olliver khá xác đáng để cho mỗi tín đồ Cao Đài chúng ta quan tâm và suy nghĩ nhiều hơn. Họ là người ngoại quốc, nên cái nhìn rất khách quan, không thiên vị một bên nào. Nhưng thực sự ta nghe lòng xao xuyến và ái ngại vô cùng!

G. TẠI SAO CÁC CHI PHÁI KHÔNG THỐNG NHẤT ĐƯỢC?

Đây là một câu hỏi làm hoang mang rất nhiều người. Những người hành đạo đi sau có cảm tưởng dường như càng vận động thống nhất, càng có sự dạy dỗ khuyên lơn, khuyến cáo của chư Thiêng liêng chừng nào thì chia rẽ lại càng trầm trọng chừng nấy.

Có lẽ những người hành đạo đi sau bức tức hơn là hoang mang, bức tức cho sự việc, vì sự việc đã biến thành những chướng ngại vật cho sự tiến triển của cơ Đạo mà

mình muốn để vào một tay xây dựng....

Đức Chí Tôn chỉ trông cậy có một điều là thiết lòng, là chơn thành mà thôi. Với Thầy, Thầy muốn ở các con cái của Ngài một tấm lòng hoà thuận, thương yêu, hiệp đồng cùng nhau trong một chủ nghĩa Đại-Đồng. Dù cả một cố gắng là Qui Tam giáo hiệp ngũ chi, tuy vậy mà còn dễ hơn là “Thống nhất các Chi phái”.

Hình như có một mặc cảm như thế nào ấy. Mong sao mỗi người tự ý thức mà dẹp lẩn những cái riêng tư, những nỗi xót xa nếu có, để cùng nhìn vào một chơn lý cao đẹp của Đạo Trời. Thầy đã ân cần nhắc nhở:

“Chư sơn nghe dạy:

Vốn từ Lục Tổ thì Phật Giáo đã bị bế lại, cho nên tu hữu công mà thành thì bất thành; Chánh Pháp bị nơi Thần Tú làm cho ra mất Chánh Giáo, lập riêng pháp luật buộc mỗi Đạo Thiên.

Ta vì luật lệnh Thiên mạng đã ra cho nên cam để vậy, làm cho Phật Tông thất chánh có trên ba ngàn năm nay. Vì Tam Kỳ Phổ Độ, Thiên Địa hoằng khai, nơi “Tây Phương Cực Lạc” và “Ngọc Hư Cung” mật chiếu đã truyền siêu rồi chúng sanh. Trong Phật Tông Nguyên Lý đã cho hiểu trước đến buổi hôm nay rồi; tại tăng đồ không kiếm chơn lý mà hiểu.

Lắm kẻ đã chịu khổ hạnh hành đạo... Ôi! Thương thay! Công có công, mà thường chưa hề có thưởng; vì vậy mà Ta rất đau lòng.

Ta đến chẳng phải cứu một mình chư tăng mà thôi; vì trong thế hiểm bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật phải đọa hồng trần, Ta đương lo cứu vớt.

Chư tăng, chư chúng sanh hữu căn hữu kiếp, đặng gặp kỳ Phổ Độ này là lần chót; phải rán sức tu hành, đừng mơ mộng hoài trông giả luật. Chư sơn đặc đạo cùng chẳng là do nơi mình hành đạo. Phép hành đạo Phật Giáo dường như ra sái hết, tương tự như gần biển “Tả Đạo Bàng Môn”. Kỳ truyền đã thất, chư sơn chưa hề biết cái sai ấy do tại nơi nào; cứ ôm theo luật Thần Tú, thì đương mong mỏi về Tây Phương mà cửa Tây Phương vẫn cứ bị đóng, thì cơ thành chánh quả do nơi nào mà biết chắc vậy. Ta đã đến với huyền diệu này, thì từ đây Ta cũng cho chư tăng dùng huyền diệu này mà học hỏi, ngày sau đừng đổ tội rằng vì thất học mà chịu thất kỳ truyền. Chư tăng từ đây chẳng đặng nói Phật giả vô ngôn nữa.”

CHƯƠNG II

TIỂU SỬ CÁC VỊ LÃNH ĐẠO CHI PHÁI CAO-ĐÀI

(Tách rời Tây Ninh hoặc lập Chi phái)

1. Thái Chương Pháp: Hoà Thượng Như Nhãn
2. Ngài Ngô văn Chiêu lập Chiếu Minh
3. Ông Vương Quan Kỳ: lập phái Cầu Kho
4. Hoà Thượng Thiện Minh bị Đức Lý cách chức
5. Ông Phối-Sư Thái Ca Thanh: lập Minh Chơn lý
6. Giáo Hữu Ngọc Chính Thanh: Phái Tiên Thiên
7. Phái Minh Chơn Đạo: Chương Pháp Trần Đạo Quang
8. Phái Bến Tre: Hai vị Quyền Đầu-Sư: Tương và Trang

01- Thái Chương Pháp: Hoà Thượng Như Nhãn (1864-1939) bỏ Đạo.



Hòa Thượng Như Nhân, thế danh là Nguyễn Văn Tường, sanh năm 1864, con của ông Nguyễn Văn Bầu và bà Đoàn Diệu Hoa, quê quán ở Đức Hòa (Long An), đi tu từ năm 17 tuổi, qui y với Hòa Thượng Thích Trí Lượng (Minh Đạt) trụ trì ở chùa Thiền Lâm Cổ Tự (xóm Chùa, tỉnh Tây Ninh), thọ Pháp danh là Thích Từ Phong.

Nguyên vào năm Mậu-Tý (1888) tại vùng Phú Lâm Chợ-Lớn (đường Bà Kế, khu vực Chợ Gạo, nay là Bến Phú Lâm, Quận 6) bà Hồ Thị Lộc có xây một ngôi chùa lớn, đặt tên là Chùa Giác Hải, bà giao cho ông Thủ Tọa Nguyễn Minh Sự coi sóc. Ông Sự mất năm 1908.

Sư Thích Từ Phong về đây kế nghiệp, trụ trì Chùa Giác Hải. Năm 1912, Ngài Thích Từ Phong giữ chức Yết Ma và năm 1924 Ngài được phong chức Hòa Thượng, nên các Phật-tử tại vùng này thường gọi Ngài là Hòa-Thượng Giác-Hải.

Trong lúc trụ trì ở chùa Giác-Hải, Hòa-Thượng Giác Hải có quyền góp tiền bạc trong bốn đạo để mua đất và lập một cảnh chùa tại vùng Gò Kén, Tây Ninh, lấy tên là Từ Lâm Tự (sau đổi lại là Thiền Lâm Tự). Chùa được xây dựng trên một khu đất gò rộng 4 mẫu, trên Quốc lộ 22 Sài-Gòn Tây-Ninh, từ lộ vô khoảng 200 mét và cách thị xã Tây-Ninh chừng 5 cây số, phía trước cất chùa, phía sau làm nghĩa địa.

Trong số bốn đạo đóng góp tiền mua đất và xây chùa Từ Lâm ở Gò Kén, ông bà Huyện Nguyễn Ngọc Thơ và Bà Lâm Ngọc Thanh cũng có đóng góp tiền bạc vào nhiều hơn hết. Chùa mới vừa xây dựng xong phần chánh, chưa trang trí, chưa làm đường lớn từ quốc lộ vào chùa, không có Đông lang, Tây lang. Lúc đó là vào năm 1925.

Vào giữa năm Bính-Dần (1926) ông bà Nguyễn Ngọc Thơ được Đức Chí-Tôn thâu làm Môn đệ, nhập vào Đạo Cao Đài. Hai ông bà cũng muốn Đức Chí Tôn thâu phục Hòa-Thượng Như-Nhân, nên ông bà thuyết phục Hòa Thượng đến dự một đàn cơ cầu Đức Chí Tôn tại nhà Ngài Nguyễn Ngọc Thơ ở Tân-Định. Đức Chí Tôn giáng cơ thâu nhận Hòa Thượng Như Nhân.

Giữa tháng 7 năm Bính-Dần (1926) Hòa Thượng Như Nhân được Đức Chí Tôn thâu làm Môn đệ.

Sau đó, do sự yêu cầu của ông bà Thơ, Hòa Thượng Như Nhân hiến chùa Từ Lâm (Gò Kén) cho Đạo Cao Đài dùng làm Thánh Thất tổ chức Lễ Khai Đạo.

(Có lẽ trong thời gian xây dựng chùa Từ Lâm ở Gò Kén, Hòa thượng Giác Hải lấy hiệu là Như Nhân).

Ngày 29-7-Bính Dần (dl 5-9-1926), Hòa Thượng Như Nhân được Đức Chí-Tôn giáng cơ ân phong là: Quảng Pháp Thiền Sư Thích Đạo Chuyển Luật Linh Điều Đạo Sĩ: **Chưởng Pháp phái Thái.**

Ngày 15-10-Bính Dần (dl 19-11-1926) Đại Lễ Khai Đạo Cao Đài được tổ chức long trọng tại Thánh Thất Từ Lâm Tự (Gò Kén, Tây Ninh) có hàng vạn tín đồ Cao Đài dự lễ, số quan khách ngoài đời cũng đến dự rất đông.

Đêm 14 rạng 15 tháng 10 âm-lịch, tổ chức đàn cơ trong Thánh Thất, Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt trấn pháp sót một cửa, nên thừa dịp này, quỉ nhập vào đàn, một con quỉ nhập vào ông Lê Thế Vĩnh xưng là Tể Thiên Đại Thánh, một con quỉ khác nhập vào cô Vương Thanh Chi xưng là Lê Sơn Thánh Mẫu, nói năng lộn xộn rồi nắm tay nhau nhảy múa, khiến cho nhiều người mới vào Đạo

Cao Đài bị mất đức tin.

Hòa Thượng Như Nhân cũng bị mất đức tin. Mặc khác, số đệ tử của Hòa Thượng Như Nhân yêu cầu Ngài bỏ Đạo Cao Đài và đòi chùa lại. Hòa Thượng Như Nhân nghe theo và quyết định đòi chùa Từ Lâm, không hiến cho Đạo Cao Đài nữa, hẹn trong 3 tháng Đạo Cao Đài phải đòi.

Ngày 19-11-Bính Dần, Hòa Thượng Như Nhân bị thiêu liêng quả phạt làm cho đau nặng.

Ngày 01-12-Bính Dần, Đức Chí Tôn giáng cơ quả phái Thái và Hòa Thượng Như Nhân, tỏ ý muốn phế bỏ phái Thái. Đức Phổ Hiền Bồ Tát cầu xin Đức Chí Tôn tha thứ cho phái Thái và đừng bỏ phái Thái (phái Phật).

Đức Lý Giáo-Tông giáng cơ trực xuất Hòa Thượng Như Nhân ra khỏi Đạo Cao Đài. Tháng 2 năm Đinh Mão, Đức Lý Giáo-Tông quyết định trả chùa Từ Lâm cho Hòa Thượng Như Nhân và chỉ dẫn Hội Thánh tìm mua được 96 mẫu đất tại làng Long Thành (Tây Ninh) để dời các cơ sở của Đạo về nơi đây, lập thành Tòa Thánh Trung ương của Đạo Cao Đài.

Hòa Thượng Như Nhân qui liễu vào ngày 5-12-Mậu Dần (dl 24-1-1939) hưởng thọ 75 tuổi. Tháp của Ngài được xây ngay trước Từ Lâm Tự (nay là Thiền Lâm Tự) Gò Kén (Tây ninh).

Trên bia mộ có đề chữ Hán, dịch ra như sau đây:

Ngài là Đại Lão Hòa Thượng Thiền Tông Lâm Tế đời thứ 39.

Ngày sanh: 15-3-Giáp Tý (1864).

Ngày qui: 05-12-Mậu Dần (1939), thọ 75 tuổi.

Tháp của Hòa Thượng Như Nhân xây ở chính giữa,

hai tháp hai bên là của hai vị: Hoà Thượng Minh Đạt, thầy của Ngài Như Nhân và Hòa Thượng Hồng Tăng, học trò của Ngài Như Nhân.

a- Như Nhân đòi Chùa nên toàn Đạo phải tìm mua đất làm Đền-Thánh:

Sự diễn tiến:

* Sau khi làm Lễ Khai Đạo tại chùa Từ Lâm (Gò Kén) ngày 15-10 Bính-Dần (dl 19-11-1926) chủ chùa Từ Lâm là Hòa-Thượng Như-Nhân (Giác-Hải) đòi chùa lại, không hiến cho Hội-Thánh Cao-Đài nữa, kỳ hẹn trong 3 tháng buộc phải dời đi.

* Ngày 19-1 Đinh-Mão (dl 20-2-1927) tại Từ Lâm Tự, Đức Lý Giáo-Tông giáng cơ quyết định trả chùa lại cho Hòa-Thượng Như-Nhân, rồi dạy Hội-Thánh đi chọn mua đất cất Tòa-Thánh, phải chọn đất tại Tây-Ninh nầy mà thôi. Đức Lý xin mua đất nơi khác nhưng Đức Chí-Tôn không chịu, bởi vì Tây-Ninh là Thánh-địa, nơi đây phong thổ thuận tiện cho người ngoại-quốc đến học Đạo.

* Ngày 20-1 Đinh-Mão (dl 21-2-1927) cũng tại Từ Lâm Tự, Đức Chí-Tôn giáng cơ xác định:

“Các con phải chung hiệp nhau mà lo cho hoàn toàn Tòa Thánh, chi chi cũng ở tại Tây Ninh nầy mà thôi”.

Trước khi tìm mua đất thì Đạo Cao Đài làm Lễ Khai Đạo ngày 15-10 Bính-Dần (dl 19-11-1926) tại đây làm Thánh-Thất tạm, đặt tại Chùa Từ-Lâm (tục gọi là Chùa Gò Kén, Tây-Ninh).

Nguyên ngôi chùa nầy do Hòa-Thượng Như-Nhân (cũng gọi là Hòa-Thượng Giác-Hải) góp tiền bốn đạo mua đất và xây dựng nên. Kịp khi Đức Chí-Tôn giáng cơ mở

Đạo, Đức Chí-Tôn dùng Huyền-diệu Cơ Bút độ được Hòa Thượng Như-Nhân theo Đạo và trở thành một vị Chức sắc Đại-Thiên-phong của Đạo Cao-Đài, nên Hòa-Thượng Như Nhân hiến chùa Từ-Lâm cho Hội-Thánh Cao-Đài làm Thánh-Thất, tổ chức Lễ Khai Đạo. Nhưng sau ngày Lễ Khai Đạo, Hòa-Thượng Như-Nhân một phần bị mất Đức tin, một phần bị nhà cầm quyền Pháp lúc bấy giờ xúi giục và hăm dọa, Hòa-Thượng Như-Nhân không theo Đạo Cao Đài nữa và đòi chùa lại, không hiến cho Hội Thánh.

Hội-Thánh Cao-Đài phải trả chùa lại cho Ông Như Nhân và hứa trong 3 tháng sẽ tìm đất mới để dọn đi.

“Kể từ Rằm tháng 10 năm Bính-Dần (1926) tới Rằm tháng Giêng Đinh-Mão (1927) là đúng kỳ hứa trả chùa Từ Lâm (Gò Kén) là 3 tháng, nhưng tới tháng 2 năm Đinh-Mão, đã quá kỳ hạn 1 tháng mà Hội Thánh chưa trả chùa lại được, vì chưa kiếm được đất để mua, còn Ông Hòa Thượng Giác Hải thì cứ đòi chùa lại hoài.”

(Đạo-Sử I /51)

Vì sự đòi Chùa ấy nên Đức Lý Giáo-Tông giảng dạy tại chùa Gò-Kén ngày 19-1 Đinh-Mão (dl 20-2-1927):

*“Ngày nay Lão nhứt định chùa này trả lại. Xong trước khi trả, phải cất Thánh Thất cho xong y như lời dạy. Chư Đạo hữu phải hiệp sức nhau dựng lập thành Tòa Thánh, **chỉ chi cũng tại Tây Ninh này mà thôi, vì là Thánh địa. Và lại phong thổ thuận cho nhiều nước ngoại quốc đến đây học Đạo.** Lão muốn nơi khác mà Đức Chí Tôn không chịu.*

Thượng Trung Nhứt! Phải làm thế nào chứa đất dư ra ít nữa là 50 mẫu là trọn cả bản đồ Bạch Ngọc Kinh và cho đủ Thánh địa ấy. Hiền hữu đi chọn đất về cho Lão hay,

cầu khẩn Chí Tôn nghe!”

(Trích Đạo-Sử. II/ 222)

Hôm sau, cũng tại chùa Gò Kén, ngày 20-1 Đinh Mão (dl 21-2-1927) Đức Chí-Tôn giảng dạy như sau:

*“**Các con nghe! Nơi nào Thấy ngự thì nơi ấy là Thánh địa.** Thấy đã ban sắc cho Thần Hoàng Long Thành thăng lên chức Văn Xương vào trấn nhậm làng Hiệp Ninh dạy dỗ dân vô đạo, Thấy ban quyền thưởng phạt, đặng răn làng ấy cho đến ngày chúng nó biết ăn năn cải quá. Vậy thì Làng Long Thành, các con khá an lòng.*

Còn Tòa Thánh thì muốn để cho có nhơn lực hiệp cùng Thiên ý là hạnh của Thấy, các con nên xem gương mà bắt chước. Từ Thấy đến lập Đạo cho đến giờ, Thấy chưa hề một mình chuyên quyền bao giờ. Các con lựa chọn nơi nào mà Hội Thánh vừa lòng thì là đẹp lòng Thấy.

Các con phải chung hiệp nhau mà lo cho hoàn toàn Tòa Thánh, chi chi cũng tại Tây Ninh này mà thôi.

Các con đã hiểu Thánh ý Thấy, phải cần kiệm mỗi sự chi về phương tiện mà thôi.

Thơ! Thấy giao cho con góp tư bốn trong một tháng cho rồi, dặn các em con rằng: “Danh thế Đạo nơi Tòa Thánh, nghe à!”. Sau Thái Bạch sẽ dạy con kiểu vở.

Cấm Giang thì các con phải chịu khổ về phần ăn uống, Bén Kéo thì địa thế hẹp hòi, chớ chi các con khôn ngoan lấy cớ rằng: vì ích lợi lương sanh, vì đạo đức mà ký Chánh phủ cho các con mé rừng Cấm bên kia đường thì đẹp lắm. Các con liệu thử!

Thơ! Suối Vàng thì đặng, phương chuyên chở không thuận tiện, song phong thổ tốt đẹp. Con cũng yêu cầu Hội

Thánh xét nét, nghe à! Thấy ban ơn cho các con.”

(ĐS. II. 223) & [TNHT. I. 98]

Tiếp theo, cũng tại chùa Gò Kén, ngày 21-1 Đinh Mão (DL 22-2-1927) Đức Lý Giáo-Tông giảng dạy tìm đất Thánh Địa:

“Thượng Trung Nhựt! Thái Thơ Thanh! Cười! Nhị vị Hiền hữu muốn cho Đạo phải mang tiếng rằng: Trốn lánh hay sao mà tính dời Tòa-Thánh xa dữ vậy hử? Tỷ như Lão muốn lập Tòa Thánh gần bên thành binh, chứ Hiền hữu tưởng sao?

– Trung bạch: Có hai làng cùng đất.

– Mua thì đắt, khó gì! Một nơi chỉ Thánh trước mắt mà chứ Hiền hữu chẳng biết xem, ấy cũng còn hai phần phạm.

Thái Thơ Thanh! Lão cậy Hiền hữu một phen nữa, mai nầy đi lên đường trên gọi là đường dây thép, nhấm địa thế dài theo cho tới ngã ba Ao Hồ, coi Hiền hữu thấy đắt chẳng cho biết.

Lão đã nói rằng: Mỗi sự chi đều bày trước mắt nhơn sanh hết. Chứ Hiền hữu đừng sợ ai hết, hễ sợ thì chối quyền Thiêng liêng của Chí Tôn thì còn gì Đạo! nghe à!” (Đạo-Sử. II./ 224)

b- Đức Hộ-Pháp nói về việc mượn chùa Từ Lâm của Hoà Thượng Giác Hải

“Đức Chí Tôn nói “chi chi cũng tại Tòa Thánh Tây Ninh nầy mà thôi”. Ngó lại thấy hiện tượng của Đạo nghèo đến nước không phương thể làm chùa để mượn Từ Lâm Tự của nhà Thiền tức của Hoà Thượng Giác Hải làm mới

nửa chừng, họ muốn cho mượn đặng lợi dụng mình làm cho xong. Xuất của ra làm, chừng mở Đạo vừa xong quyền Đòi quyền Đạo xúm lại đè nén muốn hạ nhục làm cho rẻ giá trị, đòi chùa lại, đuổi đi.

Thật vậy, họ đuổi đi, phải đi cấp thời, mua được đất Long Thành ngó lại toàn rừng già thú dữ đầy cạp beo đủ thú. Như thế ấy mà nói chi chi cũng tại Tòa Thánh Tây Ninh nầy mà thôi. Nếu buổi ấy ai đức tin không vững chắc còn có nước trốn mà đi. Một phần đã từ bỏ Đạo vì lẽ ấy, còn những người có đức tin một chút nói rằng ở coi, coi họ làm sao tương lai sẽ như thế nào? Nếu nên thì mình theo, bằng không nên thì đã đảo rồi bỏ đi. Như vậy mà vẫn còn một đám người nữa vì thương chúng sanh kính trọng con cái Đức Chí Tôn đem đức tin để trọn vẹn nơi Ngài lo lắng cho tương lai của nhơn sanh, tự hỏi: nếu lời hứa của Đức Chí Tôn không thành tựu thì Đạo Cao Đài thành sao đắt, vì có, những kẻ ấy đem tất cả nhiệt huyết của mình dâng cứu dân, lời hứa của Đức Chí Tôn đem cả đức tin thực hiện cho thành tựu mong mỗi cứu tinh thế, thấy khổ nhơn loại mà hy sinh tạo nghiệp. Bần Đạo ngó lại hai mươi mấy năm rồi biết bao nhiêu sanh mạng về gởi rừng nầy nơi nước độc bệnh chướng, nhìn lại Thánh Địa biết bao nhiêu mồ mả, biết bao xương máu.”

02- Ông Ngô Văn Chiêu (1878-1932)
(Bỏ Toà Thánh tách ra lập Chiếu Minh vô vi)



A-

1. Bên lề cuộc sống của Ngài Ngô văn Chiêu:

Ngày 29-03-Bính Dần (Thứ hai: 10-5-1926) Đức Thượng Đế giáng Cơ dạy Đức Hộ-Pháp:

– *Tắc! lập tức đi ngay đến nhà Trung có việc cần kíp!*

Dù đêm đã khuya, nhưng lệnh của Đức Chí-Tôn, Ngài phải thi hành, đến nhà Đức Quyền Giáo-Tông Lê-văn Trung ở số 39 đường Quai Testard Chợ-lớn. Đến nơi, vài phút sau thì cụ Ngô-văn-Chiêu cũng đến. Xuống xe, cụ tỏ vẻ đau đớn dường như không tự đi đứng được, hai

Ngài Trung và Tắc phải dìu cụ vào nhà. Cụ Chiêu tiết lộ:

– Năm 1919 nơi đảo Phú Quốc, Đức Chí-Tôn thân nhận cụ làm Đệ-tử và dạy đạo cho. Cụ Ngô đã ước hứa với Thầy là “sẽ truyền Đạo của Thầy để cứu đời”. Nay vì phong trào cầu Cơ của quý vị tiên khai Đại-Đạo đã thu hút cả hàng thượng lưu trí thức cùng cả giới nông, công, thương, nghèo hèn, khiến cho chánh quyền thực dân Pháp lo ngại nên gây áp lực buộc cụ Chiêu phải lấy tư cách người Anh Cả của nhóm đệ tử đầu tiên phải ra lệnh cho tất cả: ngưng việc cầu cơ! Chấm dứt việc chứng sinh cầu Đạo Nếu không tuân lệnh chúng sẽ cho Ngài nghỉ việc và truy tố ra Toà về tội “Không chấp hành lời cam kết” phải bồi thường “Ngân khoản đào tạo”. Những án phạt vừa kể, Cụ Chiêu còn có thể chịu đựng được, nhưng chúng còn doạ là cắt học bổng của con cháu cụ đang du học bên Pháp và cấm cả việc chuyển ngân của gia đình cho con cháu nữa. Do vậy mà lời phát nguyện khi xưa của cụ với ông Thầy Trời khó mà thực hiện được.

Cụ Ngô văn Chiêu mới sở cậy Ngài Lê-văn-Trung ra gánh vác việc Đạo trong tương lai. Sau cùng Cụ Chiêu quyết định làm theo sự đòi hỏi của người Pháp. Cụ Chiêu đã chủ trương câu “Ngô thân bất độ hà thân độ” (thân tôi chưa độ được thì làm sao độ người).

Bấy giờ Cụ Chiêu tách ra khỏi nhóm Đệ-tử tiên khai Đại-Đạo ở Toà-Thánh Tây-ninh và tự lập ra Chi-Phái Chiếu Minh và tu vô vi.

Phái này do Ngài Ngô Văn Chiêu lập ra vào đầu năm 1927, sau khi Ngài đã bị truất ngôi Giáo-Tông, lúc đầu gọi là Cơ Tuyển Độ Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi ở tại Châu Thành Cần Thơ. Sau khi Ngài Chiêu đăng

Tiên thì ông Tư Huỳnh lãnh đạo.

Phái Chiêu Minh chuyên về Nội giáo Vô Vi, Tâm pháp bí truyền luyện đạo, nên lựa chọn và thu nhận rất ít tín đồ, hoạt động hạn hẹp ở ba nơi: Cần Thơ (Tổ đình), Phú Quốc và Sài Gòn. Hiện nay Phái Chiêu Minh lại phân ra: Chiêu Minh Long Châu và Chiêu Minh Đàn.

2- Tiểu sử Ngài Ngô Văn Chiêu:

Ngài Ngô Văn Chiêu, sanh ngày 7 tháng Giêng năm Mậu-Dần (dl 8-2-1878) tại Bình Tây, Chợ Lớn, thân mẫu là bà Lâm-Thị-Quý và thân phụ là ông Ngô-Văn-Xuân thuộc dòng dõi quan Thị Lang của triều đình Huế.

Khi Ngài Chiêu được 6 tuổi, ông bà thân của Ngài tìm được việc làm ở Hà-Nội nên đem Ngài gửi cho người em ruột là bà Ngô Thị Đây ở Mỹ Tho. Bà Đây có chồng là người Hoa, mở tiệm thuốc Bắc tại xã Điều Hòa, cạnh nhà việc, thuộc Mỹ Tho.

Ngài Chiêu ở với cô ruột và được cô cho đi học, đến năm 12 tuổi thì nhờ người quen cũ của cha bảo lãnh xin vào học nội trú tại Collège Mỹ Tho. Sau đó Ngài lên Sài Gòn học tại trường Chasseloup Laubat và đậu bằng Thành Chung năm Ngài được 21 tuổi.

Ngày 23-3-1899, Ngài Ngô Văn Chiêu được nhận vào làm Thơ ký tại Sở Tân Đáo Sài Gòn.

Ngài theo sự hướng dẫn của người cô ruột, kết hôn với bà Bùi Thị Thân, người làng Thạnh Trị, đang làm nghề buôn bán tại chợ Mỹ Tho. Ông Bà sanh được cả thảy 9 người con, cả trai lẫn gái.

Ngày 1-1-1903, Ngài Ngô Văn Chiêu được đổi về tòng sự tại Dinh Thượng Thơ (Bureau du Gouvernement de

Cochinchine).

Ngày 1-5-1909, Ngài được đổi xuống làm việc tại Tòa Hành Chánh tỉnh Tân An.

Ngày 1-1-1917, Ngài đậu Tri Huyện, vẫn tiếp tục làm công chức tại Tân An. Ngài mua một căn nhà lá tại thị xã Tân An, sửa lại thành ba gian lợp ngói và đưa cả gia đình gồm vợ con về sống nơi căn nhà này.

Đầu năm 1920, Ngài Chiêu buồn rầu vì thân mẫu mới mất nên Ngài xin đổi đi Hà Tiên.

Ngày 1-3-1920, Ngài được đổi xuống Hà Tiên, làm việc tại Tòa Hành Chánh tỉnh Hà Tiên được 8 tháng thì Ngài được chuyển ra làm Chủ Quận Phú Quốc ngày 26-10-1920 và làm việc tại đây được 4 năm.

Ngày 1-1-1924, Ngài được thăng lên ngạch Tri Phủ.

Ngày 30-7-1924, Ngài được đổi về Sài Gòn, làm việc tại Phòng Thương Mại trong Dinh Thống Đốc Nam Kỳ.

Ngài Ngô Văn Chiêu mượn nhà ở nhiều nơi, nhưng sau rốt Ngài đến ở lâu 2 nhà số 110 đường Bonard (nay là đường Lê Lợi) Sài Gòn.

Năm 1931, Ngài Ngô Văn Chiêu 54 tuổi, Ngài xin nghỉ làm công chức, lui về an dưỡng ở Cần Thơ.

Trên bước đường làm quan cho nhà cầm quyền Pháp lúc bấy giờ đang cai trị Nam Kỳ, Ngài Ngô Văn Chiêu nổi tiếng là vị quan thanh liêm, chánh trực, công bình. Đối với bạn đồng liêu, Ngài rất khiêm tốn, ôn hòa. Đối với dân chúng, Ngài rất thân dân, hết lòng giúp đỡ, nhưng không bao giờ thọ lãnh lễ vật hay tiền bạc đền ơn đáp nghĩa. Lúc làm Chủ Quận, khi gặp nghi án thì Ngài chẳng nề khó nhọc, điều tra cho ra manh mối để tránh cho người dân

bị hàm oan hay bị ức hiếp.

Lúc Ngài ở Phú Quốc, Ngài đã biết Đạo rồi, nên khi gặp những vụ thừa kiện, Ngài thường khuyên giải cả đôi bên giải hòa cùng nhau, khi hai bên chẳng chịu thì Ngài làm tờ giải lên tỉnh Hà Tiên.

3- Quá trình Ngài Chiêu ngô Đạo Cao Đài:

Việc ở Tòa Hành Chánh tỉnh Tân An thì phong trào cầu cơ thỉnh Tiên cũng đang chớm nở tại đó. Ngài rất ngưỡng mộ, nên hợp tác với các bạn thân gồm quý ông: Đoàn Văn Kim (Một Kim), Lê Kiến Thọ (Bộ Thọ), Trần Phong Sắc, Nguyễn Văn Vân, tạo thành một nhóm cầu cơ, xin những bài thuốc chữa bệnh. Trong nhóm chọn ông Trần Phong Sắc làm Pháp đàn, ông Thọ làm đồng tử, Ngài Chiêu làm độc giả, ông Vân làm điển ký (ghi chép bài cầu cơ). Nhà Ngài Chiêu có thờ Đức Quan Thánh và Quan Âm Bồ Tát, nhà ông Thọ thì thờ Bát Tiên.

Vào ngày rằm âm lịch mỗi tháng, Ngài Ngô Văn Chiêu đều tổ chức cầu cơ tại nhà của Ngài. Bài kinh cầu cơ lấy trong kinh Vạn Pháp Qui Tông, nhờ mấy đứa trẻ nhỏ, tắm rửa sạch sẽ, quần áo thơm tất, làm đồng nhi tụng kinh.

Cuối năm 1917, thân mẫu của Ngài Chiêu lâm trọng bệnh, Ngài phải xuống đàn Cái Khế ở Cần Thơ để cầu xin thuốc cho mẹ uống. Ông Trần giảng cơ cho bài thuốc, Ngài đem về cho mẹ uống thì mẹ Ngài hết bệnh, mạnh được vài năm. Sau đó thì mẹ Ngài bị bệnh trở lại, Ngài Chiêu trở xuống đàn Cái Khế cầu xin thuốc cho mẹ nữa, Ông Trần chỉ giảng dạy đạo lý chứ không cho thuốc. Ngài vì quá thương mẹ nên đi lên đàn cơ ở Thủ Dầu Một xin

thuốc một lần nữa.

Ông Trần Hiến Vinh chủ đàn Minh-Thiện ở Thủ Dầu Một có thuật lại rằng: Bữa ấy, Ngài Ngô Văn Chiêu cùng ông Phủ Kim đến hầu đàn. Ông Kim quì ở trong, Ngài Chiêu quì ở góc ngoài. Khi Đức Quan Thánh giáng cơ, liền gọi tên Ngài Ngô Văn Chiêu và cho 4 câu thi, đại ý nói vườn thuốc của Phật Tổ đã bị trốc gốc. Qua bài thi này, Ngài Chiêu biết số mệnh của mẹ Ngài không qua khỏi. Đến cuối năm 1919 thì Bà từ trần.

1/. Đấng Cao Đài Tiên Ông giáng cơ xưng danh lần đầu tiên:

Đầu năm 1920, vài tháng trước khi Ngài Chiêu có lệnh đối xuống Hà Tiên, Ngài được lệnh bề trên bảo chỉnh đốn việc cầu cơ thỉnh Tiên.

Ông Trần Phong Sắc vẫn làm Pháp đàn, hai đồng tử là: ông Nguyễn Văn Vân ngồi đồng dương và ông Lê Kiến Thọ (Bộ Thọ) ngồi đồng âm, Ngài Chiêu làm độc giả, ông Đoàn Văn Kim làm điển ký.

Đồng nhi đọc bài kinh cầu cơ đến câu:

*Ngũ chơn bửu khí lâm triều thế,
Giá hạc đăng vân xiển tự nguyên.*

Liền có một vị Tiên Ông nhập cơ viết xưng là Cao Đài Tiên Ông, cơ gõ mạnh bảo ông Trần Phong Sắc sửa lại hai câu ấy. Ông Sắc vốn là nhà Nho sành sỏi, liền trả lời một cách ngang ngang có vẻ bất kính: “Bài thỉnh cơ này đã có cả trăm năm nay từ Trung quốc truyền qua, ai dám cho là sai, nay Tiên Ông bảo sửa, vậy trật hay sao?”

Tiên Ông quơ cần cơ đập vào đầu ông Sắc vì tội vô lễ, ông Sắc sứt lệ xuống né khỏi, kể Cao Đài Tiên Ông kêu

Ngài Chiêu bảo sửa. Ngài Chiêu liền sửa và bạch rằng:

“Bầu chơn Ngũ khí lâm triều thế”.

Tiên Ông khen Ngài Chiêu sửa trúng.

Kể từ đó, ông Sắc không làm Pháp đàn nữa. Cả nhóm không biết Cao Đài Tiên Ông là ai, nhưng Ngài Chiêu thì đoán rằng, Đấng ấy là Thượng Đế, nên mới dám sửa kinh đời xưa.

2/. Thời gian tòng sự tại Hà Tiên:

Vừa làm tuần bá nhật (100 ngày) cho thân mẫu xong thì Ngài Ngô Văn Chiêu được giấy đổi đi Hà Tiên.

Lúc đó, ở Hà Tiên cũng có quý ông: Đốc phủ Sự, Lâm Tấn Đức, Nguyễn Thành Diêu, ông Phán Ngàn, lập thành nhóm cầu cơ thỉnh Tiên, nhưng năm lần bảy lượt mới có Tiên giáng. Khi Ngài Ngô Văn Chiêu xuống tới đó, Ngài liền gia nhập nhóm cầu cơ này, thì lạ thay, khi Ngài Chiêu nguyện vái, đọc bài cầu cơ, thì có Tiên giáng liền.

Những buổi cầu cơ lúc đó tổ chức trên núi Thạch Động.

Một vị Tiên Cô xưng là Ngô Kim Liên giáng cho Ngài hai bài thi tứ tuyệt có ý khuyên Ngài tu hành:

*Văng vẳng nhận kêu bạn giữa thu,
Rằng Trời cùng Đất vẫn xa mù.
Non Tây ngảnh lại đường gai góc,
Gắng chí cho thành bậc trượng phu.
Ngân trắng tỏ rõ giữa trời thu,
Cái cảnh Tây phương vẫn mịt mù.
Mắt tục nào ai trông thấy đấy,
Lắm công trình mới đúng công phu.*

3/. Lúc làm Chủ Quận Phú Quốc:

Trong thời gian làm Chủ Quận Phú Quốc, Ngài Ngô Văn Chiêu thường lên núi Dương Đông cầu cơ thỉnh Tiên. Trước nhứt Ngài cầu ở Chùa Quan Âm. Ngài thường đi với cô Ba Lan là em bạn dì và mấy người hầu đàn như: Hương Hào Khâu, ông giáo Mẫn, ông Hương Đa, Biện Tý, Ba Đồng, bà năm Vàng, bà phủ Phẩm, Hội Đồng Phan, với năm ba đứa nhỏ sạch sẽ theo làm đồng tử. Đọc giả thì có: Hai Huỳnh, Tư Xuân, Tư Ngưng, Ba Nguơn, Năm Nhơn, Mười Đức, ...

Ngài Chiêu đã cầu Tiên nhiều lần, nhưng có một vị Tiên Ông giáng cơ chẳng chịu xưng tên, biểu Ngài Chiêu làm đệ tử thì Tiên Ông sẽ dạy Đạo cho và bảo đừng tụng kinh Minh Thánh nữa.

Bữa kia, Tiên Ông giáng bảo Ngài lo tu và ăn chay thêm cho đủ 10 ngày trong một tháng. Ngài nghĩ bụng: Mình đang làm quan, nay người này mời, mai người kia thỉnh, nếu chịu ăn chay 10 ngày rồi, sau rủi quên ăn mặn thì có tội với Trời Phật. Nhưng nếu theo lời dạy của Tiên Ông mà có kết quả thì cũng ráng ăn. Nếu ăn chay 10 ngày mà chết cũng bị luân hồi thì thà ăn chay 2 ngày trong tháng còn hơn, miễn là mình lo tu hơn tích đức, chẳng làm gì trái lương tâm thì thôi. Ngài nghĩ trong trí như vậy, định khi gặp Tiên Ông giáng cơ thì bạch rõ.

a) Đàn cơ mừng 1-1-Tân Dậu (dl 8-2-1921) tại Chùa Quan Âm, Phú Quốc.

Tiên Ông giáng cơ. Ngài Chiêu chưa kịp bạch hỏi Tiên Ông điều chi thì cơ viết:

“Chiêu! tam niên trường trai.”

Tiên Ông bảo như thế làm cho Ngài rất bối rối, bởi vì Ngài chưa chịu ăn chay 10 ngày, mà nay Tiên Ông bảo ăn chay trường ba năm thì lâu quá, chẳng biết có chịu nổi không. Ngài Chiêu liền bạch với Tiên Ông, xin Tiên Ông bảo lãnh, nếu đệ tử vâng theo lời dạy thì phải có ấn chứng chi mới được.

Tiên Ông bảo cứ giữ y lời dạy thì đệ tử sau sẽ hiểu rõ. Ngài Ngô Văn Chiêu bắt đầu ăn trường chay và học đạo kể từ ngày đó: Mừng 1 Tết năm Tân Dậu (1921).

b) Thờ Thiên Nhân:

Một bữa kia, Tiên Ông dạy Ngài Ngô Văn Chiêu phải tạo ra một dấu hiệu chi để thờ. Ngài bèn chọn chữ Thập.

Tiên Ông nói: Chữ Thập cũng được, song đó là dấu hiệu riêng của một nền đạo đã có rồi. Phải suy nghĩ tìm cho ra, có Tiên Ông giúp sức.

Ngài xin hoãn lại một tuần lễ để suy nghĩ. Mãn tuần rồi mà Ngài vẫn chưa tìm ra.

Một buổi sáng lối 8 giờ, Ngài đang ngồi trên vông sau dinh quận, bỗng Ngài thấy trước mặt, cách chừng hai thước, hiện ra một con Mắt thật lớn, rất tinh thần, chói ngời như mặt trời. Ngài lấy làm sợ hãi hết sức, lấy hai tay đập mắt lại không dám nhìn, đợi chừng nửa phút, Ngài mở mắt ra thì vẫn thấy con Mắt ấy mà lại càng chói sáng hơn nữa. Ngài bèn chấp tay vái rằng:

– Bạch Tiên Ông, đệ tử biết rõ huyền diệu của Tiên Ông rồi, đệ tử xin Tiên Ông đừng làm vậy, đệ tử sợ lắm. Như phải Tiên Ông bảo thờ Thiên Nhân thì xin cho biến mất tức thì.

Vái xong thì con Mắt lu dần và biến mất.

Thấy như vậy rồi, nhưng Ngài Ngô Văn Chiêu vẫn chưa thiết tin, nên chưa vẽ hình Thiên Nhân để thờ.

Cách vài ngày sau, Ngài Chiêu cũng thấy Thiên Nhân hiện ra y như trước. Ngài vái sẽ tạo Thiên Nhân mà thờ thì con Mắt tự nhiên biến mất.

Sau khi thấy Thiên Nhân hai lần rồi, Ngài cầu cơ xin Tiên Ông dạy cách thờ phượng. Tiên Ông dạy vẽ con Mắt như đã thấy để thờ và Tiên Ông xưng là: “CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT”.

Tiên Ông dạy Ngài Chiêu gọi Tiên Ông bằng Thầy và kể từ ngày đó, Ngài Ngô Văn Chiêu chánh thức làm đệ tử đầu tiên của Đấng Thượng Đế.

Ngài nguyện với Đấng Cao Đài: *“Nếu độ cho tôi thành Đạo thì tôi sẽ độ lại chúng sanh tùy theo phúc đức của mỗi người.”*

c) Cảnh Bồng Lai:

Lúc ấy Ngài Ngô Văn Chiêu đã tu theo Cao Đài Tiên Ông đã được 3 năm. Một bữa kia, Đấng Cao Đài Tiên Ông giáng cơ khen Ngài tu kỹ và ban cho đặc ân muốn chi thì Thầy ban cho.

Ngài Ngô Văn Chiêu bạch rằng:

– Bạch Thầy, nghe nói cảnh Bồng Lai xinh đẹp vô cùng, Thầy có thể cho đệ tử thấy cảnh ấy không?

Cơ gõ mạnh một cái chõ không viết câu trả lời.

Cách ít lâu sau, vào một buổi chiều cuối tháng Giêng năm Giáp Tý (1924) Ngài Chiêu ra hứng mát ở mé biển, Ngài trèo lên một hòn đá lớn ngoài Dinh Cậu, ngồi ngó ra biển, sóng dợn ba đào. Bỗng Ngài thấy giữa chỗ trời nước giáp nhau, lộ ra một cảnh thật là xinh đẹp, cảnh này vừa

khuất thì hiện ra cảnh khác cũng xinh đẹp không kém. Sau cùng Ngài thấy một cảnh rất đặc biệt, trên có Thiên Nhân, số ngay xuống một hàng có Nhật, Nguyệt, Tinh đẹp để vô cùng. Ngài ngồi xem mê mẩn, được chừng 15 phút thì cảnh ấy mờ dần rồi biến mất.

Sau đó, Ngài Chiêu cầu cơ thì Đức Cao Đài Tiên Ông cho biết, đó là cảnh Bồng Lai theo như lời Ngài ước nguyện muốn thấy để nung chí tu hành.

Khi Ngài Chiêu sắp đổi về Sài Gòn, Đức Cao Đài Tiên Ông giảng cơ ban cho Ngài bài thi sau đây:

*Kín ngoài rồi lại kín trong,
Đường xa phong cảnh thường lòng để vui.
Công đâu chịu cực dừng lui,
Thiên tào thẳng thẳng đạo mùi ngọt ngon.
Ba năm lòng sáng như son,
Trèo non xuống biển vuông tròn công phu.
Chớ phiền mỗi một lòng tu,
Trắng kia mây vệt, Đường Ngu gặp hiền.
Mưa toan vụ thấy Thanh Thiên,
Các đạo rõ biết mỗi truyền chánh tông.
Giờ này Thấy điểm thâm công,
Ngày sau con sẽ cõi rồng về nguyên.
Ngoài trong sạch tợ bạch liên,
Khá lòng gìn giữ mỗi giếng chớ xao.
Chiêu chiêu nguyệt thấu thanh thao,
Trên đầu cũng có Thiên Tào xét xem.
Thấm mùi con biết lân nem,
Để hổ con uống Thấy xem ân cần.
Đạo luyện khắc kỷ phục thân,*

Chiêu con khá giữ, Thấy phân cạn lời.

Thầy lại dạy rằng:

– Con đổi về Sài Gòn, đồng tử không theo con được. Vậy con phải rót một ly rượu, con uống phân nửa, còn phân nửa thì cho đồng tử uống, gọi là lễ tiễn biệt nhau.

Ngài làm y theo lời dạy. Lúc đó đồng Ngưng đang mê mà đôi hàng nước mắt chảy tuôn tỏ nỗi đau lòng kẻ ở người đi. Thấy vậy, Ngài Chiêu cũng khó cầm giọt lệ.

4. Thời kỳ làm việc ở Sài Gòn:

Ngài Ngô Văn Chiêu được lệnh đổi về Sài Gòn,

Ngài rời đảo Phú Quốc ngày 29-7-1924, Ngài về đến Sài Gòn vào chiều ngày hôm sau 30-6-Giáp Tý (dl 30-7-1924).

Ngài thuê nhà ở lầu 2 số nhà 110 đường Bonard (nay là đường Lê Lợi) Sài Gòn. Mỗi ngày đi làm việc hai buổi tại Dinh Thống Đốc Nam Kỳ, Ngài thường lui tới Chùa Ngọc Hoàng ở Dakao, ít giao thiệp với người ngoài, dành thì giờ công phu.

Cuối năm Ất Sửu (1925), Đức Cao Đài Tiên Ông dạy Ngài Chiêu đem mỗi đạo truyền ra. Ngài độ được 4 vị:

- Quan Phủ Vương Quan Kỳ
- Ông Phán Nguyễn Văn Hoài
- Ông Phán Võ Văn Sang
- Đốc học Đoàn Văn Bản.

Ông Vương Quan Kỳ sau khi vào Đạo lại khuyên được 5 ông sau đây cùng vào Đạo:

- Ông Nguyễn Thành Cương
- Ông Nguyễn Thành Diêu

- Ông Nguyễn Hữu Đắc
- Ông Lê Văn Bảy, tự Tý.
- Ông Võ Văn Mân.

5. Đức Chí Tôn lập thêm một nhóm Phò cơ khác:

Trong lúc đó, vào hạ tuần tháng 7 năm Ất Sửu (1925) một nhóm công chức tại Sài Gòn, do sự thúc đẩy của thiêng liêng, đã họp nhau Xây bàn thỉnh các vong linh để tìm hiểu về thế giới vô hình. Nhóm này gồm quý Ngài:

- Cao Quỳnh Cư
- Phạm Công Tắc
- Cao Hoài Sang
- Cao Quỳnh Diêu

Quý ông khởi xây bàn tại nhà Ngài Cao Hoài Sang ở phố Hàng Dừa gần chợ Thái Bình Sài Gòn. Có nhiều Đấng vô hình giáng bàn để tạo cho quý ông niềm tin. Sau đó, Đấng Thượng Đế tá danh AÃA giáng bàn độ được 4 ông vào Đạo và gọi Đấng AÃA bằng Thầy và Đấng ấy gọi quý ông là Môn đệ.

Thất Nương giáng dạy quý ông dùng Ngọc Cơ để cầu Đức Phật Mẫu và các Đấng thiêng liêng cho được dễ dàng và mau lẹ hơn.

Đêm Trung Thu năm Ất-Sửu (dl 1-10-1925) quý Ngài thiết lễ Hội Yến Diêu trì Cung tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, số 134 đường Bourdais Sài Gòn, có Đức Phật Mẫu cùng với Cửu vị Tiên Nương Diêu trì Cung giáng chứng lễ và mỗi Đấng cho một bài thi bốn câu làm kỷ niệm.

Đến ngày 1-11-Ất Sửu (dl 16-12-1925) Đức Phật Mẫu dạy ba Ngài: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài

Sang Vọng Thiên cầu Đạo.

Đêm Noel năm 1925 (âl 10-11-Ất Sửu) Đấng AÃA mới cho biết Ngài là Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Ngày 05-12-Ất Sửu (dl 18-1-1926) Đức Chí Tôn dạy hai Ngài Cư, Tắc đem Ngọc cơ đến nhà Ngài Cửu Hội Đồng Thượng Nghị Viện Lê Văn Trung để Thầy độ ông Trung.

Lúc bấy giờ, nhóm phò cơ này được 7 vị:

- Ông Cao Quỳnh Cư
- Ông Phạm Công Tắc
- Ông Cao Hoài Sang
- Ông Cao Quỳnh Diêu
- Ngài Lê Văn Trung
- Ngài Nguyễn Trung Hậu
- Trương Hữu Đức

Nhóm này chưa biết gì về nhóm của Ngài Ngô Văn Chiêu, nên chưa có liên lạc hay tiếp xúc.

6. Sự hợp tác giữa hai nhóm:

Ngày 9-12-Ất Sửu (dl 22-1-1926) Đức Chí Tôn dạy quý Ngài: Cư, Tắc, Sang, Trung, Hậu, Đức, phải đến chung hiệp với Quan Phủ Ngô Văn Chiêu mà lo mở Đạo. Ngài còn dạy thêm rằng: Mỗi mỗi việc chi phải do nơi Chiêu là Anh Cả.

Khi hai nhóm hợp lại thì tổng cộng được 13 vị, là:

- | | |
|--------------------|-------------------|
| 1- Ngô Văn Chiêu | 2- Lý Trọng Quý |
| 3- Lê Văn Giảng | 4- Võ Văn Sang |
| 5- Nguyễn Văn Hoài | 6- Đoàn Văn Bản |
| 7- Vương Quan Kỳ | 8- Lê Văn Trung |
| 9- Cao Quỳnh Cư | 10- Phạm Công Tắc |

11- Cao Hoài Sang 12- Nguyễn Trung Hậu

13- Trương Hữu Đức

Đêm 30-12- Ất Sửu là đêm giao thừa, sắp bước qua năm mới Bính-Dần, Đức Chí Tôn khiến quý Ngài trong hai nhóm đến thăm từng tư gia của mỗi Môn đệ. Tại mỗi nhà, Đức Chí Tôn giảng ban cho một bài thi, tới khuya, gần đúng giao thừa thì đến nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn.

Tại nhà Ngài Lê Văn Trung, Đức Chí Tôn giảng dạy:
“*Chư đệ tử nghe!*”

Chiêu, buổi trước hứa lời truyền Đạo cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ mỗi Đạo, dìu dắt cả Môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó lập thành, chẳng nên tháo trút. Phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó.

Ông Chiêu bạch hỏi Đức Chí Tôn:

– Qua đến năm 1933 thì Đạo mới lập thành?

Đức Chí Tôn đáp: – *Phải.*

Trung, Kỳ, Hoài, ba con phải lo thay mặt cho Chiêu mà đi độ người. Nghe và tuân theo.

Bản, Sang, Giảng, Quý, lo dọn mình đạo đức đăng truyền bá cho chúng sanh. Nghe và tuân theo.

Đức, Hậu, tập cơ, sau theo mấy anh con mà độ người. Nghe và tuân theo.”

Đó là lời Thánh giáo đầu tiên của Đức Chí Tôn tại đàn cơ nơi nhà Ngài Lê Văn Trung, kỷ niệm ngày Khai Cơ Phổ Độ của Đạo Cao Đài. Đó là giờ Tý ngày 01 tháng Giêng năm Bính-Dần (dl 13-2-1926).

Đêm mừng 8 rạng mừng 9 tháng Giêng năm Bính Dần (đêm thứ Bảy rạng Chúa nhật 21-2-1926), Lễ Vía

Đức Chí-Tôn được tổ chức tại nhà Ngài Vương Quan Kỳ ở đường Lagrandière, các Môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn hiện diện đầy đủ, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Đạo.

Nhân dịp này, Ngài Ngô Văn Chiêu bạch xin Đức Chí Tôn lấy tên của mấy Môn đệ mà cho một bài thi làm kỷ niệm.

Đức Chí Tôn liền cho một bài thi tứ tuyệt:

*CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,
BẢN đạo khai SANG, QUÍ, GIẢNG, thành.
HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh,
Huần Minh Mân đảo thủ đài danh.*

Đức Chí Tôn có 13 môn đệ đầu tiên nhưng Đức Chí Tôn chỉ điểm danh 12 vị, vì chữ SANG là tên của hai ông: Cao Hoài Sang và Võ Văn Sang.

Huần Minh Mân là tên của ba vị hầu đàn.

7. Đức Chí Tôn dự bị phong Ngài Ngô Văn Chiêu vào chức Giáo-Tông:

Thánh giáo ngày 6-3-Bính Dần (dl 17-4-1926) Đức Chí Tôn dạy như sau:

“*Thầy,*

Trung, Cự, Tắc, ba con lập tức lên Chiêu, biểu nó phải sắm sửa liền một bộ Thiên phục màu trắng, trên đầu chẳng phải bịt khăn mà đội mào trắng, có chữ CÀN ≡ thêu bằng chỉ vàng, dặn nó mua thứ hàng thiệt tốt. Mào cũng vậy, áo cũng vậy.

Hiếu lại phải nhọc công nữa, Thầy giao phần may sắm cho con, con liệu cho kịp, rằm phải có nghe con. Hiếu lấy chén nước lạnh, Thầy vẽ kiêu mào cho con coi.

Madame Cư bạch Thầy: Mitre (mão Giáo-Tông).

Trước ngực, ngay trán phải để chữ cung CÀN chữ vàng, chữ Bát Quái, còn cái áo, con phải tái cầu Thầy trong lúc may đang Thầy chỉ sắp mấy cung kia trên áo.

Nghe và tuân theo nghe con.” (ĐS. I. 106)

Tái cầu:

Mừng sắp con! Hiếu quì bạch Thầy dạy may áo mão Giáo-Tông bề cao bao nhiêu và mang giày thứ nào?

– Thầy sẽ nhứt định mọi việc.

Thầy dạy: Mão bề cao 3 tấc 3 phân thuộc Lang-sa, may giáp mỗi lại thế nào cho có trước một ngành, sau một ngành, hiệp lại có một đường xếp, ấy là Âm Dương tương hiệp, Hiếu biết mà!

Sợi dây xếp hai lại, còn bên trái có hai dải thông xuống một mí dài, một mí vắn, mí dài 3 tấc. Giáo-Tông: Thảo hài.

Tái cầu:

Có tạo đồ một cái Mão bằng giấy dựng lên cho Thầy xem. Cười! Đang phải vậy, ba con bưng lên cho Thầy chỉ hai mí giáp mỗi, con coi theo cây viết mà làm theo. Sợi dây viền ăn liền hai bên, đừng cắt rời ra nghe con! Con giỏi lắm Hiếu! Hai dải thông xuống vai 3 tấc bề dài, 3 phân bề ngang. Phải vậy rồi!.

Cư, để cho Hiếu nó làm (là để cho Hiếu may Mão Giáo-Tông).

Ngày 22-4-1926 (âl 11-3-Bính Dần), tức là 5 ngày sau khi Đức Chí Tôn ra lệnh cho Bà Hương Hiếu (hiên thê của Ông Cư, nên gọi là Madame Cư) may Thiên phục Giáo-Tông cho Ngài Ngô Văn Chiêu, Bà Hương Hiếu

dâng mão Giáo-Tông lên cho Đức Chí Tôn xem kiểu vớ may như vậy có đúng không.

Đức Chí Tôn giảng cơ nói:

“Hiếu dâng mão Giáo-Tông may xong rồi cho Thầy xem. Trúng, mà ai đội, con phòng lật đặt”.

Đức Chí Tôn giảng cơ nói như thế, tức nhiên chúng ta ngầm hiểu là Ngài Ngô Văn Chiêu đã mất chức Giáo-Tông.

Tại sao chỉ trong vòng 5 ngày từ 17 đến 22-4-1926 mà lại có sự thay đổi nhanh chóng như vậy? Đức Chí Tôn không cho biết tại sao, làm cho nhiều người phân vân, nghĩ rằng Ngài Ngô Văn Chiêu cải lệnh Đức Chí Tôn, muốn ở nhà tu tịnh, không muốn tham gia vào cơ phổ độ đông người làm mất sự yên tịnh của Ngài, hay còn lý do nào khác nữa?

Mãi đến gần 3 tháng rưỡi sau, Đức Chí Tôn mới tiết lộ cho biết trong đàn cơ ở Tân Định, tại nhà Ngài Nguyễn Ngọc Thơ, lý do tại sao Ngài Ngô Văn Chiêu mất chức Giáo-Tông.

Xin chép bài Thánh giáo quan trọng nầy ra sau đây.

Ngày 25-6-Bính Dần (Đl 3-8-1926):

NGỌC HOÀNG THUỜNG ĐỂ viết CAO ĐÀI

Giáo Đạo Nam Phương.

“Chư môn đệ nghe dạy:

Vốn từ trước trong Thiên thư Tam Kỳ Phổ Độ nầy, nên Chánh giáo phải có: Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam thập lục Thánh, Thất thập nhị Hiền, Tam thiên đồ đệ, Chương quản thâu Tam giáo hiệp nhứt.

CHIÊU, thiệt là Nhứt Phật đó.

Vậy, trước ngày định lập Thiên phong đặng tôn chức Giáo-Tông cho nó, thì Chúa Quỉ sai tam thập lục động địa giải kêu nài với Ta rằng: Cữu phẩm nó chẳng xứng ngôi ấy và kiện rằng: Nó chẳng nhứt tâm thờ phượng Ta. Ta có cãi lẽ, Quan Thánh Đế và Quan Âm giúp lời, Ta nhứt định phong chức Giáo-Tông cho nó.

Chúa Quỉ xin lệnh Ta mà khải nó và phải để cho Tam thập lục động hành xác nó. Ta không nỡ nên cho khải mà không cho hành xác.

Rủi thay! Đau đớn thay! Buổi khải nó phải bị Tà quái áp chế nên phải mất ngôi, song Ta cũng còn thương yêu chẳng nỡ, nhưng mà có mặt chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thì khó bề bào chữa đặng.

Đại lụy! Ta phải dùng quyền Chí Tôn mà tha thứ, song buộc nó phải tịnh thất.

Ta vừa muốn tha nó, lại bị Tam thập lục động khải nữa thì mới liệu sao? Ta phải giáng cơ biểu nó.

Con Thơ! con phải tuân nơi lệnh Thầy đã dạy khi Thầy giáng cơ mà thôi, còn mọi sự khác thì đừng nghe. Kẻ bị tù còn có thể rồi ai chẳng?

Chư Môn đệ khá nghe lệnh dạy, từ đây, ai còn phạm đến thì Thầy buộc trục xuất cho khỏi rối loạn nền Đạo của Thầy.” Thầy thăng.

(Trích trong tập Thánh Ngôn chép tay của Ngài Đẩu-Sư Thái Thơ Thanh, trang 237)

Ngày 9-1 Bính-Dần (dl 21-2-1926)

Đức Chí-Tôn giáng Cơ ban cho Ông Chiêu bài thơ:

THI

*Bao năm dạy-dỗ quá dày công.
Lời hứa năm xưa gắng giữ lòng.
Siêu đọa đôi đường tua chọn lấy.
Lời chơn một bước sẽ hoàn không*

CAO ĐÀI

Theo Đạo-sử của bà Đẩu-Sư Hương-Hiếu

(Ngày 21-10 Bính-Dần (dl 26-11-1926))

Thầy nói:

“Thầy cũng thương đó chút. Thầy đã nói cái lòng thương của Thầy hơn biếm trách, nên Thầy chẳng hề biếm-trách các con, ngặt trước quyền của Thần, Thánh, Tiên, Phật biết sao cứu rồi cho đặng.

“Thầy lại phải làm thỉnh cho kẻ thì mất lễ công bình. Thơ nó tưởng Thầy giận mà nài xin tha-thứ. Thầy thì đặng còn chư Thần, Thánh, Tiên, Phật mới nài sao? Nhất là Thái-Bạch Kim Tinh rất khó. Chiêu cũng vì vậy mà mất ngôi. Các con chớ dễ người mà phạm thượng nghe à!”.

Trước đó thì chư Môn-đệ đồng quì lạy Thầy xin thứ tội cho ông Chiêu.

Ông Vương-Quan-Kỳ bạch hỏi Thầy:

–Bạch Thầy: Anh Cả Ngô-Văn-Chiêu bảo Thầy giao cho Ảnh thay Thầy làm Chủ mới Đạo, dạy-dỗ Môn Đệ mà Ảnh không chịu tiếp xúc với chúng con, phải làm sao?

Ngày 13-3 Bính-Dần (dl 24-4-1926) trích Đạo-sử bà Hương-Hiếu trang 109

Đức Chí-Tôn dạy:

“Chiêu đã có công tu, lại là Môn-đệ yêu dấu của Thầy

nên Thầy muốn ban chức Giáo-Tông cho nó, song vì lòng ám-muội phạm đến oai-linh Thầy mà ra lòng bất đức chẳng còn xứng đáng mà diu-dắt các con, nên Thầy cất phần thưởng nó, Thầy nhứt định để chức ấy lại mà đợi người xứng đáng, hay là Thầy đến chính mình Thầy mà dạy-dỗ các con”.

Tái cầu:

“Các con coi thử đó thì đã hiểu rằng Thầy thương yêu nhơn-loại là dường nào. Cái vui của Thầy là đặng thấy các con hội-hiệp cùng nhau, thương-yêu nhau trong đạo-đức của Thầy, ai còn dám làm cho chia-lìa các con là đứa thù-nghịch của Thầy.

“Chiêu đã hữu căn, hữu kiếp: Thầy đã dùng huyền diệu mà thâm phục, độ rồi nó trước các con. Biết bao phen Thầy gom các Môn-đệ lại. Thầy sờ cây nó ấp-yêu dùm cho Thầy dường như gà mẹ ấp con. Song nó chẳng vâng mạng lệnh Thầy, lại đành lòng cắn mổ xô đuổi dường ấy, thì làm sao cho xứng đáng cái trách-nhiệm rất lớn của Thầy toan phú-thác cho nó. Các con đừng trông mong rồi cho nó. Nghe và tuân mạng lệnh Thầy”.

Thầy dạy (đêm 14 rạng 15 tháng 3 năm Bính-Dần (25 và 26-4-1926):

“Chiêu, thiếu đức, thiếu tài.

“Trung, con sợ ai?

“Ta không sợ ai! Ta biết hơn người. Ta há không biết thương sao?

“Ấy cũng vì thiếu đức. Nó đã biết Ta. Cứ tuân lời Thầy đã truyền mà thi-hành!

Ngày 26 Avril 1926:

Cao-Đài:

“Chiêu, người chẳng kiên lệnh Ta, Ai kiên? Ta chờ người.

“Chiêu, người chẳng thừa lệnh Ta, ai thừa lệnh?

“Ta đã nói người làm đầu Tam-giáo, đã bao phen Ta lập Đạo sẵn cho, người ché há? Ta đã sờ định, người dám cãi:

“Chuyên quyền từ đó bỏ tuồng xưa,

“Nghe nịnh, nghe khen thói cũng chừa.

“Sám-hối Ta cho tu ít tháng.

“Tài hay, tài khéo chớ đua lừa.

Qua bài Thánh Ngôn nầy của Đức Chí Tôn, chúng ta biết được là Ngài Ngô Văn Chiêu bị Quỷ Vương thử thách trước khi được lên ngôi Giáo-Tông. Ngài bị thử thách và chỉ trong 5 ngày, Ngài không thắng nổi các thử thách của Quỷ Vương bày ra, nên đành chịu mất ngôi Giáo-Tông.

Sự thử thách của Quỷ Vương là cần thiết đối với Giáo-Tông là phẩm vị số 1 của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nếu thắng nổi Quỷ Vương thì bọn chúng mới chịu phục, còn không thắng nổi thì phải chịu mất ngôi.

Việc nầy cũng không khác chi thời Đức Chí Tôn sai Đức Chúa Jésus mở Thiên Chúa giáo nơi nước Do Thái để cứu độ các sắc dân Âu Châu.

Sau khi Đức Chúa Jésus thọ phép Giải oan nơi bờ sông Jourdain với Thánh Jean Baptiste, Thượng Đế đưa Đức Chúa Jésus đến nơi đồng vắng đặng chịu cho ma quỷ cám dỗ trong 40 ngày đêm (trong 40 ngày nầy Ngài kiêng ăn, sau thì đói). Quỷ Satan tìm mọi cách thử thách Chúa, cám dỗ Chúa, nhưng không lay chuyển nổi tâm ý của Chúa. Chúng ma quỷ thất bại bèn bỏ đi. Liên đó có Thiên sứ đến hầu Đức Chúa.

Chúa Jésus chiến thắng Quỷ Vương, nên Chúa trở thành Đấng Giáo chủ, đi giảng đạo và thu nhận tín đồ, mở ra Thánh đạo ngót hai ngàn năm nay.

8. Ngài Ngô Văn Chiêu tách riêng lập Chi phái:

Sau khi Ngài Ngô Văn Chiêu không thắng nổi các thử thách của Quỷ Vương thì 2 ngày sau, tức là ngày 24-4-1926, Ngài Chiêu tự ý tách ra khỏi nhóm.

Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, trong quyển Đại Đạo Căn Nguyên, nơi trang 18, thuật lại như sau:

“Ông Trung vẫn vâng theo Thánh ý lo thiết đàn giảng Đạo. Ông Chiêu lại ở nhà lo bế tự giác, ý ông không muốn truyền bá mối Đạo ra cho nhiều người. Ông vẫn lấy câu “Ngô thân bất độ hà thân độ” mà làm tôn chỉ. Vì vậy mà ông tách riêng ra kể từ ngày 14 tháng 3 năm Bính-Dần (dl 24-4-1926). Đồng một ý kiến ấy thì có mấy ông: Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quý.

Từ đây, tuy đôi bên chủ nghĩa khác nhau, vì một đảng (Ông Lê Văn Trung) thì lo phổ thông mối Đạo, một đảng (Ông Ngô Văn Chiêu) lại chuyên bế tự giác, nhưng về phương diện tín ngưỡng thì cũng đồng thờ kính Đức Cao Đài Thượng Đế.”

9. Ông Ngô văn Chiêu Lập Cơ Tuyền Độ Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi:

Đầu năm Đinh Mão (1927), Ngài Ngô Văn Chiêu cho những người bạn cũ của Ngài biết là Ngài đã xong nhiệm vụ trong Cơ Phổ Độ và Ngài còn đảm đang một sứ mạng quan trọng khác là lập Cơ Tuyền Độ Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, gọi tắt là Chiếu Minh Vô Vi. Ngài đổi chữ lót trong tên Ngài thành chữ Minh và kể từ đây gọi

Ngài là **Ngô Minh Chiêu**.

Cách tu của Ngài Ngô Minh Chiêu thật là khổ hạnh.

Ngài đi làm công chức ngày hai buổi, hết giờ làm việc thì lo công phu tứ thời, vì vậy mà Ngài không có thời giờ rảnh.

Số người tìm học Đạo Vô Vi cũng khá đông, nhưng Ngài chỉ lựa vài chục người đệ tử chánh thức thôi, bởi vì việc tu hành của Ngài rất khó, phải có can đảm và bền chí lắm mới theo nổi. Người tu phải trường chay, tuyệt dục, lập đại thệ đại nguyện với Đấng Thượng Đế. Chừng nào Thượng Đế cho phép (xin keo) thì Ngài mới dạy Đạo cho. Hễ tu thì phải có gan chịu khổ (!), “vô ma khảo bất thành Đại Đạo”. (!).

10. Những cuộc du lịch sau cùng của cuộc đời:

a) Du lịch núi Tà Lơn và Đế Thiên Đế Thích:

Tháng 4 năm Mậu-Thìn (1928), Ngài Ngô Minh Chiêu xin phép nghỉ làm việc 6 tháng. Ngài tổ chức một cuộc du lịch lên núi Tà Lơn và Đế Thiên Đế Thích ở nước Cao Miên. Số đệ tử đi theo Ngài khá đông, chừng 30 người, có các ông: Hội Đồng Huy, Tư Huỳnh, Phán Quý,... Trước khi đi, Ngài ghé Cần Thơ. Ngày khởi sự đi là 13-6-1928, hai ngày sau thì tới Hà Tiên, ghé chùa Tiên Sơn Tự ở Thạch Động để nghỉ ngơi.

Hôm sau Ngài đi qua núi Tà Lơn nước Cao Miên. Ngày 18-6-1928, Ngài tới chùa Kim Cang ở Đế Thiên Đế Thích. Đi du lịch Đế Thiên Đế Thích xong thì phái đoàn trở về Sài Gòn.

Khi hết hạn nghỉ 6 tháng, Ngài Ngô Minh Chiêu trở lại làm việc trong Dinh Thống Đốc Nam Kỳ như trước.

b) Đi du lịch Lục tỉnh:

Chuyến thứ nhất, Ngài Ngô Minh Chiêu đi qua các tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre.

Chuyến thứ nhì Ngài đi các tỉnh: Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu. Chuyến đi này có Ông Bà Tư Huỳnh, Bà Hai Ngũ, Cô Ký Út, Ông Bà Hội Đồng Huy, đồng Ngưng.

c) Du lịch núi Tà Lơn lần thứ hai:

Cuối năm 1931, Ngài bị mệt nhiều nên xin phép Chánh phủ cho nghỉ ở nhà dưỡng bệnh.

Ngày 30-3-1932, Ngài đi núi Tà Lơn với ý định bỏ xác nơi đây, nên không muốn trở về. Các đệ tử đi theo hết sức khẩn khoản, Ngài mới chịu trở về.

Bận đi về, Ngài ghé Cần Thơ vào ngày 5-3-Nhâm Thân (dl 10-4-1932) và Ngài ở luôn tại Cần Thơ cho tới ngày liễu đạo. Tại Cần Thơ, Ngài không chịu ở nhà của ai hết, các đệ tử cất cho Ngài một thảo lư cách Châu Thành Cần Thơ chừng 3 cây số để cho Ngài ở. Ngài dạy phải làm bằng cây, lợp lá đơn sơ thôi, vì chỉ tạm dùng chừng một tuần nhật. Trong lúc cất thảo lư, Ngài tạm ở tại cái am của Bà Tư Huỳnh kế bên.

II. Liễu đạo trên sông Cửu Long Tiền Giang:

Ngài Ngô Minh Chiêu thường nói rằng, Đức Chí Tôn đã định cho Ngài bỏ xác trên sông Cửu Long, nên mới có câu:

“Giờ này Thấy điểm thâm công,

“Ngày sau con sẽ cỡi rồng về nguyên.

Ngày 13-3 Nhâm-Thân (Dl 18-4-1932) sáng ra, Ngài nhắc chừng bà Tư Huỳnh lo giùm xe cộ để Ngài về Tân

An và cứ nói hoài câu: Sợ trễ giờ. Bà Tư Huỳnh (tức là bà Trần thị Hương) rất kính mến Ngài nên cứ dần dà muốn lưu Ngài ở lại.

Thấy vậy, Ngài biểu mời ông Hội Đồng Võ Văn Thơm vô. Ngài nói với ông Thơm bằng tiếng Pháp để mấy Bà nghe lén không hiểu, chỉ thấy ông Thơm vâng dạ luôn. Đến khi ông Thơm về đem xe hơi vô thì các bà bàn tán xôn xao. Ngài nói: Đi quanh đây rồi trở lại chớ không đi đâu xa.

Lúc ấy cô năm Ngô Thị Nguyệt, con gái của Ngài Chiêu, hỏi Ngài:

– Cha muốn đi về Tân An phải không?

Ngài cười rồi bảo: – Cha đi bí mật.

Đúng giờ Ngọ ngày 13-3-Nhâm Thân, Ngài triệu tập tất cả đệ tử hiện diện công phu. Sau giờ công phu, anh đồng Ngưng công Ngài ra xe, đi theo có Bà Thơm, Bà Tư Huỳnh, Cô năm Nguyệt và anh đồng Ngưng. Ngài ngồi một mình ở giữa băng sau, Bà Tư Huỳnh và Bà Thơm ngồi sụt xuống dưới chân Ngài. Da mặt và mình mẩy của Ngài Chiêu từ từ đổi ra màu vàng như nghệ.

Xe chạy đến bến phà Cần Thơ. Qua phà, rồi chạy qua Vĩnh Long đến bến phà Mỹ Thuận. Bà Tư Huỳnh vào mua vé qua phà, xe xuống phà Mỹ Thuận xong, phà chạy ra gần đến giữa sông thì Ngài Ngô Minh Chiêu xuất thần thoát xác một cách êm ái, các đệ tử đi cùng xe hầu Ngài không ai hay cả. Tới chừng công nhân trên phà Mỹ Thuận nhìn vào xe thấy biết, tri hô lên thì mấy Bà mới hay, vội yêu cầu phà quay trở lại.

Thế là Ngài Ngô Minh Chiêu liễu đạo trên sông Cửu Long y như lời Đức Chí Tôn tiên tri, lúc 3 giờ chiều

ngày 13-3 Nhâm Thân (dl 18-4-1932), hưởng được 55 tuổi

Xe hơi chở Ngài quay trở lại, vừa lên khỏi phà thì gặp xe của ông Tư Huỳnh và Hội Đồng Huy vừa đến. Tất cả đều quay trở lại thảo lư tại Cần Thơ, đem xác Ngài đặt ngồi tại thảo lư. Lúc bấy giờ da thịt của Ngài trở lại trắng và con mắt trái của Ngài bắt đầu mở to ra, có đủ tinh thần như khi còn sống, còn con mắt bên mặt thì nhắm lại như thường.

Các đệ tử mới nghiệm lại thấy rằng, Ngài Ngô Văn Chiêu biết rõ ngày giờ liễu đạo của Ngài, nên Ngài bảo cất Thảo lư tạm bằng cây lá dùng trong một tuần nhật, rồi Ngài nói đi quanh đây rồi trở lại chớ không đi đâu xa.

12. Đám tang Ngài Ngô Minh Chiêu:

Nguyên lúc sanh tiền, Ngài Chiêu có dặn các đệ tử, khi Ngài liễu đạo rồi, phải dùng cái áo quan hình lục giác mà liệm ngồi. Lục giác là theo lục tự Cao Đài: NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG. Áo quan lục giác có bề kính tâm lối 8 tấc, cao lối 1 thước 2 tấc. Tất cả công việc khâm liệm đều do các đệ tử thân tín tự tay đảm nhiệm. Tháp của Ngài được xây ngay phía sau thảo lư và miếng đất này về sau trở thành Nghĩa Địa của phái Chiêu Minh tại Cần Thơ.

Có rất đông tín đồ Cao Đài đến viếng tang. Quan khách đời đến viếng tang khá đông. Báo chí ở Sài Gòn cũng có xuống chụp hình làm phóng sự đăng báo, thông tin đại chúng.

Đám tang của Ngài Ngô Minh Chiêu rất đơn giản, an tịnh, không có nhạc lễ, cũng không đọc kinh chi hết, vì Ngài đã dạy trước rằng: *"Lúc sanh tiền, mỗi ngày đều có cầu cho Ngài rồi, Ngài đã biết Ngài là ai, khi chết Ngài*

sẽ đi đâu, nên khỏi đọc kinh cầu nguyện cho Ngài"

B-NGÀI NGÔ MINH CHIÊU GIÁNG CƠ:

Sau khi Ngài Ngô Minh Chiêu thoát xác về Tiên được 17 ngày, Ngài giảng cơ tại đàn Thất Bửu Sơn ở Châu Đốc, đêm 30-3-Nhâm Thân (dl 5-5-1932).

NGÔ kỳ huynh liễu đắc thành công,
VĂN thượng Thiên đình lý luật đồng.
CHIÊU dật nhơn sanh cơn kiếp khổ,
GIÁNG tường cho rõ hiểu hôn vong.

Chào các hiền đệ. Hiểu ai chăng?

Nay tôi đã từ trần, trong lúc Đạo còn đang nghịch lẫn nhau là bởi nơi đâu? Các hiền đệ có hiểu chi chăng? Cũng bởi vì tiền tài nó hại nhơn sanh.

Thấy có ban cho tôi làm một vị Tiên đồng độ chúng. Nay tôi vâng lệnh Thấy giảng đàn mà dạy anh em lúc khổ này:

KỆ

*Qui liễu cõi trần dặng thanh thoi,
Gắm trong sự thế ngán cho đời.
Kiếp nầy lao khổ sau chung hưởng,
Trời Đất hết lòng giảng khắp nơi.*

Tôi kính lời thăm huynh Nguyễn và Bản đạo Lâm dặng an vui nên Chánh Lý mà hiểu rõ Thiên cơ.

Tôi mới học được bài phú vắn, nên tôi để lại cho chư Hiền hữu rõ biết:

PHÚ

*Trời xoay chuyển nên lương tâm người giục khiến,
Cho nhơn sanh thuyết diễn trần lao.*

*Chung trí Đạo Thầy mà giúp kẻ đồng bào,
 Nay tôi đăng kết giao cùng Tiên, Thánh, Phật.
 Sao chú hiền không lo bồi công âm chất,
 Giúp cho Thầy, cất Thất cho Thầy,
 Tôi qui liễu là bởi như vậy,
 Hết kiếp trần oan dây theo ràng buộc.
 Tôi tuổi nầy mà đi xem côi hồng trần soi đuốc,
 Dẫn nhơn sanh dắt tuốt Thiên đình,
 Công mở Đạo là tại tỉnh Tây Ninh,
 Người bởi quấy nên nhơn tình không dẫu phục.
 Thương Tổ đình nên theo một lúc,
 Hại nhơn sanh cui cút tu hành.
 Kính ít lời thăm Nguyễn và Lâm,
 Gắng chí Đạo cho thành,
 Tôi dời bước lưu danh cho anh em hậu thế.
 Tôi chào Hiền huynh, cho tôi kiếu.*

THĂNG.

Sau đây là trích một đoạn trong bài giảng cơ của Ngài Ngô Minh Chiêu ngày 1-3-Bính Ngọ (dl 22-3-1966) trong quyển Thánh Giáo Sưu Tập (1966-1967) trang 43, của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam

“Chú Hiền đệ, Hiền muội,

Thuở sanh tiền, Bản đạo quyết xuất thế để tìm đến bậc siêu đẳng pháp môn, hầu giúp vào cơ Đại Đạo để cứu cánh dân tộc trong khi còn bị đô hộ. Nhưng ước vọng chẳng hoàn toàn vì Thiên số dĩ định nên chưa đoạt đến mục đích, đã vô tình rời bỏ anh em, nên để lại một ảnh hưởng rất lớn cho phái Chiêu Minh là kỳ thân độc thiện. Đó chẳng phải Bản đạo cố tâm, cũng bởi kiếp nạn chúng sanh nên chịu nhiều cảnh chia ly, từ đời tới Đạo, chớ điều xuất thế hay nhập thế

của Bản đạo đều là một lòng trung kiên với Đạo, vì nước non dân tộc, vì chí hướng quảng độ quần sanh.

Đến ngày nay, những giáo lý của Bản đạo còn roi lại một công trình dở dang thiếu sót, nên hiện tình, Bản đạo cũng trông vào hướng đạo hiện tại và tương lai, nối tiếp công nghiệp của tiền bối đã qua, hầu thanh minh cho tấm lòng của đệ huynh tiền bối và Bản đạo. Điều ấy rất mong.”

C- PHÂN KẾT:

Ngài Ngô Văn Chiêu là vị Môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn, được Đức Ngài yêu ái nhất. Đức Chí Tôn đã để ra một khoảng thời gian dài, suốt 5 năm, từ năm 1921 đến năm 1925 để dạy Đạo cho Ngài, truyền Bí pháp luyện đạo cho Ngài. Ngài thường được Đức Chí Tôn khen là chăm chỉ công phu, rồi Đức Chí Tôn cho Ngài thấy cảnh Bồng Lai theo lời yêu cầu của Ngài để khích lệ việc tu hành.

Chưa có một Môn đệ nào được Đức Chí Tôn yêu mến đến mức độ ấy. Mục đích của Đức Chí Tôn là rèn luyện Ngài trở nên người đạo đức hoàn toàn, đặc đạo thành Tiên, Phật tại thế, để giao chức Giáo-Tông cho Ngài làm Anh Cả nhơn sanh, thay mặt Đức Chí Tôn đứng ra mở đạo và dìu dắt nhơn sanh.

Công ơn của Đức Chí Tôn đối với Ngài Ngô Văn Chiêu thật vô cùng to tát.

Thế mà kỳ vọng của Đức Chí Tôn sụp đổ, vì Ngài không vượt qua được cơ thử thách của Quỷ vương, nên Đức Chí Tôn không thể giao chức Giáo-Tông cho Ngài

Có một điều đáng tiếc là Ngài Ngô Văn Chiêu không dám tiết lộ cho bạn Đạo biết là Ngài vượt qua không nổi

các cuộc thử thách khảo đảo của Quỷ vương, khiến nên nhiều người không biết, tưởng lầm là Ngài Ngô Văn Chiêu chống lại mạng lệnh của Đức Chí Tôn, không chịu nhận chức Giáo-Tông. Thậm chí đến nhiều phái cho rằng Đức Quyền Giáo-Tông Thượng Trung Nhựt soán ngôi Giáo-Tông của Ngài Chiêu và từ hiệu lâm này đến hiệu lâm khác và nhất là hoang mang trong giới hậu sinh.

Đức Chí Tôn đặt trọn vẹn sự tin tưởng nơi Ngài Ngô Văn Chiêu, nên không dự bị một vị nào khác để thay thế. Do đó, khi Ngài Chiêu bị rớt trong cuộc khảo đảo của Quỷ vương, thì Đức Chí Tôn phải chuyển pháp, giao chức Giáo-Tông cho Đức Lý Thái Bạch Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm nhiệm. (Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo-Tông Đại Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ)

Việc mở chi phái Chiếu Minh là một lối thoát cho tinh thần của Ngài Ngô Văn Chiêu lúc đó, chắc chắn không phải là do ý muốn có dự định trước của Ngài, nhưng việc đó lại mở đường cho một số Chức sắc khác khi bất mãn Hội Thánh, tách ra lập Chi phái như quý ông: Phối Sư Ca, Giáo Hữu Chính... Có lẽ vì những lý do đó mà Ngọc Hư Cung rút Ngài Ngô Văn Chiêu về thiêng liêng khá sớm (Ngài Chiêu qui liễu năm 1932), khiến nên Ngài giảng cơ than rằng:

“Giáo lý của Ngài truyền lại cho phái Chiếu Minh còn dở dang thiếu sót, làm cho tín đồ phái Chiếu Minh đi vào con đường độc thiện kỳ thân”...

Tất cả những người theo Ngài phải tách rời khỏi Trường thi công quả phụng sự nhơn sanh do Đức Chí Tôn lập ra. Đạo Cao Đài không có một Giáo-Tông mang xác phàm, Đức Chí Tôn buộc lòng giao cho Đức Lý Thái

Bạch kiêm nhiệm chức Giáo-Tông Đại Đạo. Do đó, sự điều hành việc Đạo của Đức Lý phải nhờ nơi Cơ bút của Hiệp Thiên Đài nên không được nhanh chóng và kịp thời. Thế nên, Đức Lý Giáo-Tông, trong Đạo Nghị Định thứ nhì ngày 3-10-Canh Ngọ (1930), ban cho Đầu-Sư Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) cầm quyền Giáo-Tông tại thế, để điều hành cơ Đạo hữu hình, còn nhiệm vụ Giáo-Tông Vô Vi vẫn do Đức Lý Giáo-Tông nắm giữ.

Do đó, toàn Đạo Cao Đài gọi Ngài Thượng Trung Nhựt là Đức Quyền Giáo-Tông Lê Văn Trung.

Kể từ đó tới nay, Đạo Cao Đài chỉ có một Giáo-Tông là Đức Lý Thái Bạch và một Quyền Giáo-Tông tại thế là Ngài Lê Văn Trung. Tất cả những vị nào khác xưng danh là Giáo-Tông, hay Đệ nhứt Giáo-Tông, Đệ nhị Giáo-Tông... đều là tiếm xưng cả. Và chúng ta thấy rõ, Ngài Ngô Văn Chiêu khi về cõi thiêng liêng, trở lại giảng cơ, chỉ xưng tên họ của Ngài, chớ không bao giờ Ngài dám xưng là Giáo-Tông. (Tham khảo thêm tài liệu Tự điển Cao-Đài của Hiền tài Hồng)

03- Ông Vương Quan Kỳ (1880-1940)

(Bỏ Đạo tách ra lập phái Cầu-kho)

Năm Mậu-Thìn (1928):

Do áp lực của thực dân Pháp “*muốn theo Cao-Đài thì tự lập chi phái, còn theo anh Lê văn Trung sẽ bị Pháp khủng bố*”. Nhóm đàn Cầu kho có quý ông Vương quan Kỳ, Đoàn văn Bản, Nguyễn văn Kinh, Nguyễn văn Đạt, Lê văn Giảng, Ngô tường Vân, Nguyễn văn Mùi... chủ trương dùng văn chương hoành khai Đại Đạo, phổ độ. Họ thành lập Cơ quan ngôn luận “La Revue Caodaisme”

xuất bản bán nguyệt san gồm ba thứ chữ: chữ Việt, chữ Hán và chữ Pháp, cứ nửa tháng ra một số phát hành ra nhiều nước trên thế giới như Trung Hoa, Anh, Pháp, Đức, Ý, Bỉ...quảng bá chơn truyền, luật pháp, giáo lý ra nước ngoài. Nhóm này lập thành phái Đạo Cầu kho.

Phái Cầu Kho do Giáo Sư Thượng Kỳ Thanh (Vương Quan Kỳ) đứng đầu, qui tụ được các ông: Giáo Sư Thượng Bản Thanh (Đoàn Văn Bản), ông Nguyễn Văn Tường, Trần Quang Minh, Nguyễn Văn Khai... Phần lớn số trí thức Cao Đài ở Sài Gòn đều ngã theo phái Cầu Kho.

Ông Vương Quan Kỳ là Đốc phủ, được Ngài Ngô Văn Chiêu độ, sau được Đức Chí Tôn phong phẩm Thượng Giáo Sư.

Nguyên năm 1930, số Chức sắc tại Thánh Thất Cầu Kho do ông Kỳ cầm đầu, không tuân lệnh Hội Thánh Tây Ninh thi hành quyền “Nghị Tiết Đại Đàn Tiểu Đàn” do Ngài Bảo-Văn Pháp-Quân biên soạn, trình lên Đức Phạm Hộ-Pháp, rồi chuyển qua Cửu Trùng Đài, Hội Thánh xem xét đồng ý thì Đức Quyền Giáo-Tông ban hành kể từ ngày 12-7-1930 để áp dụng thống nhất trong toàn Đạo.

Trong quyền này, Ngài Bảo Văn Pháp Quân bỏ ba bài Dâng Tam bửu cũ do Ngài Ngô Văn Chiêu đặt ra đã áp dụng trước đây, thay bằng ba bài Dâng Tam bửu mới mà ngày nay chúng ta thường đọc. Quý Chức sắc ở Cầu Kho không chịu áp dụng các nghị tiết mới ban hành, nên quý Ngài tự tách ra lập thành Chi phái Cầu Kho, lấy Thánh Thất Cầu Kho làm trụ sở. Về sau, Thánh Thất này dời đến đất mới gần đó, xây dựng lên đặt tên là Thánh Thất Nam Thành, ở đường Nguyễn Cư Trinh Sài Gòn

* Phần đời: Tri phủ Sở thuế thân:

Ông Vương Quan Kỳ (1880-1940) là con của ông bà Vương Quan Đế và Huỳnh Thị Bảy, người tỉnh Chợ Lớn, cháu nội Thống Chế Vương Quan Hạc. Ông ngoại là nhà Nho yêu nước Huỳnh Mẫn Đạt (1807-1883), đậu cử nhân, làm quan hai triều Minh Mạng và Tự Đức, rồi từ quan khi nhà Nguyễn ký Hòa ước 1862 với Pháp.

Ông Kỳ học tại trường Chasseloup Laubat, đậu bằng Thành Chung (Diplôme), làm việc tại Dinh Thống Đốc Nam Kỳ, ngạch Tri phủ, bạn cùng sở với Ngài Ngô Văn Chiêu nên được Ngài Chiêu độ theo Đạo Cao Đài.

Ông Kỳ là em ruột của Vương Quan Trân. Ông Trân là cha ruột của Cô Vương Thị Lễ Thất Nương Diêu Trì Cung (tức là chú của Vương Thị Lễ). Nhà riêng của ông Kỳ ở tại số 80 đường Lagrandière, sau đổi lại là đường Gia Long, Quận Nhứt, Sài Gòn.

* Phần Đạo: Giáo Sư của Tòa-Thánh Tây-Ninh:

Ông Vương Quan Kỳ là một trong 12 Môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn được Thiên phong Giáo Sư Thượng Kỳ Thanh ngày 14-5-Bính Dần (1926).

Năm 1930, ông Vương Quan Kỳ cùng các Chức sắc nơi Thánh Thất Cầu Kho tách ra khỏi Tòa Thánh Tây Ninh, lập ra Chi phái Cầu Kho, hành đạo riêng, không theo hệ thống Tòa Thánh Tây ninh.

Bài thơ Đầu tiên Đức Chí-Tôn cho Ông Vương Quan-Kỳ như vậy:

*Nhứt nhứt tân hể nhứt nhứt tân,
Niên đáo tân hể đạo dữ tân.
Vô lao công quả tu dương tác,
Niên quá niên hể Đạo tối tân.*

Ông có Pháp-tịch, thuở nhỏ học ở Mỹ-Tho rồi trường Chasseloup Laubat, đậu Thành Chung, làm quan tới Phủ sứ, thọ phong Giáo-Sư ngày 26-4-1928.

Ngày 15-3 Bính-Dần ông được phong chức Tiên đắc Lang quân nhậm Thuyết đạo Giáo-sư. Rồi ông được Thiên-phong Giáo-sư phái Thượng, tức là Thượng-Kỳ Thanh ngày 14-5 Bính-Dần.

Nhưng đến ngày 14-11 Bính-Dần (18-12-1926) thì Đức Lý giảng dạy:

“Thượng-Kỳ-Thanh bị sứt chức làm Giáo Hữu. Như không tuân lệnh xuất ngoại”

Đến ngày 18-11 Bính-Dần (22-12-1926)

Đức Lý dạy:

“Thượng-Trung-Nhật, Hiền-hữu viết thơ cho mấy Thánh-Thất lục tỉnh nói Thượng-Kỳ Thanh bị trục xuất ra khỏi hàng Môn-đệ chẳng quyền-hành truyền Đạo nữa. Như nó chẳng tin nghe lời bị phạt Tả đạo bằng môn thì chịu, nghe à! Đã lập pháp mà nó muốn làm chi thì làm như buổi trước vậy hoài, thì bị phạm Thiên-điều tránh sao cho khỏi tội. Hộ-Pháp Hiền-hữu khá an lòng.”

Qua ngày 28-11 Bính-Dần (1-1-1927) thì:

Đức Lý giảng dạy:

“Thượng-Trung-Nhật, Hiền-hữu từ đây coi Thượng Kỳ-Thanh như một Môn-Đệ vậy thôi, chứ chức Giáo-Hữu cũng cất luôn nữa. Thấy để lời xin tha mà pháp-luật đã phạm tha sao cho được”.

Vào năm 1930, Giáo-Sư Thượng Kỳ-Thanh tức là Vương-Quan-Kỳ, không tuân lệnh Toà Thánh Tây-Ninh áp dụng nghi lễ mới, nên tách ra lập phái Cầu-kho, lập tại

Thánh-Thất Cầu-Kho.

Trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Đức Hộ-Pháp thuyết đạo đêm 8-9-Mậu Tý (dl 10-10-1948) nhắc lại khi Đức Ngai xuất chơn thần về thiêng liêng có thấy ông Vương Quan Kỳ trên đó, Đức Ngai thuật lại như:

“Bản đạo thấy người bạn nhờ ơn thiêng liêng của Chí Tôn riêng ban cho người ấy, người ấy có người chí thân là một Đấng cầm quyền trọng hệ trên Hư linh tức là Thất Nương Diêu Trì Cung. Bản đạo nói rõ, người ấy là Vương Quan Kỳ, chú ruột của Thất Nương vậy. Người mở đạo mà chẳng biết đạo là gì hết, đi theo một tư tưởng của nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn định quyết, mà tư tưởng của người ấy và cả hành tàng nếu chúng ta thấy sẽ lên án là Tả đạo Bàng môn chắc hẳn vậy.

Lạ thay! Khi Bản đạo quay lại dòm thấy nhiều bạn rơi xuống Bích Hải khóc lóc, còn người đó trước bạn Thiên phục Giáo Sư, nhưng bây giờ thì áo tốt vạt vai, mào cầm nơi tay, bạn quần cụt ở trần, đi ngật ngờ ngật ngưỡng, cười một mình, không biết cười cái gì, đi ngang Bát Quái Đài như không vậy.

Ấy các bạn đủ biết, dấu hành tàng của người bề hữu vì thấy trái hẳn nền chơn giáo của Đức Chí Tôn mà trọn tâm tín ngưỡng Ngài, người thọ Thiên phục áo mào, dấu không thể gì mặc vô được, duy cầm nơi tay, đi ngang vô Bát Quái Đài, không quyền luật nào ngăn cản được. Chúng ta lấy bài học ấy đặt để trong tâm, đừng phê bình công kích.”

(Trích Con đường TLHS, trang 11)

04- Đẩu-Sư phái Thái: Hòa Thượng Thiện Minh, Thánh danh là Thái Minh Tinh.

(Không hành Đạo bị Đức Lý cách chức)

Trong năm Khai Đạo, Đức Chí Tôn Thiên phong ba vị Đẩu-Sư sau đây vào phẩm Đẩu-Sư đầu tiên của Đạo Cao Đài có mang ba chữ: Nhật, Nguyệt, Tinh là ba bửu của Trời, là:

– Đẩu-Sư phái Ngọc: Ngài Lê Văn Lịch, Thánh danh là **Ngọc Lịch Nguyệt**.

– Đẩu-Sư phái Thượng: Ngài Lê Văn Trung, Thánh danh **Thượng Trung Nhật**, sau được thăng Quyền Giáo-Tông.

– Đẩu-Sư phái Thái: Hòa Thượng Thiện Minh, Thánh danh là **Thái Minh Tinh**.

Ngài Thiện Minh là học trò của Hòa Thượng Như Nhân, được Thiên phong Thái Đẩu-Sư ngày 13-10-Bính Dần, nhưng Ngài không hành Đạo, nên ngày 12-12-Bính Dần (dl 15-1-1927), Đức Lý Giáo-Tông cách chức Thái Đẩu-Sư của Ngài Thiện Minh.

Cũng trong ngày nầy (12-12-Bính Dần), Đức Chí Tôn phong Ngài Dương Văn Nương chức Thái Đẩu-Sư, Thánh danh **Thái Nương Tinh**.

Ba vị Đẩu-Sư đầu tiên có mang chữ: NHẬT, NGUYỆT, TINH là ba bửu của Trời, đó là một đặc ân của cơ quan Cửu Trùng Đài. Nhưng chắc cũng là trong vòng hữu định nên khiến như thế, vì mặt trời (NHẬT) cũng như mặt trăng (NGUYỆT) mỗi thứ chỉ có một, nên hai vị này giữ phẩm tước được bền bỉ, còn TINH tức là sao có đến 3.072 sao nên khiến cho vị mang chữ

Tinh có đến hai người là Đẩu-Sư: Thái Minh Tinh và Thái Nương Tinh.

Từ đó về sau thì tất cả Chức sắc Cửu Trùng Đài, dù ở phẩm Đẩu-Sư đi nữa cũng lấy Thánh danh là chữ Thanh (cho nam phái), nữ lấy chữ Hương mà thôi.

05- Ông Phối Sư Thái Ca Thanh (lập Minh Chơn Lý)

Trong cơ Đạo phân chia Chi phái, năm 1931 Phối Sư Thái Ca Thanh rút khỏi Toà Thánh Tây ninh về Mỹ Tho lập phái Minh Chơn Lý, Ngài **Ngọc Chưởng Pháp Trần Đạo Quang** hợp tác với **Minh Chơn Lý**, sau đó thấy ông Ca và ông Phùng sửa đổi hết cách thờ phượng, nên Ngài rút khỏi Minh Chơn Lý, xuống Bạc Liêu hợp tác với ông Cao Triều Phát mở ra phái Minh Chơn Đạo năm 1935.

Năm 1937, Ngài Ngọc Chưởng-pháp ra hành đạo ở Đà Nẵng. Lúc đi ra Trung, Ngài Ngọc Chưởng Pháp Trần Đạo Quang không có giấy thuế thân, nên Ngài lấy giấy thuế thân của người trong làng tên là Hà Văn Thuần để xin làm căn cước thì mới được phép ra miền Trung, cho nên khi hành đạo ở Đà Nẵng, Ngài lấy tên là Hà Văn Thuần. Ngài ủng hộ bốn đạo nơi đây xây dựng được Thánh-Thất Trung-Thành, để làm cơ sở hoạt động của Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt.

Ngày 17-2-Bính Tuất (dl 20-3-1946), Ngài Ngọc Chưởng Pháp Trần Đạo Quang đăng Tiên tại chùa Linh Quang Tự ở Gò Vấp, Gia Định, hưởng thọ 77 tuổi.

Thi hài của Ngài được an táng tại nghĩa trang Minh Sư gần Linh Quang Tự. Sau nầy, do nhu cầu mở rộng sân bay Tân Sơn Nhất, Linh Quang Tự và nghĩa trang đều bị giải tỏa, bốn đạo cải táng Ngài về phần đất ở phía sau

Thánh Tịnh Minh Kiến Đài vào ngày 15-8-Kỷ Mùi (1956) thuộc xã Thông Tây Hội, cũng thuộc quận Gò Vấp.

(Trích trong Đuốc Chơn Lý, số 51 trang 12)

1- Hoạt động đạo sự của Minh Chơn lý:

Thêm vào sự cạnh tranh đó, Minh Chơn Lý gọi Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài là hai phẩm tước chứ không phải là hai cơ quan như trong Pháp Chánh Truyền qui định. Phái ấy cho rằng hai chức này hiệp với Đức Chí Tôn làm thành một cái gọi là Tam Thân Hiệp Nhất. Những phẩm Chức sắc trên Chánh Phối Sư còn có Thiên Sư, Tứ Bửu, Đầu Sư, Cửu Trùng Đài, Tam Tôn. Kinh sách thì sửa đổi hầu hết, không theo như Pháp Chánh Truyền, tuy giọng đọc na ná mà thôi..

Tệ hại hơn nữa là Minh Chơn Lý đã xóa bỏ nguồn cội nền chơn Đạo. Cơ bút của Minh Chơn Lý dạy như sau:

“Thầy xuống lập đạo có một mình Thầy hiệp với hai Chương quân, một là Lê Văn Được làm chức Hiệp Thiên Đài (hồn) của Đạo, là bậc Chơn như có Phật Hàng Long hiệp mới thành chánh vị Tam Tôn chủ tam hồn, đội áo Khai Thiên (12 thước vải trắng) đứng trên ngọc ý, phía trước mặt kẻ bên án có ông Cửu Trùng Đài Nguyễn Văn Ca là xác của Đạo. Đạo có một xác một hồn mà thôi. Cửu Trùng Đài nhờ chuyển kiếp 9 lần mới hiệp cùng Phật An Thiên nên Thánh danh kêu là Bửu An Thiên 18 năm, trong thời gian ấy chịu trả vay nhiều nợ. Còn ai bày ra Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài là hồn ma xác quỷ, đó là giả dối.”

(Trích trong Đuốc Chơn Lý số 51 trang 97)

Vì sự cạnh tranh Chơn truyền Luật pháp nên Minh Chơn Lý tuy hấp dẫn được một số Chức sắc Đại Thiên

phong buổi đầu, nhưng sau này lại trở thành một tề đoàn lớn lao hơn hết trong sự phân tán nhà Đạo. Do đó, có thể nói rằng, phái Minh Chơn Lý, ngay sau khi tự cạnh tranh Chơn truyền, thờ phụng sửa đổi nghi thức, không còn dính dáng gì của về Đạo Cao Đài nữa và như thế phái này không tránh khỏi bàn tay Tà Thần vậy”.

Theo lời các tiền bối kể lại, nguyên căn của Phối Sư Thái Ca Thanh là Độc Giác Thanh Ngưu của Đức Lão Tử giảng phạm, Truyền Trạng Phạm Văn Ngộ là Từ Giáp giảng phạm. Thanh Ngưu ở với Đức Lão Tử lâu năm nên có nhiều phép biến hóa huyền diệu, xem truyện Đông Du Bát Tiên thì rõ.

Ngay lúc mà Đức Tôn sư Hộ-Pháp mặc khôi giáp rực rỡ đến trình diện trước Ngọc Hư Cung. Thanh ngưu của Đức Lão Tử kinh hoảng giựt mình chạy làm đứt dây sứt lỗ mũi, chạy bay xuống thế đầu kiếp làm Nguyễn Văn Ca, có ý định để trả thù Hộ-Pháp sau này.

2- Cuộc Ân oán đối với Đốc Phủ Ca:

Nguyên khi Đốc Phủ Ca làm Quận Trưởng Châu Đốc, ông vâng lệnh Thực dân Pháp ruồng bỏ các nhóm Cách Mạng chống Pháp đang lập căn cứ trong Thất Sơn, giết chết ông Cử Đa và bắt học trò của Cử Đa là Bảy Do giao cho Pháp xử tử. Linh hồn Bảy Do lên kiện nơi Ngọc Hư Cung. Ngọc Hư Cung cho phép ông Bảy Do báo oán và giao phận sự giục loạn trong nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn để trục ngoại các thành phần phản đạo, rửa ráy hàng ngũ Chức sắc cho trong sạch.

Ngày 21-7-1934, tại Phạm Nghiệp, Đức Hộ-Pháp cùng Ngài Cao Tiếp Đạo phò loan, ông Bảy Do nhập cơ:

BẢY DO

“Kính chào chư vị Đại Đức và chư Đạo hữu,

– Xin cho biết phẩm vị.

– Thần. Thấy của Bản tăng mắc chuyển cơ dạng giáo hóa TRANG, TUỜNG, nên đến không dạng, mới sai Bản tăng thừa lại cùng chư quý vị.

Thưa Đức Hộ-Pháp, Bản tăng lấy làm bất nguyện vì buổi nọ Ngọc Hư Cung ban lệnh cho trừ diệt Phủ CA dạng báo oán. Bản tăng đã dụ nó vào Cấm Sơn và định đưa luôn vào ngục thất dạng sát hại, nào dè có lệnh Chí Tôn mật chỉ không cho sát mạng. Sau Bản tăng muốn nhập thể nó làm cho nó điên cuồng rồi bắt nó tự ái, nào dè Chí Tôn lại bình vực cấm ngăn thêm nữa, chỉ cho hành bệnh mà thôi. Nay nó bị điêu tàn cơ giả Đạo nên mang bệnh thất tình, tưởng khi Bản tăng cũng còn phương tẩy hện.

Ngài nín nấp lòng tin thì biểu rõ hành tàng mọi lẽ.

Còn hai người TRANG, TUỜNG thì Ngọc Hư Cung cho khảo. Thần dạng phép thử, khử tà trừ trước đủ ba năm khảo án, rồi dạy dỗ cho nó trung tâm, rồi cho trở lại Hội Thánh.

– Không. Cười... Hạng Thiên Thánh mà vào phẩm Đẩu Sư sao dạng. Bản tăng tưởng khi Ngài biểu điều ấy chán chường, chẳng cần để luận. Họ chỉ lãnh Hàm phong là may mắn lắm đó.” (tài liệu sưu tập của Quang Minh)

3- Ba vị Tướng soái của Chí-Tôn:

Ngày 11-5 Mậu Thìn (Thứ Năm: 28-6-1928)

Đức Thượng Đế giảng Cơ dạy rằng:

– Trung! Hai em con là Cư và Tắc từ đây hằng ở bên

con dạng cùng lo phổ độ.

Đối với ba vị Đại Thiên Phong của Tòa Thánh là cột đồng vững chắc lúc nào cũng ra tay chống đỡ đạo quyền, các Ngài lo cho chúng sanh tức là lo cho cả đại đồng như loại. Lúc này Đạo phải lên lút đưa một số người ra ngoại quốc du học theo phong trào Đông du mới phối hợp với bốn nhà Nguyễn đưa người đi tìm đường cứu nước, nên những tiền bạc gom góp để hỗ trợ cho việc này không dám công khai mà các Ngài phải chịu mang tiếng. Nhất là Đức Quyền Giáo-Tông phải chịu phần mạt lộ của nhóm người chống đối luôn rình rập và làm khổ Ngài. Nhưng khổ nỗi việc làm phải dấu kín làm sao phơi bày sự thực, nên phải đành ngậm miệng, thừa thế lủ người ấy càng làm lớn chuyện để sỉ nhục các Ngài.

1/-Thực dân pháp tiến hành âm mưu:

– Với Đức Quyền Giáo-Tông thì:

Thực dân Pháp cung cấp tài liệu cho nhóm người “bồi bút” viết báo nói xấu Đức Quyền Giáo-Tông Lê văn Trung, đả kích rằng: mọi việc ăn, ở, sinh hoạt của Đức Ngài đều do Hội-Thánh Cao-Đài lo chu đáo, thế mà hằng tháng Đức Ngài còn nhận 50 đồng của Đạo làm “sinh hoạt phí”. Đức Ngài là người lãnh đạo tối cao của Đạo Cao Đài, thế mà Đức Ngài còn dùng nhiều bút hiệu viết báo cho nhiều tờ báo để lấy tiền nhuận bút. Tất cả tiền bạc vay hỏi là lên lút trao cho nhóm người ra nước ngoài lo phần ăn học và lo phần cứu nước.

– Với Đức Cao Thượng-Phẩm:

Chúng viết báo nói xấu Ngài là không lo thi hành trách nhiệm, bảo vệ chơn truyền luật pháp Đại Đạo, việc

phá rừng lập Thánh địa chi tiêu không minh bạch. Mua sắm vật liệu giá cao hơn giá thị trường, việc chi thu không rõ ràng....đủ thứ hết.

– **Với Đức Hộ-Pháp:**

Họ cũng thi hành vấn đề viết báo bêu xấu Đức Ngài không thi hành trách nhiệm bảo thủ chơn truyền luật pháp Đại Đạo, không triệu tập Hội-Thánh Hiệp-Thiên-Đài để thụ lý xét xử đơn tố cáo của đồng đạo: tố cáo Đức Quyền Giáo-Tông và cả Đức Thượng-Phẩm nữa. Rằng Ngài luôn có lập luận bao che cho các bậc Chức sắc bề trên.

2/- **Thực dân Pháp mua chuộc**, hăm dọa và cưỡng bức nhà Nho Đặng Thúc Liêng và Hoà Thượng Thái Diên cùng ba nhà báo hợp soạn quyển **Cao-Đài Đàm quái giáo nghị**, mục đích là xuyên tạc, vu khống, đả phá, mạ lỵ Đạo Cao Đài, in tràn lan, phổ biến rộng rãi khắp nơi, loan truyền khắp các giới. Kết quả là làm cho dư luận xôn xao, trong quần chúng hoang mang và những người không vững đạo tâm sẽ có những hành động tào bạo, sự rạn nứt bắt đầu: Do đó phái của ông Phối Sư Thái Ca-Thanh (Tri phủ Nguyễn Văn Ca) bỏ Toà Thánh Tây ninh về Rạch giá phổ biến “Chánh tà yếu lý” lập ra nhóm An-Thiên-Hội, lập Toà Thánh Tam Bình ở Rạch giá, Toà Thánh Trung ương ở Cầu Vỹ, Mỹ Tho, lập phái Cao-Đài Minh Chơn Lý tự phong làm Giáo-Tông, tức nhiên tạo những đàn Cơ thiếu nghiêm túc, rồi quay lại chỉ trích Hội-Thánh Cao-Đài Toà Thánh Tây ninh là nơi đã khai sanh ra chính các phẩm tước của các vị ấy, chính con người của họ nữa kìa!

Lúc bấy giờ Toà-Thánh bị quá nhiều khảo đảo từ trong nội bộ vì nghe theo nhóm người phá Đạo cùng sự xúi giục của người Pháp, gây ra phe này phái nọ làm chao

đảo tinh thần những ai nhẹ đức tin. Những người chịu nạn nặng nề nhất là các Ngài:

- Đức Quyền Giáo-Tông Thượng Trung Nhựt
- Đức Hộ-Pháp Phạm Công-Tắc.
- Thượng-Phẩm Cao Quỳnh Cư

Những phe chống Hội Thánh, trong đó có:

Phái Minh Chơn Lý ra đời. Phái này do Ngài Đốc phủ Nguyễn Văn Ca lập ra. Ông nhập môn vào Đạo Cao Đài năm 1926, được Đức Chí Tôn phong phẩm **Phối Sư Thái Ca Thanh**. Ông Ca đóng góp nhiều công sức trong việc xây dựng tờ báo La Revue Caodaïste, bằng Pháp văn để truyền bá Đạo Cao Đài cho người ngoại quốc.

Ông Ca vâng theo Cơ bút của ông Trương Kế An (hiệu là Tuyết Vân Mặc Khách) nên ông Ca ở luôn tại Cầu Vỹ, Mỹ Tho, không về Tòa Thánh Tây Ninh và không tuân mạng lệnh của Hội Thánh nữa, lập phái Minh Chơn Lý vào năm 1931.

Ông Ca lôi kéo được một số Chức sắc hiệp tác với ông buổi đầu như:

- Ngài Chương Pháp Trần Đạo Quang,
- Vài Chức sắc ở Cầu Kho,
- Quý ông Cao Triều Phát,
- Nguyễn Ngọc Thiệu.

Cơ bút do ông Trương Kế An cầu, phong ông Ca làm **Đầu Sư Thái Ca Nhựt**. Cũng trong năm nầy, Cơ bút lại dẫn ông đi xa hơn nữa, qua các kỳ An Thiên Đại Hội, gọi ông là Đức Cửu Trùng Đài. Từ đây, chương quản Hiệp-Thiên-Đài là Thiên Sư Nguyễn Văn Phùng cầu cơ sửa đổi hết cách thờ phượng và nghi lễ, thay Thiên Nhân bằng Trái Tim và Thập ngũ Linh Đăng, rồi giải thích Thánh

Ngôn một cách lịch lạc, khiến cho không còn gì là chơn truyền của Đạo Cao Đài nữa.

Các Chức sắc trước đây hiệp tác với ông Ca thấy vậy liền rút khỏi Minh Chơn Lý, đồng xuống Bạc Liêu là quê hương của Ngài Cao Triều Phát lập phái Minh Chơn Đạo, xây dựng Tòa Thánh Ngọc Minh ở Giồng Bướm, Giá Rai, Cà Mau.

Phái Minh Chơn Lý hiện nay thu hẹp rất nhiều, lại chia làm hai: chi Chơn Lý tại Cầu Vỹ (Minh Chơn Lý cũ) và Tòa Thánh Cao Đài Việt-Nam tại Bến Tranh.

Trong Đạo lúc này có lẽ rối như tổ ong, vì không còn ai nghe ai nữa. Thấy giận mà rằng:

Thầy hỏi:

– “Thằng CA nó phản đạo là tại có nào? Nói Thầy nghe thử...”

– Không phải vì vậy mà thôi, mà tại gương xấu của các con phản phúc lẫn nhau, nhục mạ lẫn nhau, mưu hại lẫn nhau, giành giật quyền hành, gây điều bất chánh, đến đổi Hiệp-Thiên-Đài cũng thế.

– TẮC! Con nghe rõ: nhiều đứa dùng Cơ Bút mà làm ngọn dao thương đâm sát phạt mắng chửi nhau, ngày nay mới làm mối oan khiên cho Tà Thần bắt chước.

Hại thay cho một nền Tôn giáo chơn chánh đường này, bị phạm tâm của các con đã ra ô trước...

Thầy đã thấy trong Thiên thư, tội tình của mỗi đứa, Thái Bạch đã giao nạp cho Ngọc Hư Cung rồi, đã đủ mặt Cửu-Trùng-Đài và Hiệp-Thiên-Đài đều có hết.”!

Về Phối Sư Thái Ca Thanh:

Sau đây, xin trích một đoạn trong quyển Lịch Sử Cao Đài Quyển 2 của Đồng Tân, trang 391-395:

“Thế là một phái nữa thành hình, ban đầu lấy tên là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Minh Lý Hội, sau đổi thành Minh Chơn Lý Hiệp Ngũ Chi.

Những việc ông Ca làm buổi ban sơ xem cũng có mòi xây dựng, nhưng qua năm 1935, Chương quản Hiệp Thiên Đài là Thiên Sư Nguyễn Hữu Phụng chấp cơ sửa đổi hết cách thờ phượng, lễ bái, nghi tiết, đổi sự thờ Thiên Nhân bằng Trái Tim và Thập ngũ Linh Đăng. Vì lẽ ấy mà phần lớn Chức sắc, một số trở về Cầu Kho giữ nguyên gốc cũ làm thành nhóm bảo thủ, còn một số thì hợp tác với phái Tiên Thiên. Minh Chơn Đạo cũng nảy sinh khi phái Minh Chơn Lý bắt đầu đi sâu vào Tà phái.

Việc ông Ca tách ra thành hình phái Minh Chơn Lý là cơ đại khảo trong Đạo, nhưng cũng do nghiệp báo của ông, nên sự cạnh tranh làm cho thất chơn truyền là một sự nguy hại cho ông và cho phái ông rất nhiều.

Để chứng minh điều này, ta hãy xem bài cơ bút sau đây đã giải thích huyền vi Thiên Nhân một cách rất tà mị, dù người kém chữ nghĩa đến đâu cũng không thể hiểu như vậy được.

Bài trích trong tập Đuốc Chơn Lý, do Tòa Thánh Định Tường (Minh Chơn Lý, Cầu Vỹ) xuất bản năm 1955:

“VÔ VI HIỆP THIÊN ĐÀI

Ngày 19 tháng 8 âm lịch 1938 (7 giờ tối)

– ĐƯỢC! Con nghe Thầy dặn, nay Thầy giải nghĩa câu: Nhân thị chủ tâm, Lưỡng quan chủ tế, quan thị Thần, Thần thị Thiên, Thiên giả Ngã dã.

Trước Thầy có hứa sau Thầy sẽ chỉ rành là đợi cho đến ngày nay là đúng Tam Kỳ Phổ Độ, Thầy phải giải cho rành cho cả thầy đặng hay kẻ nhiều đứa nó ước ao trông đợi.

Giải nghĩa như vậy:

Chữ Nhân thị chủ tâm nghĩa là cái nhân của mỗi người đó là chủ nghĩa ở nơi tạng Tâm mà truyền ra, ấy là trái tim nên hình cái Nhân cũng tương tự trái tim vậy. Đó là Tâm nội xuất hình ư ngoại đó nên lấy nó mà làm chủ nghĩa đặng cho đời xem chung nên gọi là Nhân thị chủ Tâm là vậy đó.

Lưỡng quan chủ tể, chủ tể này là cai trị (gouverner) nghĩa là hai điều quan hệ trong sự ngó dòm, coi xét, đó phải ngăn ngừa phòng sợ, trong đó có chánh có tà, đó là lưỡng quan là hai ngó, hễ ngó chánh thì có chánh, ngó tà thì có tà, trong đó có một ngôi chủ tể xem xét không lầm nên phải quan phòng là vậy đó.

Quan thị Thần, chủ quan này là khán (observer), chủ thị này là thật (droit) nghĩa là xem xét đặng làm việc phải là chủ thị đó. Thị trong đó có Thần. Thần này là Thần huệ diệu minh là điển đó, nên gọi là điển quan Thần diệu huệ phát minh tâm là vậy đó.

Thần thị Thiên, Thần vậy đó mới gọi là có Trời ẩn trong đó. Thần này mới gọi là Thần mục tộ điển. Còn Thiên đó là người đời hay kêu là Thiên La Thần, Địa La Thần là vậy, vì xem xét không lầm, bao la vũ trụ chẳng vị chẳng tư.

Còn chữ Thiên giả ngã dã, chữ Thiên là xấu (mauvais), chữ Ngã là nghiêng (pencher).

Đó là nghĩa nói về người đạo. Nếu dùng Thiên Nhân đặng treo vậy thì trong chỗ ngó xem hành động không y theo lời dạy thì người đó có chỗ thiên là không đúng thiệt nơi lòng.

Phật gọi là ngã (tomber) tướng đó. Hễ người đạo mà phạm vào như ngã thì hóa ra là người nương đạo mà lập danh quyền lợi, dầu có treo cũng vô ích. Vậy, con biểu CA nó coi rồi giao lại cho ba Đầu Sư, Tứ Bửu, Thiên Sư xét cho kỹ, coi cho rành đặng in ra, rồi gởi cho các Chi phái khác đặng rõ lời Thầy dạy đó, mặc may chúng nó có đặng hồi tâm mà tránh cái nạn tu mà lăm mê hoặc đặng biết chơn lý mà theo Thầy thì là nhờ công trong mỗi đứa đó. Thằng.”

4- Ngọc Chưởng Pháp: Thái Lão Sư Trần Đạo Quang (1870-1946)



(Bổ Cao-Đài Tây Ninh theo Minh Chơn Lý)

Như trên đã nói: Ông Ca lô kéo được một số Chức sắc hiệp tác với ông buổi đầu như: Ngài Chưởng Pháp

Trần Đạo Quang,

Ngài Trần Đạo Quang, thế danh là Trần Văn Quang (có tài liệu chép là Trần Thanh Nhân) sanh ngày 10-11-Canh Ngọ (dl 31-12-1870) tại Ban Dầy, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Ngài là con trai duy nhứt của ông Trần Chí Hiếu và bà Dương Mỹ Hậu. Hai ông bà làm nghề nông và tu theo đạo Minh Sư, tông Phổ Tế.

Ngài có lòng mộ đạo từ nhỏ. Năm 12 tuổi, Ngài noi theo cha mẹ, tu theo đạo Minh Sư. Năm 16 tuổi, Ngài bắt đầu ăn chay trường. Thái Lão Sư Trần Đạo Cửu nhận làm thầy đứng ra khai thị cho Ngài.

Năm 21 tuổi, Ngài xuất gia tu hành, bắt đầu tu Nhứt Thừa: Nhứt bộ rồi Nhị bộ và Tam bộ, sau tiến lên tu Nhị Thừa qua bốn bậc: Thiên Ân, Chứng Ân, Dẫn Ân, Bảo Ân; rồi Ngài tiếp tục tu lên Tam Thừa, qua hai bậc:

Đảnh Hàng: lấy đạo hiệu Trần Văn Quang.

Thập Địa là Thái Lão Sư: lấy đạo hiệu là Trần Đạo Quang. Năm nầy Ngài được 45 tuổi.

Thái Lão Sư Trần Đạo Quang, được sự tín nhiệm của 12 vị Lão Sư Tông Phổ Tế đạo Minh Sư ở Việt Nam, nên Ngài về trụ trì chùa Linh Quang Tự là Tổ đình của Tông Phổ Tế ở Việt-Nam.

Tổ Sư của Tông Phổ Tế đạo Minh Sư bên Tàu là Thái Lão Sư Trần Đạo Khánh dự định phong cho Ngài Trần Đạo Quang làm “Việt Nam Đệ Nhứt Tổ” của Tông Phổ Tế đạo Minh Sư ở Việt Nam. (Tài liệu của Huệ Nhẫn)

Trong lúc đó thì Lão Sư Nguyễn Văn Tương và Nguyễn Văn Kinh đã được Đức Chí Tôn độ theo Đạo

Cao Đài, nên hai Ngài xin lập đàn cơ tại Linh Quang Tự để Đức Chí Tôn độ Ngài Thái Lão Sư Trần Đạo Quang luôn thể và Ngài Trần Đạo Quang được Đức Chí Tôn độ nên bằng lòng qui hiệp vào Đạo Cao Đài.

Khi Ngài Thượng Chương Pháp Nguyễn Văn Tương đăng Tiên tại làng Hữu Đạo quận Cai Lậy thì khoảng hơn một tháng sau, Đức Chí Tôn phong Ngài Trần Đạo Quang làm **Quyển Thượng Chương Pháp** ngày 12-12-Bính Dần (dl 15-1-1927). (Theo Đạo Sử của Bà Nữ Đầu-Sư Hương Hiếu Q.2 trang 172 và 192)

Ngài Ngọc Chương Pháp Trần Văn Thụ đăng Tiên ngày 14-5-Đinh Mão, thì sau đó ít lâu, Đức Chí Tôn ân phong Ngài Trần Đạo Quang làm **Ngọc Chương Pháp chánh vị**.

Trong cơ Đạo phân chia Chi phái, năm 1931 Phối Sư Thái Ca Thanh rút khỏi Toà-Thánh Tây-Ninh về Mỹ Tho lập phái Minh Chơn Lý, Ngài Ngọc Chương Pháp hợp tác với Minh Chơn Lý, sau đó thấy ông Ca và ông Phùng sửa đổi hết cách thờ phượng, nên Ngài rút khỏi Minh Chơn Lý, xuống Bạc Liêu hợp với ông Cao Triều Phát mở ra phái Minh Chơn Đạo năm 1935.

Năm 1937, Ngài Ngọc Chương ra hành đạo ở Đà Nẵng. Lúc đi ra Trung, Ngài Ngọc Chương Pháp không có giấy thuế thân, nên Ngài lấy giấy thuế thân của người trong làng tên là Hà Văn Thuận để xin làm căn cước thì mới được phép ra Trung. Thế nên khi hành đạo ở Đà Nẵng, Ngài lấy tên là Hà Văn Thuận. Ngài ủng hộ bốn đạo nơi đây xây dựng được Thánh-Thất Trung-Thành, để làm cơ sở hoạt động của Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt.

Ngày 17-2-Bính Tuất (dl 20-3-1946), Ngài Ngọc

Chưởng Pháp Trần Đạo Quang đăng Tiên tại chùa Linh Quang Tự ở Gò Vấp, Gia Định, hưởng thọ 77 tuổi.

Thi hài của Ngài được an táng tại nghĩa trang Minh Sư gần Linh Quang Tự. Sau này, do nhu cầu mở rộng sân bay Tân Sơn Nhất, Linh Quang Tự và nghĩa trang đều bị giải tỏa, bốn đạo cải táng Ngài về phần đất ở phía sau Thánh Tịnh Minh Kiến Đài vào ngày 15-8-Kỷ Mùi (1956) thuộc xã Thông Tây Hội, cũng thuộc quận Gò Vấp.

o6- Phái Tiên Thiên: Giáo Hữu Ngọc Chính Thanh (Ông bị trục xuất vào năm 1930).

Phái này do ông Giáo-Hữu Ngọc Chính Thanh (Nguyễn Văn Chính) lập ra ở Cai Lậy. Nguyên ông Chính thọ phong Giáo Hữu tại Tòa-Thánh Tây-Ninh, nhưng ông không hành đạo, **mà lo việc luyện đạo và lập Cơ bút riêng**. Ông bị Hội Thánh Tây Ninh cảnh cáo nhiều lần, và cuối cùng thì ông bị trục xuất vào năm 1930.

Năm 1932, Cơ Bút phái Tiên Thiên phong ông Chính làm chức Chưởng Pháp, quý ông Nguyễn Văn Tòng và Lê Kim Tỵ qua hợp tác với ông Chính, thành lập phái Tiên Thiên, lập Tòa Thánh Châu Minh tại làng Sóc Sãi tỉnh Bến Tre.

(Ông Lê Kim Tỵ là một nhà thầu khoán có tài, người có danh vọng lúc bấy giờ, tính tình cương nghị, người Pháp rất kính nể. Khi ban sơ mới mở Đạo tại Sài Gòn, ông Tỵ có đến hầu đàn, Ngài Nguyễn Trung Hậu phò loan, Đức Chí Tôn cho ông 4 câu thi rồi viết tiếp: **“Tỵ họa bất như tinh phi.”** [nghĩa là: Tránh họa không bằng xét lại lỗi lầm của mình], Lui. (tức là Đức Chí Tôn không thấu nhận ông Tỵ làm Môn đệ).

Phái Tiên Thiên dùng Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Tân Luật và Pháp Chánh Truyền như Tòa Thánh Tây Ninh, nhưng Chức sắc không chia ra Thái, Thượng, Ngọc, chỉ mặc đạo phục toàn trắng, đầu đội khăn đóng trắng.

Nhờ tài thầu khoán của ông Lê Kim Tỵ, ông xây dựng được 72 Thánh Tịnh (Thất thập nhị Thánh Tịnh) trong khắp các tỉnh ở miền Nam cho phái Tiên Thiên.

Hội Thánh Tiên Thiên cũng có hai đài: Hiệp-Thiên Đài và Cửu Trùng Đài nhưng cầm đầu lại do Thất Thánh, có Thất Hiền phụ tá.

Thất Thánh gồm 7 ông: Phan Văn Tòng, Nguyễn Văn Chính, Nguyễn Thế Hiển, Lê Kim Tỵ, Trần Lợi, Nguyễn Bửu Tài, Nguyễn Tấn Hoài.

Thất Hiền gồm 7 ông: Lê Thành Thân, Nguyễn Phú Thứ, Lâm Quang Tỹ, Đoàn Văn Chiêu, Phan Lương Hiền, Trương Như Mầu, Phan Bá Phước. Dự khuyết: Phan Thanh.

Cũng trong thời gian này, phái Tiên Thiên lập Trước Tiệt Tàng Thơ, chủ tịnh là ông Trương Duy Toàn. Ông Trần Văn Quế thì hiệp với đồng tử Liên Hoa (Đàm Thi) lập nhiều Thánh Tịnh khác như: Trước Lý Minh Đài ở Gia Định, Ngọc Minh Đài ở Bà Điểm, Ngọc Tuyển Thánh Tịnh ở Long Thành, Biên Hòa.

Sau đó Cơ Bút phái Tiên Thiên dạy thành lập Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn, qui tụ một số Chức sắc kỳ cựu trong Đạo và một số trí thức trong mục tiêu hiệp nhất các Chi phái, làm cho phái Tiên Thiên bắt đầu xuống dốc và có nguy cơ tan rã.

Ngài Nguyễn Bửu Tài, được Cơ bút Tiên Thiên

phong chức Đầu Sư Thượng Tài Thanh, lãnh đạo 65 vị Chức sắc Tiên Thiên qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh, được Đức Lý Giáo-Tông giáng cơ chấp thuận ngày 29-6-1949, tạm thời giáng nhứt cấp tất cả các vị nên Ngài Nguyễn Bửu Tài là Phối Sư Thượng Tài Thanh và Đức Lý hứa, khi nào đem hết tất cả Chức sắc và bốn đạo của phái Tiên Thiên qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh thì Đức Lý sẽ phong cho chức cũ.

Hai năm sau, Ngài Nguyễn Ngọc Tương Giáo-Tông phái Bến Tre qui liễu, Ngài Nguyễn Bửu Tài lại tách rời Tòa Thánh Tây Ninh trở về Sóc Sãi Bến Tre, tái lập phái Tiên Thiên và sau đó Cơ bút Tiên Thiên phong Ngài Nguyễn Bửu Tài lên chức Giáo-Tông ngày 9-1-1957.

Sự kiện có tính cách vĩ đại này của phái Tiên Thiên không được các Chi phái khác quan tâm vì phái Tiên Thiên lúc bấy giờ không có thực lực đáng kể, số tín đồ còn lại rất ít, số Chức sắc thì lại nhiều hơn.

Tiểu sử Ông Nguyễn Bửu Tài phái Tiên Thiên:

Ông Nguyễn Bửu Tài sanh năm 1882 tại làng Chệt Sậy, sau đổi tên là làng Phú Hưng, tỉnh Bến Tre. Ngài theo tân học nhưng cũng rất giỏi Hán học, làm Giáo viên tại Bến Tre, được thăng lên Thanh Tra Tiểu Học, sau lại đổi lên Biên Hòa.

Năm 1926, ông Nguyễn Bửu Tài lập một phái tu đơn tại Chệt Sậy, Tịnh Thất được đặt tên là Tây Tông Vô Cực Cung.

Năm 1941, ông có liên lạc với Kỳ Ngoại Hầu Cường Để ở Nhật, nên bị Pháp bắt đày đi Côn Đảo 5 năm.

Ngày 25-8-1945, Chánh phủ Trần Trọng Kim ân xá,

ông Tài được trả tự do, ông trở về quê tiếp tục tu đơn.

Sau đó ông gia nhập phái Tiên Thiên, được cơ bút phong Thượng Đầu Sư, trở thành Chức sắc lãnh đạo phái Tiên Thiên.

Một số lớn Chức sắc cao cấp của phái Tiên Thiên nhập qua các phong trào Thống Nhứt Chi phái, làm cho phái Tiên Thiên suy yếu. Do đó, ông Nguyễn Bửu Tài cùng một số Chức sắc Tiên Thiên cấp dưới qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh, được Đức Lý Giáo-Tông giáng cơ chấp thuận trong đàn cơ đêm 1-3-Mậu Tý (dl 9-4-1948), và Đức Hộ-Pháp ra Thánh Lệnh số 535 ngày 4-6-Kỷ Sửu (dl 29-6-1949) thi hành quyết định của Đức Lý Giáo-Tông.

Ngày 27-5-Canh Dần (dl 11-7-1950), theo lời dạy của Đức Lý Giáo-Tông đêm 3-1-Canh Dần, Đức Phạm Hộ-Pháp ký Thánh Lệnh số 302, chư Chức sắc phái Tiên Thiên có danh sách trong Thông qui ngày 30-10-Kỷ Sửu, đã đệ trình lên Đức Lý Giáo-Tông xem xét, được Đức Lý tạm phong vào hàng Chức sắc Tòa Thánh Tây Ninh, sệt bớt một cấp, như sau đây:

- Phối Sư Thượng Tài Thanh (Nguyễn Bửu Tài)
- Phối Sư Thượng Hiền Thanh (Phan Lương Hiền)
- Giáo Sư Ngọc Thiệu Thanh (Phan Lương Thiệu)
- Giáo Sư Ngọc Dừng Thanh (Đinh Văn Dừng)
- Giáo Sư Thượng Tấu Thanh (Trần Văn Tấu)

Phần tiếp theo là danh sách 26 Giáo Hữu và 35 Lễ Sanh.

Tổng cộng: 66 vị Chức sắc, không ai là Đạo hữu cả.

Ngày 23-12-Canh Dần (dl 30-1-1951) Đức Phạm Hộ-

Pháp lại ký Thánh Linh phong thêm 5 vị Giáo Sư, 3 Giáo Hữu và 17 Lễ Sanh.

Cả thầy Chức sắc phái Tiên Thiên được Đức Lý Giáo-Tông tạm phong do cơ bút tại Tòa Thánh Tây Ninh, phải hành sự từng quyền Ngọc Chánh Phối Sư, Chủ trưởng Chức sắc.

Giữa năm 1951, ông Nguyễn Ngọc Tương Giáo-Tông phái Bến Tre qui liễu tại Thánh Thất An Hội Bến Tre.

Sau đó, ông Nguyễn Bửu Tài và số Chức sắc Tiên Thiên đã qui hiệp về Tòa-Thánh Tây-Ninh trước đây, âm thầm tự ý rút lui khỏi Tây Ninh, trở về Sóc Sãi tỉnh Bến Tre tái lập phái Tiên Thiên, lập Tòa Thánh Châu Minh và Hội Thánh Tiên Thiên.

Ngày 13-8-1955, cơ bút phái Tiên Thiên phong ông Nguyễn Bửu Tài lên chức Thượng Chương Pháp.

Ngày 9-1-1957, ông Nguyễn Bửu Tài được tấn phong Quyền Giáo-Tông phái Tiên Thiên.

Ngày 9-1-1958, tức là đúng 1 năm sau, cơ bút phong ông Nguyễn Bửu Tài lên chức Giáo-Tông chánh vị phái Tiên Thiên.

Ngày 21-9-Mậu Tuất (dl 1-11-1958), ông Nguyễn Bửu Tài qui liễu, bửu tháp của ông được xây tại Tòa Thánh Châu Minh ở Sóc Sãi, Bến Tre.

Vậy ở Bến Tre, trước sau có hai vị Giáo-Tông Chi phái: Nguyễn Ngọc Tương và Nguyễn Bửu Tài.

CUỘC THỬ CƠ của PHÁI TIÊN THIÊN

Về Tòa-Thánh Tây ninh

Phò loan: Luật Sự Nhung - Hưởng.

Thừa Sứ: Nguyễn Văn Kiết.

Hầu đàn: Chức sắc CTĐ, HTĐ,

Sĩ quan cao cấp, Chức sắc Tiên Thiên và đồng tử Thanh Trước Đàn, Tiên Phong Hội Quán, ngã 5,

Tòa Thánh TN, lúc 21g30 Đêm 4-2-Tân Mão (11-3-51).

LÝ GIÁO-TÔNG

“Chào con cái Chí Tôn.

Thượng Tà Thanh, Hiền hữu có biết chẳng Đạo Thầy có một.?

Khai Pháp Hiền hữu chấp bút nhang đuổi nó đi, vì đây trước mặt Lão lại còn cho Thần Cái trụ.

Thượng Tà Thanh, hỏi một Hội Thánh có mấy Đài Hiệp Thiên và mấy Đài Cửu Trùng?

Chính tay Lão đã lập Đạo Nghị Định thứ 8, có dẫu Lão lại phá luật; còn Đài Hiệp Thiên do Hộ-Pháp nắm giữ, có dẫu Lão lại quá quyền phạm pháp, phong tước Chương quản Hiệp-thiên-Đài, Hiền hữu vốn biết Lão đương quyền Giáo-Tông đó chứ?

Cơ chia phe phân phái cũng do đó có phải?

Nè Lão cho hay rằng: Hội Nhơn Sanh sắp đến đó, thử hỏi Chức sắc và tín đồ về đảng bao nhiêu?

Hiền hữu khá nhớ rằng: được phẩm thì dễ, chớ ngồi yên khó lắm, sự không qui thuận của Chức sắc và tín đồ Tiên Thiên là lỗi nơi Hiền hữu, chớ không phải nơi họ.

Từ đây, Hiền hữu cứ ra nghiêm lệnh coi. Nên nhớ rằng: với tình thì Lão dung thứ được, chớ về luật pháp e khó dung tha được.

Cao Sĩ Tấn! Lão biết Hiền hữu có ý bất mãn, nhưng

Lão khuyên Hiền hữu khá suy nghĩ sẽ thấy rõ đường đi.

Đức Chí Tôn khai Đạo chẳng bó buộc một ai hết thấy, nếu ngoan là con của Thầy, còn dại thì mặc tình quỉ dẫn. Những cặp đồng tử của Hiền hữu, tuy vốn xuất thân, nhưng bị hồi điển do bốn thân. Hiền hữu khá đem họ nhờ sự trau luyện của Hiệp-thiên Đài Chúc sắc thì sẽ được ứng dụng ngày sau. Hiền hữu thử hỏi lại chúng nó coi: trước đêm mừng 4 vừa qua nó có suy nghĩ gì chẳng?

Thượng Tài Thanh, Hiền hữu hiểu lời Lão rồi chứ?

Bảo Thế, Khai Pháp, Tiếp Đạo, sáng ngày mai phải xuống Trí Huệ Cung tường thuật căn kẽ cho Hộ-Pháp nghe. Còn hai em Hưởng và Nhung, Lão khen đó, hai em đã giúp Lão chinh đồn Cửu Trùng Đài nhiều lắm đó, Lão mang ơn nơi côi Hư linh, còn hữu hình Lão chẳng có quyền.” Thăng.

Tái cầu: Lúc 23 giờ.

THƯỢNG TRUNG NHỰT

“Qua chào mấy em. Cười!

Ông Già nộ khí dữ quá ta! Lúc nãy đồng tử của họ có một người tà tâm nên Ông đánh nó đó.

Bạch:

– Không sao, tuy vậy chứ Thượng Tài Thanh và Cao Sĩ Tấn biết suy nghĩ lắm, họ bị quá mê tín mà nên nông nổi. Cười . . . Coi chừng đồng tử bị đánh, bịnh ta ơi!

Tội nghiệp, không phải tự họ muốn lên giả, nhưng tại Thần trước mà bị hồi điển. Những người đồng tử họ bất bình, họ nói mình xúm nhau mà làm ngưng nghề họ, chứ không phải là Đức Lý. Cười .. Mặc dầu lúc nãy, Ông Già đã nói trước rồi.

Còn KHOA thì coi hình như đeo muốn rớt.

Em Trung Đông nên gần gũi dẫn dụ họ, nếu họ có ước thì xin với Đức Hộ-Pháp, Đức Hộ-Pháp phò loan tại Trí Huệ Cung một lần nữa, nhưng không cho đồng tử theo vì có hại cho họ.

Cười . . . Căn cơ gãy . . . Cười . . .

Anh nói thiệt, nếu cơ không gãy thì e cho họ phát điên rồi mà chớ. Đó cũng may cho họ vì đầu cơ không có điển, hành pháp không xuất được. Thôi cũng yên một phần, em Trung Đông cười đi em.” Thăng.

Chú thích:

(KHOA: Ngài Hồ Tấn Khoa, lúc đó chưa được phong chức Bảo Đạo.

TRUNG ĐÔNG: hiệu của Trung Tướng Nguyễn Văn Thành).

07- Phái Minh Chơn Đạo

Phái này do ba Ngài:

- 1- **Chưởng Pháp Trần Đạo Quang,**
- 2- **Cao Triều Phát và**
- 3- **Nguyễn Ngọc Thiệu,**

Tách khỏi phái Minh Chơn Lý (vì thấy hai ông Ca và Phùng biến cải theo Tà đạo), qui tụ về Giá Rai tỉnh Bạc Liêu, lập ra phái Minh Chơn Đạo vào năm 1935. Lúc đầu trụ sở đặt tại Chùa Minh Sư của Ngài Trần Đạo Quang tại Giá Rai, sau mới lập Tòa Thánh Ngọc Minh ở Giồng Bướm Giá Rai, cũng gọi là Tòa Thánh Hậu Giang. Gần Tòa Thánh này có Ngũ Hành Tòa để làm Hiệp-Thiên-Đài. Phái này hoạt động khá mạnh, lên tới tỉnh Vĩnh Long.

Phái Minh Chơn Đạo giữ đúng theo Tân Luật, Pháp

Chánh Truyền và lễ nghi của Đạo buổi sơ khai. Phái này không luyện đạo, mặc dầu Ngài Trần Đạo Quang, trước khi gia nhập Đạo Cao Đài, Ngài là Thái Lão Sư cầm đầu Chi Minh Sư ở Việt-Nam. Ngài Trần Đạo Quang được phong chức Chưởng quản Vô Vi Chưởng quản Cửu-Trùng Đài, Ngài Cao Triều Phát chức Thái Chưởng Pháp Chưởng quản Hiệp Thiên Đài, Ngài Nguyễn Ngọc Thiệu chức Đầu Sư Ngọc Thiệu Nhứt. Sau này, Ngài Cao Triều Phát lại tách ra, ông Nguyễn Văn Kiện tự Huân được phong chức Hộ-Pháp Thiên Ấn Tinh Quân, chưởng quản Hiệp Thiên Đài.

Cơ bút của phái Minh Chơn Đạo phong gần đủ các phẩm Chức sắc cao cấp Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, như: Hộ-Pháp, Thượng-Phẩm, Thượng-Sanh, 9 vị Thời Quân, 2 vị Chưởng Pháp, 7 vị Đầu Sư, 3 Chánh Phối Sư (không có phẩm Giáo-Tông, bên Cửu Trùng Đài thì chức Chưởng quản Vô Vi là cao nhất).

Sau cuộc đảo chánh của Nhứt Bốn, quân đội Pháp trở lại dùng phi cơ dội bom, trúng Tòa Thánh Ngọc Minh tan tành. Ngài Cao Triều Phát hợp tác với Việt Minh để bảo vệ tín đồ. Sau Hiệp Định Genève 1954, Ngài Cao Triều Phát tập kết ra Bắc và qui liễu tại đó trong năm sau.

o8- Hai vị Quyền Đầu-Sư tách ra lập Chi Phái Bên Tre

- Quyền Đầu-Sư Thượng Tương Thanh,
- Quyền Đầu-Sư Ngọc Trang Thanh



Nhóm Nguyễn Phan Long mở Hội Vạn Linh xét xử tội trạng Đức Quyền Giáo-Tông Lê Văn Trung và Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc.

Ngày 19-5-Quý Dậu (Thứ ba:11-7-1933)

Thực dân Pháp kết hợp với triều đình nhà Nguyễn ở Huế và được sự nội ứng của Phối Sư Ngọc Trang Thanh (Tri phủ Lê Bá Trang) đưa nhà chính trị Nguyễn Phan Long về Tòa-Thánh Tây-Ninh qui tụ tất cả Chức sắc, chức việc, đạo hữu trên toàn quốc họp về mở “Đại hội vạn linh” họp giữa chánh điện trong Đền-Thánh để xét xử tội trạng Đức Quyền Giáo-Tông Lê Văn Trung và Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc.

Ông Nguyễn Phan Long là người không có Đạo Cao Đài, hôm ấy người ông đầu trần, mặc áo sơ-mi trắng ngắn tay, quần sọt (ngắn) trắng, bỏ áo trong quần, giày ba ta trắng, ngồi ghế Nghị trưởng chủ tọa đại hội vạn linh; còn Chức sắc, Chức việc mặc đại phục (áo mao chỉnh tề) ngồi theo thứ bậc.

Sau những nghi thức khai mạc, Ngọc chánh Phối Sư Ngọc Trang Thanh (Tri phủ Lê Bá Trang) chủ trưởng Chức sắc Cửu Trùng Đài Nam phái ra trước Đại hội giới thiệu ba chồng hồ sơ:

1- Đây là những bài báo tường thuật những sai trái của hai ông Lê Văn Trung và Phạm Công Tắc.

2- Còn đây là những thư tố cáo tội trạng cũng của hai ông Lê Văn Trung và Phạm Công Tắc.

3- Còn đây là những văn bản cật vấn hai ông Lê Văn Trung và Phạm Công Tắc của Đạo và Đời về sở hành của hai ông.

Ông Nguyễn Phan Long Nghị trưởng chủ tọa đại hội vạn linh phát biểu:

– Đề nghị mời hai đương sự ra trước đại hội để trả lời chất vấn của đại hội (Tờ Vi bằng 36 trang đánh máy có kèm theo ở phần phụ lục. Cuối sách)

Cả đại hội đồng ý, cử người đến Giáo-Tông-Đường và Hộ-Pháp-Đường mời Đức Quyền Giáo-Tông và Đức Hộ-Pháp.

Hai Ngài rất bình thản, vui vẻ và giải thích cho những vị đến mời nói cho nghe rằng:

– Khi chúng ta nhập môn cầu Đạo đã Minh thệ rằng: “Hiệp đồng chư Môn đệ gìn luật lệ Cao-Đài” mà theo Tân Luật của Đạo Cao Đài, chương VII, về hình phạt, điều thứ 29 “Chư Chức sắc ai có phạm Luật pháp trong Đạo thì đem ra trước Tòa Tam giáo phân xử” và “Tòa Tam giáo có Đức Giáo-Tông làm đầu, ba vị Chương Pháp nghị án, vị Đầu-Sư phái mình về phần dâng biểu buộc tội. Một Chức sắc Hiệp-Thiên-Đài làm Trạng sư.

Chư Hiền hữu về nói lại với quý vị ấy muốn xử tội Đức Quyền Giáo-Tông và Bản Đạo hãy tiến hành đúng theo luật lệ Cao-Đài thì Đức Quyền Giáo-Tông và Bản Đạo sẽ đến dự.”

Những kẻ đi mời về không tường thuật đầy đủ lời phát biểu của Đức Ngài, chỉ nói vắn tắt: “Đức Quyền Giáo-Tông và Đức Hộ-Pháp không đến dự.”

Nguyễn Phan Long Nghị trưởng chủ tọa đại hội vạn linh phán quyết rằng:

– Vậy thì chúng ta xử khiếm diện.

Họ đọc hết chồng báo bịa đặt vu-khống, tố cáo nặc danh, văn bản cật vấn vô căn cứ (mất trọn một ngày).

Ngày hôm sau tiếp tục đại hội:

Bà Phối-Sư Hồ-Hương-Lự (Bà mẹ của Đức Thượng-Sanh) mặc đại phục vào Cung Đạo Đền Thánh bái lễ xong, Bà đi thẳng đến bàn chủ tọa hỏi ông Nguyễn Phan Long:

– Ông chưa nhập môn vô Đạo Cao-Đài, Ông chưa phải là Tín đồ Cao-Đài, vậy ông lấy tư cách gì mà làm chủ tọa cái đại hội này? Căn cứ vào luật lệ nào mà ông xử tội Đức Quyền Giáo-Tông và Đức Hộ-Pháp? Hơn nữa toàn thể Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu đều có mặc áo chỉnh tề; còn ông đầu trần, mặc quần cụt ngồi giữa Bửu Điện Đền Thánh Cao-Đài có vô lễ lắm không?

Ông Nguyễn Phan Long lúng túng đáp:

– Tôi là nhà báo đến đây dự đại hội, vì không có ai xứng đáng làm chủ tọa, đại hội tín nhiệm tôi, bầu tôi làm Nghị trưởng chủ tọa đại hội vạn linh này.

Bà Phối-Sư Hồ-Hương-Lự nhìn xuống Hội trường to tiếng cật vấn:

– *Chư Hiền huynh, Hiền Tỷ là Chức sắc Đại Thiên phong, vậy chư vị dựa vào điều khoản nào trong Pháp Chánh Truyền và Tân Luật mà bầu một người không phải là Tín đồ Cao-Đài (ngoại Đạo) làm chủ tọa đại hội của Đạo để xử tội Đức Quyền Giáo-Tông và Đức Hộ-Pháp*

Không một ai trả lời được câu hỏi của Bà Phối-Sư Hồ-Hương-Lự, bỗng có Luật sư Diệp văn Kỳ đến phát biểu

– *Tôi thay mặt Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc đến thông báo với quý ông bà rằng:*

“Trong Đạo Cao-Đài: quyết nghị của Đại hội nhưn sanh, quyết nghị của Đại hội Hội Thánh và quyết nghị của Thượng Hội hợp nhứt lại là Quyền Vạn Linh, chứ không hề có “đại hội vạn linh”. Buổi họp của quý ông bà đây là ngoài chơn truyền luật pháp Cao-Đài.”

Bà Phối-sư dậm chân thét lên:

– *“Đức Chí-Tôn ơi! Quý Vương phá Đạo đây nè!”*

Bấy giờ như ong vỡ tổ, tất cả mọi người lật đặt cuốn áo mão bỏ hội trường ra về.

Thế là cái gọi là “Đại hội Vạn linh” của các nhóm phá Đạo tự nhiên rút lui êm không trật tự.

Thực dân Pháp gây áp lực và bắt buộc khiến cho:

– Tri phủ Ngô văn Chiêu lập Chi phái Chiêu Minh.
– Tri phủ Vương Quan Kỳ và Đốc học Đoàn văn Bản lập phái Cầu Kho.

– Tri phủ Nguyễn văn Ca lập phái Minh-Chơn-Lý.
– Chính khách Nguyễn Phan Long họp đại hội vạn linh truất phế Đức Quyền Giáo-Tông và Đức Hộ-Pháp.

Tất cả đều không đạt thành nguyện vọng và mục

đích, chỉ vì không hiểu pháp luật của Đại Đạo.

1- Thực dân Pháp bắt đầu lưu ý đến luật pháp Đạo:

Nhất là Pháp-Chánh-Truyền là do chính Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế đến lập: Về luật công cử Chức sắc Cửu Trùng Đài đã có ghi rõ:

– Phối Sư muốn lên Đầu-Sư thì phải có đủ ba mươi sáu vị Phối Sư xúm nhau công cử. Hiện tại Phối Sư chưa đủ 36 vị nên không thể công cử theo Pháp chánh truyền, do đó khi vị Đầu-Sư Thái-Minh-Tinh (Hoà-Thượng Thiện Minh) bị áp lực của thực dân Pháp và Phật giáo nên đã phế phạm (không hành Đạo), còn vị Đầu-Sư Ngọc Lịch Nguyệt say mê luyện Đạo, cũng không hành đạo nữa. Chỉ còn lại có vị Thượng Đầu-Sư Thượng Trung Nhựt mà thôi.

Ngày 06-02 Nhâm-Thân (Thứ bảy 12-3-1932) Ngài Đầu-Sư Thượng Trung Nhựt được quyền thiêng liêng thăng lên phẩm Quyền Giáo-Tông Lê-Văn Trung, do đó hàng phẩm Đầu-Sư hoàn toàn bị khuyết.

Quyền hành này tức nhiên Giáo-Tông và Hộ-Pháp hiệp một là quyền Chí-Tôn tại thế, cho nên các Ngài hiệp lại chỉ định ba vị làm Quyền Đầu-Sư là:

– Thái Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh hành quyền **Thái Đầu-Sư**.

– Thượng Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh hành quyền **Thượng Đầu-Sư**.

– Ngọc Chánh Phối Sư Ngọc Trang Thanh hành quyền **Ngọc Đầu-Sư**.

Bấy giờ trong Đạo đã có đủ ba vị Quyền Đầu-Sư rồi.

2- Thực dân Pháp hậu thuẫn và hỗ trợ phái Minh Chơn lý của Tri phủ Nguyễn văn Ca:

Đồng thời họ truyền lệnh cho nhóm bồi bút phát động cao trào viết sách, làm báo để tấn công hầu đả phá Đạo Cao-Đài và hạ bệ hai Đấng đầu công bậc nhất của Đạo là Đức Quyền Giáo-Tông và Đức Hộ-Pháp.

Khi chiến dịch Cao-Đài Minh-Chơn-ly và nhóm người bồi bút đã đạt mức cao điểm, thì ba vị Quyền Đầu sư công bố:

“Nên Đạo đang gặp cơn nguy biến nên ba vị Quyền Đầu-Sư phải dùng QUYỀN THỐNG NHỨT điều hành Hội Thánh đúng theo Pháp Chánh Truyền qui định.

Quyền Thống Nhứt: “Khi Minh thế rồi, Đầu-Sư đăng cầm quyền luôn cả về Chánh trị và Luật lệ.

Nhờ quyền lớn lao này Đầu-Sư sẽ có đủ thế lực mà ngăn ngừa tà quyền hại Đạo. Thắng gặp cơn nguy biến mà ba Chánh Phối Sư không đủ sức chống ngăn, thì Đầu-Sư đăng dùng quyền Thống nhứt ấy mà điều khiển Hội Thánh. Cả Chức sắc Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài phải phục mạng, dầu cho Giáo-Tông và Hộ-Pháp cũng phải vậy.” (Hay! Ấy là lời khen của Đức Lý).

Là một con dao hai lưỡi. Nguy hiểm thật!

Nhưng đây là chước quỷ “dùng gậy ông đập lưng ông” vô phương cứu chữa!

Lúc bấy giờ ba vị Quyền Đầu-Sư căn cứ vào Pháp Chánh Truyền dùng quyền Thống nhứt của ba Quyền Đầu-Sư thỉnh cầu Đức Quyền Giáo-Tông, Đức Hộ-Pháp và Đức Thượng-Phẩm ra trước Hội Thánh lưỡng đài giải trình sự việc. Phái Cao-Đài Minh Chơn lý và nhóm Nguyễn Phan Long đã làm cho dư luận xôn xao đối với nền Đạo và nhất là thanh danh của ba Ngài, nhưng các

Ngài xem như sự việc bình thường không cần giải thích.

Luật pháp đã rõ ràng người chưa hiểu hãy kiếm chơn lý mà hiểu, người đã lầm phải sớm thức tỉnh trong kiếp sanh này, nếu không thì khi thoát xác phải đến Đại Hải chúng mà hối ngộ thì quá muộn rồi!

3- Thực dân Pháp hậu thuẫn và hỗ trợ phái Cầu kho nhập cuộc chống đối Toà-Thánh:

Ba Ngài cũng không giải trình sự việc trước Hội Thánh lưỡng Đài và cũng không cần giải thích lý do.

Những nhóm này vẫn ngấm khích động, lôi kéo được thêm phái Cầu Kho nhập cuộc, tham dự vào cao trào chống đối Đạo Cao-Đài Toà Thánh Tây Ninh.

Qua 15 tháng 7 năm Mậu Thìn (Thứ Tư:29-8-1928)

Nhóm của Nguyễn Phát Trước (Bí danh Tư Mất) là trùm du đảng Sài-gòn, Chợ-lớn đem hàng ngàn côn đồ về Toà Thánh Tây Ninh dùng vũ lực trực tiếp đối với Đạo Cao-Đài..

Ba vị Quyền Đầu-Sư của Cao-Đài Toà-Thánh Tây ninh liền họp với phái Cầu kho, phái Minh Chơn lý, nhóm của Nguyễn Phan Long và nhóm du đảng của Tư Mất soạn một bản văn “Tối hậu thư” bắt buộc:

- Đức Quyền Giáo-Tông Lê văn Trung.
- Đức Hộ-Pháp Phạm Công-Tắc.
- Đức Thượng-Phẩm Cao Quỳnh Cư

Mỗi người phải tự viết:Tờ nhận tội, Tờ từ chức, Tờ cam đoan không trở lại Thánh Địa Tây ninh. Nếu không tuân sẽ bắt trời ngoài rừng cho cộp xé xác ăn thịt.

Ba Ngài cùng nhận định: Cả một cuộc đời các Ngài không làm một điều gì trái với đạo lý, chưa làm một điều gì

thất nhơn tâm, nếu không nói là có công thì cũng không kể là có tội được, nên ba Ngài cương quyết không nhận. Vì rằng Đức Thượng Đế đã ban cho các Ngài phẩm tước thiêng liêng này để hành Đạo: chuyển thế và cứu thế, nay phận sự chưa rồi thì không thể từ chức.

Còn việc không trở lại Tòa Thánh thì dầu rằng bất cứ nơi nào cũng Phổ độ chúng sanh, cũng Hoằng khai Đại Đạo được. Nghĩ vậy Đức Hộ-Pháp rời Thánh Địa và xuống Từ-Vân-Tự ở Túc Trưng (Thủ đức). Đức Thượng-Phẩm thì về Thảo xá Hiến cung ở Tây-ninh.

Chỉ riêng Đức Quyền Giáo-Tông, Ngài nói rằng Đức Thượng-Đế giao cho Ngài làm Anh Cả nhơn sanh và lãnh đạo cả cơ nghiệp Đại-Đạo nơi thế gian này, Ngài quyết không tham sống sợ chết. Nhất định ở lại Tòa Thánh Tây ninh này, ung dung ở lại Giáo-Tông-đường chờ lũ Quỷ dữ đến.

Trong khi đó thành phần đối lập tự mạo nhận viết Tờ nhận tội, chịu từ chức, cam đoan không trở lại Tòa Thánh, xong rồi đưa vào Giáo-Tông Đường bắt buộc Đức Ngài ký tên. Chúng hẹn sau 24 giờ đồng hồ mà Ngài không ký thì sẽ cho các lực lượng côn đồ (nhóm du đảng của Tư Mắt) sẽ tấn công vào Giáo-Tông-đường giết chết Ngài. Bên ngoài hàng ngàn tên du đảng đang chờ lệnh!

Được hung tin ấy, Bà Nữ Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh ở Vũng Liêm (Vĩnh Long) chạy xe từ Vĩnh long qua Từ-Vân-Tự gặp Đức Hộ-Pháp, được Đức Ngài cho xem Thánh giáo của Đức Chí-Tôn. Bà rời Từ-Vân-tự về Tòa Thánh. Đến nơi chỉ còn 45 phút nữa. Bà đến gặp ba vị Quyền Đầu-Sư, Bà nói:

– *Chuyện đầu còn có đó, thiếu gì cách giải quyết, cần*

gì phải dùng bạo lực? Thấy đã bảo “Dạy lẫn cho nhau đừng chữ hoà” Các anh không nhớ sao? Các anh dùng bạo lực giết chết Anh Cả Lê Văn Trung thì đồng Đạo sẽ nghĩ gì về các Anh? Đời sẽ nhìn vào hành động của các anh mà đánh giá Đạo như thế nào? Nếu các anh muốn cho Anh Cả nghỉ hành Đạo thì để tôi vào Giáo-Tông-Đường khuyên Anh Cả.

(Cái khó cho nhóm người đã tâm này là còn có mặt Ngài Quyền Đầu-Sư Thái Thơ Thanh là bạn đời của Bà Lâm Ngọc Thanh, mặc dù ông Thơ cũng đang bị cưỡng chế, nhưng nếu Ông rút khỏi Quyền Thống nhất của ba Đầu-Sư, thì quyền ấy cũng tan rã, không còn hiệu lực).

Thế nên nhóm đối lập của ông Trang và ông Tương cầm đầu, đồng ý để cho Bà Chánh Phối-sư Lâm Hương Thanh vào Giáo-Tông-đường gặp Đức Quyền Giáo-Tông Lê-Văn-Trung. Khoản 30 phút trôi qua, Bà Lâm Hương Thanh từ trong Giáo-Tông-Đường đi ra, tay cầm tờ giấy phất phất lên ra hiệu là Đức Quyền Giáo-Tông đã nhận chịu tất cả rồi, Bà ra lệnh cho Bảo thể và nhóm côn đồ của Nguyễn Phát Trước (Tu Mắt) giải tán, Bà nói:

– *Còn mấy chú này giải tán đi, Anh Cả đã đồng ý nghỉ rồi!*

Bà trao tấm giấy cho Quyền Thái Đầu-Sư Thái Thơ Thanh, rồi tự lái xe Traction 15 Normal vào tận cửa Giáo-Tông-Đường rước Đức Quyền Giáo-Tông Lê-Văn-Trung ra thẳng cửa số 1 (Hoà viện) về làng Long thành, quận Châu thành, Tỉnh Tây ninh, lập Từ bi thôn tu tại gia..

Văn bản tự tay Đức Quyền Giáo-Tông Lê Văn Trung viết ngắn gọn:

“Từ khi Đức Chí-Tôn giao cho tôi lái thuyền Đạo. tôi

đã Đông xông Tây đột, Nam Bắc tảo trừ, quên ăn, quên ngủ. Nay tôi tuổi cao, sức yếu, bệnh hoạn. Tôi trao quyền cho các Em tôi:

- Hộ-Pháp Phạm Công Tắc.
- Thái Thơ Thanh.
- Thượng Tương Thanh.
- Ngọc Trang Thanh

Điều khiển nên Đạo khi tôi nghỉ dưỡng bệnh.

Quyền Giáo-Tông Lê văn Trung

(Thượng Trung Nhứt)

4- Quyền Đầu-Sư Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh nắm trọn quyền hành:

Bấy giờ hai ông Quyền Đầu-Sư Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh nắm trọn quyền hành trong Đạo. Mặc tình bổ nhiệm các tay thuộc hạ vào những chức vụ trọng yếu trong Đạo. Thăng phẩm vị cho Chức sắc đàn em. Chuẩn bị nhân sự bổ đi làm Đầu họ đạo, Đầu tỉnh đạo ở địa phương.

Đức Hộ-Pháp ở nơi Thủ Đức theo sự hướng dẫn của Thất nương Diêu Trì Cung, phò Cơ giúp đồng bào xin toa thuốc hoặc tìm hiểu coi vô hình. Đồng bào ngày một đến rất đông.

Thuở đó ở Mỹ tho có một nhóm cầu Cơ để xướng họa thơ văn với coi vô hình. Mỗi lần tổ chức cầu Cơ thì ngọn đèn nơi bàn cầu Cơ có ống khói loáng màu đỏ nên gọi là Hồng đăng đàn. Ở Cai-lậy, Cái Bè, Mỹ tho cũng có một nhóm cầu cơ như vậy nhưng ống khói đèn nơi bàn cầu Cơ lại loáng màu trắng, gọi là bạch-đăng-đàn. Hai

nhóm này thường trao đổi những bài Thánh giáo nhận được cho nhau xem, để xem nhóm nào nhận được bài của các Đấng cao trọng hơn.

Một hôm, một vị Đại Tiên trong nhóm Bạch-đăng đàn dạy các vị này lên Từ-Vân-Tự ở Túc Trưng Thủ-Đức rước Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc về đây và tất cả phải tùng theo sự chỉ dạy của Đức Ngài. Đồng thời khi ấy nhóm Hồng đăng đàn cũng được dạy y như vậy.

5- Đức Hộ-Pháp làm phận sự của Chí-Tôn giao phó là lập Phạm Môn:

Đức Ngài nói:

“Chỉ Qua biết phận sự của Qua là Đại-Từ Phụ giao phó với một lời yếu thiết như thế này:

– Tắc, đời quá khổ chẳng phải khổ về xác thịt mà thôi, mà lại khổ đến tinh thần nữa, nạn của nhơn loại tương tàn tương sát sắp đến. Thấy giao cho con một cây Cờ Cứu Khổ, chẳng phải cứu khổ tinh thần mà thôi, lại lẫn cả thể xác nữa. Trọng hệ hơn hết là điều ấy Thấy giao phó cho con, nhưng mà con phải hiểu: có khổ về tinh thần mới biến sanh ra khổ của thể xác.

Thấy nói rõ Thấy giao cho một gánh Đạo và Đời. Thực sự ra Bản Đạo xin thú thật, gánh của Đạo chẳng hề khi nào làm cho Bản-Đạo khùng khiếp. Duy có gánh của Đời, Ngài giao phó nó nặng nề hơn hết...”

Trước, vào ngày rằm tháng giêng năm Mậu Thìn (dl 06-02-1928) Đức Thượng Đế có dạy Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung và Thượng-Phẩm Cao Quỳnh Cư đến làng Phú Mỹ, quận Cai-Lậy, tỉnh Mỹ tho lập Minh-Thiện Đàn. Nay, trong lúc Đạo Cao-Đài bị khảo đảo đồn dập,

Minh-Thiện-đàn không được trông nom tới, có vẻ suy tàn, nên khi Đức Hộ-Pháp đến hợp nhứt hai nhóm cầu Cơ trên để phục hưng lại Minh Thiện Đàn và Đức Ngài làm Chưởng quản đồng thời cũng lập Phạm Môn. Khi ấy, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế có giảng cho bài thi về Phạm Môn, sau Đức Hộ-Pháp giải trong bài thuyết Đạo:

Phạm-Môn là gì? Do nơi đâu mà nảy sanh ra Phạm-Môn?

“Phạm-Môn là cửa Phật; Phạm là Phật, môn là cửa, tức là cửa Phật, thật-hành là nhà Phật.

Trong Thánh-ngôn hiệp-tuyển trang thứ 119 về khoản thi văn dạy Đạo, có một bài thi tứ tuyệt, chính mình Đức Chí-Tôn giảng cho như vậy:

*Tĩnh ngộ xá thân tại Phạm Môn,
Khuyến tu hậu nhứt độ sinh hồn.
Vô lao bất phục hồi chơn mạng,
Tĩnh thế kỳ thân đắc chánh tôn.*

醒悟舍身在梵門
勸修後日度生魂
無勞不復回真命
醒世其身得正尊

Tĩnh ngộ xá thân tại Phạm-Môn là nghĩa gì?

Nghĩa là Chí-Tôn kêu cả con cái của Đức Chí-Tôn thức giấc cho mau hiển thân vào cửa Phạm.

Khuyến tu hậu nhứt độ sanh hồn nghĩa là khuyến chúng sanh nên ráng tu-hành từng khuôn viên kỷ-luật nhà Phật, thì ngày kia linh hồn được siêu thăng thoát hóa.

Vô lao bất phục hồi chơn mạng là Đức Chí-Tôn dạy con cái của Ngài nếu không công lao khổ hạnh trong cửa Đạo

thì không thể nào trở về ngôi xưa vị cũ được.

Tĩnh thế kỳ thân đắc chánh tôn là nhằm lúc thế kỷ hai mươi này, thời kỳ Đức Chí-Tôn rộng mở cửa Phật độ toàn con cái của Ngài, chỉ khuyên chúng ta ráng tu tĩnh ngộ, huỷ cả hành-vi của thế sự, đem thân vào cửa Phạm chịu nẫu sống, khổ hạnh cho đặng thi tự-nhiên đắc Đạo tại thế đó vậy.

Thừa chú Chúc-sắc Thiên phong Nam nữ, bài thi này chính Đức Chí-Tôn giảng dạy trong Thánh-Ngôn Hiệp Tuyển hai mươi mấy năm trường; song le, ít ai để ý tìm hiểu nghĩa lý sâu xa có ẩn nhiều huyền-vi mẫu-nhiệm của Đạo.

Do bởi tấm màn bí-mật nên khó nổi truy tầm, song cũng có lắm người vén được màn bí-mật ấy, nên ngày nay nhơn-sanh mới hưởng được giọt nước Cam-lồ của Đức Chí-Tôn cho toàn nhơn-loại.

Đời quá bạo tàn cho nên Đức Chí-Tôn mới giảng trần mở Đạo cho con cái của Ngài biết; các ngôi Thần, Thánh, Tiên, Phật đều tình-nguyện hạ thế cứu đời, xuống bao nhiêu lại càng mất bấy nhiêu. Trong thời kỳ Bản-Đạo vâng lệnh Đức Chí-Tôn xuống thế mở Đạo thì Đức Chí Tôn mới hỏi rằng:

– Con phục lệnh xuống thế mở Đạo, con mở Bí-pháp trước hay là mở thế-pháp trước?

Bản-Đạo mới trả lời:

– Xin mở Bí-pháp trước

Chí-Tôn nói: Nếu con mở Bí-pháp trước thì phải khổ đa! Đang lúc đời đang cạnh-tranh tàn-bạo, nếu mở Bí-pháp trước cả sự bí-mật huyền-vi của Đạo, đời thấy rõ xúm nhau tranh giành phá hoại, thì mối Đạo phải ra thế nào? Vì thế nên mở thế-pháp trước, dù cho đời quá dữ có tranh-giành phá hoại cả cơ thể hữu-vi hữu-hủy đi nữa thì cũng vô hại.

Xin miễn là mặt Bí-pháp còn là Đạo còn”.

(ĐHP 30-5-Quý-tỵ 1953)

Bấy giờ, số người nghe theo Đức Hộ-Pháp vào Phạm Môn ngày càng đông. Trước cổng Phạm Môn Đức Hộ-Pháp có đặt đôi liễn như vậy:

PHẠM giáo tùy nguơn cứu thế độ nhơn hành chánh pháp.

MÔN quyền định hội trừ tà diệt mị hộ chơn truyền

梵教隨元救世度人行正法
門權定會除邪滅魅護真傳

Đôi liễn này về sau đặt tại cổng của Hộ-Pháp Đường thường gọi là đôi liễn Phạm Môn, vì hai chữ đầu là PHẠM MÔN. Đôi liễn này cũng thấy đặt phía sau ba cái ngai của Đức Hộ-Pháp, Thượng-Phẩm, Thượng-Sanh tại Hiệp-Thiên Đài của Đền-Thánh Tòa Thánh Tây Ninh..

Đôi liễn Phạm Môn biểu thị tôn chỉ của Phạm Môn tức là Cửa Phật.

Giải nghĩa:

Phạm: Phật. Lưu ý: Chữ Phạm 梵 là Phật, khác với chữ Phạm 范 là họ Phạm. **Giáo:** dạy. **Tùy:** theo. **Nguơn:** chữ Nguơn của câu 1 đối với chữ Hội của câu 2. Nguơn Hội là chỉ những khoảng thời gian dài.

Đức Ngài còn dẫn giải đây chính là sự nghiệp của người tu theo tinh thần của Cao-Đài tức là Phật giáo chấn hưng, nên cũng còn gọi là PHẠM NGHIỆP.

Còn có câu câu liễn như vậy nữa:

PHẠM nghiệp thừa nhơn lợi lộc công danh vô

sử dụng

MÔN quan tích đạo tinh thần pháp bửu hữu cơ cầu

梵業承閒利祿功名無所用
門關積道精神法寶有箕裘

Đôi liễn này do Đức Phạm Hộ-Pháp viết ra và Đức Ngài cho đặt lên cổng của ngôi nhà Phạm Nghiệp vừa mới cất xong. Phạm nghiệp là cơ sở đầu tiên của Phạm Môn, do Đức Ngài lập ra vào năm 1929 tại phần đất nằm bên quốc lộ 22, khoảng giữa Giang Tân và Thị xã Tây Ninh.

Hai chữ đầu của đôi liễn là PHẠM MÔN, nên Phạm Nghiệp chính là Phạm Môn, mà Phạm Môn cũng chính là Phạm Nghiệp.

Giải thích:

* **Phạm:** Phật. **Phạm nghiệp:** sự nghiệp của Phật. (Đừng hiểu lầm là sự nghiệp của dòng họ Phạm). **Thừa nhơn:** thừa vào lúc nhơn. **Lợi lộc:** những món lợi nói chung. **Công danh:** có sự nghiệp và địa vị cao trong xã hội. **Vô:** không. **Sử dụng:** cái công dụng của nó.

Câu 1: Sự nghiệp của Phật, thừa lúc nhơn, lợi lộc và công danh đều không cần dùng đến.

* **Môn:** cửa. **Quan:** cơ quan. **Tích đạo:** chứa đạo đức. **Tinh thần:** phần sáng suốt thiêng liêng. **Pháp bửu:** cái pháp quý báu. **Cơ cầu:** con cháu nối theo cái nghề nghiệp do cha ông truyền lại.

Câu 2: Cơ quan chứa đạo đức, tinh thần và pháp bửu truyền lại được người sau noi theo.

Số người theo ngày càng đông đến nỗi phải cất thêm

nhiều nhà cửa bằng tranh lá tạm mới có đủ chỗ cho người đến học Đạo thuộc Phạm Môn lúc bấy giờ. Khi có số đông người thì phải có qui điều giới luật là đương nhiên

“Thập điều giới răn” ra đời:

Đức Hộ-Pháp có ra 10 điều răn cấm cho người Phạm Môn do theo mà học hỏi gọi là “Thập điều giới răn”

Điều 1- Phải tuân y Luật pháp chơn truyền của Đức Chí-Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Điều 2- Phải trọn hiếu với Tông đường, phụ mẫu. Trọn nghĩa vợ chồng, vẹn phận làm cha mẹ.

Điều 3- Phải giữ trai giới

Điều 4- Phải xa lánh các đảng phái chánh trị

Điều 5- Phải thật hành Phước Thiện, nuôi người già, dưỡng trẻ nhỏ.

Điều 6- Không dặng thù của chúng sanh.

Điều 7- Cõi anh em đồng Đạo như ruột thịt.

Điều 8- Không bội sự, phản bạn.

Điều 9- Phải ở như các Thánh Hiền, đừng phạm tội vong ân, bội đức.

Điều 10- Phải thương yêu cả loài người, loài vật, kính mạng sanh theo Thánh chất của Đức Chí-Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế là Chúa sự sống.

6- Lập Hồng thệ khi vào Phạm Môn:

Nhân sự nơi Phạm Môn ngày càng đông nên cần phải mở Lương điền ra các Tỉnh khác nữa.

Ngày 03-01 năm Nhâm Thân (Thứ Hai:8-2-1932)

Tất cả người Phạm Môn lập Hồng thệ “Đào Viên

Pháp” quì trước Thiên Bàn Đức Chí-Tôn mà thề rằng:

“Tôi, (Họ, Tên, Tuổi) thề rằng từ nay coi Phạm Môn như ruột thịt, sanh tử bất ly, thoả có điều chi hoạn nạn thì tôi liều mình với anh em tôi. Nếu ngày sau tôi thất nguyện, quyền Thiêng liêng sẽ hành pháp Tận đoạ Tam đồ bất năng thoát tục và Thấy tôi không nhìn nhận tôi nữa”.

Thoạt đầu, nhóm thực dân Pháp nghi rằng Đức Hộ Pháp sẽ lập ra Chi phái Cao-Đài mới, để đối kháng với ba ông Quyền Đầu-Sư đúng như ý đồ của Pháp hoạch định, do đó chúng mới để yên cho Minh Thiện Đoàn phát triển.

Đến khi thấy thành lập Phạm Môn, ban qui điều. Phân nhiệm tổ chức. Phát triển hậu cần. Bấy giờ thực dân Pháp sinh lo ngại nên quyết dẹp Phạm Môn. Chúng xúi giục những thân nhân của nhóm người theo Phạm Môn kiện Đức Hộ-Pháp ra Toà về tội “dụ dỗ con em của họ bỏ quên tộc họ của mình mà tôn thờ họ Phạm”, phá hoại phong hoá Việt-Nam, xúc phạm Tông đường của họ.

7- Đức Hộ-Pháp ra Toà trả lời về Phạm Môn:

Trước Toà, Đức Hộ-Pháp giải thích rằng:

Câu 1: Chữ Phạm có nhiều nghĩa trong lối viết chữ Nho, mà chữ Phạm 梵 đây là Phật, gồm có lâm 林 trên và phàm 凡 dưới. Dẫn chứng hai chữ **Phạm Môn** 梵門 (lối vô tự kinh) ở trước Đền Thánh đó. Hai khu rừng thiên nhiên, mỗi một khu rừng tượng chữ mộc 木 (Mộc là cây) hai khu rừng tượng hai chữ mộc liền nhau, thành ra chữ lâm 林 là rừng. Trước Đền là sân Đại-đồng-xã tượng cho cảnh phàm 凡. Bấy giờ ghép lại: Lâm đặt trên, phàm đặt dưới thành ra chữ PHẠM. Chung quanh Đền có 12 cửa

tượng là môn 門. Do đó mà Phạm Môn chính là đây, là cửa Phật. Đôi liễn này hiện đặt ở cổng Hộ-Pháp-Đường.

Tóm lại: Phạm Môn là cửa Phật, chứ không phải là tộc họ Phạm của Ngài (Phạm Công Tắc).

Câu 2: Khi vào Phạm Môn có buộc mỗi người phải làm Tờ hiến thân, có cha mẹ, vợ chồng đồng ý ký tên mới nhận, thì không có lý do gì ai dụ dỗ ai được.

Câu 3: Điều thứ nhì trong “Thập điều giới răn” của Phạm Môn có qui định rõ “Phải trọn hiếu với Tông đường, phụ mẫu. Trọn nghĩa vợ chồng, vẹn phận làm cha mẹ.” thì không thể bảo rằng phá hoại luân lý, xúc phạm Tông đường được.

Toà không buộc tội về những lý do trên, lại xoay qua vấn đề “Lập Hội đoàn” không xin phép.

Đức Hộ-Pháp chống án lên Toà Thượng Thẩm Sài Gòn. Toà Thượng Thẩm Sài Gòn xử chung quyết “Y án Toà Sơ Thẩm”. Đức Ngài liền chống án lên Tối Cao Pháp Viện ở Thủ đô Paris (Pháp). Đức Ngài uỷ quyền cho Ngài Bảo-Cô-Quân là Luật-sư Dương văn-Giáo thay mặt Đức Ngài lo việc chống án. Kết quả: Tối Cao Pháp Viện phán quyết: Trắng án!

Bấy giờ, Đức Ngài vẫn lo hoạt động Phạm Môn: một mặt bổ nhiệm 21 vị Phạm Môn đi 21 Tỉnh (Thuở ấy miền Nam Việt-Nam chỉ có 21 Tỉnh mà thôi). Một mặt Ngài trở về Tây-Ninh lập Phạm Nghiệp như đã nói trên.

8-Quyền hành của Hộ-Pháp phải như thế. Ai hiểu?

Đức Hộ-Pháp nói:

“*Mấy em Nam, Nữ nghĩ coi; một lời tiên tri trước kia nó hiện tượng hôm nay ra thế nào, mấy Em biết cái huyền*

linh vô biên của Đấng cầm quyền thưởng phạt vô hình nó mạnh mẽ và chơn thật thế nào? Bởi có cho nên khi Đạo mới phôi thai thì các quỷ-quyển toan diệt Đạo. Buổi sơ sanh Đạo yếu ớt, bạc nhược, ngu dại, dốt nát thế nào, nên bị nó giục cho thiên hạ dùng cả năng lực quyền hành của mình toan tiêu diệt Đạo cho kỳ đặng. Họ đồ mưu chia rẽ làm cho trong Thánh-Thể của Đức Chí-Tôn phải ly tán, Anh nghịch Em, Em bất hòa với Anh, cả nên Đạo chính nghiêng đảo ngược.

Gánh một chức vụ Hộ-Pháp cầm cả Luật Pháp của Đạo, không lẽ Qua ngồi ngó đặng chịu tội cùng Đức Chí Tôn. Qua phải tìm phương giải quyết đem chữ Hòa của Đức Chí Tôn muốn ấy đặng làm căn bản. Bởi có cho nên mới sản xuất ra Phạm-Môn và Qui-thiện.

Thiên hạ nói Qua lấy Tộc Qua là Phạm, tức nhiên lập cái đảng-phái cho họ Phạm.

Qua hỏi: Thiên hạ đã tuyên-truyền dối trá ấy đặng đánh đổ cả uy-tín của Qua như thế nào, Qua chưa hề trả lời cho ai hết, dẫu cho quyền hành buổi nọ rất mạnh-mẽ đòi phen đem đến Luật hình, mà chính mình Qua cũng chưa nói cho họ biết nghĩa lý Phạm-Môn là gì?

Hôm nay mấy em biết chưa?

Có lẽ phần nhiều mấy em đã biết, Phạm ấy là Phật, Phạm Môn là cửa Phật, nói rõ hơn nữa là cửa Tu Chơn của Đạo, cửa Bảo-thủ Chơn Pháp của Chí-Tôn. Còn Qui Thiện thế nào Qua chưa nói ra cho thiệt tướng.

Thiên hạ đều hung bạo, vì lẽ hung bạo làm cho Anh nghịch Em, Em hận Anh, trong cửa Đạo không có một vẻ chi là Đạo hết. Lập trường Qui-thiện là cốt yếu đem lòng lành của toàn thể con cái Đức Chí-Tôn hiệp nhứt cùng nhau

làm một dạng bảo thủ Chơn-Truyền của Đạo.

Buổi đầu tiên nó sản xuất tại nơi Mỹ-Tho, Qua lập “Khổ Hiên Trang” mấy em biết hai chữ Khổ Hiên ý định Qua thế nào không? Trong bảy mươi hai anh em chung sức cùng nhau mà làm đầu trường Qui-Thiện ấy là Đinh Công Trứ vẫn là một trong đó vậy. Nhờ cả sự giáo hóa của Qua cái nghĩa lý tối yếu, tối trọng của Chơn-Pháp Đức Chí-Tôn Qua giao lại cho nó, để làm thế nào cho thiên hạ hết thống khổ về tinh thần lẫn vật chất. Sự biết Đạo của Đinh-Công-Trứ là vậy.

Tưởng cũng như Qua đã bị các nạn-nhân của các lực lượng quyền Đạo luôn quyền Đời.

Buổi nạn thiên hạ tuyên-truyền dối trá thì Đinh Công-Trứ cũng bị nạn ấy. Qua đã bị thiên hạ chê là lo Đời hơn lo Đạo, thì Đinh-công-Trứ cũng vậy, thiên hạ nói nó cũng như Qua lo Đời hơn lo Đạo.

Mấy em ôi! Trong buổi phong ba bão táp, như loại ở trong sông mê bể khổ, một con thuyền Bát-Nhã chứa tạo thànhặng độ-rời họ, ít nữa mấy em cùng Qua cố gắng tạo cho thànhặng cứu vớt khổ não của họặng bao nhiêu hay bấy nhiêu.

Thiên hạ thấy mấy em khổ-não, cái khổ ấy nó đã làm cho Qua đổ biết bao nhiêu giọt huyết lệ từ khi mới biết Đạo. Tân-Dân-Thị chính của mấy Em tìm phương chui đút, tìm phương giải khổ cho mấy Em. Mấy Em được hạnh-phúc hay chẳng là do lòng đạo đức của mấy Em. Qua còn sống đây thì Qua cũng lo tạo dựng may-may hạnh phúc cho mấy Em. Tạo hạnh phúc ấy chỉ có một đường lối duy nhất là Qua làm sao cho mấy Em giải khổ, phận sự Thiêng Liêng của Qua là vậy.

Trong Bí-pháp Qua viết chữ Hòa, nơi Tân-Dân Thị nhờ chữ Hòa mà thêm lòng yêu ái. Qua gởi hai chữ Hòa Ái nơi lòng của mấy Em đó vậy. Qua cầu xin mấy Em có một điều là chung sức cùng nhau đặng tạo hạnh phúc cho nhau, mấy Em đã có sẵn tình đức của Đức Chí-Tôn đã đến trong ba chục năm nay thôi, chỉ trong ba chục năm hưởng được đặc ân của Đại-Từ-Phụ đã đến tạo cả tâm hồn mấy Em. Tình đức trong Đạo ấy, mấy Em tu thân dễ quá chừng quá dỗi. Tu thân mấy Em là làm nền móng vững chắc đặng lập công danh, đừng ngó ra ngoài những giả dối đó mà cho là sự thật. Chưa có thật đâu mấy Em! Đừng trong cửa Đạo nương tình đức lập thân danh. Qua dám nói chắc cả con cái Đức Chí-Tôn Nam, Nữ để ý, do căn bản tình đức ấy chẳng hề khi nào hư, nếu Qua không nói mấy Em ngồi trên đầu thiên hạ”.

(ĐHP thuyết đêm 14-11 Giáp Ngọ)

9- Đức Hộ-Pháp lập Phạm nghiệp:

Ngày 15 tháng 8 Mậu Thìn (Thứ Sáu: 28-9-1928)

Đức Hộ-Pháp trở về nơi Trường Đua, làng Trường Hoà, quận châu thành, Tỉnh Tây Ninh mua một phần đất lập Phạm Nghiệp. Mục đích lập Phạm nghiệp là để cho thành phần đối lập trong Đạo Cao Đài giờ này họ chỉ chú ý vào đây (Một hình thức dương đông kích tây). Ngoài ra Ngài còn lo tiến nhanh tổ chức các sở Lương điền Phạm Môn thuộc Tỉnh Tây-ninh nữa, như:

Sở Khách đình: từ địa phận cửa số 5 đến cửa số 8 thuộc Thánh địa.

Sở Trường Hoà (vùng bầu sen).

Sở Giang Tân (Mé sông vàm cỏ, nơi giáp ranh xã

Trường hoà và Long Thành).

Sở Cầu khởi. Sở Mít một. Sở Dưỡng lão...

Bấy giờ trước sự im lặng của Đức Quyền Giáo-Tông, sự tích cực hoạt động của Đức Hộ-Pháp, nhóm người đối nghịch cũng rất lo ngại, nên quyết ra lệnh “Truất phế” ngay những vị này.

10- Về phía của hai ông Tương Trang chiếm hữu Toà-Thánh:

Sau khi nắm trọn quyền điều hành Hội-Thánh, hai ông Quyền Đầu-Sư là: Thượng Tương Thanh (Tri phủ Nguyễn Ngọc Tương) và Ngọc Trang Thanh (Tri phủ Lê Bá-Trang) đã hiện rõ chân tướng mình là: Tham quyền cố vị, thể hiện hết sự độc tài, độc đoán, bất chấp chơn truyền đạo lý và không tuân thủ luật pháp của Đại-Đạo. Do vậy mà thời gian này Ngài Quyền Thái Đầu-Sư Thái Thơ Thanh đã tuyên bố không hợp tác với hai vị này.

Thế là không còn đủ số ba Quyền Đầu-Sư mà hành Quyền Thống nhất của ba vị Đầu-Sư được nữa. Mặc dù vậy, hai ông Tương và Trang vẫn thi hành theo mật lệnh của thực dân Pháp; tiến hành truất phế Đức Quyền Giáo-Tông Lê Văn Trung và Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc.

Hai ông cho mời tất cả Chức sắc Cao-Đài: Đầu Tình đạo, Đầu Quận Đạo, Chức việc đầu hương đạo về Toà Thánh Tây Ninh nhân ngày Lễ Vía Đức Chí-Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, ngày 9 tháng giêng năm Kỷ-Tỵ (Thứ Hai: 18-02-1928) với mục đích lợi dụng người địa phương không rõ nội tình ở Trung ương làm cuộc sách động truất phế hai Ngài luôn.

Trong khi đó Đức Hộ-Pháp đã thông báo cho các Sở

Lương điền Phạm Môn trên toàn quốc ngầm giải thích hành động của hai ông Tri phủ Tương và Trang. Do đó lượng người kéo về Toà Thánh đông gấp hai, ba lần những năm khác (Ngài dùng phương pháp tương kế tựu kế).

Đến giờ cúng Đại Đàn Lễ Vía Đức Chí-Tôn bất thành linh Đức Hộ-Pháp và Đức Quyền Giáo-Tông xuất hiện trong giờ cúng.

Sau phần nghi lễ, Đức Quyền Giáo-Tông lên Đài thuyết Đạo. Đại ý nói là khi Đức Ngài nghỉ dưỡng bệnh có trao quyền điều hành lại cho Hội Thánh là các ông:

– *Hộ-Pháp Phạm Công Tắc.*

– *Thái Thơ Thanh.*

– *Thượng Tương Thanh.*

– *Ngọc Trang Thanh*

Điều khiển nền Đạo khi tôi nghỉ dưỡng bệnh.”

Đức Hộ-Pháp cũng trình bày việc Ngài rời Toà Thánh Tây Ninh xuống Từ-Vân-Tự, Túc trưng (Thủ đức), rồi xuống Cai lậy Mỹ tho thống nhất Hồng Đăng Đàn và Bạch Đăng Đàn, củng cố Minh Thiện Đàn, lập Phạm Môn, lo tạo Sở Lương điền... không kiểm soát việc làm của Hội Thánh Cửu Trùng Đài, để nhiều Chức sắc vi phạm lời Minh thệ khi Nhập môn cầu Đạo “*Hiệp đồng chú môn đệ gìn luật lệ Cao Đài*”.

Lúc ấy Đức Hộ-Pháp lên giải lý và xuất trình một số Thánh giáo của Đức Phật-Mẫu và Thất Nương Điều Trì Cung dạy Ngài phải xuống Thủ Đức rồi Cai-lậy (Mỹ tho) củng cố Minh-Thiện-Đàn làm sáng tỏ tánh thiện của người Đạo Cao-Đài cho nhơn sanh thấy rõ hấu từng theo chơn truyền Đại-Đạo. Khi một người đã vào Đạo

thì Cửu Trùng Đài giáo hoá họ về việc tu hành. Khi qui vị thì Hội-Thánh Hiệp-Thiên-Đài giúp đưa chơn linh họ vào Bát-Quái-Đài. Ngoài ra Đức Ngài còn lo gỡ ếm “Long Tuyển Kiểm” của người Tàu, để phục lại cho Việt-Nam có được Thánh Chúa, tôi Hiền, phát Vương, phát Tướng.

Vì tầm quan trọng đó: lo cho nhơn sanh tức là lo cho Tổ quốc Việt-Nam, nên Đức Ngài phải gát lại việc kiểm soát Hội-Thánh Cửu Trùng Đài trong thời gian qua.

Đối với số Chức sắc không giữ đúng lời Minh Thệ Ngài phân tích:

– **Quyền Chí-linh hiệp quyền vạn linh**, tức là Trời Người hiệp một. Quyền lực tối cao của Đức Thượng Đế còn không độc đoán, vậy hai Ông Tương và Trang chỉ là Quyền Đầu-Sư mà mọi việc lớn nhỏ trong cửa Đạo lại lăm quyền độc đoán, một mình tự quyết như vậy là vi phạm luật của Đạo.

– Chiếu y Pháp Chánh Truyền thì:

- ♦ *Giáo hữu muốn thăng lên Giáo Sư thì nhờ 3.000 vị Giáo Hữu xúm nhau công cử.*
- ♦ *Giáo-sư muốn thăng lên Phối-Dư thì nhờ 72 vị Giáo Sư xúm nhau công cử.*
- ♦ *Phối Sư muốn thăng lên Đầu-Sư thì nhờ 36 vị Phối Sư xúm nhau công cử.*

Hiện nay trong cửa Đạo, mỗi phẩm cấp đều không đủ số như Pháp Chánh Truyền qui định. Do đó Đức Lý Đại Tiên Trưởng Nhứt Trấn Oai nghiêm kiêm Giáo-Tông Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã thỉnh ý Ngọc Hư Cung và đã được dạy là trao quyền thăng phẩm vị Chức sắc cho QUYỀN VẠN LINH cho đến khi có các phẩm vị Chức

sắc thì sẽ áp dụng luật cầu thăng theo như Pháp Chánh Truyền qui định.

– Như vậy việc hai ông Quyền Đầu-Sư Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh thăng phẩm vị cho một số Chức sắc thuộc hạ là vi phạm vào luật lệ Cao Đài.

– Như việc hai vị này giao trách nhiệm cho Giáo Hữu Thượng Chính Thanh làm Quyền Thượng Thống Lại viện, quản lý toàn bộ Chức sắc Cửu Trùng Đài, cũng là vi phạm luật lệ của Đạo.

– **Vấn đề bổ Chức sắc:** không được truyền bổ Chức sắc về nơi nguyên quán, để khỏi bị mặc cảm đối với dĩ vãng, nếu có, hoặc vì quen thuộc mà vị nể nhau khó làm việc mà mất sự vô tư. Hai vị này đã vi phạm vào luật Đạo.

Sau đó, toàn Đạo thỉnh cầu Đức Quyền Giáo-Tông vừa dưỡng bệnh vừa trở lại chấn chỉnh lại Hội-Thánh Cửu Trùng Đài và cũng thỉnh cầu Đức Hộ-Pháp thường xuyên có mặt ở Toà-Thánh Tây Ninh lo cho nền Đạo giữ đúng luật pháp chơn truyền Đại-Đạo.

Hai ông Quyền Đầu-Sư: Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh đã bị mất uy tín trong toàn Đạo và hòng cả kế hoạch “truất phế” hai Đấng đầu công của Đạo là Đức Quyền Giáo-Tông Lê-Văn-Trung và Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc ngay trong thời điểm này.

II- Phương pháp dùng bạo lực của nhóm phản đối:

Hai vị Quyền Đầu-Sư Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh hợp với các nhóm của Minh Chơn Lý, nhóm Cầu kho, nhóm Nguyễn Phan Long và nhất là nhóm du đảng của Nguyễn Phát Trước (tức là Tư Mất) làm nòng cốt, quyết dùng bạo lực.

Đức Hộ-Pháp đang này cho gọi tất cả anh em Phạm Môn về bảo vệ Thánh Địa Tây Ninh. Hàng hàng lớp lớp người Cao-Đài chân chính và người của Phạm Môn chia nhau canh gác tất cả các cửa vào Nội-Ô Toà Thánh. Lực lượng thành phần đối lập đương nhiên xông vào, thế là trận xô xát xảy ra từ 7 giờ đến 9 giờ, thì nhóm đối lập này bị yếu thế, đành rời khỏi Thánh Địa mà trở về địa phương của họ.

Ngày 26-5 Quý Dậu (Thứ Ba: 18-7-1933)

Hội Thánh Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ Độ lập Đạo Nghị định thứ 17 ngưng quyền cả hai Ông:

– Quyền Đầu-Sư Thượng Tương Thanh (Tri phủ Nguyễn Ngọc Tương)

– Quyền Đầu-Sư Ngọc Trang Thanh (Tri phủ Lê Bá Trang)

Ngày 13-10 Giáp Tuất (Thứ Hai: 19-11-1934)

Đức Quyền Giáo-Tông ở Toà-Thánh qui Tiên, toàn Đạo đều thọ tang một bậc Giáo-Tông đáng kính.

Hai ông Tri phủ Tương và Trang về dự đám tang với chủ định là cướp quyền Đạo một lần nữa. Nhưng Đức Quyền Giáo-Tông đã tiên liệu nên có lời Di chúc là:

“Cấm hai vị Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang cùng đám thuộc hạ không được dự tang lễ của Đức Ngài”.

Do đó mà đoàn người phải trở về Bến Tre.

Sau ngày Lễ Đại Tường của Đức Quyền Giáo-Tông (tức là 581 ngày, sau ngày qui) Đức Hộ-Pháp có giải rõ về “Đại Hội Nhơn Sanh” là việc cần yếu. Nhân đó tổ chức Đại hội này, toàn Đạo sẽ chọn người đủ khả năng tài đức mà uỷ nhiệm và trao cho người xứng đáng để đảm nhiệm

trọng trách Chương quản Cửu Trùng Đài.

Kết quả Hội-Nhơn-Sanh đã Uỷ nhiệm trách vụ Chương Quản Cửu-Trùng-Đài cho Đức Hộ-Pháp kiêm nhiệm, tức là kể từ ngày này Đức Hộ-Pháp sẽ Chương Quản cả Nhị Hữu Hình Đài: Hiệp-Thiên và Cửu Trùng cho đến ngày có Đầu-Sư chánh vị..

Sau đó, phò cơ thỉnh giáo Đức Lý Đại Tiên, Đức Ngài có dạy rằng: *“Trước kia Lão có nói sẽ nhượng nửa quyền về phần xác cho Hộ-Pháp, thì Lão đã đồng ý giao trách nhiệm cho Hiền Hữu. Nếu không có nửa quyền của Lão chia cho thì Hộ-Pháp khó có thể điều hành Hội-Thánh Cửu Trùng Đài.”*

Qua bao lần số chức sắc đàn Anh đã ra đi: một số bỏ Đạo, một số lập Chi phái rồi kéo theo số thân tín của mình thành ra số Chức sắc của Tòa Thánh buổi đầu vốn đã ít giờ lại ít hơn, tinh thần cũng kém, nên việc điều hành Hội-Thánh giữa buổi này rất khó. Đức Lý Đại Tiên cho Thi

*Bắt ấn trừ yêu đã đến kỳ,
Ngọc Hư định sửa mối Thiên Thi.
Cửu Trùng không kể an thiên vị,
Phải để Hiệp-Thiên đứng trị vì.
Thành Pháp diu đời qua bể khổ,
Nên công giúp thế lánh cơn nguy,
Quyền hành từ đây về tay nắm,
Phải sửa cho nên đúng thế thì!*

Đức Lý Giáo-Tông

Ngày 18-11 Giáp Tuất (Thứ Hai: 24-12-1934)

Hai ông Tương và Trang về Thánh-Thất An-Hội (Bến Tre) phổ biến châu tri 147 mạ lý Đức Quyền Giáo-

Tông Lê Văn Trung và Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc.

Hai ông tự phong chức là:

– Tri phủ Lê Bá Trang là **CHUÔNG PHÁP**

– Tri phủ Nguyễn Ngọc Tương làm **ĐẦU SƯ** của phái Bến Tre.

12 -Ban Chính Đạo (Phái Bến Tre):

Nhớ lại vào đầu năm 1934, khi hai ông rút khỏi Tòa Thánh Tây Ninh về Bến Tre lập Ban Chính Đạo, với mục đích chấn chỉnh lại nền Đạo, qui tụ được 85 Thánh Thất theo về với hai ông. Trong lúc đó, toàn Đạo Cao Đài chỉ có 128 Thánh Thất, như vậy số Thánh Thất theo hai ông Tương và Trang cùng với số tín đồ chiếm hết 2/3, Tòa Thánh Tây Ninh chỉ còn lại 1/3. Hai ông cố gắng lôi kéo một số vị Thời Quân Hiệp-Thiên-Đài theo về hai ông để cho có đủ hai Đài: Hiệp-Thiên-Đài và Cửu-Trùng-Đài, nhưng không thành công, vì một số vị Thời Quân, tuy có bất mãn Đức Hộ-Pháp nhưng quý vị ấy muốn giải quyết vấn đề theo chiều hướng khác hơn hai ông kia, nên quý vị ấy không hợp tác với hai ông được.

Thế lực của hai ông rất mạnh, lại được chánh quyền Pháp ủng hộ, nên hai ông tổ chức thuê bao gần chục chiếc xe đồ đưa rất đông tín đồ của hai ông về Tây-Ninh dự định sẽ dùng sức mạnh chiếm Nội-Ô Tòa-Thánh. Hai ông báo cho Đức Quyền Giáo-Tông biết ngày 20-1-Giáp Tuất (1934) hai ông sẽ kéo lên Tòa Thánh, vì hai ông nghĩ rằng phần thắng nằm chắc trong tay.

Đức Quyền Giáo-Tông liền thông báo cho Đức Hộ-Pháp. Đức Hộ-Pháp tức cấp huy động tất cả khoảng 500 công quả Phạm Môn chia nhau giữ chặt các cửa vào Nội

Ô Tòa Thánh. Với sức kháng cự quyết liệt mạnh mẽ của 500 công quả Phạm Môn, lực lượng của hai ông Tương và Trang phải chịu thảm bại, rút lui về Sài Gòn.

Cuối năm 1934, Đức Quyền Giáo-Tông đăng Tiên (ngày 13-10-Giáp Tuất, dl 19-11-1934).

Trong khi đó, tại Thánh Thất An Hội Bến Tre, Ngài Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang tổ chức Đại Hội toàn thể Chức sắc và tín đồ thuộc Ban Chính Đạo để bầu cử chức Giáo-Tông. Lần bầu cử thứ nhất, Ngài Lê Bá Trang lên chức Ngọc Chuông Pháp; lần bầu cử thứ nhì, Ngài Nguyễn Ngọc Tương lên chức Giáo-Tông. Đó là vào năm 1935 (Ất Hợi).

Năm 1938, Ngài Nguyễn Ngọc Tương cử hành một lễ long trọng, tuyên bố nhiệm vụ của Ban Chính Đạo chấm dứt. Như vậy là Ngài lập thành Chi phái Bến Tre, xây dựng Thánh Thất An-Hội thành Tòa-Thánh Bến-Tre, tổ chức Cửu Viện, thăng thưởng một số Chức sắc cầm quyền Cửu Viện.

Thực lực của phái Bến Tre lúc đầu rất đông và rất mạnh, nhưng vì không có chánh nghĩa nên số người theo ông lần lần rút lui, các hoạt động chỉ cầm chừng, dần dần suy tàn, nhất là sau khi Ngài Lê Bá Trang qui vị. Ngài Nguyễn Ngọc Tương thường nhập tịch theo cách riêng của ông, càng về sau này, Ngài tự xem mình như là một phân thân của Đức Lý Giáo-Tông, nên Ngài tự xưng là Lý Giáo Tông.

Năm 1951, Ngài Nguyễn Ngọc Tương qui vị.

Sau đó, phái Bến Tre phân ra làm hai nhóm nhỏ độc lập nhau: Một nhóm tại Tòa Thánh Bến Tre, một nhóm

tại Thánh Thất Tân-Túc (Bình Chánh) và Thánh Thất Đô Thành đường Hậu Giang Chợ Lớn.

(Đức Quyền Giáo-Tông giảng cơ tiết lộ cho biết: Ngài Nguyễn Ngọc Tương là chơn linh của Ngô Tôn Quyền tái kiếp, Ngài Lê Bá Trang là chơn linh Quan Vân Trường thời Tam quốc tái kiếp)

13. TIỂU SỬ NGUYỄN NGỌC TƯƠNG (1881-1951)

Ông Nguyễn Ngọc Tương sanh ngày 26-5-Tân Tỵ (dl 22-6-1881) tại làng An Hội, tỉnh Bến Tre, thuở nhỏ học tại Collège Mỹ Tho, rồi lên Sài Gòn học ở Lycée Chasseloup Laubat, đậu bằng Thành Chung năm 1902, xin làm Thư ký phòng Thượng Thơ. Làm nơi đây được 1 năm thì xin về làm Thư ký nơi Tòa Bố tỉnh Bến Tre suốt 17 năm liền.

Năm 1919, thi đậu ngạch Tri Huyện, được bổ làm Chủ Quận Châu Thành Cần Thơ, rồi Chủ Quận Hòn Chông (Hà Tiên), rồi đến năm 1924 thì đổi về làm Chủ Quận Cần Giuộc, qua năm 1927 đổi ra làm Chủ Quận Xuyên Mộc (Bà Rịa).

Ông nhập môn theo Đạo Cao-Đài vào tháng 2 năm Bính-Dần (1926), thọ phong **Thượng Chánh Phối Sư** ngày 17-5-Bính Dần (dl 26-6-1926). Năm 1930, thăng lên **Quyền Đẩu Sư**.

Đầu năm 1934, ông Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang tách khỏi Tòa Thánh Tây Ninh, rút về làng An Hội lập Ban Chính Đạo và sau đó biến thành Chi phái Bến Tre.

Ngày 8-1-Ất Hợi (dl 11-2-1935), Đại Hội Vạn Linh của phái Bến Tre bầu ông Tương làm Giáo-Tông phái Bến Tre.

Ngày 7-4-Ất Hợi (dl 9-5-1935) cử hành Lễ Đăng

điện cho Ngài Tương lên ngôi Giáo-Tông ở Thánh Thất An Hội Bến Tre và từ đó, Thánh Thất An Hội được gọi là Tòa Thánh Bến Tre.

Từ năm 1942 đến 1951, ông Tương thường nhập tịnh trong Tịnh Thất riêng, lúc đó ông thường tự xưng là Lý Giáo-Tông.

Ngày 14-4-Tân Mão (dl 19-5-1951), ông Tương qui thiên, tháp được xây dựng ngay trước Thánh Thất An Hội, Bến Tre.

14. TIỂU SỬ LÊ BÁ TRANG (1879-1936):

Ông Lê Bá Trang sanh năm 1879 tại làng An Qui, tổng An Trung, tỉnh Sa-đéc. Ông theo Tây học, thi đậu ngạch Tri Huyện, được bổ làm Chủ Quận Thủ Đức, rồi thi đậu Tri phủ, được bổ làm Chủ Quận Chợ Lớn, được thăng Đốc Phủ Sứ, làm Chủ Quận Vũng Tàu.

Ông nhập môn theo Đạo Cao Đài vào tháng 5 năm 1926 (Bính Dần), được Thiên phong **Ngọc Chánh Phối Sư** vào ngày 3-7-Bính Dần (dl 10-8-1926).

Năm 1929, Ngài Lê Bá Trang xin từ quan và phế đời về Tòa Thánh Tây Ninh hành Đạo.

Năm 1930, Ngài Lê Bá Trang được thăng lên **Quyền Ngọc Đẩu Sư**, cùng một lượt với Ngài Nguyễn Ngọc Tương.

Ông Trang cùng với ông Tương rút về Bến Tre lập Ban Chính Đạo, sau đó biến thành Chi phái Bến Tre. Ông được Đại Hội Vạn Linh của phái Bến Tre bầu làm Ngọc Chưởng Pháp.

Ông Trang qui liễu tại Bến Tre ngày 30-5-Bính Tý (dl 17-7-1936), liên đài được đưa về Tòa Thánh Tây Ninh

ngày 21-7-1936, được Toà-Thánh nhận cho vào nhập bửu tháp ở phẩm Ngọc Đầu Sư.

Đàn cơ tại Phạm Nghiệp ngày 11-6-Bính Tý (dl 28-7-1936), phò loan: Đức Hộ-Pháp và Cao Tiếp Đạo, Đức Quyền Giáo-Tông giảng cơ nói về chơn linh của Ngài Lê Bá Trang bị đọa nơi Lạc Hồn Trì, ghi lại như sau:

THƯỢNG TRUNG NHỰT

“Chào mấy em.

“Thượng-Phẩm nói với Qua mấy em đời.

Ôi! Qua nghĩ lại bắt tức mình, mấy em nghĩ lại mà coi, một kiếp sanh đâu mấy lát, cái giả cuộc trần hoàn tuy xem nháy mắt mà ảnh hưởng nó sâu sắc biết là bao, nào là danh, nào là vị, nào là tước, nào là quyền, nào là vinh, nào là trọng, rốt sự rồi cũng không còn mấy mún giá trị chút gì nơi cõi Hư linh Hằng sống, bất quá như còn vui dự đảng một tiệc ngọt ngon của khách phong trần say sưa một lát mà đòi phen chịu thảm cả đời.

Qua đến viếng TRANG nơi Lạc Hồn Trì, nó nằm mê sảng sốt, đau lòng hết sức, như lời Thất Nương và Bát Nương làm chứng, thì dầu cho Qua có đến gần nó lúc này cũng không bổ ích chút nào cả, phải đợi cho nó từ từ định tỉnh, may ra có tay Thất Nương giải mộng thì thỉnh thoảng định tỉnh tỉnh thần. Nếu Qua cưỡng cầu thì chẳng khác nào hầu chuyện với người điên, chọc thêm loạn tánh.

TÁM, Em nên phò loan đặng Qua truyền tin TRANG cho Em hiểu. Khi này, Qua thấy em có khách nhiều thì phải, thôi Qua đi.” Thăng.

Chú thích:

TRANG: Ông Lê Bá Trang.

Đức Quyền Giáo-Tông gọi Đức Hộ-Pháp là Em TÁM (vì Đức Hộ Pháp thứ tám)

Đàn cơ tại Hộ-Pháp Đường ngày 17-10-Bính Tý (dl 30-11-1936), phò loan: Đức Hộ-Pháp và Cao Tiếp Đạo. Đức Quyền Giáo-Tông giảng cơ nói về chơn linh của ông Trang và ông Tương:

THƯỢNG TRUNG NHỰT

... “TRANG khóc quá bây ơi! Vừa hiểu hiểu chớ còn khi tỉnh khi say, nhưng Qua theo bên mình ủng hộ, không sao phòng ngại.

Em TÁM làm ơn nói với con Hai cho nó biết, kéo lo rầu tội nghiệp.

Hộ-Pháp bạch: – Biết nó nghe không?

– Em cứ nói giùm. Cha chả! Va oán Em đánh va hôm nọ lắm. Qua an ủi mà hể tỉnh thì cần rần hoài. Em nên viết cho va một cái thơ an ủi, cậy Qua đưa giùm đặng Qua thừa dịp thức tánh va một chút. Em làm ơn giùm.

...– Ôi! Thầy kẹ, đừng giận làm gì nữa. Nếu Em thấy va lúc này thế nào Em cũng tội nghiệp. Em làm phúc làm giùm cái tháp cho va, hể tỉnh thì hỏi có bao nhiêu đó hơn hết.

Ôi! TƯƠNG là cục nợ báo đời của TRANG, do căn kiếp phải vậy, dầu khi chết cũng còn theo báo hại.

Em biết TƯƠNG là ai chẳng?

Đứa nào nói trúng, Qua thưởng một củ mì.

Qua nói nhỏ: NGÔ TÔN QUỜN đó biết không?...

15- Cái chết của Ông Lê Bá Trang:

Ngày 30-5 Bính Tý (Thứ Sáu: 17-7-1936). Ông Tri phủ Lê Bá Trang, là Ngọc Chưởng Pháp của Ban Chính Đạo (Bến Tre) từ trần. Ban Chính Đạo xin Hội-Thánh

Cao-Đài Toà-Thánh Tây Ninh cho ông Trang được an táng nơi nội-ô Toà-Thánh Tây Ninh. Dù rằng ông Trang đã bị Hội Thánh Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ lập Đạo Nghị định thứ 17 ngưng quyền cả hai Ông: Tương và Trang ngày 26-5 Quý-Dậu (Thứ Ba: 18-7-1933) rồi. Nhưng Hội Thánh vẫn rộng quyền ân tứ như lời cầu xin.

Thế là vào ngày 4-6 Bính-Tý (Thứ Ba: 21-7-1936)

Ban Chính Đạo Bến tre chở liên đài ông Lê Bá Trang về Toà Thánh có cả ông Nguyễn-Ngọc-Tương mặc phẩm phục Giáo-Tông của phái Bến tre và đoàn tùy tùng là Chức sắc áo mào rực rỡ, rần rần, rộ rộ kéo về Toà-Thánh Tây ninh. Thực sự đây cũng là một “ý đồ” chiếm Toà Thánh nữa. Nhưng...

Hội Thánh Cao-Đài Toà Thánh căn cứ vào quyết nghị là: Ban Chính đạo Bến tre đã có Hội-Thánh riêng, giáo điều riêng, giáo lý riêng, Thánh Thất riêng thì không thể mặc sắc phục này vào Toà Thánh được. Muốn về Toà Thánh thì phải tuân theo Nghị định thứ 8 của Đức Lý Giáo-Tông là phải “mặc áo trắng”.

Ban Chính Đạo thì cho rằng: “Bằng khoán đất và tất cả giấy tờ của Đạo đều là của ông Tương đứng tên thay mặt ngày xưa cùng với Bà Nữ Đâu-Sư Lâm Hương Thanh” Thì hôm nay đây ông Tương trở về với vị thế một chủ nhà.

Đức Hộ-Pháp với cương vị Hộ-Pháp Chương quản Nhị Hữu Hình Đài có Đức Lý công nhận qua bài:

THI

HỘ giá Chí-Tôn trước đến giờ.

PHÁP luân thường chuyển máy Thiên-cơ.

CHUỖNG quyền Cục-Lạc phân ngôi vị.

QUẢN suất Càn-khôn định cõi bờ.

NHỊ kiếp Tây Âu cầm máy tạo.

HỮU duyên Đông-Á nắm Thiên-thơ,

HÌNH bài Thánh-Thể chữ nên tướng.

ĐÀI trọng hồng-ân gắng cày nhờ.

Ngài phán định rằng:

“*Những Chức sắc phế phạm, bỏ Toà Thánh ra đi, đã bị Hội-Thánh ngưng quyền, nay ăn-năn hối cải, muốn trở về tạ tội xin Hội-Thánh khoan hồng, thì khi ra đi mang phẩm tước gì, nay trở về phải mang phẩm tước đó, chứ không thể xưa là một phẩm Quyền Đâu-Sư nay quay trở lại với một phẩm Giáo-Tông được! Với những hình thức cờ quạt lộng tâng, tiền hô hậu ủng như thế này không thể chấp nhận cho vào Toà Thánh được*”.

Thánh vệ đã canh giữ các cửa vào Nội-ô một cách nghiêm nhặt. Buộc lòng phái Bến Tre phải để liên đài ông Trang ở ngoài cửa Hoà viện (cửa số 1) rồi các vị kia tủa ra khắp các cửa định tìm đường xông vào.

Phía Toà Thánh thì số người của Minh Thiện Đoàn, Phạm Môn kéo hết lực lượng về giữ an ninh trật tự nên đối phương không thể vào được.

Phía Toà án Tây ninh của Pháp ủng hộ phái Bến tre, nhưng trời đổ mưa như trút, nhóm người này chạy tán loạn, lại bị số lính của thực dân Pháp tới không biết bên nào chủ hoà, bên nào chủ chiến, khiến họ đuổi cả nhóm Chi phái chạy tơi bời.

Trong lúc đó thì có cụ ông Lê Vinh Hiễn, trước đây là một thành viên Thiên Địa Hội chống thực dân Pháp, bị bắt kết án “khổ sai chung thân” nơi Côn Đảo, ông vượt

ngục trở về, thả bè trôi tấp vào Rạch giá và tiếp tục mưu đồ chống Pháp, bằng cách là cải cả tên họ. Việc này là vào đầu năm Bính-Dần (1926) chính các Ngài Lê văn Trung, Hộ-Pháp và Thượng-Phẩm có cầu Đức Thượng Đế giáng Cơ thân nhận là đệ tử tiên khai Đại-Đạo, Đức Chí-Tôn đã đổi tên Lê Vinh Hiến thành Lê Ngọc Diệp để tránh cuộc truy lùng của thực dân Pháp. Ông này chỉ đứng phía sau làm hậu thuẫn cho các việc đạo sự.

Ông Lê Ngọc Diệp đến gặp ông Tri phủ Nguyễn Ngọc Tương Giáo-Tông của phái Bến Tre. Cụ nói:

Việc của người Việt Nam hãy để cho người Việt Nam tự giải quyết tốt hơn, cũng như việc của Đạo Cao Đài hãy để cho người Cao Đài tự giải quyết, chứ để người Pháp phân xử thì nhục lắm.

Ông đề nghị giúp ông Tương giải quyết:

– Tôi có ba điều thắc mắc, nếu Đạo huynh giải đáp thoả đáng, tôi sẽ yêu cầu Chú Tám nó (Chỉ Đức Hộ-Pháp) mở rộng cửa Tòa Thánh thiết lễ long trọng tôn vinh Đạo huynh lên lãnh đạo Tòa-Thánh Cao-Đài. Còn nếu Đạo huynh chưa giải đáp được thì hãy đem thuộc hạ về Bến Tre tìm câu giải đáp, khi nào tìm được hãy trở về Tây Ninh, tôi vẫn giữ lời hứa. Nếu chú Tám và Hội Thánh không giúp tôi thi hành lời hứa thì tôi sẽ tự sát trước mặt Đạo huynh để tạ tội vì không thực hành lời hứa này.

Thắc mắc thứ nhất: Từ ngàn xưa các Tôn giáo đều phải trải qua ba thời kỳ:

- Thời kỳ lập pháp.
- Thời kỳ thịnh pháp
- Thời kỳ diệt pháp

Nay Đức Chí-Tôn đã nhiều lần lặp đi lặp lại rằng Đạo khai truyền thất ức niên, thế thì thời kỳ lập pháp của Đạo Cao Đài ít nhất cũng một trăm năm, rồi còn phải trải qua bốn trăm ngàn năm của thời kỳ thịnh pháp nữa mới tới thời kỳ diệt pháp. Như vậy Đạo Thầy còn trong thời kỳ phôi thai, mở ra chưa được mười năm, còn trong thời kỳ lập pháp, thì Đạo hư chỗ nào mà các Ngài phải lập Ban Chính Đạo? Vả lại Thánh trước Hiến xưa đã nói: Nhon hư Đạo bất hư thì giờ đây Ban Chính Đạo là chính nổi gì? Nếu như Anh Cả là Đức Quyền Giáo-Tông có hư thì chính Anh Cả, hoặc chú Tám (Hộ-Pháp) có hư thì chính chú Tám nó, sao lại Chính Đạo? - Giữa cơn mưa lạnh mà áo của Ngài Nguyễn Ngọc Tương dầm mồ hôi, tất nhiên là ông không thể nào trả lời được câu hỏi này rồi!

Ông Lê Ngọc Diệp hỏi tiếp câu thứ nhì:

Trước kia ông Ngô Văn Chiêu không nhận phẩm Giáo-Tông, buộc Đức Chí-Tôn phải trao quyền cho Đức Lý Đại Tiên Trưởng kiêm luôn chức Giáo-Tông Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ. Nay Anh Cả Thượng Trung Nhật dẫu cho là Giáo-Tông hữu hình thì cũng chỉ là Quyền Giáo-Tông mà thôi. Giờ này Anh Cả đã qui Tiên, thì Đạo huynh có muốn thay thế cũng phải là Quyền Giáo-Tông như Anh Cả thôi, chứ sao Đạo huynh lại xưng là GIÁO-TÔNG?

Vậy Đức Lý Giáo-Tông đã bị cách chức hồi nào?. Đức Thượng Đế có bằng lòng việc từ chức của Đức Lý Giáo-Tông chưa? Đạo huynh tự phong là Giáo-Tông có được sự đồng ý của Đức Thượng Đế chưa? Còn nếu Đạo huynh cho rằng do thuộc hạ của Đạo huynh phong cho thì là Giáo-Tông của phái Bến Tre chứ không thể là Giáo-Tông của Cao-Đài Tòa-Thánh Tây Ninh được.

Ông Lê Ngọc Diệp tiếp:

Qua hai câu hỏi thắc mắc của tôi Đạo huynh không trả lời được thì dẫu cho có câu hỏi thứ ba thì Đạo huynh cũng không hội đủ điều kiện để tôn vinh lên lãnh đạo Cao Đài. Thôi Đạo huynh cùng nhóm anh em thuộc hạ hãy về Bến Tre mà suy ngẫm các câu hỏi ấy.

Thế là bên ngoài trời mưa để trợ lực và phía Tòa án của thực dân đã đuổi lăm số người của Bến tre về hết rồi; chỉ còn lại liên đài của ông Trang nằm trơ trọi. Hội Thánh Cao-Đài Tây Ninh lo xây tháp cho Ngài Lê Bá Trang an táng trong nội ô Tòa Thánh theo nghi thức Đạo chu toàn.

CHƯƠNG III

A. Kết quả về hành động của Chi phái: Năm bức thư

1. Thượng-Tương-Thanh gửi thư cho Thái-Ca-Thanh
2. Ngọc-Trang-Thanh gửi thư cho các Họ Đạo nên đề cao cảnh-giác Thái-Ca-Thanh.
3. Lê-Thế-Vĩnh gửi thư cho Chức-sắc và bốn Đạo nói về Lê-Bá-Trang
4. Thượng-Tương-Thanh gửi thư cho Đức Hộ-Pháp
5. Đức Hộ-Pháp phúc đáp Thư của Thượng-Tương-Thanh

B. Tờ Vi bằng hợp Hội Vạn Linh: xử Đức Qu. Giáo-Tông

A-KẾT QUẢ VỀ HÀNH ĐỘNG CỦA CHI PHÁI: NĂM BỨC THƯ

1- Năm 1928 Ngài Ngô văn Chiêu lập **phái Chiêu Minh ở Cần-thơ** chuyên về việc Tu luyện cho riêng mình.

2- Năm 1930 Ông Giáo-hữu Ngọc Chính Thanh tách ra khỏi Tòa-Thánh Tây-ninh lập ra **phái Tiên Thiên ở làng Sóc Sãi tỉnh Bến-Tre**. Cơ Bút riêng của ông Chính phong cho Ông chức Chưởng-Pháp.

3- Tiếp theo cũng vào năm 1930, Giáo-Sư Thượng Kỳ-Thanh tức là Vương-Quan-Kỳ, không tuân lệnh Tòa Thánh Tây-Ninh áp dụng nghi lễ mới, nên tách ra lập phái Cầu-kho, lập tại **Thánh-Thất Cầu-Kho**.

4- Năm 1931, Ông Phối-sư Thái Ca-Thanh cũng tách khỏi Tòa-Thánh Tây-Ninh lập **phái Minh-Chơn-Lý ở Cầu Vỹ Mỹ-Tho**. Ông Nguyễn-Văn-Ca là phẩm Phối-Sư về lập ra Chi phái và tự xưng mình là Đầu-Sư Thái-Ca Nhựt.

5- Ngài Chưởng-Pháp Trần-Đạo-Quang đương là Chức sắc của Tòa-Thánh Tây-Ninh, tách ra theo ủng hộ ông Ca là Minh-Chơn-Lý. Sau, Ông Trần Đạo Quang thấy nơi họ biến thành Tà Đạo liền bỏ xuống Bạc-liêu hợp với Cao-Triều-Phát lập ra Chi **phái Minh-Chơn-Đạo** vào năm Giáp-Tuất (1934).

6- Năm 1933 Nguyễn Phan Long lập **Liên-đoàn Tỉnh hội** kéo về Tòa-Thánh Tây-Ninh mở Hội Vạn-linh, ông Nguyễn Phan Long làm Nghị-Trưởng, dụng ý truất phế Đức Quyền Giáo-Tông Lê-Văn-Trung, nhưng không thành công đành kéo về Sai-gòn.

Đầu năm 1934 hai Ông Quyền Đầu-Sư Thượng Tương Thanh (Nguyễn-Ngọc-Tương) và ông Ngọc-Trang Thanh (Lê Bá-Trang) không biết vì lý do gì mà hai ông bất đồng ý kiến trầm-trọng với Đức Quyền Giáo-Tông Lê-Văn Trung mà họ tách ra lập Chi phái lấy tên là **Ban Chính Đạo**, lấy Thánh-thất An-Hoà Bến-Tre làm trụ sở, nên thường gọi là phái Bến-Tre.

Như vậy:

Thời-gian từ năm 1926-1928 ông Ngô-Văn-Chiêu là người tách ra lập Chi phái đầu tiên, lấy hiệu Chiếu-minh vô-vi tại Cần-thơ.

Tuy nhiên chỉ có các phái sau đây có ảnh hưởng và gây áp lực mạnh đến Tòa-Thánh Tây-Ninh nhiều nhất

Việc lập Chi phái của ông Nguyễn văn Ca, lần lần biến ra Tà Đạo nên nhị vị (Quyền Đầu-Sư Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh) lúc bấy giờ đương quyền nơi Tòa-Thánh, nên hai vị có gởi hai bức thư:

1- Ông Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương)

có gởi cho Ông Ca, khuyên ông nên hồi tâm mà về với nguồn cội Đạo là gốc Tòa-Thánh Tây-ninh.

2- Ông Ngọc-Trang-Thanh (Lê Bá-Trang) ra Công văn gởi cho các Đầu Tỉnh Đạo và Quận Đạo, chủ ý là cấm các Hộ Đạo đừng tin điều gì do Thái-Ca-Thanh nói, nên đề cao cảnh giác hành động của Ông Ca.

Tiếp theo là bức thư của:

3- Ông Tiếp-Thế Lê Thế Vĩnh gởi cho Đạo-hữu Lê Bá-Trang có hành động tổ chức người để phá Đạo, vì ông Tương và Ông Trang lúc này (đầu năm 1934) đã tách ra lập Chi phái, lấy tên Ban Chính Đạo Bến-Tre rồi.

4- Ông Tương có gởi cho Đức Hộ-Pháp một lá thư, lời lẽ thiếu lịch-sự, buộc Đức Hộ-Pháp phải trả lời gấp.

5- Đức Hộ-Pháp có thư phúc đáp cho ông Tương.

Kèm theo đây có cả thảy 5 bức thư ghi ra cho đồng Đạo được am tường.

Sau khi Đức Quyền Giáo-Tông đăng Tiên năm 1934 thì ở Bến-Tre tổ chức bầu cử vào năm 1935. Ông Tương tự phong lên làm Giáo-Tông và Ông Trang làm Chưởng-pháp.

Giữa năm 1934 Đức Lý Giáo-Tông và Đức Hộ-Pháp lập Đạo Nghị Định thứ 8 tức là Đệ Bát Đạo Nghị Định, thì kể từ đó về sau không còn Chức-sắc nào trong Tòa Thánh Tây-Ninh dám lập Chi phái nữa.

Từ đây về sau có rất nhiều Chi phái là do từ Chi phái nảy sanh Chi phái mà thôi.

TÓM LẠI:

Qua hai cao trào Chi phái nổi bật nhất là phong trào của ông Nguyễn Phan Long lập Hội Vạn Linh để truất

phế Đức Quyền Giáo-Tông Lê Văn Trung và phong trào Ban Chính Đạo của hai vị Quyền Đầu Sư Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang, các vị này đã chống đối Tòa Thánh Tây Ninh rất mãnh liệt.

Hỏi vậy, những vị ấy đã thành công được những gì? Tạo lập được những công trình gì để làm vẻ vang cho Đạo? Làm lợi ích gì cho nhơn sanh? Hay đó chỉ là tranh quyền đoạt vị cá nhân, không có chánh nghĩa để thủ thắng nên chịu thất bại thảm thương mà thôi.

Trong lúc đó, Tòa Thánh Tây Ninh là cái gốc của Đạo, càng ngày càng phát triển, sum suê bông trái đầy đủ.

Trước năm 1935, trong Nội-Ô Tòa-Thánh còn cất tạm bằng cây ván, là công trình của Đức Cao-Thượng-Phẩm các cơ quan của Hội Thánh còn bằng mái tranh vách đất, nhưng dần dần Tòa Thánh được cất lên nguy nga đồ sộ theo kiểu vở của Thiên đình, báo hiệu sự xuất hiện của một nền văn minh mới của nhơn loại nơi cõi Á Đông, rồi các dinh thự khác cũng dần dần được dựng lên bằng những con tim chơn chất thực sự thương Thầy mến Đạo, và đặc biệt dựng lên ngôi thờ Đức Phật Mẫu, bà Mẹ Chung thiêng liêng của toàn nhơn loại, thể hiện một nền triết lý hoàn chỉnh của Đạo Cao Đài là tôn thờ đủ hai ngôi: ngôi Dương và ngôi Âm. Đó là nguồn gốc của con người, của vạn vật và của Càn Khôn vũ trụ.

Thử điểm qua hai hình thức loạn đạo mà kết quả là:

- ♦ 5 bức thơ có tính cách quan trọng về Chi phái
- ♦ Vi bằng buổi họp “Đại hội Vạn linh”

5 BỨC THƠ CÓ TÍNH CÁCH QUAN TRỌNG VỀ CHI PHÁI

1. Thượng Tương Thanh gửi thơ cho Thái-Ca-Thanh

2. Ngọc-Trang-Thanh gửi thơ cho các Hộ Đạo nên đề cao cảnh-giác Thái-Ca-Thanh.
3. Lê-Thế Vinh gửi thơ cho Chức-sắc và bốn Đạo nói về Lê-Bá-Trang
4. Thượng-Tương-Thanh gửi thơ cho Đức Hộ-Pháp
5. Đức Hộ-Pháp phúc đáp Thư của Thượng-Tương-Thanh



Bức thơ số 1: Ông Thượng Tương Thanh gửi cho Thái Ca Thanh

Chánh Phối Sư Thượng-Tương-Thanh.

Gửi Ông Thái Ca-Thanh ở Cầu Vỹ.

Hiền huynh, kính thăm Anh và đề ý lời thành thật mong cho Anh vui đọc và đề ý vào.

Tôi có tiếp được xấp Thánh-giáo Hậu-giang của Anh gửi và một cái thơ mời hội ở Thánh-Thất Mỹ-Tho ngày rằm tháng 10 tới đây. Tôi có đọc kỹ và cũng có đọc lại các Thánh-giáo, Thánh-ngôn Anh gửi xuống lần trước. Tôi thấy rõ là một cuộc khảo do nơi Tam-Trấn để cho Tà Thần mượn tên cám dỗ, trong ba cái bịnh lớn của con người là “Tham, Sân, Si” Nếu bậc cầm đuốc dẫn đường mà không trừ hết, còn một hai cũng phải bị vướng.

Anh đọc kỹ các Thánh-ngôn Cơ Bút của Hậu-giang từ khi ban sơ đến bây giờ, Tôi chắc Anh cũng thấy cái hư thiệt bên trong như Tôi vậy. Có một phần rất ít của Tiên Thánh, còn bao nhiêu đều là Tà mưu chước quỷ của Tà Thần cám dỗ.

Anh muốn phân biệt Chánh Tà thì cứ lựa những Thánh-ngôn nào dạy Thương-yêu nhau, hoà hiệp nhau luôn luôn mà dìu-dắt nhau trên con đường đạo-đức, bỏ giận, bỏ hờn, đừng ganh đừng ghét, đừng nghịch với một ai là của Tiên Thánh cho. Còn Cơ nào giáng cho bài thơ có hay cho cách mấy đi nữa mà có xen lộn vào những lời kích-bác, bày sự xấu của người, xúi giục sự hờn giận nghịch lẫn, chia phe phân phái đều là của Tà-Thần, dầu có lấy tên Tiên Thánh cho đến tên Thầy mà ký vào đó cũng không nên tin. Vì những bậc trọn lành biết khuyên hoà thuận, chớ không khi nào dạy phân chia.

Trong những bài của Tiên Thánh giáng dạy đều dùng toàn là lời tao-nhã, tiếng Thương yêu, dạy ròng đạo đức, trông vào thấy liền khí tượng Tiên Thánh. Anh đọc lại mấy bài giáng Cơ Hậu-giang coi được bao nhiêu có hình trạng như vậy. Những Thánh-Ngôn do nơi Toà Thánh mà ra, nếu không đủ vẻ cao thượng đó cũng không buộc ai phải tin hết.

Nếu phẩn lại gốc thì Tôi rõ biết, khi ban sơ lúc Anh thay mặt cho Tôi ở Toà-Thánh, Anh có bất bình về sự hành động cử chỉ của mấy vị Đại-Thiên-Phong nơi đây đối đãi với Anh.

Vì sự bất bình này mà dùng Cơ Bút Rạch-giá để câu hỏi bài “Chánh Tà yếu lý” ra đời rất hợp với cái tư tưởng của Anh lúc đó, mà làm cho Anh vui lòng để trọn Đức-tin vào. Dự được Anh rồi nó dắt Anh đi lần lần, từ mấy thứ “An Thiên Đại Hội” qua đến lập Toà-Thánh Tam Bình Kiên-giang Thất Sơn, đã nhiều phen tiên tri này nọ đều trôi hết, nay đem Anh trở về lập Toà-Thánh Trung ương Mỹ tho, là chỗ ở của Anh, Tôi xét kỹ thiệt toàn là công cuộc của Cơ cảm dỗ Hậu-giang. Do sự bất bình kia mà gây tạo ra đó! Anh suy-nghĩ đến thì Anh thấy liền, Cơ ấy lợi dụng

cái danh, cái chức của Đạo mà dụ người. Anh thấy rõ trong hàng Chức-sắc theo Anh có một phần đông chưa trừ được cái lòng háo danh. Có khi cũng còn vì tranh nhau cái phẩm cao thấp mà gây hờn chác giận, té ra Anh đã công kích hẳn cái sự trục lợi nơi người rồi Anh trở lại không tránh khỏi cái sự cầu danh nơi mình đó. Phải chi hết thấy chư vị theo giúp Anh, Nam Nữ cũng vậy, đừng một ai cầu phong Chức-sắc, đừng một ai nghe Anh cầu phong cho ham mà lãnh, đừng một ai nghe nói Cơ Bút phong chức cho lật đật vui chịu, thì Minh-Chơn Lý của Cơ bút Hậu-giang đặt ra để mà công kích Tây-Ninh đó còn có chỗ phải nghĩa.!

Sau khi kích bác nhục mạ Tây-Ninh rồi bỏ cáo mà dân khắp Lục Tỉnh mong Anh và các Chư vị giúp đỡ cho Tà Thần xúi giục mà hăng-hái thọ lãnh gia phong lập riêng một Hội-Thánh Trung-ương tự mình làm chủ, làm cho ai trông vào cũng thấy cái Chủ nghĩa Minh-Chơn-lý của Hậu-giang kết chung lại là một trường háo danh ham chức đó là “Tôi”. Đạo ở nơi nào? Đức ở nơi nào?

Than ôi! Chư Nam Nữ không rõ thấu mà ngã với Anh theo Cơ cảm dỗ. Nay đã thấy cái Cơ-quan của Tà diễn hiện ra đó rồi, thì mau ăn-năn trở về Thầy cho chóng.

Khi Anh về Thiêng-Liêng rồi, Tôi còn sợ Anh không thể chi đỡ cho Ông Chuông-Pháp Trần Đạo Quang cầm duyên đầu được, vì nghĩ ít chữ nghĩa, làm sao mà phân biện bằng Anh. Tuy nói Ngài cầm đầu chớ ai cũng rõ thiệt Anh làm Chủ. Anh cũng không đỡ cho Đồng tử chút nào, vì không ai buộc Anh phải nghe Cơ của chúng nó cầu mà viết ra và cũng không đỡ được cho Thầy, Đức Lý hay là chư Tiên Thánh ký tên những bài giáng Cơ Hậu-giang đó.

Vì không có cái chi mà làm bằng cơ chắc chắn buộc cho

Anh phải tin rằng thiết Tiên Phật có giáng cơ ký tên. Thấy đã dạy “Đạo khai thì Tà khởi” Nó cũng dám lấy tên Thấy mà cảm dỗ lựa là tên Tiên Phật, nên Thấy đã căn dặn: Ngoài Thập Nhị Thời quân của Thấy đã chọn đừng vội tin Thấy có giáng Cơ nơi này nơi nọ, mà phải bị lầm mưu Tà quái cảm dỗ. Vậy nên Anh rất thông-thả mà nghe hay không nghe, tin hay không tin, tự nơi Anh không có một mảy chi bó buộc Anh hết, đặng ngày sau Anh không sang sót một mảy chi cho ai hết.

Tôi phân biệt tôi đây, nếu Anh cũng chưa nghe được, thì Tôi lấy hết tình Anh Em xin Anh rút bỏ hết những sự giận hờn phiền-phức đi, dầu giận phải hay giận không phải cũng đừng chứa một mảy trong tâm, vì cái giận thiết của cái Tà dục cho dễ cảm dỗ mình đó.

Trong lòng anh thiết hết giận rồi, thì cái màn bí mật che án sẽ xủ xuống. Anh sẽ thấy tỏ rõ chi cũng có Thấy biết, cũng có chư Phật, Thánh, Tiên hay.

Thiên-phong Chức sắc nào ở Tây-Ninh thiết có tội thì bị phạt, không khi nào chạy khỏi. Anh sẽ thấy rõ các sự Anh đã làm trong một năm rưỡi nay, đối với đạo-đức ra sao, thế nào, xa đạo-đức bao nhiêu dặm, chừng ấy Anh hết lầm nghe cơ Bút Hậu-giang nữa. Biết được sự thiết rồi, mau mau tự nhiên Anh sẽ bãi hết các cuộc Anh đương gây, giải chức Thái Đầu-Sư mới của Anh. Vì Anh sẽ thấy rõ chữ Nhứt trong Đạo-hiệu Thái-Ca-Thanh của Anh. Đó là một cái lắt-léo của Cơ để cho Anh biết mà phân biệt chơn giả đó. Trong lòng Anh thiết hết giận rồi, tự nhiên Anh cũng sẽ thấy rõ-ràng là không có Thần hay Tiên Thánh nào xúi Anh thêm nghịch, dạy Anh chia lìa, đốc Anh truyền rao nhục mạ Tây-Ninh rồi lại gia phong cho Anh và các vị theo

giúp Anh, hồi đốc lập dựng Thánh Thất Cầu Vỹ mà làm Toà-Thánh để nhóm Hội-Thánh Tây Ninh, mượn nhà Anh mà làm Hiệp-Thiên-Đài, Anh sẽ thấy rõ ràng là cơ cảm dỗ nường cái hơi phiền-phức của Anh và chư vị kia mà phát hiện những sự ấy đặng giúp cho mấy Anh Em được thoả tình tư tưởng.

Nghĩa là do cái nguồn nơi ấy mấy Anh Em được thoả tình tư-tưởng, nghĩa là do cái nguồn nơi ấy mấy Anh Em mà sản xuất đặng để cảm dỗ mấy Anh Em đó, như Anh và chư vị theo Anh thiết tu-hành muốn noi gương đạo-đức, muốn thiết Minh-Chơn-Lý, thì trước nên mau mau giải hết Chức-sắc của Cơ Hậu-giang phong rồi lấy cái đạo-đức nơi trong mình trôi-trội ra mà bố hoá ra cho chúng sanh, dầu dắt chúng sanh nơi con đường sáng láng, thốt lên những lời từ thiện, một hành động cử chỉ nào cũng không sai lẽ đạo-đức, lo độ những người chưa nhập môn, giáo-hoá những người còn tánh lung-lãng, tự mình làm thế nào ra một gương lành tỏ rạng cho người hậu tấn nương theo mà bước tới vũng-vàng trên con đường đạo đức.

Nếu Anh và các Anh theo Anh mà còn dụ-dự, tiếc áo-mão thì cái Minh-Chơn-lý của mấy Anh em sẽ bị nơi áo-mão đó mà mất hết chủ-nghĩa hay, rồi cũng vì áo-mão đó trì nặng phải chìm không phương cứu vớt.

Xin Anh nghĩ cho cùng tội. Tôi khẩn cầu chư Thần Thánh ban bố thêm sáng láng cho Anh mau thấy sự thiết mà hết dụ-dự, giải được chức mới rồi lại khuyên chư vị theo Anh giải sạch, ngày ấy mấy Anh mới thiết Minh Chơn-Lý, rồi mấy Anh Em sẽ hồi tâm tự nhiên trở về Thấy, hoà-hiệp lại như xưa mà chung lo mối Đạo.

Tôi bảo kiết rằng: Mấy Anh trên Toà-Thánh Tây Ninh

đều vui lòng và đưa tay tiếp rước mấy Anh Em Hậu giang cùng nhau tái hiệp trùng-phùng, bỏ những điều rắc rối đã xảy ra do Cơ khảo của Tà-Thần sắp đặt.

Cái hoà-hiệp đó là một hiến lễ trân-trọng hơn bao giờ hết cho Thấy. Xin Anh và mấy Anh em theo Anh mau mau về hội-hiệp mà dâng cho Đại-Từ-Phụ. Đại-Từ-Phụ sẽ vui lòng ban ân huệ đầy-đủ cho chúng ta, từ đây sẽ khẩn khít như xưa, chung nhau trau dồi nên Đạo lại cho tỏ rạng mà phổ thông đến ngoại bang.

Tây-Ninh 1er Novembre 1932

Đã ký tên

Thượng-Tương-Thanh



Bức thư số 2: Ông Ngọc-Trang-Thanh gửi các Họ Đạo đề cao cảnh giác Thái-Ca-Thanh.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ thất niên)

Toà-Thánh Tây-Ninh, le 3 Novembre 1932.

(Mùng 6 tháng 10 năm Nhâm Thân)

Ngọc Chánh Phối-sư kiêm Chủ-trưởng Chức-Sắc Nam-phái.

Gửi cho chư vị Đầu họ Tỉnh và Quận Đạo.

Hiền Hữu,

Xin Hiền-Hữu đọc bức thư sao lục dưới đây của Thượng

Tương-Thanh Chánh Phối-sư, gửi khuyên Ông Thái-Ca-Thanh ở Mỹ-Tho hồi tâm đặng trở lại đường Chánh-giáo.

Các ý-kiến tỏ ra trong thư ấy đều hợp với ý-kiến của Tôi nên khuyên Hiền Hữu đọc lại cho rõ, hiểu cho chắc rằng những việc của ông Thái-Ca-Thanh hồi giờ gánh sự rắc-rối cho nên Đạo đều do chuyện hờn giận riêng mà làm cho vừa lòng, nên không nhằm Thánh-ý.

Nếu Đạo-hữu nào còn mê-tín theo Người nữa thì sau rồi dầu có ăn-năn cũng muộn và trễ bước đường công quả. Xin Hiền Hữu truyền lại cho chư Đạo hữu Nam Nữ rõ biết mà tránh việc lầm lạc ấy, hầu đi cho cùng bước Đạo mà về Thấy.

Ký tên

Ngọc Trang Thanh

Chú thích:

Điều đáng lưu ý là:

- w- Bức thư của ông Tương khuyên ông Ca đề ngày 1-11-1933
- Văn thư của ông Trang gửi cho các Họ Đạo đề cao cảnh giác Ông Ca đề ngày 3-11-1933.
- Ngay lúc này, Nhị vị Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang-Thanh cả hai là phẩm Chánh-Phối-Sư, là Chức sắc đương quyền.
- Ngày 17-1-Đinh-Dậu (1933) cách nhau trên 10 ngày, hai Vị Tương và Trang được Đức Quyền Giáo-Tông và Hộ-Pháp đồng ký tên thăng phẩm Quyền Đầu-Sư, kể đó không lâu hai vị này bất đồng ý-kiến với Đức Quyền Giáo-Tông mà tách ra Chi-phái Bến Tre (Ban Chính Đạo).



Bài thơ số 3: Ông Lê-Thế Vĩnh gởi Chức-sắc và bốn Đạo nói về Lê-Bá-Trang

HIỆP THIÊN ĐÀI ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Số: 9

(Đệ bát niên)

Toà-Thánh Tây-Ninh, le 10 Novembre 1933.

(Mùng 29 tháng 8 năm Quý-Dậu)

Lê Thế Vĩnh

Kính gởi cùng Chư Chức sắc Thiên-phong Nam Nữ và Chư Đạo-Hữu Nam Nữ lưỡng phái,

Kính cùng chư Hiền huynh và chư Hiền Tỷ.

Ngày 12 Septembre 1933, Đạo-hữu Lê Bá-Trang là Cựu Quyền Đẩu-Sư Cửu-Trùng Đài bị ngưng quyền.

Ngày 26 Juillet 1933, có ra Châu-tri số 146 nói là Can dự đến Tệ Đệ và toàn nền Chánh-trị Đạo.

Tệ Đệ chỉ buồn cười cũng bỏ qua cho Người biết xét mình mà ăn-năn tự hối, dè đâu ngày 20 Septembre 1933, Người lại ra thêm một tờ Châu-tri số 147 cố ý nhục mạ Đức Quyền Giáo-Tông và nhiều vị Chức-sắc đương hành Đạo.

Tệ Đệ vẫn điềm nhiên xem coi trong trí lực thường tình của Người sau này được nảy nở được nhiều Chi đặc biệt nữa.

Thật vậy cách vài hôm sau quả có kẻ phụ sự của Người đến Giáo-Tông-đường giựt máy đánh chữ và vu vạ, rồi thì càng ngày càng lộng, nào là nhóm ngày nhóm đêm, nào là xúi giục kiện thưa, nào là hăm dọa bỏ tù Đạo hữu, nào là kỳ cho một tháng nữa là đuổi hết cả Quyền Giáo-Tông và Hộ-Pháp ra khỏi Thánh-Địa, nào là hiêu hiêu tự đắc khoe rằng: Chấp ba ngựa cũng thắng...

Đẩu-Sư gì mà luật Đạo không thông, trách-nhiệm không biết, thậm chí kinh Cúng Tứ thời cũng không thuộc,

Tu-hành gì mà còn giả dối, còn mưu-mô, còn quyền quyền thế thế.

Than ôi! Nếu Tệ Đệ không có phận-sự đặc biệt trong Hội-Thánh, thì Tệ Đệ đã thối bước lâu rồi, để cho họ tự quyền diệt Đạo.

Tệ Đệ đâu có dám cho là toàn vẹn, nhưng từ ngày Tệ Đệ nhứt định phế Đời đặng trọn hiến thân cho Đạo từ ngày về Toà-Thánh hành Đạo cho đến nay thì Tệ Đệ hằng nguyện đem hết tâm trí để giúp ích cho Đạo và hằng giữ trọn lành trung can thanh bạch, hầu quan sát cho việc Đạo một cách chơn thật chánh đáng.

Biết bao phen Tệ Đệ nghĩ đến tâm lý thấp thỏi của nhiều Đạo-hữu mà phải đau lòng ứa lụy. Tệ Đệ chán rõ họ đã không đủ đức hạnh thấu phục như tâm, mà không đủ tài trí đặng cầm vững nền Đạo, họ chỉ có đủ mưu để giục loạn chứ không đủ sức để trị bình.

Cả bằng có Tệ Đệ đều nắm sẵn nơi tay đặng đợi ngày giải kẻ phạm ra Toà Tam giáo, sẽ cho toàn Đạo biết rõ rằng: “Hai Đạo-Hữu Lê-Bá-Trang và Nguyễn-Ngọc-Tương là người phản Đạo”.

Tệ Đệ xin chư Đạo-Hữu cứ giữ phận-sự tu-hành, đừng lăm nghe mà sau này ăn-năn rất muộn.

Tệ Đệ vì phận-sự quyết xin Đức Hộ-Pháp giữ nghiêm pháp luật và từ đây ngày nào còn Đức Hộ-Pháp và Tệ Đệ thì bọn Tà Thần đừng mong gì đến cửa Đạo mà dụng Tà quyền để áp bức và hăm dọa đạo-hữu.

Nay kính

Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh (Ký tên)



Bức thư số 4: Thượng-Tương-Thanh gửi thơ cho Đức Hộ-Pháp

Thánh Thất
Bình-Hoà

Gia Định

No- 10

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ ngũ niên)

Gia-Định, le 15 Janvier 1935.

Thượng Đầu-Sư Thượng Tương Thanh

Gửi cho Đức Hộ-Pháp Toà-Thánh Tây-Ninh.

Kính Đức Hộ-Pháp: Tôi gửi theo đây một bốn Châu-tri số 9 của Ban Chính Đạo gửi mời toàn Đạo từ Chức-sắc Thiên-phong tới Tín đồ, nhóm Hội Vạn-linh tại Thánh-thất An-Hội (Bến Tre) mà chọn cử một vị để cầm giềng mối Đạo và nhứt định sẽ hiệp về Toà-Thánh Tây ninh mà làm việc.

Ban Chính Đạo ấy ra đời do Thiên-ý của Đức Chí Tôn và sự mời nhóm Vạn linh đây là cũng nơi lòng trời khiến vậy. Còn mời về Toà-Thánh Bến-Tre là sự bất đắc dĩ, cực chẳng đã vì sau khi an táng Anh Cả rồi, sự bất hoà cũng còn thấy nơi Tỉnh Tây-Ninh.

Xin Ngài xem cái Châu-tri và sẽ thấy mấy cái trước của Ban Chính Đạo Bến-Tre đã truyền ra và đã gửi cho Ngài rồi thì Ngài sẽ rõ cái tâm của chúng tôi để trọn về sự lo-lắng phục hồi Đức tin của Đạo-hữu đang xiêu ngã và về sự Hoà-bình trở lại cho bước Đạo được vững-vàng đi tới.

Vậy bốn phận Tôi phải cho Ngài hay như Ngài có cho toàn Đạo chẳng phân thuận nghịch về thông-thả nơi Toà-Thánh Tây-ninh thì vào Vía Đức Chí-Tôn, các con lớn nhỏ của Thầy hết thầy sẽ kéo về một lượt mà nhóm Hội Vạn linh cân phân công quả và chọn một vị để cầm giềng mối Đạo.

Được kết quả xong, đến giờ Tý chúng ta sẽ vào Bửu-Điện mà làm Lễ Đức Chí-Tôn và nguyện từ đây sắp tới chúng ta sẽ khôn ngoan hơn. Ai còn giả dối mưu-mô xin Thiên Đình hành xác tại thế mà làm gương cho người sau sợ lấy giữ mình mà hành Đạo.

Nếu mỗi chúng ta quên được cái hẹp hòi cá nhân thì bữa đó chúng ta sẽ hiến được cho Thầy một Lễ rất trân trọng không chỉ bằng, rồi sẽ được Thầy vui-vẻ thấy chúng ta hoà hiệp mà ban ơn vô tận cho chúng ta sắp năm sắp bảy lần khi trước, cái lễ này sẽ hiến được cùng không là nơi Ngài hết chín phần mười. Xin Ngài suy xét lại.

Tôi tưởng cũng xin cho Ngài biết trước, như Ngài không vui thuận cho Đạo về Chùa thì Đạo cũng sẽ nhóm nơi Thánh-Thất Bến-Tre định đoạt xong rồi, có lẽ cũng tuân mạng Trời mà kéo luôn về Chùa lo làm việc Đạo.

Chừng ấy nếu có xảy ra sự chi xung đột thì về Ngài chịu trọn phần trách-nhiệm đó hết, đối với Đạo và đối với Đời. Xin Ngài nhớ Toà-Thánh là của Đạo, của Đạo là của chung, là của Vạn-linh, một phần ít từng Đạo không đủ cho Ngài nhóm hết Vạn-linh một mình.

Xin Ngài vui-vẻ để trả lời thư này cho Tôi biết một buổi mơi ngày 18 Janvier 1933 Tôi sẽ về Toà-Thánh nơi Dinh Ngài mà nhận lãnh.

Nay kính

Ký tên: Thượng Tương Thanh



Bức thư số 5: Của Đức Hộ-Pháp phúc đáp Thượng Tương Thanh

Toà-Thánh Tây-ninh le 27 Janvier 1935

Hộ-Pháp,

Cùng Thượng-Tương-Thanh Thánh-Thất Bến-Tre.

Kính Đạo-Huynh,

Bản-Đạo có được bức thư số 10 đề ngày 15 Janvier 1935, của Đạo-Huynh nói về việc nhóm Vạn-linh tại Toà Thánh ngày mùng 8 tháng giêng và định cho Bản Đạo phải trả lời nội bữa mai ngày 18 tháng giêng 1935.

Trước khi luận đến các khoản đại khái trong thư của Đạo-Huynh, Bản-Đạo thú thật rằng: Lấy làm ngạc nhiên và thấy thái-độ hiện thời của Đạo-Huynh đã khác hơn buổi trước rất nhiều, có lẽ Đạo-Huynh cũng nhớ khi Đạo-Huynh còn biết tuân luật Đạo, biết phân đẳng cấp, biết phận Quyền Đẩu-Sư đến hầu chuyện cùng Bản-Đạo, từ lời nói đến tư cách của Đạo-Huynh, nó hoà nhã, nó nhỏ nhẹ, nó khôn phép làm sao! Cho Nên Bản-Đạo thường tưởng rằng một ngày kia cũng có thể khuyên Đạo-Huynh biết ăn-năn tự hối mà khép mình trong khuôn viên luật pháp của Đạo. Không ngờ ngày nay Đạo Huynh tư tưởng phân được và còn căm viết ký được một bức thư hăm dọa Bản-Đạo như vậy!

Đạo Huynh! Khi vị Ngọc-Trang-Thanh vì hám quyền mà khởi đồ mưu giục loạn, đặt biếm vị Đức Quyền Giáo-

Tông. Người hành động bằng cách nào, mà rốt cuộc nó ra sao? Chưa hiểu quyền Vạn-linh là gì? Chưa biết cái pháp luật về quyền ấy như thế nào? Mà cũng dám hiệp với một nhà chánh trị ngoài đời (chẳng có chún trong Đạo) nhóm buớng Hội-Vạn-linh rồi việc bắt thành phải tự mình lui bước lại còn tuyên bố rằng: Cả cáo trạng đã giao phó cho Toà Đời phân định Chánh Tà. Rồi giữa Toà Đời vu cáo những lời vô bằng có, những điều biếm nhẽ đều tiêu tan như tuyết giá để rửa sạch bụi trần cho Đức Quyền Giáo-Tông. Cho nên lúc đăng Tiên Ngai mới được toàn Đạo thương tiếc và an táng Ngai long trọng đường ấy!

Bản-Đạo coi lại buổi trước vị Ngọc Trang Thanh hành động thế nào, thì ngày nay Đạo Huynh cũng khởi hành đăng lo đồ mưu thiết kế luật pháp để hăm dọa, cũng bắt kể luật pháp, cũng giục loạn, cũng phân chia con cái Đức Chí-Tôn, cũng lợi dụng Đức tin và lòng thật thà của chư Đạo-Hữu, kết cuộc rồi cũng tạo thêm trò cười cho Đời cùng Đạo.

Than Ôi! Không lẽ Đạo lập ra đã không hữu ích cho Đời, còn phá hoại sự trật tự, sự êm tịnh, sự hoà-bình và cuộc trị an của Đời đang mong-mỏi nữa hay sao!?

Bản Đạo rất tiếc cho Đạo Huynh và cũng vì lẽ đó mới viết bức thư trả lời này.

1- Châu-tri số 9 của Ban Chính Đạo.

Bản-Đạo nhắc lại cho Đạo Huynh nhớ rằng: Từ ngày Bản-Đạo và Đức Quyền Giáo-Tông lập Nghị định thứ 17 ngưng quyền hành chánh của Đạo Huynh và Nguyễn Ngọc Trang có nhiều duyên cớ trọng hệ, nghĩa là từ ngày 18 Juillet đến nay thì Đạo Huynh và vị Ngọc Trang Thanh đều lui về Bến-Tre và Sa-Đéc không biết được việc Chánh-trị của Hội-Thánh nữa. Nhờ còn một phần Tín-đồ còn nghe và theo

Đạo Huynh cùng Ngọc Trang thanh cho nên mới lập ra Chi Phái riêng, có tên riêng, kỷ luật riêng và hành chánh riêng. Hành động càng ngày càng khác hẳn với Thánh-Ngôn của Đức Chí-Tôn và các Đấng Thiêng-Liêng, với Pháp-Chánh-Truyền và Tân Luật. Thậm chí lời Hồng thệ của Đạo Huynh và Ngọc Trang Thanh đã tự mình lập trước Thiên Bàn cũng ra vô giá trị.

Bản Đạo nói một ít lâu đây phái của Đạo huynh sẽ bỏ luôn đến danh của Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ mà chớ! Con đường đã khác nhau thì tức nhiên cả giấy tờ chi do nơi phái của Đạo huynh ban hành đối với Bản Đạo không nói ra có lẽ Đạo Huynh cũng chán biết rồi.

2- Chọn cử một vị cầm giềng mối Đạo:

Kể có tội đang chờ ngày nạp mình cho Toà Đạo mà đem ra làm đại biểu cho muôn triệu sanh linh thì có chi chương bằng. Phải công cử Giáo-Tông không có dễ-dàng đơn sơ như ý của Đạo Huynh hiểu đâu! Phải cả hoàn cầu, chớ chẳng phải một bụm tay Tín-đồ mà tạo dựng phẩm-vị ấy. Bản Đạo thấy Đạo Huynh và vị Ngọc Trang Thanh biết mình là bậc Quyền Đẩu-Sư thì chưa có quyền ra tranh cử, nên yêu cầu Đảng phái xúm riêng nhau tại Bến-Tre 24 Décembre 1935 rồi tôn lên Đạo Huynh và vị Ngọc Trang Thanh lên Chức Đẩu-Sư và Chương pháp đảng có quyền ra tranh cử. Cái sở hành ấy chỉ có làm cho chúng sanh thấy rõ cái hám tâm của Nhị vị rõ hơn.

Rồi đây sẽ có một cuộc chọn cử một vị để cầm giềng mối trong Đảng phái. Thế thì Đạo Huynh chẳng cần cho Bản Đạo hay để làm gì!

3- Hiệp về Toà-Thánh Tây Ninh để làm việc:

Ngày Đạo Huynh và Ngọc Trang Thanh đã phản loạn Chơn truyền, toan phương đánh đổ quyền-hành của Đức Quyền Giáo-Tông thì Bản đạo cũng nhiều phen can gián. **Chính sợ có một điều là Đạo bị phân phe chia phái, mà hệ phân phe chia phái thì tức phải có điều xung đột cùng nhau.**

Than Ôi! Cái khôn ngoan sáng tính ấy không dặng kết quả cũng vì Ngọc Trang Thanh cầm cán để toan phá hoại Chánh giáo của Đức Chí-Tôn, đương nhiên trước mặt chúng ta để định, hẳn thế nào cũng phải do một trường nào-nhiệt.

Đạo Huynh là người có cầm quyền Chánh-trị trong trường đời cũng biết cái khó-khăn của phương giải quyết. Nói cho cùng lẽ: Nếu Đạo huynh để hết ý đem mình ngồi nơi địa vị của Bản Đạo thì sẽ thấy chẳng có chi hay hơn là ngồi đợi cho đôi đảng cố tâm hoà thuận rồi sẽ liệu phương hợp tác cùng nhau. Còn trái lại muốn để cho đôi đảng đối diện đương cơn phấn đấu tương hành, ấy là vô tình gây nên một trường rối loạn phi lý.

Vậy thì sự của Đạo huynh tính về Toà-Thánh, nếu thoản như có một trận xung đột mà ra, hay lẽ nào thì tự nơi Đạo huynh quyết định điều ấy trước rồi.

Đạo Huynh còn viết trong thơ rằng: Xin Ngài nhớ Toà-Thánh là của Đạo, là của Vạn linh, là của chung. Cũng vì nhớ Toà-Thánh là của Đạo, nên Bản-Đạo nhứt định ở Toà-Thánh mà gìn-giữ của ấy cho Đạo.

Song le, Bản-Đạo giữ của ấy là giữ cho người biết tòng luật Đạo, chớ không phải giữ giùm cho những kẻ mưu toan phá Đạo. Trước kia có ai buộc kẻ ấy phải hứa chắc, phải Hồng thệ rằng: Sẽ trọn tuân luật-lệ Cao-Đài.

Trách-nhiệm của Bản-Đạo là cầm Cân Công-Bình buộc kẻ ấy phải giữ y theo lời tự nguyện mà thôi. Bản Đạo cho biết có Luật Đạo chứ không hề biết đến cá-nhân. Tình đồng Đạo là tình Đồng Đạo, còn Luật pháp là Luật pháp. Bản Đạo không vì đồng đạo mà quên Luật pháp được, huống chi người đã ra công khó khai phá Toà-Thánh là Bản-Đạo đây mà Bản Đạo chưa hề kể đến công. Còn người lo vay mà mua đất cho Đạo là Quyền Đẩu-Sư Thái Thơ Thanh mà Người cũng chưa hề nhắc đến của. Còn Đạo Huynh chỉ là Người của Đạo tạm mượn cái tên đăng đứng Bộ đất giùm cho Đạo đăng đối phó cùng Đời mà thôi. Còn lại ra Châu-tri cho hay rằng: Đạo huynh vẫn làm chủ đất, thì bên nào là người sang đoạt của Đạo? Là của Vạn linh, là của chung?

4- Một ít phần Đạo-Hữu tùy Ngài không đủ cho Ngài choán hết một mình:

Bản Đạo chỉ nói rằng; Chỉ biết mặt Luật pháp chứ không hề biết đến cá-nhân, cũng chưa lúc nào để ý đến cá nhân, cũng chưa lúc nào để ý đến ít hay nhiều. Song le Bản Đạo thấy cái sai lầm lớn của Đạo Huynh là tưởng rằng một phần ít Đạo, thì Bản Đạo nếu phải nói thiệt thì chưa có bằng cứ chắc chắn nào để giải quyết được.

Bản Đạo chẳng phải tránh một cuộc đối diện để phân biệt ít nhiều, trái lại chỉ có một điều là sợ Đạo huynh sẽ không đủ sức kềm chế cái hung tâm của nhiều người trong đảng phái là sợ cho sự thật sẽ làm cho Đạo Huynh và Đảng phái thất vọng rồi phải xa Thấy bỏ Đạo mà thôi.

Ngôi Giáo-Tông thế nào cũng có Chánh vị, ngày công cử vị ấy chẳng xa đâu! Bản Đạo khuyên Đạo Huynh và Đảng phái đừng bất cập để tránh một sự tranh đấu của Đạo Huynh và Đảng phái muốn và sẽ lập ra cũng không

quyết thắng được.

Kết luận: Bản Đạo cũng để hết ý để đọc thơ của Đạo Huynh, thăm hiểu rằng: giờ này Đạo Huynh vẫn tưởng cho Bản-Đạo rất háms vọng cái quyền-hành của Giáo-Tông nên cố tâm giành-giật.

Đạo Huynh quên rằng: Bản Đạo đã là Người cầm quyền mà ban cho kẻ khác thì chẳng lẽ còn để lòng tham, ganh hiềm ghét ngố, có lẽ Đạo Huynh còn nhớ ngày 12 tháng 3-1932 là ngày thiết lễ rất long trọng tại Toà Thánh đăng Bản Đạo giao quyền Giáo-Tông cho Đức Thượng Đẩu-Sư Thượng Trung Nhứt, ban quyền-hành Quyền Đẩu-Sư cho Đạo-huynh và Ngọc Trang Thanh, Thái Thơ Thanh và ban quyền-hành Chánh Phối Sư cho ba vị khác thì ngày ấy chính mình Bản Đạo đến ban quyền cho từng vị, chỉ trách-nhiệm cho từng người thì mỗi vị đều có trả lời với Bản Đạo “Tôi đã thấu đáo Chơn truyền của Đại-Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ và từ đây xin giữ y luật Đạo đăng làm tròn phận sự”.

Cũng vì lẽ trên mà khi trước Bản Đạo mới thâu Quyền Chánh-Phối-Sư cho Hiệp-Thiên-Đài cầm.

Ngày nay cũng vậy, thoảng như Bản-Đạo thâu quyền lại đăng để hết dạ nhắc nhiệm phong thưởng dè-dặt là cố ý chọn Hiền tài đăng đem vào Thánh-Thể của Thấy đó thôi. Bản-Đạo chẳng vì tình riêng của ai, cũng chẳng coi ai đáng giá hơn mà xu-phụ, cho nên vẫn lấy công bình mà ban thưởng quyền hành, chứ chẳng hề áp bức ai bao giờ!!

Nay kính.

Ký tên: Phạm Công-Tác

B- TỜ VIBẰNG BUỔI HỌP ĐẠI HỘI VẠN LINH
(36 trang đánh máy)

(Đây là Vi bằng buổi họp “Đại Hội Vạn linh năm Quý Dậu” (1933) của Nguyễn Phan Long qui tụ các Chi phái Hậu giang hiệp với số người phản Thầy phản Đạo kéo nhau về Tòa Thánh Tây Ninh trích điểm Đức Quyền Giáo-Tông Thượng Trung Nhựt và Đức Hộ-Pháp mục đích muốn chiếm Tòa Thánh, có hơn ngàn người. Trong buổi họp có làm Vi bằng dài 36 trang đánh máy, vì vậy nên đặt cho nhóm này “Tam thập Lục động quỷ về phá Tòa Thánh”. Ông Nguyễn Phan Long là nhà chánh trị đời bị Pháp mua chuộc xúi giục hại Đạo)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Đệ bát niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

VI BẰNG

Nhóm hội Vạn linh tại Tòa-Thánh ngày 19 -5 Quý-Dậu (Dl 11-6-1933)

Nhơn có Tờ của Chức sắc Thiên phong Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, Hội viên Thượng hội mời nhóm đặng Công đồng bàn luận việc lỗi Đức Quyền Giáo-Tông Thượng Trung Nhựt, sớm mơi ngày 11-6-1933, chư đạo hữu tề tựu đông đảo tại Tòa-Thánh Tây Ninh.

Đúng 10 giờ khai Hội, chư Chức sắc Thiên phong và Đạo hữu đến trước Bửu Điện, nhưng cửa đã khoá chắc rồi, có hai đạo hữu đang giữ. Ông Quyền Chương Quản Nguyễn Trung Hậu hỏi chìa khoá, hai người giữ cửa trả lời rằng ông Giáo-sư Ngọc Trọng Thanh được lệnh của Quyền Giáo-Tông dạy khoá cửa Bửu Điện và cấm không cho mở.

Khi ấy có thầy Cai tổng và hai Hương chức làng sở tại đến gìn-giữ trật tự. Ông Nguyễn Trung Hậu xin thầy chứng lời khai ấy và dạy hai người giữ cửa ký tên vô tờ khai để làm Vi bằng. Đoạn sai người đi mời ông Giáo sư Ngọc Trọng Thanh đem chìa khoá đến, ông không đến, chờ quá 20 phút đồng hồ cho chắc rằng ông Giáo-sư Ngọc Trọng không chịu đến, ông Nguyễn Trung Hậu bèn nói lớn lên cho chư vị đạo hữu đứng xung quanh biết rằng: Hôm nay anh em chúng ta về Tòa-Thánh đặng hiệp nhau bàn tính việc quan-hệ của Đạo, mà ông Quyền Giáo-Tông cấm mở cửa Bửu Điện, vậy tôi xin hỏi chư đạo hữu, Bửu Điện là của riêng ông Quyền Giáo-Tông hay là của chung của toàn Đạo?

Chư đạo hữu đứng tại đó trên năm trăm người, đồng rập một tiếng nói rằng: là của chung!

Ông Nguyễn Trung Hậu hỏi: Của chung mà ông Quyền Giáo-Tông ra lệnh khoá lại, vậy chúng ta tính làm sao? Chư đạo hữu đồng giơ tay lên rập một tiếng: Chúng ta phải mở cửa ra!

Các việc này có thầy cai tổng và làng sở tại chứng kiến. Liền đó có một vị đạo hữu trèo lên song-ly vào Bửu Điện, vạy song hồng mở cửa ra, rồi Chức sắc Thiên phong vào Bửu Điện và đạo hữu nam nữ đồng theo vào.

Khi hay cửa Bửu Điện đã mở rồi, thì chư đạo hữu ở xung quanh Tòa-Thánh trước kia vì bị lệnh của Quyền Giáo-Tông hăm dọa và ngăn cản mà không dám đến, bây giờ mới lần lượt kẻ trước người sau vào Bửu Điện, chia ra ba ban: phía bên nam phái chậ nước, còn bên nữ phái xem có hơi rải rác một chút.

Chức sắc của ba Hội có mặt: bốn vị Hội viên Thượng

hội: Quyền Chương Quản Nguyễn Trung Hậu, Lê Thiện Phước, Phạm Văn Tươi và Quyền Ngọc Đầu-Sư Lê Bá Trang.

Bốn vị Giáo-sư: Ngọc Kinh Thanh, Thượng Lai Thanh, Thượng Thành Thanh, Thái Minh Thanh, 16 vị

Giáo-hữu: Ngợi, Hiến, Lợi, Đối, Thêm, Thành, Bảy, Ngọc, Giáp, Dành, Đàng, Huỳnh, Tri, Bộ, Hoạ, Môn. Còn nhiều Thiên phong không mặc đạo phục phải đứng theo hàng vạn linh và nhiều vị Lễ sanh Đầu Họ Tỉnh, Đầu Họ Quận, các chủ Thánh Thất và chư phái viên Hội Nhơn sanh, hiệp kể chung với đạo hữu trên ngàn người

Báo giới Tây, Nam có quý ông:

1- Vabois (Courrier de Saigon)

2- Bonvicini (C.pinion)

3- Trạng sư Diệp Văn Kỳ, Nguyễn Thế Phương (Công Luận)

4- Nguyễn Phan Long (Đuốc Nhà Nam)

Khi lập ba ban xong rồi, chư đạo hữu làm lễ ra mắt Đức Chí-Tôn và chư Tiên Phật. Xong việc lễ rồi, ông Quyền Đầu-Sư Ngọc Trang Thanh mở lời trước như vậy:

Kính trình cùng chư vị đạo hữu nam nữ, ngày nay chư vị đạo hữu đặng Tờ mời trước không mấy ngày mà đành chịu hao tổn, cực nhọc đến đây đông đủ như vậy, chúng tôi xin để lời kính chào mừng và cảm ơn chư vị.

Đặng Tờ mời, kể đặng lệnh cấm nhạc, mà chư vị cũng đi đến, ấy là một việc của chư vị xử riêng bằng lương tâm, tôi không lẽ nói việc này là phải hay không, chỉ để cho chư vị đến rồi còn có ngày giờ xem xét thêm mà quyết đoán cho ra lẽ phải chăng; còn phần tôi, giờ này đứng ra đây tỏ đôi

điều cùng chư vị, vì phận đứng đầu số cáo và đầu Tờ mời, lại cũng có lãnh vai giải nghĩa sơ qua cho một phần chư vị chưa đọc được Châu tri và Vi bằng Thượng hội cho rõ cái mục đích của buổi hội nhóm hôm nay.

Số là Anh Cả chúng ta là ông Thượng Trung Nhứt sai phận sự Quyền Giáo-Tông, nên chúng tôi là bảy Chức sắc Hiệp-Thiên-Đài và Cửu Trùng Đài, có nhóm tại Bửu Điện ngăn ngừa sự sai ấy cho nền Đạo khỏi ngửa nghiêng thêm nữa:

Lần thứ nhất là ngày 19 tháng Chạp năm rồi (dl 15-01-1933) mời Đức Quyền Giáo-Tông đến bàn luận việc thiết yếu của Đạo, Ngài không đến, vì Ngài cho rằng mời thiếu lễ.

Lần thứ nhì ngày 22 tháng 3 năm nay (dl 16-4-1933) Ngài cũng cho rằng mời thiếu lễ không đến.

Vì chúng tôi được đủ số Hội viên thượng hội, nên có nhóm lại xem xét kỹ lưỡng, thiệt quả là Quyền Giáo-Tông có lỗi với Đạo; nên lập vi bằng gửi cho Ngài xem, xin mãn tám ngày trả lời cho chúng tôi biết việc chúng tôi cáo Ngài là phải hay quấy? – Trả lời không nói việc phải quấy, cứ nói rằng hội nhóm không đúng pháp luật, không đủ lễ nghĩa với Ngài.

Mời Ngài đôi ba phen không đến, gửi Tờ trả lời không cho biết rõ việc oan, ứng thế nào; nên nay phải mời thêm chư vị Hội-Thánh và Hội Nhơn sanh cho đủ ba Hội hiệp lại kêu là “Hội Vạn Linh” đến xem xét lại công việc chúng tôi làm có sai pháp luật chỗ nào, có bất công, bất chánh hay không? Xin hết lòng chỉ giáo, bằng xem xét không có chỗ nào làm sai phép thì nên hiệp cùng chúng tôi mà thi hành những điều quyết định trong Tờ Vi bằng Ngày 23- 3 Quý Dậu (dl 16-4-1933)

Xin chư vị nam nữ nghĩ lại coi, bởi ý muốn hoà mới đôi ba phen mời nhóm, cho anh em có đường phân giải thiệt hơn cùng nhau, mà Quyền Giáo-Tông không chịu đến, để đi làm những việc sai luật Đạo và luật Đời, xúi người này ngỗ nghịch kình chống với người kia, rồi không thi hành phận sự, có phải tại Ngài muốn loạn không? Vậy nay muốn thấu đáo việc chúng tôi đã làm ra đây có chánh đáng cùng không, tôi tưởng phải làm như vậy thìặng công bình. Cử một ban Ủy viên tạm thời đặng điều đình việc của chúng ta sẽ bàn luận, bất luận là Chức sắc hay đạo hữu cũng đều được phép cử vào Ủy ban ấy, vì lúc này cả thấy chúng ta là đồng một quyền Môn đệ của Đức Chí Tôn không còn phân lớn nhỏ nữa, ban Ủy viên có 4 người:

- 1- Một Nghị trưởng
- 2- Một Phó Nghị trưởng
- 3- Một Từ Hàn
- 4- Một Phó từ Hàn

Ban này thay mặt cho cả ba hội, kêu là “Hội Vạn linh” được quyền đối phó cùng quyền hành Chí-Tôn. Nên xin lựa chọn Đạo hữu nào đủ tư cách, biết đạo và biết đời, có đủ cơ là người biết lo cho Đạo, không phải phe phái nào hết.

Đó! Chúng tôi có mấy lời thưa cùng quý vị, xin để hết lòng vì Đạo, mình chánh việc này ra cho việc Đạo được rõ ràng cho nhưn sanh có chỗ dựa nhờ cho xứng đáng.”

Khi dứt lời thì ông Giáo sư Ngọc Kinh Thanh xướng lên cử ông Nguyễn Phan Long làm Nghị trưởng ban Ủy viên tạm thời, chư đạo hữu đứng gần truyền lẫn lời xin ấy ra cho cả thấy đạo hữu xung quanh nghe biết, thì toàn cả chư đạo hữu hiện diện đồng ưng thuận cử ông Nguyễn

Phan Long làm chức Nghị trưởng, vì là người đủ tư cách, thuở giờ không thuộc đảng phái nào, tài đức có lại lào thông cả việc đời và việc Đạo. Ông Nguyễn Phan Long không thể từ, phải vào lãnh ghế Nghị trưởng.

Ông Trương Duy Toàn được cử Phó Nghị trưởng, ông Giáo hữu Tuyết Tấn Thành làm Từ hàn, ông Chánh Trị sự Phạm văn Long làm Phó Từ hàn.

Ban Ủy viên cử xong, ông Nghị Trưởng đứng lên khai hội, Ngài nói:

Thưa chư đạo hữu, ngày nay tôi ra mắt Thấy, sau ra mắt chư đạo hữu lần thứ nhứt, nhưng đã lâu nay tôi vẫn ái mộ Đạo, vẫn sùng bái Thấy. Tôi sở dĩ lấy tư cách nhà viết báo mà lên đây, không dè chư đạo hữu quá yêu, nhứt tâm công cử tôi là Nghị trưởng Hội đồng tạm thời này, thiệt là một là điều vinh dự, song có hơi quá phận sự của tôi, nhưng chư đạo hữu đã đồng tâm chiếu cố, tôi đâu dám từ chối.

Thưa chư đạo hữu, nền đạo của Đức Chí-Tôn mấy năm trước thanh hành như lửa cháy, rồi sau lại phải chịu nhiều nỗi khó khăn, bên ngoài kẻ ganh người ghét, kiếm trăm phương ngàn kế để ngăn cản sự tiến hoá của Đạo; bên trong lại sanh lắm điều rắc rối, anh em một Đạo mà chia ra nhiều phe, nhiều phái không hoà thuận với nhau, tưởng có khi người cầm quyền mỗi Đạo không đủ tư cách và đặc nhưn tâm nên mới ra cơ đổi!

Xin chư đạo hữu biết rằng trong cửa Đạo ngày nay có gần một triệu Tín đồ và danh Đạo đã bay ra ngoại quốc: nước Đức, Ba lan, Ấn độ, Lithuanie... đã biết tên Đạo và họ kính trọng Đức Quyền Giáo-Tông mình lắm, tưởng không thua gì Đức Thánh Pha-Pha bên Thiên Chúa giáo.

Chúng ta phải có vị làm đầu cho xứng đáng mới chẳng hổ với người; vậy mà coi trong Đạo ngày nay có vẻ suy đồi, mới đây có báo đăng tin rằng trong đạo hữu có 47 người đã qua nhập Đạo Thiên Chúa giáo. Trong số này có một vị trước theo Đạo Minh sư, người này hứa sẽ đem thêm vài ngàn đạo hữu khác vào Đạo Thiên Chúa nữa. Ấy là chỗ nguy hiểm cho Đạo đó. Có nhiều đạo hữu tưởng rằng bởi Đức Quyền Giáo-Tông thiếu đức nên ngày nay đem Ngài ra vắn nạn ở buổi nhóm này. Xin chư đạo hữu nhớ câu “Hữu công tắc thưởng hữu tội tắc trừng”. Còn bốn phận của tôi thì phải giữ trật tự và để cho đôi bên tiên cáo và bị cáo biện bác lời lẽ của mình cho thông thả”

Ông Nghị trưởng dứt lời ban Ủy viên bắt đầu làm việc. Trước hết ông Nghị trưởng xin dùng lễ khiêm tốn viết thư mời Đức Quyền Giáo-Tông đến trả lời những điều Ngài đã bị cáo giữa Hội cho minh bạch.

Quyền Đầu-Sư Ngọc Trang Thanh nói: Lời yêu cầu của Nghị trưởng sợ e không được hiệu quả, vì chiều hôm qua tôi có viết thư cho Quyền Giáo-Tông hay và xin mời Ngài đến dự Hội, bây giờ đã quá giờ nhóm rồi mà không thấy hơi âm. Thế thì chắc Ngài chẳng khứng đến. Vậy xin truyền cùng Ban Ủy viên thân hành đến Giáo-Tông đường mời Ngài.

Cả thầy đạo hữu đều ứng thuận lời xin của Quyền Ngọc Đầu-Sư. Ban Ủy viên liền thi hành việc ấy, vạn linh lại phái thêm ba vị Giáo Hữu ba phái đồng hành cùng Ban Ủy viên. Khi đến Giáo-Tông-Đường, thấy cửa ngõ đóng, ông Nghị trưởng xin vô, người giữ cửa mời vào nhà gát, ban Ủy viên vào nhà gát rồi, thì ông Nghị Trưởng viết thư xin ra mắt Quyền Giáo-Tông.

Thư như vậy “Thưa ngài, nhơn sanh cử ban Ủy viên có tôi là Nguyễn Phan Long và mấy ông nữa đăng chứng kiến việc biện bác về Tờ tố cáo trong Đạo cách mấy bữa rày. Tuân theo ý muốn của nhơn sanh và giữ phép khiêm tốn, ban Ủy viên xin ý kiến Ngài, đăng mời Ngài ra mắt Hội đồng. Vậy Ngài định lẽ nào xin Ngài cho ban Ủy viên biết ..?”

Nay kính Ký tên: Nguyễn Phan Long

Thư đưa rồi chờ gần 20 phút, Quyền Giáo-Tông cho người mời vào Dinh, thì thấy ông Quyền Ngọc Chánh Phối Sư ra nói “Đức Quyền Giáo-Tông dạy tôi đến rước mấy ông” Ban Ủy viên theo vô phòng, ông Quyền Giáo-Tông chào mời và hỏi “Hôm nay là Hội gì mà mời tôi?”

Nghị trưởng đáp: – Hội Vạn linh.

Quyền Giáo-Tông nói: Tôi không thể đi được vì hội sai phép” Nói đoạn Ngài dở sổ ra đọc cái thư trong đó có hai bài chấp bút dạy về sự lập Hồng thệ. Đọc một hồi lâu rồi Đức Quyền Giáo-Tông hỏi: hai vị Chánh Phó Từ hàn, ban Ủy viên có biết ba vị Quyền Chương pháp lãnh trách nhiệm có đúng luật lệ không?

– **Phó Từ Hàn đáp:** Chúng tôi được Tờ mời về đăng nghe nói chuyện Anh Cả, khi đến hội được nhơn sanh tín nhiệm công cử vào ban Ủy viên, nay đi đến mời Anh Cả, còn phần luật lệ đúng hay không xin hỏi lại mấy vị đứng Tờ mời”

Nghị trưởng nói: Nhơn sanh đang chờ đợi xin mời Ngài đến dự Hội”.

Quyền Giáo-Tông nói: “Tôi không thể đi được, vì Hội không đúng pháp luật. Vả lại việc Đạo tôi lãnh phần đối đãi với Chánh phủ, sau tôi giao quyền cho ông

Thượng Tướng Thanh, còn mấy tháng sau đây thì về phần ông Giáo sư Latapie, cho nên chuyện xin phép tắc thì về ông Giáo-sư Latapie mà ông này không có xin phép thì Hội làm sao?”.

Quyển Ngọc Chánh Phối Sư Trần Duy Nghĩa, Quyển Thái Chánh Phối Sư Phạm Tấn Đãi, Quyển Thượng Chánh Phối Sư Thái văn Thâu. Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh.

Chức sắc ngoại giáo: Giáo sư Thượng Bảy Thanh, Thượng Chử Thanh, Hương Phụng; ngoài ra có hai ông Trạng sư Dương văn Giáo và Diệp văn Kỳ hai ông sau đây đã cáo từ.

Ban Ủy viên cho Hội hay rằng “Quyển Giáo-Tông nói Hội nhóm hôm nay sai phép, không đúng luật Đạo nên không đến, song Ngài có phái 9 vị Chức sắc có tên bên đây thay mặt đến dự nhóm:

Cách một hồi lâu Chức sắc thay mặt đi đến Bửu Điện, thấy có ông Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh mặc Thiên phục, còn kỳ dư mặc đồ thường. Ban Ủy viên liền mời vào, rồi ông Nghị trưởng giới thiệu cho Nghị viên biết. Kế đó, ông Lê Thế Vĩnh trình hai Tờ thay mặt cho Giáo-Tông và Hộ-Pháp trong buổi nhóm này.

Nghị trưởng nói: “Tôi xin cho Hội đồng rõ biết ông Lê Thế Vĩnh có tờ thay mặt cho Giáo-Tông và Hộ-Pháp, vậy trong khi phái viên của Quyển Giáo-Tông đứng lên nói. Xin chư đạo hữu phải êm tịnh mà nghe lời bào chữa cho Quyển Giáo-Tông và xin chư vị đến nhóm hôm nay phải tuân ba điều kiện kể dưới đâyặng giữ phần trật tự trong buổi nhóm hội:

1-Mỗi người đứng nói không quá 15 phút.

2-Vấn đề nào nói rồi người sau không phép lập lại

3-Ban Ủy viên cho phép thì mới được nói, khi người nói thì chư đạo hữu phải lắng lắng mà nghe.

Kế trao lời cho ông Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh.

Ông Tiếp Thế nói: Tôi xin lỗi Hội đồng trước khi nói vì em có lỗi nên xin phép làm lễ Đức Chí-Tôn rồi sau sẽ nói”.

Làm lễ rồi ông Tiếp Thế nói tiếp: Xin lỗi ông Nghị trưởng em làm theo phận sự, Đạo theo Đạo, đời theo đời, em có hứa với Quyển Chương Pháp Lê Thiện Phước là Anh Cả của em ngày nay không ra đây. Em thất lời hứa có lỗi tình cốt nhục, em xin lạy anh để tạ lỗi”. Nói rồi lạy 1 lạy

Quyển Chương Pháp Lê Thiện Phước nói:

Đạo có quyền của Đạo, Em tôi có phận sự riêng tôi không nhận cái lạy. Tiếp Thế là em tôi ở đây không có quyền hành chánh, vì nhẹ tình nghe lời cảm dỗ ra gánh vác việc này là một điều sai phép, tôi không thể ngồi nghe em tôi tranh luận, vậy tôi xin kiếu ra hội.

Tiếp Thế nói: nay lãnh phần thay mặt cho Quyển Giáo-Tông và Hộ-Pháp rất khó cho tôi, vậy tôi xin lui.

Tiếp-Thế đi ra, Nghị trưởng nói: Xin hai ông Chương Pháp và Tiếp Thế hãy để tình cốt nhục riêng ra, đây là nơi công đồng về sự đạo lý, mỗi ông đều có phần trách nhiệm theo bốn phận, không vì cốt nhục mà trái phận sự được, vậy xin Tiếp Thế ở lại dự đại hội”

(ông Tiếp Thế đi ra luôn).

Quyển Ngọc Đầu-Sư: “Tôi xin nói việc này quyền

Giáo-Tông bị cáo cũng nhiều việc, có một hai việc khi hỏi đến tôi sẽ xin Ngài quì giữa Thiên bàn rồi sẽ nói; mà nay Ngài không đến lại phái người thay mặt, chúng tôi hỏi biết đâu mà trả lời, vì có việc chỉ một mình Ngài và tôi biết mà thôi. Còn tôi không hiểu cái số người thay mặt là bao nhiêu cho Quyền Giáo-Tông mà sao đây tôi thấy đông người, An nam có, Tây có, đàn ông, đàn bà có... Tuy nói vậy cho biết chớ nay xin cho mấy người bào chữa tôi cũng chịu hết.

“Luôn đây tôi xin Hiền hữu Thượng Bửu Thanh đem trả những tờ giấy về Thượng Hội tôi đã giao cất giùm mà hiền hữu nói lần lựa hoài, thoảng bị cáo hỏi bằng cớ, tôi lấy đâu mà trưng ra?”

Nghị trưởng nói: Xin ông Thượng Bửu Thanh đem hết giấy tờ bữa nhóm Thượng hội ra đây đặt xem xét lại mới biết bên nào phải, bên nào quấy”

Thượng Bửu Thanh nói: Xin nhường cho chị Hương Phụng đàn bà nói trước, rồi tôi sẽ trả lời sau”.

Bà Hương Phụng nói: Tôi đã được giấy mời nhóm hội rồi tiếp được Châu tri ngăn cấm không biết liệu thế nào, nhưng tôi cũng rán đến xem coi công việc ra sao, chớ tôi không phải người của Quyền Giáo-Tông phái đến, tôi sở dĩ đến đây dự thánh hầu sau sẽ tường thuật lại các việc xảy ra cho bốn Đạo Kiêm biên hay biết”

Quyền Ngọc Chánh Phối Sư Trần Duy Nghĩa:

Thưa mấy anh, mấy chị, tôi đến đây chẳng phải là người thay mặt cho Quyền Giáo-Tông, tôi dự đây là có phần riêng của tôi. Tôi hay được bữa nhóm hôm nay là nhờ thấy một tờ báo Quốc âm có đăng tin này. Chúng

tôi làm Châu tri số 2 là để cấm ngăn người dự hội, tôi cho rằng Hội nhóm sai phép. Hội hôm nay ra sao? Theo luật Đạo mà tôi hiểu về quyền mời Hội Nhơn sanh thì về phần Thượng Chánh Phối Sư, còn mời Chức sắc về phần tôi là Ngọc Chánh Phối Sư.

“Nay Quyền Đầu-Sư gửi giấy mời là sai, chính mình tôi sai người đóng cửa Bửu Điện không cho nhóm hội, tôi không thiên vị bên nào, tôi lấy làm lạ sao Quyền Ngọc Đầu-Sư nói việc riêng của Quyền Giáo-Tông mà lại mời nhóm đại hội như vậy?”

Quyền Ngọc Đầu-Sư: Hiền hữu nói hội sai phép vì chiếu Đạo Nghị Định thứ Tư của Đức Lý Giáo-Tông thì Thượng Chánh Phối Sư mời hội nhơn sanh, còn Hội Thánh về phần hiền hữu là tạm Ngọc Chánh Phối Sư mời, xin hiền hữu coi lại Châu tri năm rồi và năm nay cho biết ai mời Hội-Thánh có phải là Ngọc Chánh Phối Sư thiết thọ, Quyền Đầu-Sư không? Còn Hội nhơn sanh thì Thượng Chánh Phối Sư quyền Đầu-Sư mời, mà nay Quyền Thượng Đầu-Sư vì bệnh mà vắng mặt, thì tưởng tôi thế cũng được.”

“Lại cho Hiền hữu và chư đạo hữu biết luôn rằng tôi đã đặt lệnh riêng của Đức Lý Giáo-Tông giao việc “nên hư của Đạo” cho tôi, nay nền Đạo chính nghiêng tới nổi này hiền hữu cũng rõ là tại đâu, vậy thì việc mời nhóm hôm nay hay là làm việc chi khác nữa cho Đạo khỏi hư thì tưởng tôi cũng đặt “phép làm”. Còn Hiền hữu nói là tôi nói việc riêng của Quyền Giáo-Tông? Xin hiền hữu đọc lại Vi bằng Thượng hội 12 khoản coi có khoản nào là việc ngoài đời hay là việc riêng của tôi và Quyền Giáo-Tông? Xin hiền hữu nhớ lại coi năm ngoái đây, ai đứng chung

tờ với hai vị Chức sắc Hiệp-Thiên-Đài cư ngụ tại Sài-gòn gọi cho chúng tôi hay biết rằng ông Thượng Trung Nhật hết xứng phận sự, cần phải xa nền Đạo, mà nay Hiền hữu là Chức sắc Hiệp-Thiên-Đài lại đi từng phục người hết xứng mà hành chánh?

Sau này xin hỏi Toà-Thánh là của riêng của Hiền hữu hay sao, mà hiền hữu được phép ra lệnh đóng cửa Bửu điện, cấm nhơn sanh và tôi hội nhóm?”

Quyển Ngọc Chánh Phối Sư Trần Duy Nghĩa: “Vì sao tôi ký tên cùng hai vị chức sắc Hiệp-Thiên-Đài?” – Vì tôi có lập thệ lấy dạ vô tư. Vì sao tôi lãnh chức Quyển Ngọc Chánh Phối Sư tại nơi Hội Thánh định? Vì sao ba Chánh Phối Sư lên Quyển Đầu-Sư, nên Chánh Phối Sư khuyết, có linh Hộ-Pháp...”

“Về việc tôi đứng tên trong thơ, còn một lẽ nữa buổi đó Chức sắc Hiệp-Thiên-Đài đứng tờ cản ngăn Quyển Giáo-Tông, đồng nhìn nhận không xứng đáng, tới ngày nay tôi cũng còn nhìn nhận Quyển Giáo-Tông là không xứng đáng”.

Nghị trưởng: “Tôi xin chư đạo hữu hãy nghe và nhớ lời ông Quyển Ngọc Chánh Phối Sư Trần Duy Nghĩa mới vừa nói đó. Ông cũng nhìn nhận rằng Quyển Giáo-Tông không xứng đáng.”

Quyển Ngọc Chánh Phối Sư nói: Tôi không binh bên nào bỏ bên nào, hội nhóm hôm nay không đúng pháp luật, tôi xin kiếu, chiều tôi không dự hội, nếu hội đúng pháp Đạo thì tôi cũng chung hợp với mấy ông đứng ra tổ chức thì Quyển Giáo-Tông không chạy đâu khỏi luật Đạo; và ngày hôm nay Ngài cũng không được thông thả trốn tránh như vậy.

Thượng Chử Thanh nói: “Ông Quyển Ngọc Đầu Sư hội không đúng pháp, lại công chúng đến đây không phải bấy nhiêu đây mà đủ số nhóm hội”.

Nghị trưởng nói: “Tôi cho ông Thượng Chử Thanh biết rằng: Chư đạo hữu các nơi về nhóm hội ngày nay được bao nhiêu đây tưởng cũng là đông đủ lắm rồi, ông dư biết rằng Quyển Giáo-Tông, Hộ-Pháp và ba vị Quyển Chánh Phối Sư với phe phái binh vực cho Ngài, dùng hết phương thế ngăn cản cuộc nhóm họp hôm nay. Nào là Châu tri số 02 hăm dọa giáng cấp, hoặc trục xuất những người về Toà Thánh, nào là bố cáo dán khắp nơi cũng đồng là mục đích, lại còn truyền ra như ai lơ về, phải về Hạnh đường và phòng Nội chánh ký tên xin lỗi.

“Cho đến nỗi nhiều người đem bố cáo rải khắp ngõ đường chặn ngõ không cho bốn đạo về Toà-Thánh. Bao nhiêu phương thế đó cản ngăn mà đạo hữu về nhóm trên ngàn người, tưởng là số không phải ít đâu?”

(Tới đây đã 11 trưa sợ chư đạo hữu vừa mệt vừa đói, nên ông Nghị trưởng xin tạm ngưng. Buổi chiều tái nhóm lúc 2 giờ 30 phút)

NHÓM HỘI BUỔI CHIỀU LÚC 3 GIỜ

Gần 3 giờ chiều hội nghị khai trở lại, số đạo hữu nam nữ vừa hội kém bớt vài trăm, mãi đến 3 giờ chư phái viên của Quyển Giáo-Tông lần lượt vào Bửu Điện, thấy những ông:

- Quyển Ngọc Chánh Phối Sư Trần Duy Nghĩa.
- Quyển Thái Chánh Phối Sư Phạm Tấn Đái
- Quyển Thượng Chánh Phối Sư Thái văn Thâu
- Giáo sư Latapie.

– Phái ngoại giáo có Giáo sư Bảy, Giáo sư Chũ, lại cũng có hai ông Trọng sư Diệp văn Kỳ, Dương văn Giáo.

Mấy ông phái viên an vị rồi, ông Diệp văn Kỳ trình cho ông Nghị trưởng một giấy của Hộ-Pháp gửi, ông Nghị trưởng liền đọc cho toàn hội nghe. Trong giấy ông Hộ-Pháp phái ông Diệp văn Kỳ thay mặt cho ông để biện luận trong buổi nhóm này. Câu chót có mấy lời như vậy:

“Tôi sở dĩ cậy ông Diệp văn Kỳ thay mặt, là vì trong buổi nhóm này, chẳng những trong Hội viên mà ngay trong ban Ủy viên cũng có người ngoại Đạo dự vào” Đọc xong ông Nghị trưởng liền nói. “Buổi nhóm này để vấn nạn ông Quyền Giáo-Tông, chứ không phải vấn nạn ông Hộ-Pháp, thì chỉ có Quyền Giáo-Tông phái người thay mặt cho Ngài mà thôi, vả lại hội nhóm này để bàn tính việc Đạo, mà ông Diệp văn Kỳ không phải là người trong Đạo, chỉ được dự thính mà thôi đâu có quyền tranh luận “Còn câu chót chắc ông Hộ-Pháp muốn nói xéo tôi, ông Hộ-Pháp tưởng như thế là lắm, tôi đã vào Đạo ba năm nay được ban chức Giáo Sư, song ít khi đến đăng Toà-Thánh nên nhiều vị trong Đạo chưa rõ”.

Lê-Kim-Ty: “Lời ông Nghị trưởng nói rất đúng sự thật, Ngài là chủ nhiệm hai tờ báo: Tribune Indochinois và Đuốc nhà Nam, thiết tưởng ai cũng biết; mấy năm nay hai tờ báo thường đứng ra bên vực Đạo rất sốt sắng, nong nân lại ông Nghị trưởng Nguyễn Phan Long chẳng những đã nhập môn rồi mà trong Ngũ chi: Minh Lý, Minh Tân, Minh Thiện, đều nhìn nhận Ngài có chữn trong mấy chi hết”.

Ông Diệp văn Kỳ nói: “Việc thay mặt được cùng không tưởng không quan hệ, tôi chỉ xin cho hội biết rằng

tôi đến đây không có ý binh ai bỏ ai hay xu phụ theo phe đảng nào; Ông Hộ-Pháp cậy tôi thay mặt là cốt ý giải bày một ít luật Đạo cho hội biết mà thôi. Chứ như nói: ông Hộ-Pháp là người không dính dấp tới hội này, tôi e rằng không đúng. Hội đã công khai giữa Bửu Điện, thì bất cứ một Tín đồ nhỏ nhen nào cũng được quyền tranh biện hết, phương chi Hộ-Pháp là người gìn giữ pháp luật Đạo trên hết chức sắc. Còn nói Quyền Giáo-Tông sai người đến thay mặt, tức là nhìn nhận buổi nhóm này đúng luật lệ, lại là một cách buộc Ngài chạy chung quanh cái vòng tròn không có đường ra. Không đến mấy ông trách; sai người thay mặt, mấy ông lại bảo nhìn nhận buổi nhóm này”.

Quyền Chương Pháp Nguyễn Trung Hậu: “Thưa chư đạo hữu ông Diệp vừa mới nói rằng ông được Đức Hộ-Pháp uỷ quyền biện giải luật Đạo giữa hội, vì Hộ-Pháp chương quản về phần luật. Phải, Hộ-Pháp Chương quản Đạo luật không luật nào khỏi tay Ngài được; nhưng Ngài uỷ quyền cho ông Diệp lại là một điều trái luật đó. Vả chẳng dưới quyền Hộ-Pháp chỉ có Thượng-Sanh, Bảo Pháp, Bảo Đạo, Bảo Thế, Hiến Pháp, Hiến Đạo, Hiến Thế. đành rằng nếu ba vị: Bảo Pháp, Bảo Thế và Hiến Đạo đứng về tiên cáo, thì còn lại mấy vị Hiệp-Thiên-Đài khác lẽ thì Hộ-Pháp uỷ quyền cho một ông trong mấy vị ấy mới phải, chứ giao quyền thay mặt cho ông Diệp là người ngoại Đạo, là nghĩa lý gì? Tôi cực lực phản kháng việc này.

Giáo sư Thượng Chũ Thanh nói: Tôi xin trả lời cho ông Hậu: ông Hộ-Pháp đã có phái ông Tiếp-Thế thay cho Ngài, song vì tình anh em không thể nhóm được, nên ông Tiếp-Thế phải về. Tôi xin hỏi bên Hiệp Thiên Đài: hội ngày nay đủ số nhơn sanh chưa? Mấy ông nhóm không

đúng luật Đạo, mà dám mời đạo hữu về hết?”

Quyền Chưởng Pháp Nguyễn Trung Hậu: Đạo là Đạo, anh em là anh em. Ông Tiếp-Thế vì tình cốt nhục không chịu tranh biện với anh nên bỏ ra về, ấy là tự ý ông Tiếp Thế, nào có ai buộc ông bỏ hội mà ra đâu? Ông Thượng Chử Thanh trả lời với tôi mà ông còn nói với thêm những là hội nhóm không đúng luật Đạo, là những câu không ăn chịu với câu nói trên của tôi, tôi cho là nói lạc đề. Nếu ông muốn tranh luận cùng tôi cho rõ hội nhóm đúng luật Đạo hay không, xin ông chịu phiền hỏi riêng câu khác, tôi sẽ trả lời cho”

Nghị trưởng: Ngày giờ ít tôi xin chư đạo hữu, ông Diệp văn Kỳ có quyền dự hội hay không?

Giáo sư Ngọc Kinh Thanh đáp: “chẳng đủ luật chẳng đăng phép dự”.

Quyền Chưởng Pháp Nguyễn Trung Hậu: “Tôi là Bảo-pháp bên Hiệp-Thiên-Đài, nay quyền Chưởng quản bảo giữ luật lệ của đạo, tôi không công nhận ông Diệp văn Kỳ được quyền dự hội hôm nay”.

Ông Diệp văn Kỳ: “Vậy xin mấy ông nán đợi tôi về trả lời với ông Hộ-Pháp coi Ngài còn phái ai đi thế quyền Ngài nữa hay chẳng?”

Quyền Ngọc Đầu-Sư: “Tôi xin nói thêm ít lời cho ông Giáo-sư Thượng Chử Thanh hiểu: hiền hữu thường nói việc hội hôm nay không đúng luật, không đúng phép, không đủ số người hội viên, đủ số thêm cho đông, cho nhiều, càng thêm nhục nhã cho Quyền Giáo-Tông không xứng đáng phận sự”

Giáo Sư Thượng Chử Thanh nói: “Tôi ước ao từ

Giáo-Tông sắp xuống đều phải tuân luật Đạo, rán làm sao cho đúng luật thì rất may cho Đạo lắm đó, chớ kẻ nhỏ mà bất tuân lớn là không thông hiểu Đạo”

Lê-kim-Ty: “Ngày hôm nay chư đạo hữu tựu về đây đông đảo, mà mấy ông cứ nói chuyện ngoại hoài, rốt cuộc vô ích, vậy tôi xin cứ đem vấn đề trong Tờ Vi bằng ra mà bàn tính.

Nghị trưởng: Xin nhắc lại cho chư đạo hữu nhớ trong các hội nhóm, phạm muốn bàn cải một vấn đề nào thì phải viện lý lẽ cho đủ và nhất là chẳng nên nói chuyện riêng, đừng có châm chích mà nói đông dài làm mất ngày giờ, xin các ông không nên đem việc cá nhân ra mà nói.

Ông Bác-Vật Phan Lương Báu ở Ô-Môn: “Ngày nay hơn ngàn đạo hữu đường xa về dự nhóm hội, rồi lại mấy ông nói không đúng phép, thế thì đạo hữu phải trở về hay sao? Tôi ví dụ như muốn ăn trái cam mà cứ liếm ngoài vỏ thì bao giờ mới nếm được chất ngọt của nó. Vậy xin cứ đem các vấn đề trong Vi bằng ra biện luận, chớ để cãi cộ dây dưa ra biết mấy ngày cho rồi?”

Nghị trưởng: Tôi xin nói lời chốt, hãy lấy dạ vô tư, tránh sự biện luận lạc đề, buổi nhóm hội nay nói chuyện ông Quyền Giáo-Tông mà thôi, chứ đừng luận bàn việc ngoài nữa. Vậy nãy giờ tranh luận việc ngoài cũng đã lâu rồi, tôi xin đọc mấy khoản trong Vi bằng.

(Chưa kịp đọc thì ông Tiếp Thế và ông Diệp văn Kỳ trở vào Bửu Điện).

Ông Tiếp-Thế trình thơ: **ông Nghị trưởng xem rồi nói rằng:** “Buổi nhóm hội sớm mai, ông Tiếp-Thế đã từ hội về, thì hai cái giấy của Quyền Giáo-Tông và Hộ-Pháp

uỷ quyền cho ông Tiếp-Thế kể như đã huỷ bỏ rồi; chiều nay ông trở lại chỉ cầm thơ riêng của Hộ-Pháp gởi cho ông, chẳng phải giấy của Quyền Giáo-Tông phải đến thay mặt. Vậy phiền ông nên về xin Quyền Giáo-Tông ký tên vào bức thơ này đặt chứng rõ còn giao quyền cho ông rằng chiều hôm nay nữa”.

Đến đây ông **Giáo Sư Thượng Bửu Thanh** đứng dậy lên tay nói lớn: “Xin lỗi ông, thuở nay tôi vẫn kính trọng ông là hữu tâm với Đạo, nhưng cử chỉ ông ngày nay bất minh, ông lấy quyền nào chủ tọa hội này? Còn hội này là hội gì? Lại ông vào Đạo hồi nào không ai hay biết?”

Nghị trưởng: À! Ông biết tôi là người hữu tâm với Đạo, chẳng những vậy thôi, mà tôi hết lòng chiêm ngưỡng đạo Đức Chí-Tôn nữa, tuy việc đời ràng buộc tôi ít lên đây, chớ tôi thường hầu đàn nơi khác. Tôi thọ chức Giáo Sư có thánh ngôn, có văn bằng, ông không biết thì thôi, tôi biết làm sao được? Từ khi mở hội đến giờ, thái độ của tôi vẫn công bình, chánh trực, ông thấy chỗ nào tôi thiên vị đâu mà dám gọi là bất minh? Chỗ này không phải chỗ lớn tiếng, ông còn làm rầy, tôi xin mời ông ra khỏi hội”

Giáo sư Thượng Bửu Thanh nói thêm rằng: “Nhà thờ này lập ra nay thành ra trường diễn thuyết, chớ không phải chỗ thờ phượng, nói rồi ông ngó ngay Quyền Ngọc Đầu-Sư mà nói lớn rằng: Hiền huynh Ngọc Trang Thanh, tôi cùng hiền huynh sẽ đối diện ngày về cùng Thầy, Hiền huynh thọ Thiên điều đừng trách.

Ông Thượng Bửu Thanh liền đi ra Bửu Điện thì ông **Chưởng Pháp Nguyễn Trung Hậu** kêu lại, xin ông trả giấy tờ bữa nhóm Thượng hội.

Ông Giáo sư Bửu nói: Trả lại cho ai? Nói rồi quay

đi liền. Cũng liền đó có một vị đạo hữu đứng lên la-lối om sòm, nói không ăn thua vào đâu hết, nghe ra như nhà thuyết pháp vậy. Bên nữ phái lại có một vị nữ Giáo-Sư than khóc inh-ỏi (Và lúc ấy nhà chuyên trách giữ trật tự chưa đến kịp) nên phe phản đối thừa dịp khuấy rối cho mất điều êm tịnh.

Nghị trưởng: “Ông Tiếp Thế, buổi mới tôi có mời mà ông không ở lại, còn cái thơ ông đem lại buổi chiều nay là của Hộ-Pháp gởi cho ông, thì ông không đủ quyền nhóm hội”

Quyền Chưởng Pháp Nguyễn Trung Hậu: “Nếu thơ này là thơ riêng của Hộ-Pháp gởi cho Tiếp Thế, thì ông tiếp để dành mà coi”

Ông Tiếp Thế: Sớm mai được hai cái thơ cho thay mặt, Em tưởng là Em đủ quyền trọn buổi hội”

Nghị trưởng: “Nếu buổi mới ông đừng giận bỏ ra thì ông được trọn quyền dự hội, trái lại ông đã bỏ hội mà đi ra rồi giờ đây trở lại, sợ e Quyền Giáo-Tông đã đổi ý, không khứng giao quyền cho ông nữa, xin ông về xin giấy thay mặt khác.”

Quyền Chưởng Pháp Nguyễn Trung Hậu: “Chỗ này chẳng phải chỗ chơi, ai muốn đến, ai muốn về chừng nào cũng được”

Ông Tiếp Thế: “Thôi tôi lui”

Ông Nghị Trưởng khởi đọc **Tờ Vi bằng Thượng Hội, khoản cáo thứ nhứt**

KHOẢN THỨ NHỨT:

“Về Đạo Nghị định đề ngày 05-01-1933 của Quyền Giáo-Tông lập ra mà trực xuất tín đồ Nguyễn văn Lịch

(kêu là Biện Lịch) có Hộ-Pháp đồng ý chỉ”.

Quyền Ngọc Đầu-Sư tỏ rằng: đây nói về phần luật pháp, không phải nói phần phạm nhân, hễ tín đồ phạm luật Đạo thì chiếu theo Tân luật (chương thứ bảy, điều thứ 27) có Hội Công đồng phán đoán. Hội này được quyền trực xuất; chứ Quyền Giáo-Tông không nên lạm quyền đặc biệt của Hội Công đồng, Quyền Giáo-Tông trực xuất Biện Lịch như vậy là lạm quyền. Vả lại Quyền Giáo-Tông lo phần thiêng liêng, còn phần sửa trị thì có Chức sắc giao thông với Tín đồ. (Theo ý Ngài Giáo-Tông thường hay ân xá hay giảm tội, chứ không lẽ tăng hoặc vì việc riêng mà trực xuất một đạo hữu nào có việc tư riêng với mình lại Hộ-Pháp tỏ với Ngài rằng: tưởng là đuổi phạm nhân ra khỏi Toà Thánh chứ không dè là trực xuất nên mới ký tên).

Chư hội viên đều ngạc nhiên cho vị tối cao bên Hiệp-Thiên-Đài là Hộ-Pháp mà trước khi ký tên một tờ giấy chi chẳng chịu đọc cho hiểu tờ giấy ấy.

Đến đây Quyền Chưởng Pháp Lê Thiện Phước tỏ rằng: vậy thì Hộ-Pháp cũng nhìn nhận rằng Quyền Giáo-Tông không có quyền trực xuất một Tín đồ.

Quyền Chưởng Pháp Nguyễn Trung Hậu tỏ rằng: có những tờ kêu nài về khoản ấy với Hộ-Pháp từ lâu rồi, nhưng ngày nay chưa thấy định đoạt ra sao.

“Lời quyết nghị của Thượng Hội sau khi chư Hội viên bàn tính, thì Thượng hội định huỷ bỏ Đạo Nghị định ngày 05-01-1933 nói trên đây, vì bất hợp pháp và giao tội nhơn ra hội Công đồng phán đoán theo Tân luật”.

Luôn dịp Quyền Chưởng Pháp Nguyễn Trung Hậu tỏ rằng: Nghe Hộ-Pháp giải rằng Toà Thánh và các Thánh

địa chung quanh là của riêng Quyền Giáo-Tông. Ngài lấy làm lạ, vì Toà Thánh và các Thánh địa là của chung, là giọt mồ hôi của nhơn sanh, không lý nào là của riêng của Quyền Giáo-Tông, vì chẳng phải Quyền Giáo-Tông lấy tiền bạc nhà mà sắm ra.

Chư hội viên đồng tỏ rằng: lời của Hộ-Pháp nói ra như vậy không được chánh lý, Toà Thánh là của cả nền Đạo, tức là của nhơn sanh, không ai được nói của riêng của mình. Vả lại Chí-Tôn đã dạy rằng Toà Thánh là nhà chung của cả bốn Đạo”

Đọc dứt khoản ấy Nghị trưởng hỏi chư hội viên rằng: “Ai có điều chi bào chữa hay phản đối ông Quyền Giáo-Tông chẳng?”

Chư đạo hữu lẳng lặng không ai nói chi hết.

KHOẢN THỨ NHÌ:

Quyền Ngọc Đầu-Sư đọc Đạo Nghị Định đề ngày 11-02-1933 của Quyền Giáo-Tông và Hộ-Pháp ký tên về việc thăng ba Chánh Phối-Sư lên địa vị Quyền Đầu-Sư, Ngài tỏ rằng khi Đức Lý Giáo-Tông và Hộ-Pháp đã lập sáu Đạo Nghị Định thì nghị định thứ hai này ngày 03-10 Canh Ngọ (dl 22-11-1930) đã thăng ba Chánh Phối-Sư lên Đầu-Sư rồi, sau lại có Đạo Nghị định ngày 30-11-1930 của Hộ-Pháp và Lý Giáo-Tông đã ban hành đặc biệt rồi, nên không cần phải lập thêm Đạo Nghị định ngày 11-01-1933 làm gì nữa.

Vả lại quyền phong Chức sắc là của Chí-Tôn với Tam Trấn, chứ dưới thế này không một ai được quyền thăng thưởng chức cho một người khác, vì vậy nên Ngài xin huỷ bỏ Đạo Nghị Định ở trên.

“Theo lời bàn của Chưởng Pháp Lê Thiện Phước và Nguyễn Trung Hậu thì Thượng hội không định huỷ Đạo Nghị định ấy, nhưng sửa chữ “Thăng” ra chữ “giao” mà thôi.

Về khoản này cũng không có ai ra nói chi hết.

– **Ông Nghị trưởng nói:** “vậy thì chữ đạo hữu đừng nhìn nhận hai khoản ấy đúng với sự thật”

Tới đây ông Nghị trưởng có hơi mệt, xin nhượng lại cho ông Quyền Ngọc Đầu-Sư đọc tiếp.

KHOẢN THỨ BA:

Ông Quyền Ngọc Đầu-Sư tỏ rằng từ 03-10 Canh Ngũ tuy Đức Lý Giáo-Tông đã lập Đạo Nghị định ban quyền cho mỗi vị Đại Thiên phong, nhưng Quyền Giáo-Tông Thượng Trung Nhật đã cả quyền hành Giáo-Tông và Đầu-Sư. Xin xem các Châu tri sau đây và thơ Quyền Giáo-Tông gởi cho ba chánh Phối Sư thì rõ.

Quyền Chưởng Pháp Lê Thiện Phước hỏi: Sao khi đó không phản kháng? – Thì Quyền Ngọc Đầu-Sư trả lời rằng thật khi ấy Ngài chưa rõ quyền hành Đầu-Sư tới đâu và hai vị Quyền Đầu-Sư kia cũng vậy. Ngài nhớ chắc rằng Hộ-Pháp có quyền hành của Ngọc chánh Phối Sư sắp xuống

Quyền Chưởng Pháp Lê Thiện Phước hỏi: Vậy có điều chi hại Đạo chăng?

Quyền Ngọc Đầu-Sư tỏ rằng: nay nói ra đây cho biết việc trên phạm quyền dưới, làm cho ba vị Đầu-Sư không rõ quyền hành của mình (xem vi bằng ngày 25-12-1932). Quyền Thượng Đầu-Sư cũng để lời than: Anh Cả nay nắm Quyền Giáo-Tông, mai nắm quyền Đầu-Sư,

nên ba vị cựu Chánh Phối Sư chỉ biết tuân theo lệnh trên hành sự mà thôi.

Quyền Ngọc Đầu-Sư tỏ rằng: Quyền Giáo-Tông lập Châu tri gởi cho chức sắc, đạo hữu, không tuân y Pháp Chánh Truyền, nắm một lượt hai quyền thì là lạm quyền đó lớn lẫn quyền nhỏ là phạm tội phải giải ra Toà Tam giáo. Cũng có nhiều khi Ngọc Đầu-Sư bàn tính với Quyền Giáo-Tông xin lãnh hành chánh Quyền Giáo-Tông thiết thọ đi, thì Ngài nói: “không dám, để ở địa vị Đầu-Sư!” Câu trả lời này nghe rất khiêm tốn mà ý trí sâu xa.

“Vì lớn phạm quyền nhỏ nên ba Đầu-Sư không được rõ quyền hành của mình. Vả lại Hộ-Pháp biết rõ việc lạm quyền này, nhưng không có chỉ giải để đến đời sau này mới tỏ ra. Thật tình Ngọc Đầu-Sư không rõ quyền hành ấy, nếu thuở giờ mà rõ biết, thì Quyền Giáo-Tông không có thể nào lạm quyền được.

Nghị trưởng tỏ rằng: “Quyền Giáo-Tông có ý làm như vậy dặng dụng lưỡng quyền, tùy theo hoàn cảnh thuận lợi cho mình”

Quyền Chưởng Pháp Nguyễn Trung Hậu tỏ rằng: “Hễ nắm nơi tay hai quyền chẳng phải trọn của mình, dặng lợi dụng là phạm luật đó”.

Quyền Ngọc Đầu-Sư tỏ thêm rằng: “Mới rồi đây giữa Hội thánh và trong Vi bằng của Hiệp Thiên Đài nhóm hôm 11-02-1933 Hộ-Pháp có nói rằng: ba Quyền Đầu-Sư nắm hai quyền trong tay, muốn làm sao tự ý, nên Ngài phải nói ra đây cho rõ rằng hồi giờ từ 1930 Chánh Phối Sư Quyền Đầu-Sư lo việc hành chánh theo trách nhiệm Chánh Phối Sư hết 9/10, một hai khi chỗ nào có cần dùng tới chức Đầu-Sư thì mới đem lên thế vị đó vậy;

thời Ngài tưởng cho Hộ-Pháp phải nói rằng: Quyền Giáo-Tông nắm một lượt hai quyền đó mới phải, vì không lẽ hai việc quyền như một (Quyền hành Đầu-Sư và Quyền Giáo-Tông) mà thấy cái này không thấy cái kia, nghĩa là thấy Đầu-Sư chuyên quyền mà không thấy Giáo-Tông chuyên quyền.

Sau khi hội viên bàn tính, thì thượng hội định rằng “Quyền Giáo-Tông Thượng Trung Nhứt biết mình đã được thăng quyền Giáo-Tông, khi thì dùng quyền Đầu-Sư, khi thì dùng Quyền Giáo-Tông, thì là lạm quyền đó!”

Chiếu theo Đạo Nghị Định thứ nhứt ngày 20-11-1930 của Đức Lý Giáo-Tông, thì phạm tội phải giải ra Tòa Tam giáo.

Dứt khoản thứ Ba, thì ông Nghị trưởng hỏi chư đạo hữu, có ai bào chữa cho Quyền Giáo-Tông không?

Khi ấy có đạo hữu Phò (Thơ ký mới của Quyền Giáo-Tông) đứng ra nói: “Sớm mai ông Tiếp Thế thay mặt cho Quyền Giáo-Tông, sao chiều nay ông Nghị Trưởng không cho?”

Nghị trưởng: Sớm mai ông Tiếp-Thế tự quyền cáo thối, hai tờ thay mặt kia được kể như đã huỷ rồi. Nay muốn trở lại Hội thì phải xin giấy ông Qu. Giáo-Tông uỷ quyền lại mới được. Tưởng chẳng thất công chi, chỉ viết vài chữ ký tên là đủ.”

Giáo Sư Thượng Chử Thanh: Tôi ước ao sao hội vui lòng nhóm lại một lần nữa cho đúng luật lệ, cho ông Qu. Giáo-Tông có ngày giờ đến dự.

Quyền Ngọc Đầu-Sư: Ông muốn vậy theo ý tôi cũng được.

Nghị trưởng: Như vậy thì đây đưa ngày giờ lắm, chúng tôi nhóm đây cốt công luận coi ông Quyền Giáo-Tông có lỗi không? Thiết tưởng nhóm như buổi hôm nay cũng đủ rồi. Mỗi lần mời nhóm thì hao phí mất ngày giờ cho nhơn sanh, song giữa đây muốn cho công bằng, tôi xin hỏi trong hội Vạn linh ai định nhóm một lần nữa? – Nhơn sanh rập nhau một tiếng: KHÔNG BẰNG LÒNG! (1 ngày)

Quyền Ngọc Đầu-Sư: Vì nghe một đạo hữu không rõ luật pháp Đạo, cho rằng làm việc này là bất công, bất chánh nên tôi xin nhắc lại việc đạo hữu Lịch và hỏi các đạo hữu, nhứt là Giáo-sư Thượng Chử Thanh, có biết quyền Giáo-Tông trực xuất ai không?

Thượng Chử Thanh: Xin ông nguyên Trung Hậu trả lời giùm.

Quyền Chương Pháp Nguyễn Trung Hậu: Hộ-Pháp đã nói là sai phép rồi.

Đoạn ông Quyền Ngọc Đầu-Sư liền đọc lại Vi bằng nhóm ngày 19-12 Quí-Dậu cho chư vị biết rằng Hộ-Pháp cũng nhìn nhận Quyền Giáo-Tông lập Nghị định mà trực xuất như vậy là sai phép, vì quyền trực xuất Tín đồ là của Hội Công Đồng.

Giáo-Sư Thượng Chử Thanh: xin hãy kể tội của đạo hữu Lịch ra cho công chúng rõ.

Nghị trưởng: Trong Vi bằng chẳng có nói đạo hữu Lịch có tội hay không có tội, mà chỉ nói việc Quyền Giáo-Tông trực xuất như vậy là lạm quyền.

Khi ấy có một Nữ Giáo-Sư hỏi lớn lên rằng: “Ông Nghị trưởng chủ tọa trước Bửu điện, sao không mặc

Thiên phục?

Nghị trưởng: Tôi vốn lấy tư cách nhà báo lên đây dự thánh, nên mặc Âu-phục, tình cờ lại được cả chư đạo hữu tín nhiệm cử lên ghế Nghị trưởng, vì vậy mà tôi không mặc Thiên phục.

Lê Kim Ty: Anh em chúng ta đã công nhận ông Nghị trưởng là người đủ tư cách chỉ huy cuộc tranh biện hôm nay. Vậy là đủ rồi, mặc thiên phục cùng là không mặc Thiên phục ấy là điều không quan hệ chi.

Nghị trưởng: Trình cùng chư hội viên, tôi mới được giấy của ông Diệp văn Kỳ, xin cho phép ông hỏi vài câu trong luật lệ Đạo. Chư hội đồng cho phép:

Ông Diệp văn Kỳ đứng lên nói: Thưa quý Ngài, trước khi xin hỏi vài câu, tôi xin tỏ trước cho quý ngài biết rằng: tôi là ngoại Đạo, song tôi thấy suốt trong bốn đạo dự nhóm đây, chọn cử ông bạn đồng nghiệp Nguyễn Phan Long lên làm Nghị trưởng buổi hội nghị này và cũng nhờ đó mà tôi được biết rằng ông bạn tôi đã vào đạo lâu rồi lại được Ông Trên ban thiên chức thì tôi lấy làm mừng cho Đạo. Cái thái độ ôn hoà đứng đắn của ông Nguyễn chẳng những làm cho rức rở buổi nhóm hội hôm nay, mà rồi đây, Đạo cũng nhờ đó bước lên con đường vẻ vang sáng sủa.

Tôi sở dĩ muốn hỏi vài điều là cốt cho thấu đáo pháp luật của Đạo, chớ chẳng phải lãnh thay mặt cùng bình vực ai. Theo như Tân Luật của Đạo mà tôi được thấy, chỉ có một khoản nói về Giáo-Tông như vậy:

“Chưởng Pháp phải can gián, sửa lỗi của Giáo-Tông, nếu cả ba thấy lẽ vô đạo của Giáo-Tông, có quyền đem đơn kiện cùng Tòa-Thánh”.

Luật này coi dường như không được phân minh cho lắm, một việc rất trọng hệ là việc đem Giáo-Tông ra xử mà luật lệ nói tóm tắt như vậy, thì tôi sợ chưa được hoàn toàn.

Còn Quyền Vạn linh là gì? Có phải là quyền gồm cả ba cơ quan yếu trọng: Thượng Hội, Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh chăng?

Ngày hội hôm nay có phải là ngày Hội Vạn Linh chăng?

Tôi xin nói rõ thế nào là Thượng Hội? Thế nào là Hội Thánh? Thế nào là Hội Nhơn sanh?

Theo lệ thì Thượng Hội gồm có quý vị chức sắc trọng yếu trong Đạo. Hội Thánh gồm cả Chức sắc trong Đạo kể Phối Sư sắp lên Giáo-Tông (Từ Giáo-Hữu đổ lên đó là Hội-Thánh).

Ấy vậy mà buổi nhóm hôm nay, Thượng Hội thời như tuồng sáu vị, song sáu vị đều là người đứng buộc tội Giáo-Tông, thì bữa nay là ngày xử, tôi e cái quyền hành-vi của sáu vị ấy phải ở trong phạm vi rất hẹp hòi, “vừa buộc tội, vừa xử cũng khó liệu”.

Còn Hội Thánh? - Hội-Thánh hôm nay có những ai hiện diện? Theo sổ chức sắc mặc Thiên phục tôi thấy đây, thì tôi tưởng e về phương diện Hội-Thánh cũng còn thiếu nhiều lắm. Vậy mà thôi, hai cái cơ quan ấy, thiếu đủ thế nào tôi xin nhượng quyền ấy lại cho quý Ngài phê phán. Ông Ngọc Đâu-Sư cho tôi biết Hội-Thánh và Hội Nhơn sanh nhóm mấy kỳ trước có quyết định sổ đạo hữu hiện diện là bao nhiêu không?

Quyền Đâu-Sư đáp: Không!

Quyền Chưởng pháp Nguyễn Trung Hậu: Nếu

mấy kỳ trước nhóm không buộc số quyết định ấy, thì bây giờ không thể bắt chẹt bắt lỏng về số bốn đạo hiện diện nhiều hay ít, vì đã có gương trước kia mà.

Ông Kỳ cười... đoạn cùng ông Phương kiếu hội ra về, khi ấy lối chừng 4 giờ 30

Quyển Đầu-Sư đọc khoản cáo thứ Tư KHOẢN THỨ TƯ:

Quyển Ngọc Đầu-Sư trình Châu tri số 01, ngày 7 tháng 3 Quý-Dậu (dl 1-4-1933) của Quyển Giáo-Tông và Hộ-Pháp lập ra, có bài bố cáo của ba Chánh Phối Sư tạm và tỏ rằng “Cách ít bữa rày (11-4-1933) Ngài có gặp Thượng Chánh Phối Sư nói rằng: Khi đến Giáo-Tông Đường, mới hay ra cái Châu Tri đó, còn chiều hôm kia (14-4-1933) Quyển Thái Chánh Phối Sư đến phòng thăm hỏi Ngài, thì có cho Ngài biết rằng không có ký tên Tờ bố cáo in vô trong Châu tri số 01, vì là chữ in có phải ký tên sao, mà nói là người kỳ, cái đó là Quyển Giáo-Tông và Hộ-Pháp nay nắm quyền Chí-Tôn mà làm ra Châu tri ấy, rồi tái bút, lập luôn Tờ bố cáo ấy”.

Lại lúc Ngài đi khỏi, tại Giáo-Tông-Đường có người sai đến nơi phòng Ngài mà lấy con dấu NOPS nhận vào Châu tri ấy. Khi về mới hay cử chỉ ngang ngược đó.

Quyển Chương Pháp Nguyễn Trung Hậu: Trong châu tri số 01 nói trên đây (trương 5) Quyển Giáo-Tông tuân y Thánh ngôn Đức Chí-Tôn ngày 23-12-1931, Ngài và Hộ-Pháp nhứt định dụng Quyển Chí-Tôn giúp cho ba Chánh Phối Sư đủ quyền thi hành chương trình hành Đạo định theo Châu tri ấy.

Nhưng mà theo Thánh ngôn ấy thì Chí-Tôn có dặn

như vậy:

“Vây từ đây hễ có mạng lệnh chi, đã đủ hai đứa nó, là Lý Giáo-Tông và Hộ-Pháp hạ truyền thì các con phải hội đủ nhơn sanh, Hội Thánh và Thượng Hội mà xem xét cho cặn kẻ phân minh đăng thi hành phận sự”.

Ấy vậy là chính mình Đức Lý Giáo-Tông hạ lệnh, cũng còn phải nhóm ba Đài nói trên đây mà xét, huống là Quyển Giáo-Tông Thượng Trung Nhứt hiện thời trách nhiệm Ngài chỉ do theo Vi bằng của Thượng Hội nhóm ngày 25-12-1932 nhằm ngày 28-11 Nhâm Thìn, trương số 9 mà thôi.

Trách nhiệm ấy như sau đây: “Phần Quyển Giáo-Tông chi chi cũng cầu hỏi Lý Giáo-Tông dạy bảo mà ban hành theo cho khỏi điều lầm lạc, sơ sót, vì hễ là người thì thân phàm xác thịt, nếu lấy ý riêng mà làm ra thì phải có điều trở ngại. Mỗi vị đương quyền lãnh một chức vụ đặc biệt, thì ba ngôi Chánh Phối Sư sẽ trông, vậy thì Quyển Giáo-Tông chọn lựa trong mấy vị Phối Sư đương quyền mà giao chức ấy. Thoảng như khiếm khuyết Phối Sư thì chọn lựa trong hàng Giáo-Sư, rồi đem trình cho ba Đài: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh và Thượng Hội công nhận theo phép. Việc này đình lại một tuần, đăng Quyển Giáo-Tông chọn lựa người. Tóm lại, thì Quyển Giáo-Tông và Hộ-Pháp lập Châu-tri số 01 và giao trách nhiệm Chánh Phối Sư cho ba vị Thời quân bên Hiệp-Thiên-Đài là trái với lời quyết nghị trên đây và không đem ra trình cho ba Đài thì là một sự trái thêm nữa.

Nghị trưởng: Làm Đạo như vậy là nuốn chuyên quyền độc tài.

Quyển Chương Pháp Lê Thiện Phước hỏi: Pháp

Chánh Truyền có giá trị hơn hay là Thánh ngôn chưa kiểm duyệt?

Quyển Chương Pháp Nguyễn Trung Hậu đáp lại rằng: “Chiếu theo chương trình về Cơ bút của Hiệp Thiên-Đài và Cửu-Trùng-Đài lập ra ngày 24-1-1932 mà Thượng Quyền Đầu-Sư đã ra Châu tri thi hành ngày 04-02-1932 số 42, thì bài Cơ giảng nơi nào mà không có ban kiểm duyệt xem xét thì Hội Thánh không phép nhìn nhận và đem ra thi hành.

Tờ Châu-tri số 01 ngày 01-3-1933 nguyên vì chiếu theo bài giảng Cơ ngày 12-2-1933 tại Kiêm-biên và chấp bút ngày 10-3-1933 mà lập ra, nhưng hai bài này không đủ thức lệ buộc Châu tri 42 trên đây, nên Thượng Hội không công nhận vì vậy mà huỷ bỏ Châu tri.

Quyển Ngọc Đầu-Sư chỉ về chương trình hành Đạo của ba Chánh Phối Sư trong Châu tri số 01, khoản phái Ngọc, điều thứ 3, về việc thăng chức cho Chức sắc, có câu “Sau khi đem ra ba Đài công nhận thì Giáo-Tông và Hộ-Pháp ra Đạo Nghị định phong chức. Ngài tỏ rằng hai vị Đại Thiên phong này không đủ phong chức cho ai hết. Khi ba Đài công nhận rồi phải cầu Chí-Tôn giảng Cơ thăng thưởng.

Quyển Chương Pháp Nguyễn Trung Hậu tỏ rằng: Hội Nhơn sanh và Hội Thánh mỗi năm nhóm có lệ, không lẽ mỗi việc mỗi mời nhóm cho mất ngày giờ và tốn kém cho hội viên.

Quyển Chương pháp Phạm văn Tươi nói rằng: Có hội Nhơn sanh thường xuyên, vậy như chưa tới kỳ nhóm thường lệ, mà có việc chi cần kíp, thì nhóm hội thường xuyên mà bàn tính. Vừa đọc dứt khoản tư, ông

Nghị trưởng hỏi trong Nghị viên có ai bào chữa cho Quyền Giáo-Tông không?

Không có ai nói chi hết. Đọc qua khoản 5

KHOẢN THỨ NĂM:

Quyển Ngọc Đầu-Sư đọc bài Thánh giáo của Chí Tôn ngày 14-2-1933 do Hộ-Pháp và Tiếp Đạo phò loan tại Kiêm biên, có câu “Khi Đại hội Ngọc Hư cung”..

Chiếu theo Thánh giáo ấy, thì trọn Cửu Trùng Đài từ Giáo-Tông đổ xuống tranh quyền phá hư về Đạo, thì phải bị tội hết, cả quyền hành Cửu Trùng Đài phải về Hiệp Thiên-Đài nắm trọn. Như có câu “Trả quyền hành chánh cho Hiệp Thiên Đài, thì phải hiểu như vậy: quyền hành chánh ấy trước vẫn là Hiệp-Thiên-Đài nên nay mới trả lại.

Nghị trưởng: Từ thử chưa có Thánh giáo nào nói về khoản đó, chỉ có trong Pháp Chánh Truyền nói rằng:

“Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài mỗi Đài đều có quyền đặc biệt: quyền Hiệp Thiên Đài là quyền Tư pháp, còn quyền Cửu Trùng Đài là quyền hành chánh”

Trả quyền hành chánh cho Hiệp Thiên Đài là một quyền vô lý.

Quyển Chương Pháp Nguyễn Trung Hậu hỏi Quyền Ngọc Đầu-Sư: Tại sao khi hành lễ đăng điện chịu làm theo? Không phản kháng? – Thì Ngài trả lời rằng: Lúc đó Quyền Giáo-Tông ra lệnh thi hành, Ngài có kêu nài, mà nhắm thế không được, nên phải tuân đỡ cho yên việc tại Bửu Điện, rồi sau sẽ nói. Vả lại lúc ấy Quyền Giáo-Tông ngồi tại ngai mà ra lệnh, Quyền Thái Đầu-Sư thì vâng liền, Quyền Thượng Đầu-Sư thì khóc, nên tôi cũng buộc lòng vâng theo, vì không lẽ để lỗi nơi ngài.

Sau khi hội viên bàn tính thì Thượng hội quyết định

A-

– Huỷ bỏ bài giảng Cơ ngày 14-2-1933 vì không y theo thể lệ câu Cơ đã lập ra rồi:

– Một là không phải nơi Quyền Giáo-Tông cầu xin mà ra bài đó.

– Hai là bài chấp Cơ này không cầu nơi bửu Điện Hiệp Thiên Đài.

– Ba là không đủ mặt Chức sắc có trách nhiệm theo chương trình Cơ bút hầu đàn.

– Bốn là Chức sắc phái ngoại giáo duy có được phép cầu Cơ hỏi về phần mình mà thôi, còn việc can hệ tới Toà Thánh mà có bài giảng nào nói đến, thì Toà-Thánh phải kiểm soát lại”.

Quyền Chương Pháp Nguyễn Trung Hậu: xin Chức sắc phái Ngoại giáo, khi nào có bài giảng Cơ nói về Toà-Thánh thì xin các Đấng cho phép Toà-Thánh hay mà cầu lại.

B- Huỷ bỏ bài chấp bút của Hộ-Pháp ngày 10-3-1933 tại Hộ-Pháp-Đường hay Giáo-Tông-Đường chấp bút để dùng học riêng cho mình, không được đem ra ban hành.

C- Bài giảng Cơ ngày 23-12-1931 tại Thảo xá Hiền Cung, thì phải giao cho ban kiểm duyệt xem xét trước rồi mới ban hành.

D- Huỷ Tờ Châu tri số 01 ngày 01-4-1933 (Tháng 3 năm Quý Dậu) vì Quyền Giáo-Tông và Hộ-Pháp lấy ý riêng mà lập ra.

E- Phải tuân theo các lời quyết nghị trong Tờ vi bằng Thượng hội ngày 25-2-1932 đã tuyên bố rồi.

F- Giao ba vị Thời quân đã qua Cửu Trùng Đài, đã lãnh chức Chánh Phối Sư tạm về Hiệp Thiên Đài tái thủ nguyên chức và chọn lựa ba vị Chánh Phối Sư khác, y theo Tờ Vi bằng nói trên đây.

Nghị trưởng: Có ai tranh cãi khoản 5? Chẳng có ai.

Khi chuẩn bị sắp tới khoản 6, ông Nghị trưởng đứng lên nói: “Xin chư đạo hữu ráng lắng lắng mà nghe cho rõ khoản thứ 6, khoản này rất quan hệ, có dính dấp với việc đời, thoảng có ai cáo ra Toà đời, thì còn chi danh giá của Giáo-Tông!

Quyền Ngọc Đầu-Sư đọc khoản cáo thứ 6

KHOẢN THỨ SÁU:

Quyền Ngọc Đầu-Sư tỏ rằng: Nguyễn Văn Lịch kêu là Biện Lịch, có vô ba lá đơn kêu nài việc Quyền Giáo-Tông bán đất cát không phân minh. Tiên cáo có nạp biên lai 0\$20 làm bằng, giấy có in danh hiệu Đại-Đạo và ký tên Trung. Quyền Ngọc Đầu-Sư vì kính nể bề trên và làm theo phép, nên phong gởi cho Quyền Giáo-Tông mà hỏi ý kiến, thì Quyền Giáo-Tông trả lời cho Qu. Ngọc Đầu-Sư rằng: cứ coi theo giấy tờ ấy xử, như có tội thì Ngai chịu.

Qu. Ngọc Đầu-Sư tiếp rằng: nếu Ngai muốn dùng Toà tạp tụng, thì cứ gởi tờ đòi bị cáo là ông Lê-Văn-Trung đến đối nại cũng được, song không nỡ. Vả lại mắc nhiều điều xảy đến liên liên hoài, nên không thể lo riêng một vụ này đặng.

Chư hội viên định rằng ngày nay Ngọc Chánh Phối Sư lên Qu. Đầu-Sư thì các đơn từ ấy nên giao lại cho Tân

Ngọc Chánh Phối Sư định đoạt.

Quyển Ngọc Đầu-Sư tỏ rằng: Quyền Giáo-Tông có lãnh bạc ngàn của đạo hữu dâng mua dùm đất rừng, có làm giấy ký tên rõ ràng, mà đến nay việc giao lãnh đất cát không rành-rẽ gì hết: kẻ có đất, người không, đạo hữu kêu nài không ngớt, đơn từ giao lại dâng trả lời cho người ta, mà Ngài không làm cái chi cho minh bạch, cho hết việc thán oán. Quyền Giáo-Tông thu tiền mua đất rồi, phần đất của ai chỗ nào không biết chắc, không giấy tờ gì cho rành-rẽ, để tới có người hăm kiện đến Tòa đời và có người hết sức kêu nài, rồi bỏ luôn số bạc. Xin coi biên lai 160\$ của hai người ở Chợ-lớn thì rõ, lại có một chủ Thánh Thất lãnh bạc mua dùm cho vài chục vị đạo hữu ở Tân-an mà đến nay không biết đất cát chỗ nào.

Thơ từ năn nỉ, kêu nài không biết mấy cái, thét rồi phải đến tận văn phòng của Giáo-Tông mà rầy rà, nhục mạ, đòi tiền lại, buộc phải trả tiền lời.

Quyển Giáo-Tông kỳ hẹn một đôi tháng, nay cũng mãn rồi mà cũng chưa có chi hết cho người ta, nếu kiện thưa ra không khỏi bị án. Vả lại đất rừng của hai người Lang-sa lãnh khẩn chưa khai phá, chưa có giấy tờ vĩnh viễn, mà đạo hữu nghe lời mua đất, không có bằng cứ chi cầm tay hết. Thoảng đất ấy nhà nước lấy lại hoặc chủ đất, hoặc người làm trung gian từ trần, rồi đạo hữu mua đất mới làm sao?

Bởi vì lòng nể vì, không nỡ đòi xử, nên Qu. Ngọc Đầu-Sư gửi các đơn từ cho Quyền Giáo-Tông toan liệu cho yên việc. Vả lại thấy Ngài nghèo nàn nên cũng nhắm mắt để cho kiếm chút lợi, miễn là đâu đó làm cho xuôi việc thì thôi, hầu có yên trí mà lo việc Đạo. Ngài chịu cái lỗi ấy.

Ngài xin hội viên cho biết việc Quyền Giáo-Tông làm như vậy có nhục đến danh giá của Người và danh Đạo chăng? – Chư hội viên nghĩ vì đã mấy năm nay, Quyền Giáo-Tông mỗi tháng lãnh của Hội Thánh năm chục đồng (50\$) có nhà cửa tử tế, trong Đạo phụng dưỡng trọng thể.

Vả lại là một vị tối đại Thiên phong, chủ trương một nền Đạo, Anh Cả nhơn sanh, phải phế đời toan lo cho Đạo. Bởi các cơ ấy nên Thượng Hội đồng quyết nghị rằng: Quyền Giáo-Tông Thượng Trung Nhật không được phép lo việc đời, buôn bán để sanh lợi, còn như việc mua bán đất cát không phân minh để đến đổi người vào Thánh địa đòi hỏi nhục nhã, thì can hệ đến phẩm giá tối cao tối trọng của Quyền Giáo-Tông và cho Đạo nữa.

Đọc tới khoản “vài chục đạo hữu ở Tân An mua đất” thì có một vị đạo hữu kêu là cựu Thôn trưởng Lưu, hiện đương làm chủ Thánh-Thất Bình-Quới, hạt Tân An đứng ra khai rằng: “Số bạc tôi lãnh của chư đạo hữu dâng mua dùm đất là 1.400\$, tôi giao cho Quyền Giáo-Tông hồi năm 1930, Quyền Giáo-Tông có nói rằng: mua dùm mỗi mẫu đất là 50\$, tới nay đã lâu rồi mà chưa thấy chi hết”.

Cũng liền đó có một đạo hữu có giao số tiền cho Lữ, ra nói: “Sẽ vào đơn kiện nơi Tòa đời”

Nghị trưởng: Đạo hữu khoan đã, chúng ta nên điều đình trước với Qu. Giáo-Tông, chừng nào không được đạo hữu sẽ ra Tòa đời cũng chẳng muộn chi, mình phải thương Thầy, mến Đạo, việc trong nhà mình tính với nhau là phải hơn. Có câu phương ngôn: Phải giặt áo dơ trong nhà.

Quyển Ngọc Đầu-Sư tiếp khoản cáo thứ sáu, vừa dứt khoản này thì ông Nghị trưởng hỏi: chư đạo hữu có

ai nói thêm điều chi không?

Quyển Ngọc Đầu-Sư: Tôi xin cắt nghĩa việc chia đất của Quyển Giáo-Tông mua cho đạo hữu Qu. Giáo-Tông giao cho hai người là Lễ Sanh Thượng Tài Thanh và đạo hữu Xướng coi sở đất 113 mẫu, Xướng thì lãnh phần đồn củi bán, mỗi mẫu trên 500 thước củi, giá mỗi thước 0\$20. Khi đạo hữu đưa tiền rồi mà chưa có đất ở đâu, kêu nài thì Qu. Giáo-Tông và Thượng Tài Thanh lo chia.

Cách chia như vậy: “Sở đất 113 mẫu nằm theo đường dây thép, nơi cây số 2 ngàn, mặt tiền được 500m, sâu vô 2.000m cắt lấy hai; lấy 1000m trở ra ngoài mặt tiền chia cho 5 đạo hữu có mặt, mỗi người 10 mẫu, rồi về phải chia lại cho vài chục người khác. Chia rồi, đạo hữu ở xa đến sau, chưa có phần, kêu nài nữa và không chịu chia ở phía sau, lại đất bị đồn củi gần hết. Khi mua cả năm ba chục đạo hữu đều kể chắc là đất có cây, không dè đồn hết, chừa gốc lại. Nay muốn khai phá, phải tốn thêm tiền lấy gốc, nên không chịu, kể đến đòi tiền lại, người thì hăm kiện.

Qu. Ngọc Đầu-Sư vừa nói rồi thì có ba Nữ đạo hữu đem ra ba biên lai, trình cho ông Nghị trưởng mà nói rằng: Có giao số bạc cho Qu. Giáo-Tông ba năm rồi, mà không có được đất, ba biên lai kể dưới đây:

- 1- Phạm thị Chi ở Phước lâm 150\$ ba mẫu
- 2- Trần thị Mực ở Phước Hậu 200\$ bốn mẫu
- 3- Mai thị Cúc ở Phước lâm 400\$ tám mẫu.

Kể ông Nghị trưởng hỏi thêm: Có ai nói chi nữa không? –Không thấy ai kêu nài nữa.

Dưới đây, ba biên lai của Qu. Giáo-Tông nhận lãnh bạc bán đất cho đạo hữu:

*Nay tôi làm biên lai có lãnh của Phạm thị Viên ở làng Phước hậu hai trăm đồng (200\$) bạc lớn về tiền mua 4 mẫu đất ở Tây ninh, về phần đất 113Ha

Biên lai này làm tạm, sau sang bộ sẽ làm giấy.

Chợ-lớn, Le 15 Mai 1930

(Ký tên)

Lê văn Trung

*“Nay tôi làm biên lai có lãnh của Bà Trần thị Mực ở làng Phước hậu hai trăm đồng (200\$) bạc lớn về tiền mua 4 mẫu đất ở Tây ninh, về phần đất 113Ha

Biên lai này làm tạm sau sẽ sang bộ

Chợ-lớn, Le 15 Mai 1930

(Ký tên)

Lê văn Trung

*Tây ninh Le 23 Mai 1930

Biên lai nhận lãnh của Nguyễn Phước Lưu ở làng Bình Quới, Tổng Thành hội thượng (Tân an) số bạc là 50\$ về tiền mua 1 mẫu đất (1Ha) đất nơi sở 113 mẫu tại làng Ninh thành (Tây ninh)

Biên lai này làm tạm chừng nào tách bộ rồi sẽ đổi
Chợ-lớn, Le 15 Mai 1930

(Ký tên)

Lê văn Trung

Quyển Đầu-Sư đọc khoản 7

KHOẢN THỨ BẢY:

Qu. Đầu-Sư trình ra một cái giấy vay bạc 300\$ ngày 11-11-1931 của Qu. Giáo-Tông viết và ký tên, bạc này

Qu.Giáo-Tông mượn của một vị Hoà thượng Tàu tên là Âu-Tu ở Chợ-lớn, nói rằng qua bên Pháp in Thánh Tượng, kỳ một tháng trả lại. Lâu rồi không trả, buộc chủ nợ đòi hỏi và có viết thư nhục mạ gửi cho Ngài đưa qua cho Qu. Giáo-Tông. Trong thư có câu “Lời nói của Tiên hơn sao không bằng lời nói của thường hơn”.

Qu.Ngọc Đầu-Sư sợ người ta làm nhục mạ nữa nên xin xuất tiền của Hội Thánh 100\$ mà trả cho chủ nợ, phải trừ hai tháng phụ cấp cho Qu. Giáo-Tông. Nay còn thiếu 200\$. Bạc này không rõ dùng khoản nào, nhưng một điều rõ-ràng là Qu. Giáo-Tông Thượng Trung Nhựt lấy danh Đạo mà mượn của người và có nhiều đạo hữu cho hay rằng Qu. Giáo-Tông có mượn bạc, nói rằng lo cho phái ngoại giao, cũng hứa trả lại, mà lâu nay chưa trả cho ai hết. Qu.Giáo-Tông lại có lãnh số bạc 1.500\$ mà chưa thấy pièces justificatives. Hiện giờ đây Qu.Giáo-Tông cũng thường xuất ngoại, vay mượn xin xỏ, nói rằng lo cho việc ngoại giao.

Khoản thứ bảy đọc dứt, có Giáo-hữu Thượng Áo Thanh coi kho sách ở Toà-Thánh đứng ra biện giải cho Qu. Giáo-Tông về vụ 300\$ của vị Hoà Thượng ở Chợ-lớn. Người nói số bạc đó Qu. Giáo-Tông mượn để đặt Thánh Tượng, hiện nay 500 Thánh tượng lấy về rồi, để tại kho sách, như ai không tin đến đó coi”.

Qu. Ngọc Đầu-Sư: chẳng phải nói mượn số bạc mà để xài, không đặt Thánh Tượng. Tôi chỉ nói việc mượn lâu không trả để người ta đòi hỏi, viết thư nói nhiều tiếng nặng nề, xấu hổ cho Đạo và cho Qu. Giáo-Tông.

Đọc tới khoản thứ 8

KHOẢN THỨ TÁM:

Quyển Ngọc Đầu-Sư tỏ rằng một ngày kia Quyển Giáo-Tông giao cho Sở giữ cò để gửi thơ, một sấp thư, bảo gấn cò đăng gửi đi. Qu. Ngọc Đầu-Sư coi lại thì thơ của Qu.Giáo-Tông ký tên Thượng Trung Nhựt, đóng con dấu Thượng Đầu-Sư gửi cho đạo hữu và người ngoại Đạo, cậy mua nhật báo “Bảo an”. Việc nhật trình là việc riêng mà dùng tiền của Đạo, tuy không phải là bao nhiêu đó, song Qu. Ngọc Đầu-Sư không cho gửi thơ đó, vì là Qu.Giáo-Tông lấy danh Đạo gửi hỏi mượn tiền đăng giúp cho Tờ nhật trình ấy.

Qu.Chưởng Pháp Nguyễn Trung Hậu tỏ rằng: Ông cũng sẵn có trong tay cái thơ của Qu. Giáo-Tông viết gửi cho một đạo hữu là Bà Cả Đường chủ Thánh Thất, để mượn 50\$ cho nhật trình “Bảo an”. Thơ ấy ký tên Thượng Trung Nhựt và đóng dấu Đầu-Sư, Ngài sẽ giao thơ ấy cho Qu.Ngọc Chánh Phối Sư mời.

“Sau khi hội viên bàn tính, thì Thượng hội định nhật-trình “bảo an” không phải của Đại-Đạo, Qu. Giáo-Tông mượn danh Đạo cổ động cho Nhật trình ấy là sai phép.

Đọc dứt khoản này Nghị trưởng đứng lên hỏi: Có ai phản đối điều chi không?

Qu.Ngọc Đầu-Sư: Tôi xin cắt nghĩa việc mượn và trả số bạc 280\$ - Mượn 280\$ nói gửi cho Kiểm biên có trả được 190\$, trong số 190\$ đó có 100\$ cũ chủ nợ đổi ra xài được có 50\$ và lỗ 50\$, nay còn thiếu 90\$ nên kêu nài.

Qu. Ngọc Đầu-Sư đọc khoản cáo thứ 9.

KHOẢN THỨ CHÍN:

Qu. Ngọc Đầu-Sư đọc tờ của Qu.Thượng Đầu-Sư, Đầu-Sư trình cho Thượng Hội rõ việc Ngài trả lời về

việc Quyền Giáo-Tông cáo hai vị cựu Ngọc và Thượng chánh Phối Sư hôm Hội nhóm Hội Thánh (ghim theo đây). Chuyện này của Qu. Giáo-Tông sắp đặt trước, cậy tay người dưới quyền đăng có trương công cán của mình hồi giờ để hạ nhục hai vị Thượng và Ngọc Chánh Phối Sư giữa Hội-Thánh cho biết. Việc này sau sẽ định đoạt.

Không thấy ai ra biện hộ cho Qu. Giáo-Tông.

Qu. Ngọc Đầu-Sư đọc khoản thứ 10.

KHOẢN THỨ MƯỜI:

Qu. Ngọc Đầu-Sư trình ra một phong thơ. Bề mặt thì có chữ của Hộ-Pháp đề như vậy: 13-3-1930 thơ này đem ra cho chư hội viên thấy sự giả, mà sự giả này có thể Qu. Giáo-Tông biết được, vì có con dấu Thượng Đầu-Sư đóng trên keo niêm sau lưng bao thư ấy, Qu. Giáo-Tông có gởi Tờ chức sắc mà giới thiệu thơ ấy. Nay nói cho biết vậy, ngày sau sẽ xin xét lại, nên Thượng Hội chưa định sao hết. (Không thấy ai ra biện hộ cho Qu. Giáo-Tông).

Qu. Ngọc Đầu-Sư đọc khoản cáo thứ 11.

KHOẢN THỨ MƯỜI MỘT:

Qu. Ngọc Đầu-Sư đem ra một sấp thơ sao lục Thánh ngôn, trong ấy có dạy nhiều việc mà Qu. Giáo-Tông không thi hành. Bởi không có mặt Qu. Giáo-Tông nên Thượng Hội chưa định sao. (Không ai ra biện hộ cho Qu. Giáo-Tông).

Qu. Ngọc Đầu-Sư đọc khoản cáo thứ 12.

KHOẢN THỨ MƯỜI HAI:

Qu. Ngọc Đầu-Sư đem cái thơ của Thượng-Sanh gởi cho Hộ-Pháp hồi tháng 3 năm 1930 trách cứ Hộ-Pháp và Thượng Đầu-Sư, song chưa giáp hai người nên còn đình

việc này lại.

Không thấy ai ra biện hộ cho Qu. Giáo-Tông

(Câu này hoàn toàn sai vì thơ chưa đọc về việc của Thượng-Sanh)

Nghị trường: Trong 9 khoản đầu trong tờ Vi bằng mới vừa đọc rồi, chư đạo hữu đều thấy bất cứ khoản cáo nào cũng có bằng cớ, không một chút chi oan ức, nhưng có khoản thứ 6 là nặng hơn hết, chư đạo hữu cũng nên để ý vào khoản này.

Tôi xin khuyên: một người Đạo mà có tội với Đạo thì để cho Thấy xử, Đạo xử, chớ để ra Tòa đời thì nhục cho danh Đạo lắm.

Trước khi Hội nghị bế mạc tôi xin hỏi hết hội viên hai câu như vậy:

1- Ông Qu. Giáo-Tông quả có phạm tội theo chín khoản cáo trong Tờ vi bằng này không?

2- Ông Quyền Giáo-Tông còn xứng đáng phẩm vị không? Cả chư đạo hữu đồng giơ tay nhìn nhận ông Quyền Giáo-Tông có tội và không còn xứng đáng phẩm vị tối cao ấy nữa.

Nghị trường: Tôi xin thay mặt ban Ủy viên trình cho chư đạo hữu hay phận sự chúng ta tới đây đã dứt, vậy từ đây là về phần ba Hội định liệu, sao cho phù hợp với điều lệ của Đại Đạo.

Lê Kim Ty: Tôi xin chư đạo hữu nhóm hội hôm nay đồng thanh cảm tạ ban ủy viên lấy hết trung tâm, thành ý mà điều đình cuộc hội ngày nay được kết quả rất là mỹ mãn.

Ông Ty dứt lời, có một đạo hữu không rõ họ tên

đứng ra nói: Ngày nay Qu. Ngọc Đầu-Sư đứng ra tố cáo Qu. Giáo-Tông trong khi Ngài vắng mặt và không có bằng cứ chi chắc chắn, ấy là Ngọc Đầu-Sư “Hoạ phù thân đại”.

Qu. Ngọc Đầu-Sư Ngọc Trang Thanh: Tôi có mời Qu. Giáo-Tông nhưng Ngài không đến chớ cũng có phái người đến cãi lẽ này giờ. Mỗi khoản đều có để cho công chúng thông thả biện luận.- Có hai vị đạo hữu nam và ba vị nữ trình biên lai mua đất, lại có người đòi kiện Quyền Giáo-Tông giữa đây, bằng cứ như vậy, hơn sanh đồng công nhận Qu. Giáo-Tông có tội, đạo hữu ở đâu xa mới đến sau, không rõ trước sau nên mới nói vậy phải không?

Nghị trưởng: Tôi xin lập lại một lần nữa cho chư đạo hữu nhớ rằng trong 9 khoản buộc tội, chỉ có khoản thứ 6 là hệ trọng hơn hết. Thoảng như một ngày kia chư Chức sắc điều đình việc này không được để cho mấy người mua đất ức lòng kiện ra Tòa đời, thì thế nào Qu. Giáo-Tông cũng không tránh khỏi đường lao lý, vì có đủ bằng cứ.

Đạo mình thuở nay đã bị người ta nghi ngờ, cách vài bữa đây một viên Phó Thẩm biện nói với tôi rằng: kẻ cầm quyền trong Đạo không minh chánh, vì vậy mà chánh phủ để ý dòm ngó. Vậy xin chư đạo hữu phải quyết định lẽ nào cho Đạo khỏi mang tai tiếng nữa. Dứt lời Ban Ủy viên thoái vị, nhường quyền phán đoán cho Hội Vạn Linh, chư hội viên hội vạn linh đồng quyết định việc Qu. Giáo Tông nay có tội như vậy, thì phải đệ lên Tòa Tam giáo thiêng liêng định án.

Tới đây đã hết vấn đề bàn giải, hội giải tán hồi 6 giờ chiều cùng ngày.

Nghị trưởng Nguyễn Phan Long
Phó nghị trưởng Trương Duy Toàn

Từ Hàn Giáo Hữu Tuyệt Tấn Thành
Phó Từ Hàn Chánh Trị Sự Phạm văn Long

CHƯƠNG IV

Lửa thử vàng gian nan thử Đạo

Đại công của Đức Hộ-Pháp đối với Đạo Cao Đài

Tinh thần tích cực của Đức cao Thượng-Phẩm

Một đức hy sinh vô bờ bến của Đức Quyền Giáo-
Tông Lê Văn Trung

Lời Thánh giáo nói về Chi phái

LỬA THỬ VÀNG GIAN NAN THỬ ĐẠO

Chúng ta thử điểm lại một số các cột mốc quan trọng về sự diễn tiến của nền Đạo, chúng ta sẽ thấy được sự huyền diệu trong câu nói xác định của Đức Chí Tôn: “Chi chi cũng tại Tây Ninh mà thôi”:

– **15-10-Bính Dần (1926)**: Lễ Khai Đạo tại Gò Kén.

– **16-10-Bính Dần (1926)**: Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam phái.

– **09-1-Đinh Mão (1927)**: Đức Lý Giáo-Tông lập Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nữ phái

– **12-1-Đinh Mão (1927)**: Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền Hiệp-Thiên Đài.

– **Từ 1926 đến đầu năm 1934**: Các Chức sắc Cửu Trùng Đài tách ra lập Chi phái gồm quý Ngài: Ngô Văn Chiêu, Phối Sư Nguyễn Văn Ca, Giáo Hữu Nguyễn Văn Chính, Chương Pháp Trần Đạo Quang, hai vị Quyền Đầu Sư Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang.

– **Mãi đến ngày 23 tháng 7 tới mùng 4 tháng 8 Ất Hợi (dl 21 đến 31-8-1935)** Các Đấng thiêng liêng vâng lệnh Đức Chí Tôn “*mời giảng cho Tân Kinh... Ấy là một giọt*

nước Cam lộ của Đức Từ-bi rưới chan đặn gọi nhuan cho các đẳng linh hồn của toàn thế giới.

Chúng ta thẩm xét thì đủ hiểu rằng: đã trải qua mười năm Chí-Tôn mới mở cơ tận độ. Cơ tận độ nhưn sanh duy kể từ ngày ban Tân Kinh này mà thôi.

Thương thay cho những kẻ vô phần chịu phạt thiệt thòi qui liễu trước ngày Tân Kinh chuyển pháp. Ấy cũng là quả kiếp của nhưn sanh do Thiên thơ tiền định. Nếu chúng ta thương tưởng thì duy có một phương độ rồi là trì tụng Di-lạc Chơn Kinh hầu các đẳng linh hồn đặn siêu thăng tịnh độ”. (Lời tựa Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo)

Đây mới chính thực là Kinh Cao Đài, Kinh Tận Độ chúng sanh và ban cho Phật Mẫu Chơn Kinh, dạy cách thờ phượng Đức Phật Mẫu. Các bài kinh có trước năm 1935 đều là kinh thỉnh từ Tam giáo hay từ Ngũ Chi Minh Đạo.

Như vậy, chỉ có Tòa Thánh Tây Ninh mới hưởng được hồng ân nầy của Đức Chí Tôn, còn các Chi phái không hưởng được, bởi vì họ tách ra trước ngày Tân Kinh chuyển pháp, nếu muốn hưởng đủ Tân Kinh thì phải qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh mà thôi. Cho nên được biết có một số Chức sắc Chi phái di chúc lại rằng khi họ qui liễu thì nhờ Chức sắc Tòa Thánh Tây Ninh đến cầu kinh và tổ chức tang lễ giùm.

Về tương lai của các Chi phái, Đức Chí Tôn có tiên tri trong bài thi tứ tuyệt sau đây.

THI

“Đạo Thấy nhiều nhánh các con ơi!

“Nhánh có trái bông, nhánh cụt còi.

“Rốt cuộc cành khô cùng lá héo,

“Còn gì tươi tốt để con coi.

Nay là qua 84 năm tuổi Đạo, cũng đủ thời gian cho toàn Đạo phân biệt rõ “nhánh nào có bông” và “nhánh nào cụt còi”. Và phải chăng sự đoàn kết là sống mà chia rẽ là chết thì “Rốt cuộc cành khô cùng lá héo” mà thôi.

Phải chăng đây là cơ khảo: “Lửa thử vàng gian nan thử Đạo” của ba Đấng đầu công:

- Đức Thượng-Phẩm Cao Quỳnh-Cử,
- Đức Giáo-Tông Thượng-Trung-Nhật,
- Đức Hộ-Pháp Phạm-Công-Tắc.

Đại công của Đức Hộ-Pháp đối với Đạo Cao Đài

Thử nhớ lại:

1- Thời kỳ kiến tạo Tòa Thánh Tây Ninh:

Qua thời-kỳ kiến tạo để lập công, dành cho người biết dâng công đối vị, thì bên Cửu-trùng-Đài chính Đức Quyền Giáo-Tông về mặt hữu-hình đã góp vào một công quả to lớn để dựng Đức-tin làm nền tảng Đại-Đạo ngày nay cùng với hai vị: Thượng-Phẩm và Hộ-Pháp bên Hiệp Thiên-Đài. Với lời minh-chứng của Đức Hộ-Pháp như sau:

“Bản-Đạo xin nhắc lại, xin làm chứng cho cả thầy con cái Đức Chí-Tôn: Nam Nữ cũng vậy. Nếu toàn thể con cái của Ngài một đôi triệu chơn linh mà có Đức-tin vững chắc như Đức-tin của:

- Đức Thượng-Phẩm Cao Quỳnh-Cử,
- Đức Giáo-Tông Thượng-Trung-Nhật,
- Hộ-Pháp Phạm-Công-Tắc.

Nếu cả thầy đều có Đức-tin vững-vàng đường ấy Bản-Đạo dám nói chắc rằng: Các người dời núi Bà xuống châu-thành Sài-gòn cũng đặng. Có thể nói: nên Đạo Cao Đài này thiết-hiện được như ngày nay là nhờ đức-tin của Thượng-Trung Nhứt.”

Đức Hộ-Pháp nói lý do:

“Cả toàn con cái Đức Chí-Tôn buổi nọ còn lại có ba người. Thật ra hồi ban sơ chỉ có ba người. Ba người ấy thiên-hạ kêu là ba người lý; ba người ấy là:

- Đức Cao-Thượng-Phẩm*
- Đức Quyền Giáo-Tông*
- Và Bản-Đạo đây (Hộ-Pháp)*

“Chúng tôi nhứt tâm, nhứt trí quyết làm cho thành Đạo, cho vừa lòng Đức Chí-Tôn. Bởi vì không biết duyên cớ nào chúng tôi hiểu rằng: chúng tôi phải báo hiếu cho Đức Chí-Tôn và tự nhiên quyền-năng thiêng-liêng giúp chúng tôi biết ĐẠO CAO-ĐÀI này tương-lai sẽ cứu quốc, cứu chủng-tộc và giống-nòi.”

Đó là tấm lòng hiếu thảo của Đức Hộ-Pháp thì như vậy, còn lại tinh-thần của Đức Thượng-Phẩm thì...

Tinh thần tích cực của Đức cao Thượng-Phẩm

Đức Hộ-Pháp nói tiếp:

“Bản-Đạo thú thật buổi nọ:

“Chỉ có ba Anh em, ôm sứ-mạng Thiêng liêng áy nơi mình. Lãnh sứ-mạng khó-khăn thì tưởng đâu Đạo Cao Đài thì cũng như Đạo Phật hay Minh-sư, Minh-đường. Đáo-đề, cạo đầu vô chùa làm Thầy chùa tu là cùng, tưởng dễ-dàng lắm, kiếp sanh nơi thế, thời bấy giờ đã khổ-não tâm-hồn

và xác thịt, lệ thuộc như thế. Ông biểu tu, nào dè mở Đạo trong thời-gian ngắn-ngủi, không bao lâu thấy cả con cái của Ngài đến cùng Ngài cả muôn cả triệu, chứng đó mới biết sợ-sệt. Chính mình buổi nọ, Đức Quyền Giáo-Tông ra hậu-diện, Người hỏi Bản-Đạo: làm cái gì vậy?

“Thấy thiên-hạ vào cửa Đạo quá chừng, Đại-Từ Phụ làm cái gì kỳ quá vậy? Chính mình Bản-Đạo cũng không biết.

– Biết đâu! Ông làm gì?

“Ông đến thâu tín-đồ nhiều quá ảnh than rằng: tôi đâu hay tới đó, biết sao!

Kể từ đó bị khảo miết: Đức Cao Thượng-Phẩm bị khảo đến ngày giờ chót. Ngày giờ cuối cùng, nằm trên giường bệnh cho tôi hơi thở cuối cùng không buổi nào không bị khảo, không buổi nào không bị nhục-nhã. Cái luật thiên-nhiên không có điều gì xin-xỏ, điều gì cũng phải mua chuộc.

“Bản-Đạo đã quyết rồi, xin để Bản-Đạo kết luận: Bởi mua chuộc với cái khảo-đạo, nhục-nhã của đời, để bảo-trọng danh-giá của Ngài. Ngày nay Ngài sang-trọng vô đối.”

Sự-nghiệp vẻ-vang của Đức Thượng-Phẩm như vậy chính do Ngài biết giữ được chữ “nhẫn” chữ “hòa”, một là để tô-bồi thiên-vị, hai là nâng cao phẩm-giá chơn-linh cao trọng của Ngài.

“Đức Cao Thượng-Phẩm là chơn-linh Hồn-Chung Ly: một vị Đại-Tiên trong Bát Tiên, làm sứ-mạng của Chí Tôn đến tạo dựng nền Tôn giáo tại thế này. Người cùng với Hộ-Pháp hợp thành cặp cơ phong Thánh lập Pháp Chánh Truyền và Tân-Luật để làm Hiến-chương cho nền Quốc Đạo.

“Chúng ta phải nhìn-nhận đầu công khai Đạo của Đức Cao Thượng-Phẩm, vì nếu thiếu bàn tay xây dựng của

Người để chấp cơ cùng Hộ-Pháp thì:

- *Đâu có Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ-Độ.*
- *Đâu có Chức-sắc Thiên-phong Nam Nữ.*
- *Đâu có Hội-Thánh và các cơ-quan trong Đạo.*
- *Đâu có Pháp-Chánh-Truyền và Tân-luật.*
- *Đâu có đại-nghiệp hiện giờ cho nhơn-sanh thừa hưởng.”*

Đến khi khởi công xây dựng Thánh-thất tức là nhà chung của Đạo (là Thánh-thất tạm trước khi xây Đền Thánh bây giờ) thì Đức Thượng-Phẩm là người đứng ra cùng góp công với nhơn-sanh bứng gốc phá chồi, thật là Đấng đã khai sơn phá thạch cùng với Đức Hộ-Pháp tạo nên một ngôi thờ phượng khang-trang, một ngôi Tổ đình lưu lại cho nhơn-sanh một đức-tin tuyệt-đối. Nhưng đại nghiệp ấy mới nửa chừng Người phải về Thiên-liêng làm nhiệm-vụ của Đức Chí-Tôn giao-phó, đành buông gánh Đại-Đạo cho Hộ-Pháp một tay leo-lái, lại còn chịu lao-lý để gánh ách nạn cho dân-tộc. Với hai Đấng đầu công thật là công-trình vẹn-vẻ, vừa lo phần thể pháp, vừa thực hiện bí-pháp của Đạo, hai Ngài đã thể hiện cơ âm dương tương đắc vậy.

Ấy là hai Chức-sắc Đại-Thiên-phong nơi cửa Hiệp Thiên-Đài trong cơ kiến-tạo nên Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ:

- Một là Đức Hộ-Pháp, đầy lòng hiếu đạo cùng Đức Chí-Tôn và Phật-Mẫu.
- Hai là Đức Thượng-Phẩm đầy-đủ đức kiên-nhẫn với một đức-tin tuyệt-đối. Thử điểm lại đôi nét về:

TÌNH TRẠNG ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM

Đức Cao Thượng-Phẩm từ ngày về Thảo Xá Hiền Cung xem Ngài hình thể hao mòn, sức yếu thân gầy, sắc diện âu sầu buồn bã.

Sự nhận thức có lẽ Ngài thọ bệnh thất chí, vì hành Đạo không được y theo sở nguyện trong nền Đạo buổi sơ khai lo truyền giáo phổ độ nhơn sanh, mà Ngài lại an ổn tại tư gia, nên Ngài bức tức, vì Đạo vì Thầy mà bị họ ngăn trở bước đường hành Đạo.

Thiết tưởng những người có đủ đức tin nơi Chí Tôn thì dầu có sản nghiệp triệu phú cũng không thể ngồi an hưởng riêng cho được, huống chi Đức Thượng-Phẩm là Môn Đệ tin tưởng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu buổi đầu tiên.

Khi Đức Chí Tôn giảng trần khai Đạo, giảng huyền diệu cơ bút thâu Môn Đệ dạy thờ Thiên Nhân trước hết cũng tại nhà của Ngài, nên lòng thành kính Đạo thật là đầy đủ. Các Đấng Thiêng Liêng giảng cơ dạy Đạo, thì Đức Thượng-Phẩm cùng Đức Hộ-Pháp phò loan, hai Ngài lãnh hội giáo lý nhiều hơn hết.

Đức Thượng-Phẩm là người cương quyết thi hành trọn Đạo phước Đời, thu xếp gia đình nghỉ làm việc Cò Mi, không màng danh lợi, trọn tin theo lời Thánh giáo của Chí Tôn về ở chùa Gò Kén thường xuyên hành Đạo. Khi dời về Tòa Thánh thì Ngài cũng trọn tâm lo xây dựng cơ nghiệp Đạo.

Đến khi gặp cơn khảo đảo, bị nhơn sanh bạc đãi buộc lòng lui về tư gia, thì dầu đủ nghị lực tinh thần cũng phải buồn lòng thất chí, nên lâm bệnh, lương y khó phương điều trị cho lành mạnh. Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài lo cuộc lễ tiếp rước Đức Thượng-Phẩm về Tòa

Thánh và tạo lập Tịnh Thất cho Thượng-Phẩm nhập tịnh.

Cả Chức Sắc Hội Thánh đồng tâm tuân lệnh Đức Chí Tôn tức cấp lo tạo Tịnh Thất tại nơi cụm rừng (chỗ Báo Ân Từ hiện nay).

Ngày 15 tháng 10 năm Mậu Thìn (1928):

Bảy giờ sáng một đoàn xe hơi Chức Sắc Đại Thiên Phong Hiệp Thiên, Cửu Trùng đến Thảo Xá Hiên Cung rước Đức Thượng-Phẩm thì Ngài cũng vui lòng lên xe về Tòa Thánh nhập Tịnh Thất. Hội Thánh có chọn Chức Sắc phụng sự mọi việc thường thức cho Ngài.

Đức Thượng-Phẩm nhập Tịnh Thất một thời gian, bệnh tình cũng chưa thuyên giảm, hằng ngày kém ăn thiếu ngủ, Thánh thể xem đã gầy mòn.

Ngày 26 tháng Chạp năm Mậu Thìn (1928):

Ngài tỏ với người bạn thân là Bà Giáo Sư Hương Hiếu lo sắp đặt 6 giờ chiều trở về Thảo Xá, Ngài không cho Chức Sắc hay trước.

6 giờ chiều, Giáo Hữu Thượng Trí Thanh kêu một cỗ xe ngựa lót nệm để Ngài nằm, đi theo xe hộ vệ chỉ có người bạn thân của Ngài và Giáo Hữu Thượng Trí Thanh, đưa Ngài về Thảo Xá.

7 giờ rưỡi, tới nơi đỡ vào phòng nghỉ ngơi, xem được khỏe như lúc mới lên xe. Từ đây, ở yên nơi Thảo Xá.

ĐỨC THƯỢNG PHẨM ĐĂNG TIÊN

Ngày 01 tháng 03 Kỷ Tỵ (1929) 11 giờ trưa, Đức Thượng-Phẩm cho mời Đức Hộ-Pháp, cùng ông Bảo Văn Pháp Quân, bà Giáo Sư Hương Hiếu, Giáo Hữu Thượng Trí Thanh, Giáo Hữu Thượng Kỳ Thanh, Lễ Sanh Thượng Ngươn Thanh.

Đức Thượng-Phẩm nhìn Đức Hộ-Pháp trời rằng:

“Nay Qua về châu Đức Chí Tôn, em ở lại hiệp với Chức Sắc chung lo nên Đạo của Thầy cho được vẹn toàn mọi sự. Anh dẫu có nhắm mắt thì sự mất cũng như còn”.

Nói rồi tuôn hai hàng nước mắt, kể day qua nói với bạn thân của Ngài căn dặn để trọn tâm lo tròn phận sự; nói dứt lời thì Ngài xuất linh hồn êm ái, gương mặt cũng như người đương ngủ. Có một điều phi thường là lời trời Ngài nói có hàng có chấm cũng như lúc mạnh khỏe. Cả Chức Sắc có mặt đều cảm động ngùi ngùi thương tiếc.

Khi Ngài dứt hơi thì đỡ ngồi dậy thúc xác ngồi kiết tường trước mặt lập bàn hương án chưng bông hoa trà quả. Đức Hộ-Pháp ra kiếu cho thợ mộc đóng Liên Đài hình Bát Quái; thời Tý 12 giờ đại liệm, rồi thành phục tế lễ theo nghi tiết. Hội Thánh thông tri cho toàn Đạo các tỉnh đều hay đặt hành lễ cầu nguyện cho Đức Thượng-Phẩm được tiêu điều nơi miền Tiên cảnh.

Quàn tại Thảo Xá 3 ngày, Chức Sắc và Đạo Hữu nam nữ điều tế rất đông. Chức Sắc Hiệp Thiên Đài cầu cơ bút, Đức Thượng-Phẩm giáng cơ tỏ vẻ vui mừng, được về bái mạng Đức Chí Tôn cùng Phật Mẫu nơi Bạch Ngọc Kinh và Diêu Trì Cung, đều ban ơn công nghiệp buổi khai Đạo tròn sứ mạng, Ngài tiếp cho một bài thi tứ tuyệt:

THI

*Cao thanh miệng thể mặc chê khen,
Thượng trí màng chi tiếng thấp hèn.
Phẩm cũ ngôi xưa dẫu rõ giá,
Từ bi tập tánh được thường quen.*

Ngài tỏ vẻ vui mừng nay đã thoát khỏi biển trần, về

cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống.

Ngày 3 tháng 3 Kỷ Tỵ (1929) Hội Thánh rước Liên Đài về Tòa Thánh, sự sắp đặt thứ tự theo chương trình dưới đây:

1/-Tấm bảng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, kế tiếp là phướn Thượng-Phẩm.

2/-Bàn Hương án để Bửu Ảnh có dàn hầu, lỗ bộ và các tràng hoa.

3/-Nhạc Ta, nhạc Tây, nhạc Tiểu, nhạc Thổ.

4/-Bàn đưa, phúng, vãng, trên một trăm tấm tiếp theo đồng nhi đọc kinh đưa.

5/-Thuyền Bát Nhã chở Liên Đài tiếp sau tang gia hiếu quyến.

6/-Chức Sắc Hiệp Thiên Đài: Hộ-Pháp, Thượng-Sanh, cùng Thập Nhị Thời Quân, kế tiếp Chức Sắc Cửu Trùng Đài Nam Nữ và Chức Việc, Đạo Hữu. Số người đưa đoạn đầu vào đến Đền Thánh mà đoạn chót còn ở tại Thảo Xá, đường dài 4.000 thước.

Cuộc rước Liên Đài rất tôn nghiêm long trọng. Khi Thuyền Bát Nhã đến Tòa Thánh, di Liên Đài vào Bửu Điện an vị nơi phẩm trật của Hiệp Thiên Đài.

Đêm mừng 3 hành lễ Đức Chí Tôn, dâng sớ cầu nguyện Ổn Trên ban ân huệ cho chơn linh Đức Thượng-Phẩm tiêu điều cõi thọ.

Ngày mừng 4 tháng 3 Kỷ Tỵ: Chức Sắc và toàn Đạo các Tỉnh tế lễ phúng điệu rất đông đảo, cùng thân bằng cố hữu phúng điệu, quần Liên Đài tại Bửu Điện tế lễ cầu siêu....

Tối ngày mừng 8 tháng 3, sớm mai 8 giờ, di Liên Đài lên thuyền Bát Nhã đưa ra Bửu Tháp. Chức Sắc Hiệp Thiên Đài đọc ai điều; Cửu Trùng Đài Đức Thượng Đâu Sư Thượng Trung Nhật đọc ai điều, trạng tỏ công nghiệp hành Đạo của Đức Thượng-Phẩm trong buổi sơ khai, đủ nghị lực tinh thần đối phó với quyền đời, nào là ngăn cấm áp chế không muốn cho mở mang căn bản nguồn cội của Đại Đạo nơi vùng Thánh Địa.

Bà Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh, thay mặt cho Nữ phái đọc ai điều tỏ lòng mến tiếc Ngài vội đăng Tiên, Hiệp Thiên Đài thiếu người phò loan đủ huyền diệu.

Khi đọc ai điều xong, Chức Sắc, Chức Việc và Đạo Hữu nam nữ thành tâm kính lễ cầu nguyện cho Đức Thượng-Phẩm được siêu thăng Tiên cảnh. Cuộc lễ thật long trọng.

Thợ hồ lo xây Tháp cho Ngài, có gắn cấm thạch mạ chữ vàng nơi Bửu Tháp bát giác; sau lưng có khắc bài kỷ niệm để tỏ dấu cảm hoài và roi truyền hậu thế.

Sau đây Đức Cao Thượng-Phẩm có giảng cho hai bài thi khi di Liên Đài ra Bửu Tháp:

THI

*Xử áo trần hoàn đã rảnh tay,
Thung dung nhờ núp bóng Cao Đài.
Rừng tòng nhật rọi khi mờ tỏ,
Sớm lạt trăng lồng kẻ tỉnh say.
Phi thị mặc đời nơi quán tục,
An nhàn rảnh dạ khách Thiên Thai.
Ngậm cười nêu quạt chờ sanh chúng,
Biển khổ ngày qua đếm một ngày.*

Ngảnh lại mà đau cảnh đoạn tràng,
 Cõi Thiên mừng đặng dứt giây oan.
 Nợ trần đã phui lòng son sắt,
 Ngôi vị nay vinh nghĩa đá vàng.
 Cõi tám chơn thành lòan nhứt nguyệt,
 Phơi gan chí sĩ nhuộm giang san.
 Bốn mươi hai tuổi sanh chưa phí,
 Để mắt xanh coi nước khải hoàn.

Một đức hy sinh vô bờ bến của Đức Quyền Giáo-Tông Lê Văn Trung

Công-quả phi-thường của Đức Quyền Giáo-Tông
 Đức Hộ-Pháp đã giải:

Thật sự hồi ban sơ chỉ có ba người:

“Bản-Đạo nói không có gì! Đức Chí-Tôn đã đến một cách tình cờ, một cách không ai tưởng-tượng được. Khi Ngài đến thì chỉ có Đức Thượng-Phẩm và Bản-Đạo mà thôi. Về sau Bản đạo và Đức Cao Thượng-Phẩm mới đến nhà Đức Quyền Giáo-Tông Thượng Trung-Nhứt đặng Chí Tôn chuyện vãng cùng Người. Đứng đầu trong trường chính-trị đã chịu ảnh-hưởng một tình thế bị trích-điểm cũng có, được tôn-sùng cũng có, được khen cũng có, bị chê cũng có. Buổi ấy bị họ ghen-ghét nên chê nhiều hơn khen. Chính mình Bản-Đạo lấy làm lạ tại sao Đức Chí Tôn biểu Thượng-Phẩm đến nơi đó?

“Để cái dấu hỏi mơ hồ, chẳng dè một người đó lại phi-thường! Giờ phút này Bản-đạo nói đến lấy làm lạ!

“Một là từ thử tới giờ Bản-đạo chưa ngó thấy. Đến

chuyện vãng cùng Ngài, Đức Chí-Tôn nói cái chi chỉ có hai người biết với nhau mà thôi. Bản-đạo với Thượng-Phẩm chỉ là hai người dự thỉnh không biết gì hết, mà chỉ nói với nhau rồi họ hiểu với nhau mà thôi.

“Trong 24 giờ, một người đã là Thượng Nghị-viện, một cái gia-nghiệp đủ vinh-hiến, đủ cao-trọng, đủ đương đầu với thiên-hạ.

“Trong 24 giờ bỏ hết, liệng hết mà thôi. Cho tới một cái lạ hơn hết là đương hút á-phiện, người phong-lưu như ai kia vậy bỏ một cái một, cả sự ăn chơi cũng thế.

“Đức Chí-Tôn kỳ hạn có 24 giờ mà thôi:

– 24 giờ Anh Cả chúng ta phải trường trai.

– 24 giờ Anh Cả phải dâng cả sự-nghiệp cho thiên hạ.

– 24 giờ Anh Cả chúng ta phải từ bỏ chức Thượng Nghị-viện, dâng mảnh thân phàm cho Đức Chí-Tôn làm ngọn cờ cứu-khổ.

“Một người, Bản-đạo thấy ban sơ có một người là Thượng-Phẩm, rồi sau lại có người này nữa: Đức Quyền Giáo-Tông Thượng-Trung-Nhứt.

Ngồi nghĩ thăm cái đức-tin gì mà lạ-lùng như thế! Giờ phút này Bản-Đạo mới hiểu hai vị Đại-Tiên ấy, nếu không như thế ấy thì chưa hề Đức Chí-Tôn đã giao-phó một sứ-mạng nặng-nề, khó-khăn để đảm-nhiệm trách-vụ gánh vác tạo dựng nền chơn-giáo của Ngài như thế này.

“Nói thật ra,

“Thưa cùng chư Chức-sắc Thiên-phong Cửu Trùng Đài Nam Nữ! Cái ngôi của Ngài tạo dựng, cái ngôi Giáo-Tông-Đường của Ngài đã ngồi trên ấy, đầu tiên hết, cái ngôi ấy nó sẽ để nơi đất Việt-Nam này một cái báu vật quý giá vô

cùng, từ thử tới giờ chưa hề có.

“Bản-Đạo ngó qua Vatican, cái Ngai của Đức Giáo Hoàng Saint Pièrre thế nào, thì Bản-Đạo có lẽ nói rằng và cũng có thể mơ-ước: cái ngai của Thượng-Trung-Nhật lưu lại nơi thế này nó sẽ trở nên thế ấy.”

Hai hình ảnh tương phản:

Phải thấy rằng hai đối cảnh mà người cùng một Đạo phải xót xa đau đớn vô cùng. Lúc bình sanh ba Đấng đầu công khi nền chính nghiêng bởi phản khắc Đạo quyền thì các Ngài bị nhục mạ, bị chửi mắng, kẻ đòi giết, người đòi trói ngoài gốc cây cao su, bỏ vào rừng cho cọp ăn. Các Ngài cũng nhẫn nhịn cho vượt qua. Nay qua rồi cái thảm cảnh kẻ tiên cáo cũng như người bị cáo, kết quả cũng đi vào cõi thiên thu. Nhưng các Ngài vẫn còn lưu lại cho nền Đạo này một tấm gương cao khiết, một hình ảnh tôn quý mà cả thế giới đều phải cúi đầu trước một kỳ công rạng rỡ với bước Đạo thăng tiến như ngày nay. Nơi cõi Thiên, các Ngài trở lại phẩm cũ ngôi xưa là hình ảnh của Bát Tiên. Hào quang đạo pháp đã toả sáng đến muôn triệu chơn linh mà các Ngài đương lo độ rỗi. Dù hữu hình hay vô vi các Ngài cũng vẫn là những ngôi sao sáng. Trái lại dù khi còn ở thế gian, còn mang xác hình nhục thể dù ai có làm khổ, làm khó các Ngài, vậy mà khi về cõi hư vô rồi thấy cảnh khổ đau đớn tội tình của bất cứ một chơn linh nào, các Ngài vẫn đứng ra cầu xin, độ rỗi, không có người thù.

Hãy theo dõi qua Đàn Cơ của các Đấng về báo:



Phò loan: Sĩ tài Hiên và Kiệt.

Thánh Thất Chợt-lớn, ngày 7-6 Bính Tý (24-7-1936)

Lão chào hai em

...Victor- Hugo

...Lão kính lời thăm Đức Hộ-Pháp, Lão mừng cho Ngài đủ mưu thủ thắng kế hể của Tương kỳ này. Cười!..

Ôi! Thương cho xác của Trang đã cứng đờ trong hòm mà phải bị hành tội giữa chúng sanh trước khi vào nằm nơi Thánh Địa. Mấy em thấy hình phạt tại thế chưa hử? Ấy là đồ đa! Nếu không vậy về luật Thiên điều làm sao chịu cho thấu, Em!

Lão tức cười quá. Người làm sao mà lý đến thế? Non nước này mà người ta chưa lột lớp hể, còn mang râu giễu giượng, rồi đây thương hại giùm cho người giữa đám dêu-hêu còn ngủ gục kia mới dở chúng nó cách nào cho yên. Mấy em nè! ...”



Phò loan: Hộ-Pháp Tiếp Đạo

Hộ-Pháp Đường, le 2è Juillet 1936 (10-6- Bính Tuất)

CAO THƯỢNG PHẨM

Chào chư vị Hiên huynh, Hiên hữu.

Cười...Hộ-Pháp xin nghe!

Rộn rục tuồng đời vẫn bấy nhiêu,

Công danh quyền tước ngược Thiên Điều.

Cái trung tâm trước quan chưa vẹn,

Nội Đạo tánh xưa lý chẳng nhiều.

Cầm đuốc soi lòng vừa phụ nữ,

Ôm hồ nhân dạ bỏ nghề Nghiêu.

Thanh đao bầu phép không ăn nhịp,

Tỷ giống ông Tương với Á Kiều.

Họ nghịch với nhau thấy họ, can chi mình mà phỏng vấn.

Qua ..Ừ, mà giờ này Anh Trung đương mang bầu xuống Âm-quang đăng giục tỉnh Anh Trang, còn đương say mùi trong ảo mộng. Cười...

Ba phát quạt của Qua quạt một đường, anh Trang bay một ngã. Qua bị Bát Nương kiêu ngạo quá chừng, ai đời Chơn thần người tu mà nặng quá hủ lô nhà máy.

Thôi, để cho Anh Lớn tính sao thì tính, họ có ăn thua với nhau thì biết thế nào mở húi. Cười..

Anh Trung coi bộ râu cháy ruột. Để Anh vẽ Qua biểu đến thăm em. Thôi Qua kiêu. Thăng.



Phò loan: Hộ-Pháp Tiếp Đạo

Phạm nghiệp ngày 11-6 Bính Tý (28-7-1936)

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Chào mấy Em,

Thượng-Phẩm nói với Qua rằng mấy Em đợi.

Ôi! Qua nghĩ lại quá tức mình, mấy em nghĩ mà coi một kiếp sanh đâu có mấy lát, cái giả cuộc trần hoàn tuy

xem như nháy mắt mà ảnh hưởng nó sâu sắc biết là bao. Nào là danh, nào vị, nào là tước, nào là quyền, nào vinh, nào trọng, rốt sự thì không còn mấy mún giá trị chút gì nơi cõi Hư linh Hằng sống. Bất quá như coi vui đăng dự một tiệc ngon ngọt của khách phong trần, say sưa một lát mà đòi phen chịu thảm cả đời.

Qua đến viếng Trang nơi Lạc-Hồn-Trì thấy nó nằm mê-man sáng sốt đau lòng hết sức, như lời Thất Nương và Bát Nương làm chứng, thì dầu cho Qua có đến gần nó lúc này cũng không bổ ích chút nào cả.

Phải đợi cho nó từ từ định tỉnh may ra có tay Thất Nương giải mộng, thỉnh thoảng định tỉnh tâm thần, nếu Qua cưỡng cầu thì chẳng khác nào hầu chuyện với một người điên, chọc thêm loạn trí.

Tám! Em nên thường phò loan đăng Qua truyền tin Trang cho Em hiểu, ấy là một điều mấy Em nên học hiểu. Khi này Qua thấy Em có khách nhiều thì phải?



Phò loan: Hộ-Pháp Tiếp Đạo

Hộ-Pháp-Đường, 10-9- Bính Tý (1c 24-10-1936)

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Ê, Hộ-Pháp: Em hỏi Qua việc chú Trang, Qua lại nhắc em điều này: khi nọ em có nguyện với Đức Chí-Tôn rằng: Ngày nào có bệnh tà quái cầu tằng mặt em thì em hành pháp lại y như trước...

Đức Hộ-Pháp bạch: Thôi, em nhớ lại rồi.

Nhớ hả?

Còn vụ Trang hôm đầu tháng tám và vừa tỉnh giấc mê hồn, giục chạy trốn đi đâu không biết. Qua và Thất Nương đương kiếm.

Hồi trưa này đến xin Hộ-Pháp vào cho thấy mặt tôi, đừng câu ân xá mà mở miệng ú-ớ, bị “toa” đập chạy nữa, bây giờ không biết đi đâu, Qua thấy thê thảm quá. Nếu Qua và Thất Nương kiếm không được đem về, sợ lưu linh bấy bạ rồi chư Thần bắt cột tại Phược-trục-cung giam như tù tội.

Em Hộ-Pháp khi gặp bắt nhốt giùm Qua, rồi kêu Qua đến dều dẫn kéo tội nghiệp.

Ôi! Cậu Tương cũng sẽ như vậy nữa mà chớ; Qua xin linh Ngọc-Hư tha thứ nhưng không được, vì chưa có lời Em, nên Qua lo sợ quá sức.

Mấy em khá gắng giữ mình, đừng thất thệ với Chí Tôn: Khó lắm! Khó lắm!



Ông Cử Đa giảng cơ nói:

Đối với những người Chi phái:

... “Bản tể lãnh lĩnh gìn giữ các vị ấy để chờ ngày giải quả tiền khiên, rồi để lần hồi đem về cửa Đạo, nào dè Đức Lý Giáo-Tông ra Đạo Nghị Định thứ 8 làm cho các Chi phái không thể hồi phục, lại gây thêm lắm tội tình, ấy cũng vì nghiệt căn chưa mãn.

Nay nhờ Quyền Vạn linh ân xá thì còn vớt lại phân nửa, nhưng phải chịu trải qua nhiều cơn thử thách mới

đáng cho vào hàng Môn đệ của Chí Tôn, còn các vị đầu đảng thì không phương phục hồi, bởi nặng mang nghiệp chướng, chỉ có đợi ngày chung cuộc ăn năn bằng khối linh hồn may được gởi xác phàm nơi cửa Đạo, còn lại một phần là con cái của Ma vương. Kết cuộc thì con Phật, con Ma, hai đường phân biệt.

Đây lời nói việc Thất Sơn buổi sau này là để làm nghĩa địa cho con cái của lũ Ma vương, mà cũng để lập nơi cho các bậc chơn tu buổi hậu lai đắc đạo.

Có mấy lời tỏ việc các Chi phái là bởi nguyên do, còn quốc sự thì chư Thiên mạng đã lăm tưởng chung thỉ. Xin chào chư Thiên mạng. THẮNG.

LỜI THÁNH GIÁO NÓI VỀ CHI PHÁI

NỖ LÒNG TỪ PHỤ

TRƯỚC TÌNH TRẠNG CHIA PHÂN

Phò loan: Hộ-Pháp Thượng-Phẩm

Tháng giêng Tân Mùi

Thầy, Các con.

Cười! ..Đáng kiếp cho bấy lắm hứ! con thì đứa trắng, đứa đen, lại bị Tà quyền xung đột thì cũng tại nơi các con chẳng biết vâng lời Thầy dạy dỗ, mà cũng chẳng dạ thương Thầy mới ra thế ấy. Tiếc thay hơn năm chầy Thầy để hết gang tấc đem Thánh đức mà nhồi nắn các con, nay cũng còn thấy dưới mắt Thầy một cái thảm trạng thường tình gây cuộc này.

Các con ôi! Ai thì chẳng biết các con chớ Thầy đây há không thấu đáo đáng hay sao? Thầy hằng tiên tri trước

rằng: Thấy lập một trường thử thách mà lập ngôi vị Thiêng liêng cho mỗi đứa con ra đáng giá. Cái vui và cái buồn của các con chẳng còn giống như thế tình thấy. Thấy cây kẻ trau giới Thánh đức của các con đến đôi phải đem ra trao đổi tội tình, làm phước hạnh cho kẻ hung bạo hiệp đáp các con, Thấy tưởng khi là quá trí của các con, mà cũng quá trí Thấy đây nữa mà chớ!

Cười!... Vàng thau lẫn lộn, phải cây lửa trui phân, Thấy đã đến nơi cảnh tục trần này mà đem các con ra khỏi vòng tội đòi xác thịt, đồng thể với Quỷ nhân và Hoá nhân, thì chính mình Thấy đây còn bị nhiễm nhấm khí trước thay, huống lựa là các con!

Các con trước than Thấy đã than trước; các con trước khóc Thấy đã khóc trước rồi, ấy cái oan gia Thấy hỏi ai đào tạo? Thấy xin nói cho Thấy nghe?

Lũ con hoang, hễ ra khỏi nhà thì toan gây tội, oan nghiệt, căn nghiệp là do tại nơi các con, chớ không phải của Thấy dành để, vay trả phải cho rồi mới đáng qui hồi cựu vị, hiểu không con Thơ?

– Trung, Thấy chỉ trách con một điều là Thấy đã nương cây thi hài hữu hình tay con, dặng dùi dặt con cái Thấy, tức là em của con, Thấy chẳng nệ Thơ kém đạo tâm, để cho con hưởng đủ mùi sang giàu vinh hiển, dặng cho con lịch lãm thế tình hầu cây con nung niu dạy dỗ các em con tận thức hơn tâm, mà chỉ có mấy đứa em mà không thông tâm chí, để đến đôi khi lĩnh mà mang tội Thiêng liêng rất nên tội nghiệp vậy con?

– Thượng Trung Nhựt bạch...

– Thấy không phải cấm dùng roi dùng vọt, nhưng

chỉnh cây con phải biết tùy thế tùy thời. Thằng Thơ nó ngộ nghịch với con là tại nơi con tập nó. Thấy đã nói với con rằng: Thấy gởi gắm nó cho con, con còn nhớ à?

– Thượng Trung Nhựt bạch...

– Nó khóc, nó kể bao nhiêu thì càng giục Thấy tái kiếp tạo thành thể Đạo. Thấy hỏi vậy chớ sự trông thấy của Thấy nơi các con là sự gì nói hử?

– Thượng Trung Nhựt bạch...

– Ủ, con há! Thấy nói một chữ, rồi bố trí cho con hiểu một mình chữ này nghe con “Tùy”!

– Tương, Thấy đã có dặn con từ trước mà ngăn ngại nổi gì? Thấy vì loạn lạc gian ác, các con giết lẫn nhau nên đến mà tạo Đạo cứu chúng sanh, duy có một điều ước vọng là các con cả thấy đều hoà thuận cùng nhau ấy là cơ giải hoà toàn thế giới.

Con đã rõ thấu chơn lý Đạo Thấy, con lại sợ chi mà không từ quan hành Đạo. Con nên cho chánh phủ hiểu rằng: Trong cơn ly loạn này, hoặc con nên hữu dụng cho cả lương quốc Pháp Nam ra giáo dân qui thiện, hoặc là vô dụng mà làm một quan viên chức tước thường, rồi biểu cân thử hai lẽ trọng khinh mà định liệu.

Cười!... Còn con đừng sợ chúng nó để dạ hồ nghi, con lại để trao phần chúng nó định, thì Thấy nói trước rằng: Thấy sẽ biểu chúng nó định lẽ nào cho danh con nên cao trọng, còn cả sự chi để cho Thấy. Đạo có hư mới có nên, ấy là cơ nhối nắn các con cho nên đạo hạnh, con đừng ưu tư phiền muộn, Thấy nói cùng đi nữa, dầu kẻ tội hơn phải còn sa đắm trầm luân khổ hải một đôi trăm kiếp đi nữa cũng còn có thuở níu dặng tay Thấy, con an tâm lo việc Đạo

Thái-Bạch đổ tội cho con vì muốn lập HỘI NHƠN SANH mới gây cơ loạn lạc ấy.

Trang, con cứ thi hành phận sự, ấy là phương thế của Thầy cứu vớt tội tình đó. Con cũng vậy, Thầy dặn con dụng oai-quyền mà lập nên thể Đạo, nhưng chẳng nên xao lãng tâm từ, con hiểu riêng Thầy không nên hết tiếng.

Thơ, Con! Con! Con! Con có nhiệt dạ thương Thầy thì nên cho Thầy xin những điều này nghe: bớt tánh nóng, đừng lấy đường, con nên liệu phương tuýn như trí luật định, nếu con biết tôn trọng phẩm vị của con. Hễ con biết phạm thì ai ai cũng phạm, huống chi chính tay con đặt viết lập Luật cho đời mà con còn phạm thì ai kia không phạm, con nhớ không con?

Thầy cảm lòng con thương tưởng Thầy, song còn tiếc một điều là con không biết ý Thầy, con giận lấy. Thầy hỏi ai ra gánh vác lập thành thể Đạo hử?

Con phải giúp em con là Hương Thanh, rằm này khởi tạo Toà Thánh, kéo Thái Bạch quở phạt thì con chịu đa nghe! Cười!...

Hương Thanh! Con tưởng vậy là đủ. Nhưng chưa! Cười! Thầy ban ơn cho các con. Thặng.



Ngày 21 tháng giêng năm Kỷ Tỵ (02-Mars 1929)

Thầy, các con.

Tắc, Thầy viết chậm chậm cho con đọc.

Tắc, Con truyền Thần vũng vàng dặng đồ bớt cho

Anh con, nghe!

Cứ, Thầy viết chậm chậm cho con đọc.

Ôi! Nếu các con trước biết thương yêu nhau đường này thì có đâu ra đến mang tội Ngọc-Hư, bị nạn quỷ khảo. Thầy đã đôi phen dạy-dỗ, các con chẳng chút đoái lời, đùa trắng, đùa đen, mất tình hoà khí.

Một khối đức tin Thầy nhọc công nhồi nắn đã rã-rời ra. Thầy tưởng chẳng cần nói các con cũng hiểu rõ sự đau thảm của thầy đường nào! Thì cũng vì các con mà Ngọc Hư Cung náo động. Nổi Bảo-Đạo kiện thừa, nổi Diêu-Trì binh vực. Kẻ thì trách Thầy quá yêu tha thứ, kẻ trách Thầy rộng mở Chơn-truyền. Thầy đứng giữa một mình đôi vai nghiêng gánh vác, Thầy chỉ mong một điều dù phải thế nào, xin miễn Thánh đức các con đừng vẹn giữ thì là thoả nguyện.

Thầy đoái lại thì Thầy chỉ thấy các con quên Thầy mà thôi. Tội nghiệp cho cái thân già này cầm quyền Thế giới Càn Khôn mà làm gì! Đến đôi có một nắm tay con cái dặt dìu chưa đủ sức, lại phải chịu cho nó phụ rầy phản loạn lại thế nào! Thầy lại buộc phải nhìn nhận lại các điều phân định của Ngọc-Hư-Cung giữa Đại Hội, rồi đây Thầy phải giáng Cơ dặng chịu tội trước mặt nhơn sanh nữa, then thùng, nhục nhã ấy vì đâu?

Thì cũng vì thương các con đó! Nếu Thầy có xác thật như các con, thì biết bao phen Thầy đã ném cây Càn Thiêng liêng và bút đứt trái tim yêu dấu của Thầy mà quăng đi luôn thể. Thầy chẳng nỡ nói nhiều, cực vì phải dạy nên cặn tỏ tấm tình, các con nên thương Thầy và hằng tưởng đến danh Đạo mà giữ-gìn tánh đức Thầy đã lập ngôi các con rồi, các con cũng nên gắng chí giúp Thầy lập vị cho các con luôn thể. Thầy thấy Diêu-Trì-Cung theo xem sóc các con

Thầy thêm an dạ.

CU, TẮC, hai con đánh giấy thép cho Trung hay và kêu mấy em Hiệp-Thiên-Đài cho đủ mặt, ngày 27 An nam Thầy giảng dạy việc, nghe!

Cười!...Thầy không thể ở lâu dạy riêng từ đứa, các con đừng phiền nghe!

Thầy ban ơn cho các con. Thăng.



Le 23 Octobre 1934,

Thầy, các con

Tương, đáng lẽ những lời Thầy đã dạy mấy con nơi Hiệp-Thiên-Đài tại Thánh-địa đủ cho các con dùng dạy chung trí lo với nhau mà chấn chỉnh nền Đạo.

Thầy buồn lòng trông thấy các con rời-rã, cũng tranh đấu, phân-phui, rớt cuộc thì các con vẫn đều nêu trò chơi, trò cười; không đứa nào tránh khỏi, mà chúng sanh phải chơi với giữa bến khổ sông mê, không người dìu-dắt.

Các con đứa tranh quyền, đứa dục lợi, đứa buôn oán, đứa xu hờn; rồi thì lo bên mưu thần, bên bày chước khéo mà đánh đổ lẫn nhau làm cho nền Tín-ngưỡng đã un đúc bấy lâu, nay đã từ từ ngã xiêu và sập đổ nát.

Con ôi! Phải quấy mà làm gì?

Thầy đứng giữa một địa vị của ông Cha đương dòm ngó lũ con cường ngạnh, xung đột mà dành tiếng vô-vi của trò đời. Quấy cũng là con, phải cũng con. Thầy đổ luy mà khuyên các con một chữ HOÀ, quên cả sự cừu hờn riêng mà

lo nhau đến cùng Thầy, mà rốt lại Thầy cũng đành tuyệt vọng với những tâm phàm trí tục. Chớ chi trong mấy đứa Thầy đã dạy, có một đứa biết lo Hoà, thì tôn chỉ của Đạo chẳng ra đến nỗi ấy.

Các con đã tự tung tự tác, Thầy chỉ buồn lòng mà coi Lý-Bạch kêu vào nơi Thiên-diệu. Ngày giờ ấy cũng chẳng xa. Nhưng nếu đứa nào khôn được giữ từ tâm, bác ái và nổi được chữ hoà trước ngày về cùng Thầy thì hoạ may mới còn trông ngời cứu vớt. Các con chẳng khứng dung chế cho nhau, thì nền Đạo phải còn lắm chinh nghiêng, chúng sanh còn lắm huyên đảo.

Công trình của con đã khởi xướng, nếu may mà được về vô tư và trong ngoài thì có lẽ cũng bổ ích cho nền Đạo, nhưng nên nhớ nếu mà sái với Tôn chỉ hiệp nhứt và tự mình muốn chia rẽ thì luật Thiên Thơ không dung chế được.

Các con mỗi đứa tự mở một con đường thì Thầy vẫn không thể vui trông sự phân chia, nên hay là hủ, phải hay là quấy. Thầy chỉ để cho tâm các con định lấy, tâm cứng-cỏi, Đạo điều-hoà thì cứ bước tới Thầy; tâm trí bất định, đạo hạnh không hoàn toàn thì con đường hám lợi xu danh tới hang sâu vực thẳm đó. Vì sức các con đã rã-rời thì tài nào níu kéo, đỡ nâng khuyên nhủ nhau được. Con đường vô tư để tìm cứu khổ cho chúng sanh là con đường đạo đức, ngọn đèn thiêng liêng sẽ chiếu soi tỏ bước của các con, khác với con đường ấy là con đường của Quỷ Vương đem vậy.

Nên nhớ mấy lời Thầy, chẳng phải đọc sơ qua mà coi làm chơi, cần chiêm nghiệm kỹ lưỡng mà hiểu nghe!

Hại thay! Đã nhiều lần các con chẳng hiểu ý. Thầy cũng đau lòng mà thấy các con đi sái bước, nhưng than ôi! Cơ thử thách chỉ dùng với những đứa tâm phàm lẫn chất Thánh.



Đoàn kết thì sống chia rẽ là chết:

Câu thi:

“Rốt cuộc cành khô cùng lá héo,

“Còn gì tươi tốt để con coi.

Theo bài thi trên đây, lúc đầu có một vài Chi phái bông trái sum suê, còn một vài Chi phái thì còi cọc, nhưng rốt cuộc rồi thì dầu sum suê hay còi cọc đều bị tàn tạ dần, rồi sẽ mất hẳn. Đức Chí Tôn như ngầm nói rằng vấn đề qui hiệp là sống còn, còn không chịu qui hiệp thì dần dần suy tàn rồi mất hẳn.

Người tín đồ Cao Đài hôm nay phải tự nhận thức rằng, chỉ có con đường duy nhất để tự cứu lấy mình, cứu lấy linh hồn mình là tự giác trở về với nguồn cội Đạo để lập công quả, hoặc là bên Cửu Trùng Đài, hoặc là bên Hiệp-Thiên-Đài. Đức Chí Tôn chưa cho phép mở Tịnh Thất và chưa ban cho pháp môn luyện đạo, bởi vì kỳ thi chung kết sắp mở trong Đại ân xá của Chí Tôn là môn thi CÔNG QUẢ và chỉ thi môn này mà thôi.

Đức Chí Tôn có lời dạy:

“Thấy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên đạo. Vậy đặc đạo cùng chẳng tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn. Thấy nói cho các con nghe, nếu chẳng đi đến trường Thấy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đặc đạo bao giờ”.

Cho nên nếu cứ lo luyện đạo mà không lo công quả thì tới kỳ thi chung kết này, e phải đứng ngoài trường thi,

chịu thiệt thòi thì mất cơ hội tiến hoá.

Trong kỳ Đại Hội Nhơn Sanh năm Giáp Dần (1974) tại Tòa Thánh Tây Ninh, vị Chức sắc đại diện Lại Viện Cửu Trùng Đài báo cáo trước các Nghị viên và Phái viên nhơn sanh, số Chi phái Cao Đài bằng lòng qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh như sau:

“Tổng số 36 Chi phái Cao Đài, đã có 10 Chi phái chịu qui nhứt về Tòa Thánh Tây Ninh như:

- 1- Hội Thánh Truyền giáo Trung Việt.*
- 2- Phái đoàn Cao Đài Chiêu Minh.*
- 3- Hội Thánh Trung Ương Trung Việt (Tam Quan).*
- 4- Hội Thánh Cao Đài Thượng Đế (Chiếu Minh Đán).*
- 5- Phái đoàn Hội Thánh Tiền giang.*
- 6- Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý*
- 7- Hội Thánh Hậu giang Minh Chơn Lý.*
- 8- Cao Đài Cứu Thế Thiện Huyết Lâm Huyền Châu.*
- 9- Giáo Hội Cao Đài Thống nhứt.”*

Qua bài Thánh giáo sau đây của Đức Phạm Hộ-Pháp giảng cơ ngày 1-4-Kỷ Dậu (dl 16-5-1969) in trong Thánh Giáo Sưu Tập của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt-Nam trang 161:

“Công quả khai Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ có thể nói là Bản đạo đã đóng góp được hai phần ba công quả ấy, nhưng buồn vì nước nhà chủ quyền không được bảo đảm kể từ thuở Khai Đạo, các đàn anh cũng vì lẽ ấy bị chi phối rất nhiều.

Từ chỗ vị kỷ, vị danh, vị lợi, cũng như tự ái, tự đại, tự tôn, nên đã gây ra cảnh chia ly phân tán, đã để lại một gánh nặng cho đoàn hướng đạo ở hậu sanh. Đó là điều đáng buồn

và cũng là kinh nghiệm quý giá cho đàn em trong mai hậu.

Nếu mình mỗi người biết đặt đạo lý Chí Tôn, quyền pháp và nhân sinh lên trên hết và tự trọng tự ái vì danh dự của quốc gia dân tộc và Đạo-pháp thì không có kẻ hở nào để bạo quyền chuyên chế, ngoại nhập khuynh đảo dễ rẽ chia.

Vết xe trước đã sụp đổ, đoàn xe sau nên tránh. Kể ra đàn anh chịu phần trách nhiệm rất lớn trong sự mạng. Chính vì thế mà trong hàng tiền bối, người nào không làm đúng Thiên ý thì sẽ bị triệu hồi để đảm nhận phần vụ khác. Tuy về non Tiên, Phật cảnh, nhưng chưa được hưởng ngôi vị của mình, phải còn có nhiệm vụ đến khi nào mục đích của Chí Tôn Khai Đạo được hoàn thành, các hàng tiền bối ấy sẽ tùy công đức mà định vị.”

Các Tôn-giáo từ xưa đến giờ, hầu như cái cảnh phân chia không tránh khỏi, phân chia rồi kích bác nhau, hậu quả là đám Môn-đệ cũng noi gương ấy mà có một sự cách biệt nhau, hiềm nhau gây nên một sự rạn nứt không nhỏ. Đau lòng trước nhất là Đức Thượng-Đế.

Những bậc ưu thời mãn thế để tâm nghiên-cứu nguyên-thủy sự bất hòa do đâu mà sản xuất?

– Thì dạng thấy hiển nhiên rằng tại lòng người còn thiếu phần đạo-đức.

– Những Tôn-giáo đương thời hoặc bị Luật buộc ràng vào Tôn-chỉ hẹp-hòi hay là bị triết-lý oai-nghiêm mà làm cho phân chia tâm lý nên không thể dung hòa dạng mà làm môi giới Đại-Đồng Thiên hạ. Tình cảnh Tôn-giáo là vấn đề trọng yếu của nhà hiền triết Á Âu buổi nay.

– Ôi! Những hạng trí thức này xem dạng con đường nguy-hiểm của Văn-minh duy vật dong ruổi thẳng tới chông

nào thì lại còn âu lo khủng khiếp cho tương lai nhân loại buổi sau kia.

Đời chẳng khác nào như chiếc thuyền tình chịu sóng gió ba đào, linh đình khổ hải, những khách giang hồ của Tạo công đi lại sao chẳng pháp-phông rơi châu ngọc trong cơn khổ não tâm hồn. (16-10-Quý-Dậu 1933)

Trước tình cảnh của nhơn sanh như thế, người có trách nhiệm cũng lo ngại cho tương lai của nền Đại-Đạo.

Đức Hộ-Pháp nói:

“Có lần Bản-Đạo nghe lời Đức Lý thì Đại-Từ-Phụ thất vọng, thấy tội nghiệp Đại-Từ-Phụ quá đỗi. Đức Đại-Từ-Phụ tính không thể gì bảo trọng mấy đứa kia được, biết Đức LÝ nhứt định đuổi những kẻ tà tâm ra khỏi nền Tôn giáo. Đại-Từ-Phụ biết không thể gì không biến sanh Chi phái, nếu nảy sanh Chi phái rồi thì không phương cứu vãng và trị loạn được, thì nền Chánh-giáo của Đức Chí Tôn không có giá trị gì hết”

Ai đã gây ra Phe phái hãy nghe Thầy để lời than:

“Nếu Thầy biết các con nhẹ tính thì thế nào cũng chẳng chịu, lại để lời tiên-tri mà dấn trước, nào dè Thánh ngôn các con không đọc, lời Thầy nói cũng như không mới ra tội-lỗi, các con phạm thượng thế ấy.

Vậy từ đây quyền thưởng phạt đã giao vào tay Lý Thái-Bạch các con chịu lấy... Cả Môn-đệ Thầy duy có biết một chữ không biết hai, kẻ nào cứu tâm CHIA PHE PHÂN PHÁI là đứa thù nghịch của Thầy. Con hiểu à?

Con biết rằng: Thầy hằng dặn cả Môn-đệ, nhứt nhứt sự chi cũng phải đợi lệnh Thầy” (TNI/57)

Đức Hộ-Pháp cũng đã dạy phân rằng:

“Thế Đạo của Chí-Tôn cũng phải nương chữ Hòa mới toan thành lập, Chí-Tôn định thành Hội-Thánh đặng thay thế hình ảnh của Người, thì cũng từng theo phép Tạo hóa cá nhân mà gây nên ảnh tượng:

- Cửu-Trùng-Đài là thi hài ấy là TINH.
- Hiệp-Thiên-Đài là Chơn-thần ấy là KHÍ.
- Bát-quái-Đài là Linh-hồn ấy là THẦN.

Nếu cả ba mà không tương hiệp, thì khó mong thành Đạo cho đặng.

Nếu có một quyền-hành nào tại thế này mà làm cho thân thể Chí-Tôn phải chia phui manh-mún ra đặng, thì là Đạo Ta là giả Đạo, tất nó phải tiêu diệt trong một phút ngắn-ngủi chi đây.

Còn như quả là Chí-Tôn vì Thương yêu con cái của Người, chính mình đến lập Đạo đặng giải thoát cho chúng sanh thì những mưu chước của Tà quyền ngăn cản bước Đạo của Thầy khó mong nghịch mạng với Chí-Tôn, ắt là không mong bền vững.

Hại thay, cho những kẻ vô phần toan PHÂN PHÁI CHIA PHE làm cho xác Chí-Tôn phải tan tành rời-rã!

Khổ thay cho những kẻ không duyên CHỐI THÁNH-GLÁO, nghịch chơn truyền làm cho Chơn thần của Chí-Tôn phải ô-uế để hèn muốn toan bỏ xác!

Đau-dớn thay cho những kẻ ấy!

Thê-thảm thay cho những kẻ ấy! Dám để tay vào mà tàn hại Chí-Tôn, cái tội-tình ấy lớn lao bao nã?! Coi lại gương Juda bán Đức Chúa Jésus-Christ còn nhẹ. Vì Juda ham ba chục ngươn bạc đặng nuôi Môn-đệ của Người mà bán Ngài, còn những kẻ này đây duy háo danh mà phản Đạo!

Chí-Tôn đã đến thế hạ mình đặng làm Thầy dạy-dỗ chúng ta, hằng trông mong giờ nào chúng ta biết hoà hiệp nơi lòng bác-ái, từ tâm của Người, là hiệp Một cùng Người, mới có đủ quyền-hành độ tận chúng sanh qui hồi cứu vị, mà đã sáu năm chầy rồi, thân thể hơi còn rời-rã, ngắt-ngờ, Chơn-thần hơi còn dật-dờ mê-muội, thì thế nào các Đấng Thiêng-liêng hiệp một cùng Đời cho đặng, hầu mong sửa cải Thiên-thơ, tụ hội các nguyên-nhân đem về trong cửa Đạo?

Vì năm Đạo phân chia cho nên nhưn tâm bất nhất, Chí-Tôn đến đặng hiệp lại một nhà, ước cho con cái của Người biết Thương-yêu hòa thuận” (Pháp-Chánh-Truyền)

KẾT LUẬN

Thầy giảng Cơ cho thi vào đêm 24 Décembre 1925 lấy tên 12 Môn đệ đầu tiên làm kỷ niệm:

CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn **HOÀI** sanh,
BẢN đạo khai **SANG QUÍ GIẢNG** thành.
HẬU ĐỨC TẮC CỬ thiên địa cảnh,
HUỒN MINH MÂN đảo thủ đài danh.

Trong số 12 chữ lớn là tên 12 Môn đệ đầu tiên của Thầy nhưng vì có trùng hai tên Sang, nên thực tế là 13. Qua ngày Khai Đạo rằm tháng 10 năm Bính Dần thì ông Ngô văn Chiêu đã tách ra thì cũng còn lại đủ số 12.

Trong số 12 Môn-đệ đầu tiên thì có ba vị là:

- Ông Cao-Quỳnh-Cư (tuổi Mậu-Tý 1888)
- Ông Cao-Hoài-Sang (tuổi Tân-Sửu 1901)
- Ông Phạm-Công-Tắc (tuổi Canh-Dần 1890)

Tức nhiên có 3 vị đứng đầu 12 chi là Tý, Sửu, Dần.

Như thế thì Số 12 là số đặc-biệt của Thầy, tức là $9+3=12$; 9 là cơ vận-chuyển, 3 là ba ngôi. Lấy 3 ngôi hiệp vào cơ vận-chuyển tức là cơ qui nhứt, nắm cả các pháp trong tay, mà người nắm pháp ấy là chủ-tể càn-khôn vũ trụ, nên Thầy có nói số 12 là số riêng của Thầy là vậy.

Số 12 nếu tính theo hàng ngang thì số 1 đứng trước số 2, tức là lý Thái-cực đứng trước luật Âm Dương thì thấy rõ quyền-năng Chương-quản trong đó. Thế nên Thầy nói chi chi cũng có luật-định hết thảy, không chi ngoài quyền sở định của tạo-hóa hết. Nhưng luật công bình có hai phần: một Âm, một Dương biến động, dù ngay trong luật định cũng có, hễ có mâu-thuẫn tương-quan là có biến sanh.

Hết vòng biến đổi mới trở lại trạng-thái đầu tiên là 1, rồi từ 1 lại trở lại trạng-thái Hư-vô, nên người tu đắc nhứt qui cơ là thành Đạo, nghĩa là hiệp cùng lý Thái-cực để trở lại trạng-thái tĩnh lặng nhiệm-mầu trong lý Hư-vô.

Trong lý Hư-vô phát sanh một Thái-cực. Thái-cực biến hóa ba ngôi. Mỗi 3 ngôi lại biến thành cửu chuyển.

Ba ngôi ấy biến sanh là Đạo, Pháp và Thế đó (tức là ba ông Cự, Tắc, Sang). Tức nhiên:

- **Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc Chương quản chi Pháp**
- **Thượng-Phẩm Cao Quỳnh Cư Chương quản chi Đạo**
- **Thượng-Sanh Cao hoai Sang Chương quản Chi Thế**

Thầy còn cho biết 4 người đã vào tay Chúa quí,

Nhưng sau cùng còn lại 6 người làm nên cơ Đạo.
Số 6 là do $3+3$ tức là lý tam âm tam dương đó vậy.

Hiện nay trong cửa Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ Tòa Thánh Tây-ninh chỉ thấy tên sáu vị được thường xuyên nhắc đến là:

1-Trung (Đức Quyền Giáo-Tông Lê-Văn-Trung)

2-Sang (Đức Thượng-Sanh Cao-Hoài-Sang)

3-Hậu (Ngài Bảo-Pháp Nguyễn-Trung-Hậu)

4-Đức (Ngài Hiến-Pháp Trương-Hữu-Đức)

5-Tắc (Đức Hộ-Pháp Phạm-Công-Tắc)

6-Cư (Đức Thượng-Phẩm Cao-Quỳnh-Cư)

Ngày 1-1 Đinh-Mão (dl 1-2- 1927)

Thầy giảng cơ có đề lời than:

“Trung, Cự, Tắc, mấy con nhớ đêm nay năm rồi thế nào không, còn nay ra thế nào chẳng?”

...Thầy lập Đạo năm rồi ngày này, thì Môn-đệ của Thầy chỉ có 12 đứa, mà bốn đứa đã vào tay Chúa Quí, chỉ còn lại 8. Trong tám đứa thì lại còn một đôi đứa biếng nhác mà không hành Đạo. Thầy hỏi nếu chẳng phải quyền hành Thầy, dấu cho một vị Phật thiết lớn giảng thế đi nữa cũng chưa có phương chi mà độ hơn bốn muôn sanh linh, nhờ tay có sáu đứa Môn-đệ trong một năm cho đặng bao giờ. Thầy vui mừng, Thầy khen tặng hết cả bốn muôn Môn-đệ của Thầy ..”

Mùa khai Đạo năm Mậu-Tý (2008)

Nữ Soạn-giả

NGUYỄN-THỦY

SÁCH BIỂU KHÔNG

Xin làm quà tặng đồng Đạo bốn phương

In xong: ngày Noel (24-12-2008)

Nữ Soạn-giả

NGUYỄN-THỦY

CHI PHÁI CAO ĐÀI
NỮ SOẠN-GIẢ NGUYỄN-THỦY